Bộ Kinh Liên Kết [Tương Ưng Kinh Bộ] - Quyển 2. Nhân-Duyên [Nidāna-Vagga] (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim Kha dịch)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

ii

QUYỂN 2

(Quyển Nhân-Duyên) (NIDĀNA-VAGGA)

iv

Về Bản Dịch SN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ- Đề (Bhikkhu Bodhi, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên thâm, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS. - Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh SN này có 05 QUYỂN lớn (Vagga); mỗi QUYỂN lớn được đặt tên theo tên của CHƯƠNG đầu tiên của nó. Toàn bộ kinh có 56 CHƯƠNG. Mỗi chương là đồng nghĩa với một LIÊN-KẾT (tương ưng) theo một chủ-đề chính nào đó (ví dụ: liên-kết Nhân Duyên, liên- kết Ca-Diếp, liên-kết Gia Chủ Citta...). Trong nhiều chương lại có các NHÓM kinh (vagga). Bản dịch Việt này đánh số CHƯƠNG trùng với số LIÊN-KẾT luôn.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch, và cả những phần chú thích cuối sách, trong ngoặc vuông [...] là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú giải thuộc các giảng luận (như Spk, Spk-Pṭ...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu.

- Có những số hiệu và thông tin của các kinh được TKBĐ dẫn ra trong các chú thích để chỉ ra sự trùng lặp, so sánh, đối chiếu... là theo các số hiệu của PTS (như đã giải thích trong "BẢNG VIẾT TẮT" ở cuối sách). Người dịch Việt cũng cố gắng đưa ra những số hiệu kinh tương ứng trong bản dịch P āli- Anh của TKBĐ, (như các bản dịch Việt).

- Cuối mỗi chú thích của bản dich Việt có ghi một số trong ngoặc tròn, ví dụ: (8), (241) ... , đó là số của các chú thích trong phiên bản Pāli-Anh của TKBĐ. Mục đích để cho những người đọc muốn đối chiếu chúng với những chú thích tiếng Việt.

- Một số chữ Hán-Việt đã rất quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố ý (hành), những hiện- tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), gối ngồi thiền (tọa cụ) ...

vi

+ Lời nhắn gửi của người dịch: người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!, vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Mỗi ngày dành ít thời gian đọc một liên-kết (chương) dài hay vài liên-kết ngắn, thì trong số ít ngày quý vị sẽ đọc hết bộ

kinh. Số kinh tóm-lược là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần nhìn lướt qua. Bản dịch tiếng Việt phổ thông này ai cũng có thể đọc hiểu được. Đọc qua các kinh quý vị sẽ có một cách-nhìn bao quát hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành.

- Do bộ kinh có nhiều liên-kết các chủ-đề khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ quyển nào hoặc trong một quyển đó có thể chọn những chủ-đề nào mình quan tâm để đọc trước. Ví dụ, nếu quý vị muốn đọc về các phẩm- chất để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu thì có thể đọc Liên-kết 'Nhập-Lưu', về Mục-kiền-liên thì đọc Liên-kết 'Mục-kiền-liên' … + Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. Nếu lời kinh đã tự rõ nghĩa thì không cần đọc những chú thích! Vì nếu cứ dừng lại để tra chú thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ đề của kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú thích này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào không hiểu thì nên đọc chú thích để hiểu. Nếu đã hiểu được lời kinh thì không cần phải tra cứu chú thích, vì đa phần những chú thích chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh. + Là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm và kỹ càng nhất của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy.

Nhà Bè, Mùa mưa 2018 (PL 2562) (hiệu đính và in 2020)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch SN ..... v Chương 12. Liên Kết NHÂN-DUYÊN ..... 1 NHÓM 1. NHÓM 'NHỮNG VỊ PHẬT' (Buddha-vagga) 3

1 (1) Sự Khởi Sinh Tùy Thuộc..... 3 2 (2) Phân Tích Sự Khởi Sinh Tùy Thuộc ..... 4 3 (3) Hai Đường Hướng ..... 7 4 (4) Phật Vipassī (Tỳ-bà-thi) ..... 7 5 (5) Phật Sikhī (Thi-khí)..... 8 6 (6) Phật Vessabhū (Tỳ-xá-phù) ..... 8 7 (7) Phật Kakusandha (Câu-lưu-tôn) ..... 8 8 (8) Phật Koṇāgamana (Câu-na-hàm) ..... 8 9 (9) Phật Kassapa (Ca-diếp) ..... 8 10 (10) Phật Thích-Ca, Đại Sa-Môn Cồ-Đàm 8

NHÓM 2. NHÓM 'DƯỠNG CHẤT' (Āhāra-vagga) 13

11 (1) Dưỡng Chất ..... 13 12 (2) Moḷiya Phagguna ..... 14 13 (3) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)..... 16 14 (4) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)..... 17 15 (5) Kaccānagotta ..... 18 16 (6) Người Thuyết Pháp ..... 20 17 (7) Tu Sĩ Lõa Thể Tên Ca-Diếp ..... 20 18 (8) Du Sĩ Timbaruka .....

24 19 (9) Người Trí và Người Ngu 26

viii

20 (10) Những Điều-Kiện (duyên) 28

NHÓM 3. NHÓM ‘MƯỜI NĂNG LỰC’ (Dasabala-vagga) 31

21 (1) Mười Năng Lực (1) ..... 31 22 (2) Mười Năng Lực (2) ..... 31 23 (3) Nguyên Nhân Kế Trước ..... 33 24 (4) Những Du Sĩ Khác Đạo ..... 36 25 (5) Ngài Bhūmija..... 41 26 (6) Ngài Upavāṇa ..... 45 27 (7) Những Điều-Kiện (duyên) ..... 46 28 (8) Tỳ Kheo..... 48 29 (9) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)..... 49 30 (10) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)..... 50

NHÓM 4. NHÓM ‘TỲ KHEO KALĀRA TỪ GIAI CẤP CHIẾN-SĨ’ (Kaḷāra-khattiya-vagga) 51

31 (1) Điều Ắt Xảy Ra (Hữu duyên thì hữu sinh) ..... 51 32 (2) Tỳ Kheo Kaḷāra..... 53 33 (3) Các Trường Hợp Hiểu-Biết (1) ..... 58 34 (4) Các Trường Hợp Hiểu-Biết (2) ..... 60 35 (5) Do Có Vô Minh Là Điều-Kiện (1) ..... 61 36 (6) Do Có Vô Minh Là Điều-Kiện (2) ..... 64 37 (7) Không Phải Là Của-Ta ..... 64 38 (8) Sự Cố-Ý (1) ..... 65 39 (9) Sự Cố-Ý (2) ..... 66 40 (10) Sự Cố-Ý (3) 67

NHÓM 5. NHÓM ‘GIA CHỦ’ (Gahapati-vagga) 69

41 (1) Năm Sự Thù Ghét Đáng Sợ (1) 69

ix

42 (2) Năm Sự Thù Ghét Đáng Sợ (2) ..... 72 43 (3) Khổ ..... 72 44 (4) Thế Giới ..... 73 45 (5) Ở Ñātika ..... 75 46 (6) Một Bà-la-môn ..... 76 47 (7) Bà-la-môn Jāṇussoṇi..... 77 48 (8) Một Nhà Vũ Trụ Luận..... 78 49 (9) Người Đệ Tử Thánh Thiện (1) ..... 79 50 (10) Người Đệ Tử Thánh Thiện (2) 80

NHÓM 6. NHÓM KHỔ (Dukkha-vagga)..... 81

51 (1) Sự Điều Tra Thấu Suốt ..... 81 52 (2) Sự Dính Chấp ..... 85 53 (3) Những Gông Cùm (1) ..... 86 54 (4) Những Gông Cùm (2) ..... 87 55 (5) Cây Lớn (1) ..... 87 56 (6) Cây Lớn (2) ..... 88 57 (7) Cây Non ..... 89 58 (8) Phần Danh-Sắc ..... 90 59 (9) Thức ..... 91 60 (10) Nhân Duyên 92

NHÓM 7. ‘NHÓM LỚN’ (Mahā-vagga)..... 94

61 (1) Người Phàm Phu Không Được Chỉ Dạy (1) ..... 94 62 (2) Người Phàm Phu Không Được Chỉ Dạy (2) ..... 96 63 (3) Thịt Của Người Con ..... 97 64 (4) Nếu Có Tham Dục .....100 65 (5) Kinh Thành 102

66 (6) Sự Khám Phá .....105 67 (7) Bó Cây Sậy .....110 68 (8) Kosambī .....113 69 (9) Sự Dâng Trào .....116 70 (10) Susīma 116

NHÓM 8. ‘NHÓM CÁC TU SĨ & BÀ-LA-MÔN’ (Samaṇabrāhmaṇa-vagga) 126

71 (1) Sự Già-Chết .....126 72 (2) 81 (11) Sự Sinh.....126

NHÓM 9. ‘NHÓM GỘP LẠI & TÓM LƯỢC’ (Antara- peyyāla-vagga) 128

82 (1) Một Vị Thầy .....128 83 (2) Sự Tu Tập.....128 84 (3) 93 (12) Sự Phấn Đấu... 128

Chương 13. Liên Kết SỰ ĐỘT-PHÁ ..... 131 1 Móng Tay .....133 2 Hồ Nước .....133 3 Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (1) .....134 4 Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (2) .....135 5 Trái Đất (1) .....135 6 Trái Đất (2) .....136 7 Đại Dương (1).....137 8 Đại Dương

(2).....137 9 Núi
(1).....138 10 Núi
(2).....138 11 Núi
(3).....139

xi

Chương 14. Liên Kết CÁC YẾU-TỐ ..... 141 NHÓM 1. ‘NHÓM SỰ ĐA-DẠNG’ (Nānatta-vagga) 143

1 (1) Nhiều Loại Yếu-Tố .....143 2 (2) Nhiều Loại Tiếp-Xúc .....143 3 (3) Không Tùy Thuộc Các Loại Tiếp-Xúc (ngược lại thì không) .....144 4 (4) Nhiều Loại Cảm-Giác (1) .....144 5 (5) Nhiều Loại Cảm-Giác (2) .....145 6 (6) Nhiều Loại Yếu-Tố Bên Ngoài .....146 7 (7) Nhiều Loại Nhận-Thức .....147 8 (8) Không Tùy Thuộc Các Loại Tìm-Cầu... (ngược lại thì không) ..... 148 9 (9) Nhiều Loại Tiếp-Xúc Bên Ngoài .....149 10 (10) Nhiều Loại Tiếp-Xúc Bên Ngoài (2) (ngược lại thì không) 151

NHÓM 2. ‘NHÓM THỨ HAI’ (Dutiya-vagga)..... 153

11 (1) Bảy Yếu-Tố.....153 12 (2) Có Một Nhân .....154 13 (3) Hội Trường Gạch .....156 14 (4) Tính Khí Thấp Kém .....158 15 (5) Đi Tới Đi Lui.....158 16 (6) Có Thêm Bài Kệ .....160 17 (7) Thiếu Niềm-Tin... .....162 18 (8) Bắt Rễ Từ Những Người Thiếu Niềm-Tin.....162 19 (9) Bắt Rễ Từ Những Người Không Biết Xấu-Hổ 163

xii

20 (10) Bắt Rễ Từ Những Người Không Sợ-Hãi Việc Làm Sai Trái .....164 21 (11) Bắt Rễ Từ Những Người Không Học-Hiểu .....165 22 (12) Bắt Rễ Từ Những Người Lưỡi-Biếng 165

NHÓM 3. NHÓM ‘ĐƯỜNG NGHIỆP’ (Kammapatha-vagga) 167

23 (1) Những Người Không Định-Tâm .....167 24 (2) Những Người Thất Đức .....167 25 (3) Năm Giới Tu Tập .....167 26 (4) Bảy Đường Nghiệp .....168 27 (5) Mười Đường Nghiệp.....169 28 (6) Con Đường Tám Phần .....169 29 (7) Mười Yếu-Tố

.....170

NHÓM 4. ‘NHÓM THỨ TƯ’ (Catuttha-vagga) 171

30 (1) Bốn Yếu-Tố .....171 31 (2) Trước Khi Ta Giác Ngộ .....171 32 (3) Ta Đã Quyết Tâm .....172 33 (4) Nếu Mà Không Có... .....173 34 (5) Chỉ Toàn Khổ .....174 35 (6) Khoái Lạc .....175 36 (7) Khởi Sinh .....175 37 (8) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1).....176 38 (9) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2).....177 39 (10) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (3).....177

Chương 15. Liên Kết VÔ-THỦY ..... 179 NHÓM 1. ‘NHÓM THỨ NHẤT’ (Paṭhama-vagga) 181

xiii

1 (1) Cỏ Cây.....181 2 (2) Trái Đất .....182 3 (3) Nước Mắt.....182 4 (4) Sữa Mẹ.....184 5 (5) Núi.....184 6 (6) Hạt Cải.....185 7 (7) Các Đệ Tử .....186 8 (8) Sông Hằng.....187 9 (9) Khúc Cây .....188 10 (10) Người 189

NHÓM 2. ‘NHÓM THỨ HAI’ (Dutiya-vagga)..... 191

11 (1) Bất Hạnh .....191 12 (2) Hạnh Phúc .....191 13 (3) Ba Mươi Vị Tỳ Kheo .....192 14 (4) Mẹ.....193 15 (5) Cha .....193 16 (6) Anh.....193 17 (7) Chị .....193 18 (8) Con Trai .....193 19 (9) Con Gái.....193 20 (10) Núi Vepulla 194

Chương 16. Liên Kết CA-DIẾP ..... 197 1 Sự Biết Hài Lòng.....199 2 Không Sợ Hãi Việc Làm Sai Trái... .....200 3 Như Mặt Trăng.....201 4

Khách Của Gia Đình 204

xiv

5 Tuổi Già .....205 6 Sự Đề Xướng (1) .....206 7 Sự Đề Xướng (2) .....208 8 Sự Đề Xướng (3) .....210 9 Những Tầng Thiền-Định & Những Trí-Biết Trực Tiếp .....212 10 Khu Ở Của Các Tỳ Kheo Ni.....216 11 Áo Cà-Sa .....219 12 Sau Khi Chết .....223 13 Sự Giả Mạo Giáo Pháp Đích Thực.....224

Chương 17. Liên Kết LỢI-DANH ..... 227 NHÓM 1. 'NHÓM THỨ NHẤT' (Paṭhama-vagga) 229

1 (1) Tai Hại (chết chóc) .....229 2 (2) Lưỡi Câu .....229 3 (3) Con Rùa .....230 4 (4) Con Dê Lông Dày .....231 5 (5) Con Bọ Trong Phân .....231 6 (6) Sét Đánh .....232 7 (7) Mũi Tên Tẩm Độc .....232 8 (8) Chó Rừng .....233 9 (9) Cuồng Phong .....233 10 (10) Có Thêm Bài Kệ 234

NHÓM 2. 'NHÓM THỨ HAI' (Dutiya-vagga)..... 236

11 (1) Bình Bát Vàng .....236 12 (2) Bình Bát Bạc.....236 13 (3) Một Đồng Tiền Vàng Suvaṇṇa .....237 14 (4) Một Trăm Đồng Tiền Vàng Suvaṇṇa 237

xv

15 (5) Một Đồng Tiền Vàng Siṅgi .....237 16 (6) Một Trăm Đồng Tiền Vàng Siṅgi .....237 17 (7) Trái Đất Chứa Toàn Vàng .....237 18 (8) Mọi Phần Thưởng Vật Chất .....237 19 (9) Mạng Sống .....237 20 (10) Người Phụ Nữ Đẹp Nhất Vùng Đất 237

NHÓM 3. 'NHÓM THỨ BA' (Tatiya-vagga) 238

21 (1) Một Phụ Nữ .....238 22 (2) Người Phụ Nữ Đẹp Nhất Vùng Đất.....238 23 (3) Con Trai Duy Nhất .....238 24 (3) Con Gái Duy Nhất.....239 25 (5) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn

(1).....240 26 (6) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn
(2).....241 27 (7) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn
(3).....241 28 (8) Da
.....242 29 (9) Sợi Dây
.....242 30 (10) Một Tỳ Kheo
.....242

NHÓM 4. 'NHÓM THỨ TƯ' (Catuttha-vagga) 244

31 (1) Sự Chia Rẽ .....244 32 (2) Gốc Rễ Thiện
.....244 33 (3) Bản Chất Thiện
.....244 34 (4) Bản Chất
Sáng.....245 35 (5) Không Lâu Sau Khi Ông Ấy Bỏ Đi
.....245 36 (6) Năm Trăm Cỗ Xe.....246 37
(7) Mẹ.....246 38 (8) Cha
.....246

39 (9) Anh.....246 40 (10) Chị
.....246 41 (11) Con Trai
.....247 42 (12) Con Gái
.....247 43 (13) Vợ
.....247

Chương 18. Liên Kết RĀHULA ..... 249 NHÓM 1. 'NHÓM THỨ NHẤT' (Paṭhama-vagga) 251

1 (1) Mắt... .....251 2 (2) Những Hình-Sắc...
.....252 3 (3) Thức
.....252 4 (4) Sự Tiếp-Xúc (xúc)
.....252 5 (5) Cảm-Giác (thọ)
.....253 6 (6) Nhận-Thức (tưởng)
.....253 7 (7) Sự Cố-Ý (tư)
.....254 8 (8) Dục-Vọng (ái)
.....254 9 (9) Các Yếu-Tố (giới)
.....255 10 (10) Các Uẩn (tập hợp, đống)
.....255

NHÓM 2. 'NHÓM THỨ HAI' (Dutiya-vagga)..... 256

11 (1) Mắt... .....256 12 (2) Những Hình-Sắc...
.....256 13 (3) Thức
.....256 14 (4) Sự Tiếp-Xúc (xúc)
.....256 15 (5) Cảm-Giác (thọ)
.....256 16 (6) Nhận-Thức (tưởng)
.....256 17 (7) Sự Cố-Ý (tư)

.....256 18 (8) Dục-Vọng (ái) 256

19 (9) Những Yếu Tố (xứ) .....256 20 (10) Các Uẩn (tập hợp, đống) .....256 21 (11) Khuynh-Hướng Tiềm Ẩn (tùy miên) .....256 22 (12) Không Còn 257

Chương 19. Liên Kết LAKKHAṆA ..... 259 NHÓM 1. 'NHÓM THỨ NHẤT' (Paṭhama-vagga) 261

1 (1) Bộ Xương .....261 2 (2) Miếng Thịt .....262 3 (3) Cục Thịt .....263 4 (4) Người Bị Lột Da .....263 5 (5) Lông Bằng Lưỡi Kiếm .....263 6 (6) Lông Bằng Lưỡi Giáo .....263 7 (7) Lông Bằng Mũi Tên .....264 8 (8) Lông Bằng Kim (1) .....264 9 (9) Lông Bằng Kim (2).....264 10 (10) Tinh Hoàn Bằng Cái Nồi 265

NHÓM 2. 'NHÓM THỨ HAI' (Dutiya-vagga)..... 266

11 (1) Đầu Bị Dìm .....266 12 (2) Người Ăn Phân.....266 13 (3) Người Phụ Nữ Bị Lột Da .....266 14 (4) Người Đàn Bà Xấu Xí .....267 15 (5) Người Đàn Bà Cháy Bốc Khói .....267 16 (6) Thân Không Đầu.....267 17 (7) Tỳ Kheo Xấu Ác.....267 18 (8) Tỳ Kheo Ni Xấu Ác .....268 19 (9) Một Nữ Tu Tập Sự Xấu Ác 268

20 (10) Một Sa-Di Xấu Ác .....268 21 (11) Một Sa-Di Ni Xấu Ác 268

Chương 20. Liên Kết VÍ DỤ ..... 271 1 Đỉnh Chóp Mái Nhà .....273 2 Móng Tay .....273 3 Các Gia Đình .....274 4 Những Nồi Thức Ăn .....274 5 Ngọn Giáo .....275 6 Cung Thủ .....275 7 Cái Chốt Trống .....276 8 Những Khối Gỗ .....277 9 Con Voi Đực

.....278 10 Con Mèo .....280 11 Con Chó Rừng (1) .....281 12 Con Chó Rừng (2) 281

Chương 21. Liên Kết CÁC TỲ KHEO ..... 283 1 Kolita .....285 2 Upatissa .....286 3 Cái Thùng .....287 4 Tỳ Kheo Mới Thụ Giới .....289 5 Sujāta .....290 6 Lakuṇṭaka Bhaddiya .....291 7 Visākha .....292 8 Nanda.....293 9 Tissa .....294 10 Tỳ Kheo Tên Là Trưởng Lão (Thera) 295

xix

11 Đại Kappina .....297 12 Những Người Đồng Hành 298

BẢNG VIẾT TẮT ..... 301 CHÚ THÍCH 307

Kính lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

Chương 12

Liên Kết NHÂN-DUYÊN (12 Nidāna-saṃyutta) (12 Tương ưng Nhân-Duyên)

2 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

s

Chương 12 Liên Kết NHÂN-DUYÊN • 3

NHÓM 1. NHÓM ‘NHỮNG VỊ PHẬT’ (Buddhavagga)

1 (1) Sự Khởi Sinh Tùy Thuộc Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: [1] “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’? (đó là) Do có vô-minh là điều-kiện (duyên) nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý (hành);1 do có những sự tạo-tác cố ý là điều-kiện nên có thức; do có thức là điều-kiện nên có phần danh-sắc (tâm thần-sắc thân); do có phần danh- sắc là điều-kiện nên có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện nên có sự tiếp-xúc (xúc); do có sự

tiếp-xúc là điều-kiện nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện nên có sự dính-chấp (thủ); do có sự dính-chấp là điều-kiện nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều- kiện nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên xảy ra sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Đó là nguồn-gốc (chiều khởi sinh) của toàn bộ đống khổ này. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là 'sự khởi-sinh tùy thuộc'. [2] "Nhưng (ngược lại): Với sự phai biến sạch sẽ [không còn tàn dư] và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý thì chấm dứt thức; khi chấm dứt thức thì chấm dứt

phần danh-sắc; khi chấm dứt phần danh-sắc thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận; khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận thì chấm dứt sự tiếp-xúc; khi chấm dứt sự tiếp-xúc thì chấm dứt cảm-giác; khi chấm dứt cảm-giác thì chấm dứt dục-vọng; khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh-ra; khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt (không còn) sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự chấm-dứt (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đống khổ này." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. (SN 12:01)

2 (2) Phân Tích Sự Khởi Sinh Tùy Thuộc Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về 'sự khởi-sinh tùy thuộc', và ta sẽ phân tích nó cho các thầy. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Do có vô-minh là điều-kiện (duyên) nên có [sinh ra] những sự tạo- tác cố ý; do có những sự tạo-tác cố ý là điều-kiện nên có thức … [tiếp tục như kinh kế trên] … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này." (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự già-chết (lão tử)? Sự già đi của những chúng sinh trong những giống loài chúng sinh khác nhau, đó là sự già đi của họ, răng rụng, tóc bạc, da nhăn nheo, suy giảm sức sống, suy thoái các căn: đây được gọi là sự già. Sự chết của những chúng sinh trong những giống loài chúng sinh khác nhau, đó là sự hủy hoại của họ, sự tan rã, biến mất, tử vong, chết, sự hết thời gian (sống), sự tan rã của năm-uẩn,

sự nằm xuống của xác thân: đây gọi là sự chết.2 Như vậy sự già và sự chết này gộp chung được gọi là sự già-chết. (2) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự sinh-ra (sinh)? Sự sinh ra của những chúng sinh khác nhau thành những giống loài chúng sinh khác nhau, đó là sự được sinh ra, sự hạ vào [trong dạ con], sự sản sinh, sự hiện thân của năm-uẩn, sự có được những cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ). Đây được gọi là sự sinh.3 (3) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hiện-hữu (hữu)? Có ba loại sự hiện-hữu: sự hiện-hữu ở cõi dục giới, sự hiện-hữu ở cõi sắc giới, sự hiện- hữu ở cõi vô sắc giới. Đây được gọi là sự hiện hữu. 4 (4) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự dính-chấp (thủ)? Có bốn loại sự dính-chấp: (i) sự dính-chấp những khoái-lạc giác-quan (dục thủ), (ii) sự dính-chấp vào

những quan-điểm này nọ (kiến thủ), (iii) 'sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện' (giới- cấm thủ), (iv) sự dính-chấp vào giáo lý có cái 'ta' (ngã kiến thủ). Đây được gọi là sự dính-chấp.5 (5) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dục-vọng (ái)? Có sáu loại dục- vọng: dục-vọng muốn những hình-sắc (sắc ái), dục-vọng muốn những âm- thanh (thanh ái), dục-vọng muốn những mùi-hương (hương ái), dục-vọng muốn những mùi-vị (vị ái), dục-vọng muốn những thứ hữu-hình chạm xúc (xúc ái), dục vọng muốn những hiện-tượng thuộc tâm (pháp ái). (6) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cảm-giác (thọ)? Có sáu loại cảm- giác: cảm-giác có từ tiếp-xúc mắt (nhãn xúc thọ), cảm-giác có từ tiếp-xúc tai (nhĩ xúc thọ), cảm-giác có từ tiếp-xúc mũi (tỷ xúc thọ), cảm-giác có từ tiếp-xúc lưỡi (thiệt xúc thọ), cảm-giác có từ tiếp-xúc thân (thân xúc thọ), cảm-giác có từ tiếp-xúc tâm (tâm xúc thọ). Đây được gọi là cảm-giác. (7) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tiếp-xúc (xúc)? Có sáu loại tiếp xúc: tiếp-xúc mắt (nhãn xúc), tiếp-xúc tai (nhĩ thức), tiếp-xúc mũi (tỷ xúc), tiếp-xúc lưỡi (thiệt xúc), tiếp-xúc thân (thân xúc), tiếp-xúc tâm (tâm xúc). Đây được gọi là sự tiếp xúc.

(8) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ)? Cơ Cơ-sở mắt (nhãn xứ), cơ-sở tai (nhĩ xứ), cơ-sở mũi (tỷ xứ), cơ-sở lưỡi (thiệt xứ), cơ-sở thân (thân xứ), cơ-sở tâm (tâm xứ). Những đây được gọi là sáu cơ-sở cảm nhận. (9) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phần danh-sắc (tâm-thân)? Cảm- giác (thọ), nhận-thức (tưởng), ý-định (hành), sự tiếp-xúc (xúc), sự chú-tâm (tác ý): đây được gọi là phần danh (thuộc tâm thần). Bốn yếu-tố lớn (tứ đại) và những thể sắc sắc phái sinh từ bốn yếu-tố lớn đó: đây được gọi là phần sắc (thuộc sắc-thân). Như vậy phần danh này và phần sắc này gộp chung được gọi chung là phần danh-sắc.6 (10) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thức (thức)? Có sáu loại thức: thức mắt (nhãn thức), thức tai (nhĩ thức), thức mũi (tỷ thức), thức lưỡi (thiệt thức), thức thân (thân thức), thức tâm (tâm thức). Đây được gọi là thức. (11) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những sự tạo-tác cố ý (hành)? Có ba loại sự tạo-tác cố ý: sự tạo-tác cố ý của thân (thân hành), sự tạo-tác cố ý của lời-nói (khẩu hành), sự tạo-tác cố ý của tâm (tâm hành). Những đây được gọi là những sự tạo-tác cố ý (các hành).7 (12) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là vô-minh? Không biết sự khổ, không biết nguồn-gốc khổ, không biết sự chấm-dứt khổ, không biết con- đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. Đây được gọi là sự vô-minh.8 "Như vậy, này các Tỳ kheo, do có vô-minh là điều-kiện [duyên], nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý; do có những sự tạo-tác cố ý là điều- kiện, nên có thức …. Đó là nguồn-gốc (chiều khởi sinh) của toàn bộ đống khổ này. "Nhưng (ngược lại), với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý thì chấm dứt thức …. Đó là sự chấm-dứt (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đống khổ này."9 (SN 12:02)

3 (3) Hai Đường Hướng Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đường hướng sai và đường hướng đúng. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường hướng sai? (đó là) Do có vô- minh là điều-kiện (duyên) nên có [sinh ra]

những sự tạo-tác cố ý (hành); do có những sự tạo-tác cố ý là điều-kiện nên có thức …. Đó là nguồn-gốc (chiều khởi sinh) của toàn bộ đống khổ này. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là đường sai.” “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường hướng đúng? Với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý (hành diệt); khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý thì chấm dứt thức (thức diệt) …. Đó là sự chấm-dứt (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đống khổ này. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là đường đúng.” (SN 12:03)

4 (4) Phật Vipassī (Tỳ-bà-thi) Ở Sāvatthī.10 “Này các Tỳ kheo, trước khi giác-ngộ, khi vị ấy là một bồ-tát,11 chưa giác-ngộ toàn thiện, lúc đó điều này đã xảy đến với Vipassī, bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác:12 ‘Chao ôi, thế gian này đã rớt (trầm luân) trong khổ nạn, trong đó nó bị sinh, già, và chết, nó chết đi và tái sinh, nhưng nó không hiểu được sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết. Khi nào mới nhận thấy sự giải-thoát khỏi sự khổ đau [dẫn đầu bởi] sự già-chết?’ … [Các kinh 6–9 bên dưới đều tiếp tục với nội dung như kinh 12:10 bên dưới] …

“‘Sự chấm dứt, sự chấm dứt’—vậy đó, này các Tỳ kheo, như vậy đó, trong vị bồ-tát Vipassī đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.” (SN 12:04)

5 (5) Phật Sikhī (Thi-khí)

6 (6) Phật Vessabhū (Tỳ-xá-phù)

7 (7) Phật Kakusandha (Câu-lưu-tôn)

8 (8) Phật Koṇāgamana (Câu-na-hàm)

9 (9) Phật Kassapa (Ca-diếp)

10 (10) Phật Thích-Ca, Đại Sa-Môn Cồ-Đàm

[I. Sự Khởi-Sinh] “Này các Tỳ kheo, trước khi giác-ngộ, khi ta còn là một Bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, lúc đó điều này đã xảy đến với ta: ‘Chao ôi, thế gian này đã rớt (trầm luân) trong khổ nạn, trong đó nó bị sinh, già, và chết, nó chết rồi lại sinh, nhưng nó không hiểu được sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết. Khi nào mới nhận thấy sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết?’ (1) “Này các Tỳ kheo, rồi điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có sự già-chết? Thứ gì làm điều-kiện (duyên) tạo ra sự già-chết?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), trong ta có [đã xảy ra] sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng:13 ‘Khi có sinh-ra thì có già-chết; sự già-chết có sinh-ra là điều-kiện (duyên) của nó.’14 (2) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có sự sinh-ra (sinh)? Thứ gì là điều-kiện tạo ra sự sinh-ra?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-

tuệ rằng: ‘Khi có sự hiện-hữu (hữu) là có sự sinh-ra; sự sinh-ra có sự hiện-hữu là điều-kiện của nó.’ (3) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi có gì thì có

sự hiện-hữu? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra sự hiện-hữu?' Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí- tuệ rằng: 'Khi có sự dính-chấp (thủ) là có sự hiện-hữu; sự hiện-hữu có sự dính-chấp là điều-kiện của nó.' (4) "Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: 'Khi có gì thì có sự dính-chấp? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra sự dính-chấp?' Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí- tuệ rằng: 'Khi có dục-vọng (ái) là có sự dính-chấp; sự dính-chấp có dục- vọng là điều-kiện của nó.' (5) "Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: 'Khi có gì thì có dục-vọng? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra dục-vọng?' Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: 'Khi có cảm-giác (thọ) là có dục-vọng; dục-vọng có cảm-giác là điều-kiện của nó.' (6) "Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: 'Khi có gì thì có cảm-giác? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra cảm-giác?' Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: 'Khi có sự tiếp-xúc (xúc) là có cảm-giác; cảm-giác có sự tiếp-xúc là điều-kiện của nó.' (7) "Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: 'Khi có gì thì có sự tiếp-xúc? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra sự tiếp-xúc?' Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: 'Khi có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là có sự tiếp-xúc; sự tiếp-xúc có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện của nó.' (8) "Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: 'Khi có gì thì có sáu cơ-sở cảm nhận? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra sáu cơ-sở cảm nhận?' Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-

phá bằng trí-tuệ rằng: 'Khi có phần danh-sắc (danh sắc) là có sáu cơ-sở cảm nhận; sáu cơ-sở cảm nhận có phần danh-sắc là điều-kiện của nó.' (9) "Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: 'Khi có gì thì có phần danh-sắc? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra phần danh-sắc?' Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: 'Khi có thức (thức) là có phần danh-sắc; phần danh-sắc có thức là điều-kiện của nó.' (10) "Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: 'Khi có gì thì có thức? Thứ gì làm điều-kiện tạo ra thức?' Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: 'Khi có những sự tạo-tác cố ý (hành) là có thức; thức có những sự tạo-tác cố ý là điều-kiện của nó.'15 (11) "Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: 'Khi có gì thì có những sự tạo-tác cố ý? Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ rằng: 'Khi có vô-minh (vô minh) là có những sự tạo-tác cố ý; những sự tạo-tác cố ý có vô-minh là điều-kiện của nó.' (12) "Như vậy, do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện (duyên) nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý (hành); do có những sự tạo-tác cố ý (hành) là điều-kiện nên có thức (thức) …. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. "'Sự khởi-sinh, sự khởi-sinh'—vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi lên sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh, chân trí), và ánh-sáng.

[II. Sự Chấm-Dứt] (1) "Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: 'Khi không có thứ gì, thì không có sự già-chết? Khi chấm dứt thứ gì thì chấm dứt sự già- chết?' Rồi,

này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự

đột-phá bằng trí-tuệ rằng: ‘Khi không có sự sinh-ra thì không có già-chết; khi chấm dứt sự sinh thì chấm dứt sự già-chết.’ (2) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Khi không có thứ gì thì không có sự sinh? Khi chấm dứt thứ gì thì chấm dứt sự sinh?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột- phá bằng trí-tuệ rằng: ‘Khi không có sự hiện-hữu (hữu) thì không có sự sinh-ra; khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh.’ … (3) … ‘Khi không có sự dính-chấp (thủ) thì không có sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu.’ … (4) … ‘Khi không có dục-vọng (ái) thì không có sự dính-chấp; khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự dính-chấp.’ … (5) … ‘Khi không có cảm-giác (thọ) thì không có dục-vọng; khi chấm dứt cảm-giác thì chấm dứt dục-vọng.’ … (6) … ‘Khi không có tiếp-xúc (xúc) thì không có cảm-giác; khi chấm dứt sự tiếp-xúc thì chấm dứt cảm-giác.’ … (7) … ‘Khi không có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) thì không có tiếp- xúc; khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận thì chấm dứt sự tiếp-xúc.’ … (8) … ‘Khi không có phần danh-sắc (danh sắc) thì không có sáu cơ-sở cảm nhận; khi chấm dứt phần danh-sắc thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận.’ … (9) … ‘Khi không có thức (thức) thì không có phần danh-sắc; khi chấm dứt thức thì chấm dứt phần danh-sắc.’ … (10) … ‘Khi không có những sự tạo-tác cố ý (hành) thì không có thức; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý thì chấm dứt thức.’ … (11) … ‘Khi không có vô-minh (vô minh) thì không có những sự tạo- tác cố ý; khi chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý.’ (12) “Như vậy, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh) thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý (hành); khi chấm dứt những sự tạo-tác cố

ý (hành) thì chấm dứt thức (thức) … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này. “‘Sự chấm dứt, sự chấm dứt’—vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi lên một sự- thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh, chân trí), và ánh-sáng.”16 (SN 12:10)

NHÓM 2. NHÓM ‘DƯỠNG CHẤT’ (Āhāra-vagga)

11 (1) Dưỡng Chất Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại dưỡng-chất để duy trì (sự sống của) những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành. 17 Bốn đó là gì? Thức-ăn, thô và tinh; thứ hai, sự tiếp-xúc; thứ ba, sự cố-ý của tâm (tư, tâm tư); thứ tư, thức. Đây là bốn loại dưỡng-chất để duy trì những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành. 18 “Này các Tỳ kheo, bốn loại dưỡng-chất này có thứ gì là nguồn gốc của chúng, thứ gì là nguyên gốc của chúng, từ thứ gì chúng được sinh ra và tạo ra? Bốn loại dưỡng-chất này có dục-vọng (sự thèm khát; ái) là nguồn gốc của chúng, dục-vọng là nguyên gốc của chúng, chúng được sinh ra và tạo ra từ dục-vọng.19 “Và dục-vọng này thì có thứ gì là nguồn gốc của nó, thứ gì là nguyên gốc

của nó, từ thứ gì nó được sinh ra và tạo ra? Dục-vọng (ái) có cảm-giác (thọ) là nguồn gốc nó, có cảm-giác là nguyên gốc của nó, nó được sinh ra và tạo ra từ cảm-giác. “Và cảm-giác có thứ gì là nguồn gốc của nó …? Cảm-giác (thọ) có sự tiếp-xúc (xúc) là nguồn gốc của nó … “Và sự tiếp-xúc có thứ gì là nguồn gốc của nó …? Sự tiếp-xúc (xúc) có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là nguồn gốc của nó … “Và sáu cơ-sở cảm nhận có thứ gì là nguồn gốc của chúng …? Sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) có phần danh-sắc (danh sắc) là nguồn gốc của chúng …

“Và phần danh-sắc có thứ gì là nguồn gốc của nó …? Phần danh-sắc (danh sắc) có thức (thức) là nguồn gốc của nó … “Và thức có thứ gì là nguồn gốc của nó …? Thức (thức) có những sự tạo-tác cố ý (hành) là nguồn gốc của nó … “Và những sự tạo-tác cố ý có thứ gì là nguồn gốc của chúng …? Những sự tạo-tác cố ý (hành) có vô-minh (vô minh) là nguồn gốc của chúng … “Như vậy, này các Tỳ kheo: do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý (hành); do có những sự tạo-tác cố ý (hành) là điều-kiện, nên có thức (thức) … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt), thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý (hành diệt); khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý (hành diệt), thì chấm dứt thức (thức diệt) … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.” (SN 12:11)

12 (2) Moḷiya Phagguna Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại dưỡng-chất để duy trì (sự sống của) những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành. Bốn đó là gì? Thức-ăn, thô và tinh; thứ hai, sự tiếp-xúc; thứ ba, sự cố-ý của tâm (tư, tâm tư); thứ tư, thức. Đây là bốn loại dưỡng-chất để duy trì những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành.20 Khi điều này được nói ra, Ngài Moḷiya Phagguna đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, ai tiêu thụ dưỡng-chất thức?”21 “Câu hỏi đó không đúng chỗ”, đức Thế Tôn trả lời. “Ta không nói ‘Ai tiêu thụ’.22 Nếu ta có nói ‘Ai tiêu thụ’ thì câu hỏi đó mới đúng chỗ. Nhưng ta đâu nói như vậy. Vì ta không nói như vậy, nên nếu hỏi cho đúng thì nên

hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, dưỡng-chất thức làm điều-kiện (duyên) cho cái gì?’.23 Câu trả lời đúng của nó là: ‘Dưỡng-chất thức là một điều-kiện tạo ra sự tái hiện-hữu trong tương lai.24 Khi nào có thức (thức), thì có [sinh ra] sáu cơ- sở cảm nhận (sáu xứ);25 khi có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ), thì có sự tiếp- xúc (xúc).’” “Thưa Thế Tôn, ai làm ra sự tiếp-xúc?” “Câu hỏi đó không đúng chỗ”, đức Thế Tôn trả lời. “Ta không nói ‘Ai làm ra sự tiếp-xúc.’ Nếu ta có nói ‘Ai làm ra sự tiếp-xúc’ thì câu hỏi đó mới đúng. Nhưng ta đâu nói như vậy. Vì ta không nói như vậy nên nếu hỏi cho đúng thì nên hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, với thứ gì là điều-kiện thì có [sinh ra] thức?’. Câu trả lời đúng là: ‘Với sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là điều- kiện, nên có [sinh ra] sự tiếp-xúc (xúc); khi có sự tiếp-xúc (xúc), thì có cảm-giác (thọ).’” “Thưa Thế Tôn, ai cảm-giác?” “Câu hỏi đó không đúng chỗ”, đức Thế Tôn trả lời. “Ta không nói ‘Ai cảm-giác.’ Nếu ta có nói ‘Ai cảm-giác’ thì câu hỏi đó

mới đúng. Nhưng ta đâu nói như vậy. Vì ta không nói như vậy nên nếu hỏi cho đúng thì nên hỏi: 'Thưa Thế Tôn, với thứ gì là điều-kiện, thì có [sinh ra] cảm-giác?'. Câu trả lời đúng là: 'Với sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ); khi có cảm-giác (thọ), thì có dục-vọng (ái; sự thèm khát).'" "Thưa Thế Tôn, ai thèm-khát?" "Câu hỏi đó không đúng chỗ", đức Thế Tôn trả lời. "Ta không nói 'Ai thèm-khát.' Nếu ta có nói 'Ai thèm-khát' thì câu hỏi đó mới đúng. Nhưng ta đâu nói như vậy. Vì ta không nói như vậy nên nếu hỏi cho đúng thì nên hỏi: 'Thưa Thế Tôn, với thứ gì là điều-kiện thì có [sinh ra] dục-vọng? Câu trả lời đúng là: 'Với cảm-giác (thọ) là điều-kiện, nên có [sinh ra] dục-vọng (ái); khi có dục-vọng (ái) là điều-kiện, thì có sự dính-chấp (thủ); khi có sự dính-chấp (thủ), thì có sự hiện-hữu (hữu);26 khi có sự hiện-hữu (hữu), thì có sự sinh-ra (sinh) … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.'

"Nhưng, này Phagguna, với sự phai biến và chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) thì chấm dứt (không còn) sự tiếp-xúc (xúc); khi chấm dứt tiếp-xúc (xúc) thì chấm dứt cảm-giác (thọ); khi chấm dứt cảm-giác (thọ) thì chấm dứt dục-vọng (ái); khi chấm dứt dục-vọng (ái) thì chấm dứt sự dính-chấp (thủ); khi chấm dứt sự dính-chấp (thủ) thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu); khi chấm dứt sự hiện-hữu (hữu) thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh); khi chấm dứt sinh-ra (sinh) thì chấm dứt (không còn) sự già-chết (lão tử), sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này." (SN 12:12)

13 (3) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1) Ở Sāvatthī. (1) "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ (sa-môn) hay bà-la-môn nào không hiểu sự già-chết (lão tử), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con- đường dẫn tới sự chấm dứt nó; 27 những ai không hiểu sự sinh (sinh) … sự hiện-hữu (hữu) … sự dính-chấp (thủ) … dục-vọng (ái) … cảm-giác (thọ) … sự tiếp-xúc (xúc) … sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) … phần danh-sắc (danh sắc) … thức (thức) … những sự tạo-tác cố ý (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la- môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, trong kiếp này, do chưa tự mình chứng ngộ điều (sự thật, chân lý) này nên chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ (sa-môn hạnh) hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn (bà-la-môn hạnh).28 (2) "Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu sự già-chết (lão tử), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó; những ai hiểu sự sinh (sinh) … … những sự tạo- tác cố ý (hành), nguồn gốc của chúng, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt chúng: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số

những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều này, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của đời sống bà-lamôn." (SN 12:13)

14 (4) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2) Ở Sāvatthī. (1) “Này các Tỳ kheo, đối với những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu những điều này, nguồn-gốc của những điều này, sự chấm-dứt của những điều này, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt những điều này: cái gì là những điều họ không hiểu, nguồn-gốc của những điều gì mà họ không hiểu, sự chấm-dứt những điều gì họ không hiểu, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt những điều gì mà họ không hiểu? “(đó là) Họ không hiểu sự già-chết (lão tử), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Họ không hiểu sự sinh (sinh) … sự hiện-hữu (hữu) … sự dính-chấp (thủ) … dục-vọng (ái) … cảm-giác (thọ) … sự tiếp-xúc (xúc) … sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) … phần danh-sắc (danh sắc) … thức (thức) … những sự tạo-tác cố ý (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng. Đó là những điều họ không hiểu, nguồn-gốc của chúng họ không hiểu, sự chấm-dứt của chúng họ không hiểu, con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng họ không hiểu. “Những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la- môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, trong kiếp này, do chưa tự mình chứng ngộ những điều này, nên không chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn. (2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, đối với những tu sĩ hay bà-la-môn nào hiểu được những điều này, nguồn-gốc của những điều này, sự chấm-dứt

của những điều này, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt những điều này: cái gì là những điều họ hiểu được, nguồn-gốc của những điều gì mà họ hiểu được, sự chấm-dứt những điều gì họ hiểu được, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt những điều gì mà họ hiểu được? “(đó là) Họ hiểu được sự già-chết (lão tử), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Họ hiểu được sự sinh (sinh) … sự hiện-hữu (hữu) … sự dính-chấp (thủ) … dục-vọng (ái) … cảm-giác (thọ) … sự tiếp-xúc (xúc) … sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) … phần danh-sắc (danh sắc) … thức (thức) … những sự tạo-tác cố ý (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng. Đó là những điều họ hiểu được, nguồn-gốc của chúng họ hiểu được, sự chấm-dứt của chúng họ hiểu được, con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng họ hiểu được. “Những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ những điều này, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.” (SN 12:14)

15 (5) Kaccānagotta Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Kaccānagotta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘Cách-nhìn đúng đắn, cách-nhìn đúng đắn.’ Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến)?” (1) “Này Kaccāna, hầu hết trong thế gian này (trừ các bậc thánh nhân) đều phụ thuộc vào hai mặt quan-điểm—một là ‘ý-niệm có sự hiện-hữu trường tồn’ (thường kiến), và hai là ‘ý-niệm không có sự hiện-hữu trường

tồn' (đoạn kiến).29 Nhưng đối với người đã nhìn thấy nguồn gốc khởi-sinh (sinh) của thế giới đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì người đó không còn tư tưởng (ý niệm) về sự 'không-hiện-hữu' đối với thế giới; (tức không coi thế giới là không hiện hữu, vì rõ ràng nó có khởi sinh). Và đối với người đã nhìn thấy sự chấm-dứt (diệt) của thế giới đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, thì người đó không còn tư tưởng về sự 'luôn-hiện-hữu' đối với thế giới; (tức không còn coi thế giới là hiện hữu trường tồn, vì rõ ràng nó có biến diệt).30 (2) "Này Kaccāna, hầu hết trong thế gian bị trói buộc bởi sự dính-líu, sự dính-chấp, và sự cố-chấp. 31 Nhưng có người này [nhờ có chánh-kiến nên] không bị dính líu và dính chấp bởi sự dính-líu và sự dính-chấp đó, bởi quan-điểm này nọ của tâm, bởi sự cố-chấp, bởi khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên); người đó không còn quan niệm về một 'cái 'ta' của mình' (bản ngã, tự ngã) nào cả.'32 Người đó không còn lờ mờ hay nghi ngờ về chân- lý, (biết rõ): thứ gì khởi sinh chỉ là khổ khởi sinh, thứ gì chấm dứt chỉ là khổ chấm dứt; (tức: chỉ có khổ sinh và khổ diệt). Sự-biết về điều này của người đó là không phụ thuộc vào người khác (tự mình thấy biết, tự trí). Này Kaccāna, theo cách như vậy là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến).33 (3) "Này Kaccāna, (nếu nói) 'tất cả đều hiện hữu': đây là một cực đoan. (nếu nói) 'Tất cả đều không hiện hữu': đây là một cực đoan thứ hai. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo (sự khởi-sinh tùy thuộc) như vầy: 'Do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý (hành); do có những sự tạo-tác cố ý (hành) là điều-kiện, nên có thức (thức) …. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo-tác-cố-ý (hành diệt); khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý (hành diệt) thì chấm dứt thức (thức diệt) …. Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.'" (SN 12:15)

16 (6) Người Thuyết Pháp Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'một người thuyết Pháp, một người thuyết Pháp'. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người thuyết Pháp?" "Này Tỳ kheo, (i) nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ (ghê tởm, quay lưng) đối với sự già-chết, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo, là một người thuyết Pháp. (ii) Nếu ai đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự già-chết, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp.34 (iii) Nếu ai, thông qua sự ghê-sợ đối với sự già-chết, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp (diệt thủ), thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.35 "Này các Tỳ kheo, (i) nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự sinh … … dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự vô-minh, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo, là một người thuyết Pháp. (ii) Nếu ai đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự sinh … … sự vô-minh, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. (iii) Nếu ai, thông qua sự

ghê-sợ đối với sự sinh … … sự vô-minh, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, được giải- thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này." (SN 12:16)

17 (7) Tu Sĩ Lõa Thể Tên Ca-Diếp

Chương 12 Liên Kết NHÂN-DUYÊN • 21

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô thành Rājagaha để khất thực. Tu sĩ lõa thể tên Ca-diếp [Kassapa] nhìn thấy đức Thế Tôn đi đến từ xa. Sau khi nhìn thấy, ông đã đến gần đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, ông đứng qua một bên và nói với đức Thế Tôn: "Chúng tôi muốn hỏi Thầy Cồ-đàm về một điều, mong thầy làm ơn trả lời câu hỏi của chúng tôi." "Giờ không phải lúc thích hợp để hỏi, này ông Ca-diếp. Chúng tôi đã đi vào khu nhà dân rồi." Lần thứ hai và lần thứ ba, tu sĩ lõa thể Ca-diếp vẫn nói với đức Thế Tôn: "Chúng tôi muốn hỏi Thầy Cồ-đàm về một điều, mong thầy làm ơn trả lời câu hỏi của chúng tôi." "Giờ không phải lúc thích hợp để hỏi, này ông Ca-diếp. Chúng tôi đã đi vào khu nhà dân rồi."36 Rồi tu sĩ lõa thể Ca-diếp lại nói với đức Thế Tôn: "Chúng tôi không muốn hỏi Thầy Cồ-đàm quá nhiều điều đâu." "Vậy thì ông hãy hỏi điều ông muốn hỏi đi, ông Ca-diếp." "Thưa Thầy Cồ-đàm, là sao: (i) có phải khổ là do chính mình tạo ra? "Không phải vậy, ông Ca-diếp", đức Thế Tôn trả lời. "Thầy Cồ-đàm, (ii) vậy có phải khổ là do người khác gây ra?" "Không phải vậy, ông Ca-diếp", đức Thế Tôn trả lời. "Thầy Cồ-đàm, vậy là sao: (iii) có phải khổ là do chính mình và người khác gây ra?" "Không phải vậy, ông Ca-diếp", đức Thế Tôn trả lời. "Thầy Cồ-đàm, (iv) vậy có phải khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên tình cờ, không phải do chính mình hay người khác gây ra?"37

22 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

"Không phải vậy, ông Ca-diếp", đức Thế Tôn trả lời. "Thầy Cồ-đàm, vậy là sao: vậy là không có khổ à?" "Không phải là không có khổ, này ông Ca-diếp; có sự khổ đau mà." "Vậy có phải Thầy Cồ-đàm không biết và không thấy về khổ?" "Không phải là ta không biết và không thấy sự khổ, này ông Ca-diếp. Ta biết sự khổ là gì, ta thấy sự khổ là gì." "Khi hỏi thầy câu nào: 'Thầy Cồ-đàm: có phải khổ do chính mình tạo ra?, hoặc 'Khổ là do người khác gây ra?', hoặc 'Khổ là do chính mình và người khác gây ra?', hoặc 'Khổ không do ai gây ra?', thì thầy đều trả lời: 'Không phải vậy, ông Ca-diếp'. Rồi khi hỏi tiếp: 'Thầy Cồ-đàm, vậy là không có khổ à?', thầy lại nói: 'Không phải không có khổ, ông Ca-diếp; có sự khổ đau mà'. Rồi khi hỏi: 'Vậy có phải Thầy Cồ-đàm không biết và không thấy sự khổ?', thầy lại nói: 'Không phải ta không biết và không thấy sự khổ. Ta biết sự khổ là gì. Ta thấy sự khổ là gì'. "Thưa Thầy, vậy thì bậc Thế Tôn hãy giảng giải cho tôi về sự khổ đi. Bậc Thế Tôn hãy chỉ dạy cho tôi về sự khổ."38 (1) "Này ông Ca-diếp, [nếu ai nghĩ:] 'Người làm cũng chính là người nếm trải [hậu quả]' [thì họ sẽ chấp rằng]: 'Khổ là do chính mình tạo ra', chiếu theo cái người (tác nhân) đã có từ đầu. Khi ai đã chấp

như vậy, điều đó dẫn đến tư tưởng bất-diệt (thường kiến).39 (2) “Nhưng, này ông Ca-diếp, [nếu ai nghĩ:] ‘Người làm là một người, người nếm trải [hậu quả] là người khác’ [thì họ sẽ chấp rằng]: ‘Khổ là do người khác gây ra’, chiếu theo cái người bị (thụ nhân) cảm-giác khổ đó. Khi ai đã chấp như vậy, điều đó dẫn đến tư tưởng đoạn-diệt (đoạn kiến).40 (3) “Không ngã theo cực đoan nào như vậy, Như Lai [Tathāgata] chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo41 (sự khởi-sinh tùy thuộc) như vầy: ‘Do có vô- minh (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý (hành); do có những sự tạo-tác cố ý (hành) là điều-kiện, nên có thức (thức) …. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. Nhưng, với sự phai

biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo-tác- cố-ý (hành diệt); khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý (hành diệt) thì chấm dứt thức (thức diệt) …. Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.’” Sau khi điều này được nói ra, tu sĩ lõa thể Ca-diếp đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa thầy! Thật kỳ diệu, thưa thầy! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đã dựng lại những thứ đã bị chúi đầu, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn Tỳ kheo. Nay con xin được thụ giới xuất gia dưới đức Thế Tôn, con mong được thụ toàn-bộ giới?”42 “Này Ca-diếp, một người trước giờ thuộc giáo phái khác nay muốn thụ giới xuất gia và thụ giới toàn-bộ giới theo Giáo Pháp và Giới Luật này cần phải trải qua thời gian thử thách bốn tháng. Sau bốn tháng, nếu các Tỳ kheo hài lòng với người đó, nếu họ muốn họ có thể cho phép người đó thụ giới xuất gia và thụ giới toàn-bộ giới để trở thành một Tỳ kheo. Nhưng có những cá nhân khác biệt được ta ngoại lệ chấp nhận.” (ngoại lệ là được Phật đặc cách vì có đủ phẩm chất để xuất gia, không cần qua thời gian thử thách)43 “Thưa Thế Tôn, nếu một người trước giờ thuộc giáo phái khác nay muốn thụ giới xuất gia và thụ giới toàn-bộ giới theo Giáo Pháp và Giới Luật này cần phải trải qua thời gian thử thách bốn tháng. Sau bốn tháng, nếu các Tỳ kheo hài lòng với người đó, nếu họ muốn họ có thể cho phép người đó thụ giới xuất gia và thụ giới toàn-bộ giới để trở thành một Tỳ kheo; vậy con xin sống trong thời gian thử thách bốn năm. Sau bốn năm, nếu các Tỳ kheo hài lòng với con, nếu họ muốn họ sẽ cho con thụ giới xuất gia và thụ giới toàn-bộ giới để trở thành một Tỳ kheo.”

Rồi tu sĩ lõa thể Ca-diếp đã được thụ giới xuất gia dưới đức Thế Tôn (thành sa-di), và ông cũng được thụ giới toàn-bộ giới (đại thọ giới, thành Tỳ kheo) ngay sau đó. Rồi không lâu sau khi thầy ấy thụ giới toàn-bộ giới, sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, thầy Ca- diếp, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh (phạm hạnh) mà vì (mục tiêu) đó những người các họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực tiếp biết: “Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm

xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.”

Và thầy Ca-diếp này đã trở thành một trong những vị A-la-hán.44 (SN 12:17)

18 (8) Du Sĩ Timbaruka Ở Sāvatthī. Lúc đó có du sĩ Timbaruka đến gặp và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thầy Cồ-đàm, là sao: có phải sướng và khổ là do chính mình tạo ra?”45 “Không phải vậy, này ông Timbaruka”, đức Thế Tôn trả lời. “Thầy Cồ-đàm, vậy có phải sướng và khổ là do người khác gây ra?” “Không phải vậy, ông Timbaruka”, đức Thế Tôn trả lời. “Thầy Cồ-đàm, vậy là sao: vậy khổ và sướng là do chính mình và người khác gây ra?” “Không phải vậy, ông Timbaruka”, đức Thế Tôn trả lời.

“Thầy Cồ-đàm, vậy có phải khổ và sướng phát sinh một cách ngẫu nhiên tình cờ, không phải do chính mình hay người khác gây ra?” “Không phải vậy, ông Timbaruka”, đức Thế Tôn trả lời. “Thầy Cồ-đàm, vậy là sao: vậy là không có khổ và sướng à?” “Không phải là không có khổ và sướng, này ông Timbaruka; có khổ và có sướng mà.” “Vậy có phải Thầy Cồ-đàm không biết và không thấy sự khổ và sự sướng?” “Không phải là ta không biết và không thấy sự khổ và sự sướng, này ông Timbaruka. Ta biết sự khổ là gì và sự sướng là gì. Ta thấy sự khổ là gì và sự sướng là gì.” “Khi hỏi thầy câu nào: ‘Thầy Cồ-đàm: có phải khổ và sướng do chính mình tạo ra?, hoặc ‘Khổ và sướng là do người khác gây ra?’, hoặc ‘Khổ và sướng là do chính mình và người khác gây ra?’, hoặc ‘Khổ và sướng không do ai gây ra?’, thầy đều trả lời: ‘Không phải vậy, ông Timbaruka’. Rồi khi hỏi tiếp: ‘Thầy Cồ-đàm, vậy là sao: bộ không có khổ và sướng à?, thầy lại nói: ‘… có sự khổ và sự sướng mà’. Rồi khi hỏi: ‘Vậy có phải Thầy Cồ-đàm không biết và không thấy sự khổ và sự sướng?’, thầy lại nói: ‘Không phải ta không biết và không thấy sự khổ và sự sướng. Ta biết sự khổ và sự sướng là gì. Ta thấy sự khổ và sự sướng là gì.’ “Thưa thầy, vậy bậc Thế Tôn hãy giảng giải cho tôi về sự khổ và sự sướng. Bậc Thế Tôn hãy chỉ dạy cho tôi về sự khổ và sự sướng.” (1) “Này ông Timbaruka, [nếu ai nghĩ] ‘Cái cảm-giác và người cảm- giác (cảm nhận) nó là một’ [thì họ sẽ chấp rằng]: ‘Sướng và khổ là do chính mình tạo ra’, chiếu theo cái người (tác nhân) đã có từ đầu. Ta không nói như vậy.46 Nhưng, ông Timbaruka, [nếu ai nghĩ] ‘Cảm-giác là một, người cảm-giác nó là khác’ [thì họ sẽ chấp rằng] ‘Sướng và khổ là do người khác gây ra], chiếu theo cái người bị (thụ nhận) cảm-giác đó. Ta cũng không nói như vậy.47

(2) “Không ngã theo cực đoan nào như vậy, Như Lai [Tathāgata] chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo (sự khởi-sinh tùy thuộc) như vầy: ‘Do có vô- minh (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý (hành); do có những sự tạo-tác cố ý (hành) là điều-kiện, nên có thức (thức) …. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo-tác- cố-ý (hành diệt); khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý (hành diệt) thì chấm dứt thức (thức diệt) …. Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.’” Khi điều này được

nói ra, du sĩ Timbaruka đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! … Con xin nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn Tỳ kheo. Kể từ hôm nay, xin Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.” (SN 12:17)

19 (9) Người Trí và Người Ngu Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, đối với những người-ngu, còn bị che cản bởi vô- minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, nên thân này đã khởi sinh từ đó (từ vô-minh và dục-vọng). Vì vậy nên có thân này, và phần danh-sắc ở bên ngoài: như vậy là một bộ-đôi. Tùy thuộc bộ-đôi này nên có sự tiếp-xúc (xúc). Chỉ do có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) mà khi tiếp xúc thông qua chúng—hoặc qua một hay vài cơ-sở cảm-nhận đó—người ngu nếm trải sướng và khổ.48 “Này các Tỳ kheo, đối với những người-trí, cũng còn bị che cản bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, nên thân này là khởi sinh từ đó. Vì vậy có thân này và phần danh-sắc ở bên ngoài: như vậy là một bộ-đôi. Tùy thuộc bộ-đôi này nên có sự tiếp-xúc (xúc). Chỉ do có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) mà khi tiếp xúc thông qua chúng—hoặc qua một hay vài cơ-sở cảm-nhận đó—người-trí cũng nếm trải sướng và khổ. Vậy thì, này

các Tỳ kheo, đâu là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa người-trí và người-ngu?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nhờ dựa vào đức Thế Tôn. Thật tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ cho chúng con ý nghĩa của điều đó.49 Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” “Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo trả lời. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, do bị che cản bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, nên thân này khởi sinh từ đó. Đối với người-ngu thì sự vô-minh đó chưa được phá bỏ và dục-vọng đó chưa được diệt sạch. Vì lý do gì? Vì những người-ngu chưa sống đời sống tâm linh để tiêu diệt hoàn toàn sự khổ đau. Do vậy, khi thân tan rã, người-ngu lại chuyển vào (tái sinh vào) thân [khác]. Do bị chuyển vào thân [khác] nên người ngu vẫn không thoát khỏi sự sinh, già, chết; không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy. “Này các Tỳ kheo, đối với người-trí, cũng do bị che cản bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, nên thân này khởi sinh từ đó. Đối với người-trí thì sự vô-minh đó đã được phá bỏ và dục-vọng đó đã được diệt sạch. Vì lý do gì? Vì những người-trí đã sống đời sống tâm linh để tiêu diệt hoàn toàn sự khổ đau. Do vậy, khi thân tan rã, người-trí không còn chuyển vào (tái sinh vào) thân [khác]. Do không chuyển vào thân [khác] nên người-trí thoát khỏi sự sinh, già, chết; thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy. “Này các Tỳ kheo, đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa người-trí và người-ngu; khác nhau ở chỗ sự sống đời sống tâm linh.”50 (SN 12:17)

20 (10) Những Điều-kiện (duyên) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về “sự khởi-sinh tùy thuộc” và “những hiện-tượng khởi-sinh tùy thuộc” (lý duyên khởi

và những pháp duyên khởi). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự khởi-sinh tùy thuộc? 'Do có sự sinh-ra (sinh) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] sự già-chết (lão tử)': cho dù những Như Lai xuất hiện hay không, yếu tố đó vẫn tồn tại, đó là sự chắc-chắn (ổn định, không sai khác) của Giáo Pháp, là đường lối cố-định của Giáo Pháp, đó là tính điều-kiện (lý nhân duyên) rõ ràng cụ thể.51 Một Như Lai tỉnh thức (giác ngộ) tới điều (nguyên lý, lẽ thực, chân lý) này, và đột phá (chứng ngộ) tới điều này.52 Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm sáng tỏ nó. Và Như Lai nói rằng: 'Hãy nhìn coi! Này các Tỳ kheo:

'Do có sự sinh-ra (sinh) là điều-kiện (duyên), nên có sự già-chết'.53 'Do có sự hiện-hữu (hữu) là điều-kiện, nên có sự sinh-ra' ... 'Do có sự dính-chấp (thủ) là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu' ... 'Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện, nên có sự dính-chấp' ... 'Do có cảm-giác (thọ) là điều-kiện, nên có dục-vọng' ... 'Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện, nên có cảm-giác ... 'Do có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc' ... 'Do có phần danh-sắc (danh sắc) là điều-kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận' ... 'Do có những sự tạo-tác cố ý (hành) là điều-kiện, nên có thức' ... 'Do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác cố ý': cho dù những Như Lai xuất hiện hay không, yếu tố đó vẫn tồn tại, đó là sự chắc-chắn (ổn định, không sai khác) của Giáo Pháp, là đường lối cố-định

của Giáo Pháp, đó là tính điều-kiện (lý nhân duyên) rõ ràng cụ thể. Một Như Lai tỉnh thức (giác ngộ) tới điều (nguyên lý, lẽ thực, chân lý) này, và đột phá (chứng ngộ) tới điều này. Và Như Lai nói rằng: 'Hãy nhìn coi! Này các Tỳ kheo: "Do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác cố ý (hành)'. "Vậy đó, này các Tỳ kheo, tính thực-tại trong điều này, sự không sailầm, sự không-thể khác, tính điều-kiện rõ ràng như vậy: đây được gọi là 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi).54 "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những hiện-tượng khởi-sinh tùy thuộc? Này các Tỳ kheo: "Sự già-chết là vô thường, là có điều-kiện (hữu vi), là khởi-sinh tùy thuộc (có sinh), là phải bị tiêu-diệt, sẽ bị phai biến, biến mất, và chấm dứt (có diệt). "Sự hiện-hữu (hữu) là vô thường ... "Sự dính-chấp (thủ) là vô thường ... "Dục-vọng (ái) là vô thường ... "Cảm-giác (thọ) là vô thường ... "Sự tiếp-xúc (xúc) là vô thường ... "Sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là vô thường ... "Phần danh-sắc (danh sắc) là vô thường ... "Thức (thức) là vô thường ... "Những sự tạo-tác cố ý (hành) là vô thường ... "Vô-minh (vô minh) là vô thường, là có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc (có sinh), là phải bị tiêu diệt, sẽ bị phai biến, biến mất, và chấm dứt (có diệt)."

Này các Tỳ kheo, những hiện-tượng này được gọi là những hiện- tượng khởi-sinh tùy thuộc (những pháp duyên khởi). "Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã nhìn thấy rõ 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi) đó đúng như nó thực là, bằng

trí-tuệ chánh đúng,55 thì không thể nào người đó sẽ còn chạy-lại vào quá khứ và nghĩ suy: 'Ta có hiện hữu trong quá khứ? Ta không hiện hữu trong quá khứ? Ta đã là gì trong quá khứ? Ta đã ra sao trong quá khứ? Sau khi làm vậy, ta đã trở thành gì trong quá khứ?', hoặc người đó sẽ còn chạy-tới vào tương lai và nghĩ suy: 'Ta sẽ hiện hữu trong tương lai? Ta sẽ không hiện hữu trong tương lai? Ta sẽ là gì trong tương lai? Ta sẽ ra sao trong tương lai? Sau khi làm vậy, ta sẽ trở thành gì trong tương lai?', hoặc người đó sẽ bên-trong (tâm) bây giờ còn bị ngu-mờ về hiện tại và nghĩ suy: 'Tôi đang hiện hữu? Tôi đang không hiện hữu? Tôi đang là gì? Tôi đang ra sao? Sự hiện hữu (sự sống) này—nó có từ đâu, và nó sẽ đi về đâu?'56 "Vì lý do gì [mà người đó không còn làm như vậy]? Bởi vì người đệ tử thánh thiện đã nhìn thấy rõ ràng (i) sự khởi-sinh tùy thuộc này (lý duyên khởi) đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng và (ii) những hiện-tượng khởi-sinh tùy thuộc (những pháp duyên khởi) như vậy." (SN 12:20)

NHÓM 3. NHÓM 'MƯỜI NĂNG LỰC' (Dasabala-vagga)

21 (1) Mười Năng Lực (1) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, nhờ có được mười năng-lực và nền tảng của sự tự- tin, nên Như Lai tuyên bố mình ở vị trí là người dẫn đầu, cất lên tiếng gầm sư tử trong tất cả hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của vị trời Brāhma như vầy:57 'Này là sắc-thân (sắc), này là sự khởi sinh của sắc, này là sự biến diệt của nó; này là cảm-giác (thọ), này là sự khởi sinh của cảm-giác, này là sự biến diệt của nó; này là nhận-thức (tưởng), này là sự khởi sinh của nhận-thức, này là sự biến diệt của nó; này là những sự tạo- tác cố ý (hành), này là sự khởi sinh của những sự tạo-tác cố ý, này là sự biến diệt của chúng; này là thức, này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức'.58 "Như vậy khi cái này có mặt, nên cái kia sinh ra; do có khởi sinh cái này, nên cái kia khởi sinh. Khi cái này không có mặt, cái kia không sinh ra; do chấm dứt cái này, nên cái kia chấm dứt. 59 Đó là: do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý (hành); do có những sự tạo-tác cố ý (hành), nên có thức (thức) … … Đó là nguồn- gốc của toàn bộ đống khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô- minh (vô minh) thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý (hành); khi những sự tạo-tác cố ý (hành) chấm dứt thì chấm dứt thức (thức) … … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.'" (SN 12:21)

22 (2) Mười Năng Lực (2) Ở Sāvatthī.

"Này các Tỳ kheo, có được mười năng-lực và nền tảng của sự tự-tin, nên Như Lai tuyên bố mình ở vị trí là người dẫn đầu, cất lên tiếng gầm sư tử trong tất cả hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của vị trời Brāhma như vầy: 'Này là sắc-thân … [giống như đoạn này trong kinh kế trên] … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.' "Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta giảng bày một cách hay khéo như vậy, rõ ràng, khai mở, xác đáng, và không bị chấp vá.60 Này các Tỳ kheo, khi Giáo Pháp đã được ta giảng bày một cách hay khéo như vậy, rõ ràng, khai mở, xác đáng, và không bị chấp vá, điều đó (cũng đã) đủ (lý do) để một người họ tộc đã xuất gia vì niềm-tin sẽ

phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) của mình như vầy: ‘Quyết tâm rằng, cho dù chỉ còn da, gân và xương, và cho dù thịt và máu khô cạn trên thân này, ta sẽ không lơi lỏng sự nỗ-lực chừng nào ta chưa chứng đắc điều có thể được chứng đắc bởi sức người, bởi sự nỗ-lực của con người, và bởi sự cố-gắng của con người.’61 “Này các Tỳ kheo, người lười-biếng sống trong sự khổ đau, được chăm bón bằng những trạng thái tâm bất thiện xấu ác, và những điều tốt cho bản thân mà người đó đã bỏ-lơ (bỏ mất) là rất nhiều.62 Nhưng một người nỗ-lực thì sống một cách hạnh phúc, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện xấu ác, và những điều tốt cho bản thân mà người đó đạt-được là rất nhiều. Điều (trạng thái) tối thượng không thể chứng ngộ bởi hạng người thấp kém; chỉ bậc tối thượng mới chứng ngộ được điều (trạng thái) tối thượng.63 Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này như là phần kem sữa (ngon nhất); Vị Thầy đang có mặt ở đây.64 Bởi vậy, này các Tỳ kheo, hãy phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ, [với ý nghĩ]: ‘Theo cách như vậy thì (i) sự xuất gia tu hành này của chúng ta sẽ không bị cằn cỗi, mà được phì nhiêu và đơm hoa kết quả; và (ii) khi chúng ta dùng y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh [được cúng dường bởi các thí chủ] thì những sự phụng sự (cúng dường, giúp đỡ) của họ cho chúng ta cũng sẽ mang lại

nhiều phước quả và lợi lạc cho họ.’65 Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy. “(i) Xét nghĩ về sự tốt cho bản thân thì cũng đủ (lý do) để mình phấn- đấu (tinh cần) với sự chuyên-chú cho mục-tiêu đó; (ii) Xét nghĩ về sự tốt của những người khác thì cũng đủ để mình phấn-đấu với sự chuyên-chú cho mục-tiêu đó; (iii) xét nghĩ về sự tốt cho cả mình và những người khác thì cũng đủ để mình phấn-đấu với sự chuyên-chú cho mục-tiêu đó.”66

(SN 12:22)

23 (3) Nguyên Nhân Kế Trước Ở Sāvatthī.67

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự tiêu diệt ô-nhiễm là cho người biết và thấy, không phải cho người không biết và không thấy. Cho người biết cái gì, cho người thấy cái gì, để sự tiêu diệt ô-nhiễm có xảy ra? ‘Này là sắc, này là sự khởi sinh của thân-sắc (sắc), này là sự biến diệt của sắc; này là cảm-giác (thọ) … này là nhận-thức (tưởng) … này là những sự tạo-tác cố ý (hành) … này là thức (thức), này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức’: đó là cho người biết như vậy, cho người thấy (sự sinh- diệt của năm uẩn) như vậy để sự tiêu diệt ô-nhiễm xảy ra. “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng ‘trí-biết về sự (đã) tiêu diệt ô-nhiễm’ (lậu tận minh) có một nguyên nhân kế trước (kế cận); nó không thiếu một nguyên nhân kế trước. Và cái gì là nguyên nhân kế trước để có được ‘trí- biết về sự tiêu diệt ô-nhiễm’ đó? Nên nói đó là: sự giải-thoát.68 “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự giải-thoát cũng có một nguyên nhân kế trước; nó không thiếu một nguyên nhân kế trước. Và cái gì là nguyên nhân kế trước để có sự giải-thoát? Nên nói đó là: sự chán-bỏ. “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự chán-bỏ cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói

đó là: sự ghê-sợ (ghê tởm).

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự ghê-sợ cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: sự-thấy và sự-biết về mọi sự đúng như chúng thực là. “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự-thấy và sự-biết cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: sự định-tâm (định). “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự định-tâm cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: sự hạnh-phúc (lạc). “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự hạnh-phúc cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: sự tĩnh-lặng (của tâm; khinh an). “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự tĩnh-lặng cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: sự hoan-hỷ (hỷ). “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự hoan-hỷ cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: sự vui-mừng (sự phấn khởi, niềm vui). “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự vui-mừng cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: niềm-tin. “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng niềm-tin cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: sự thật khổ-đau. (Vì thấy rõ có sự thật khổ-đau nên mới có niềm-tin vào con đường tu tập để tiêu diệt khổ đau) 69 “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự khổ-đau cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: sự sinh-ra. (Vì có sinh-ra nên mới có khổ đau) “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự sinh-ra (sinh) cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: sự hiện-hữu. “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự hiện-hữu (hữu) cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: sự dính-chấp. “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự dính-chấp (thủ) cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: dục-vọng. “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng dục-vọng (ái) cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: cảm-giác

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng cảm-giác (thọ) cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: sự tiếp-xúc. “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự tiếp-xúc (xúc) cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: sáu cơ-sở cảm nhận. “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: phần danh-sắc. “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng phần danh-sắc (danh sắc) cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: thức. “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng thức (thức) cũng có một nguyên nhân kế trước … Nên nói đó là: những sự tạo-tác cố ý. “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng những sự tạo-tác cố ý (hành) cũng có một nguyên nhân kế trước; nó không thiếu một nguyên nhân kế trước. Và cái gì là nguyên nhân kế trước để có những sự tạo-tác cố ý. Nên nói đó là: sự vô-minh. “Như vậy, này các Tỳ kheo: “Do có vô-minh (vô minh) là nguyên nhân kế trước, nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý; Do có những sự tạo-tác cố ý (hành) là nguyên nhân kế trước, nên có thức; Do có thức (thức) là nguyên nhân kế trước, nên có phần danh-sắc; Do có phần danh-sắc (danh sắc) là nguyên nhân kế trước, nên có sáu cơ-sở cảm nhận; Do có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là nguyên nhân kế trước, nên có sự tiếp-xúc; Do có sự tiếp-xúc (xúc) là nguyên nhân kế trước, nên có cảm-giác; Do có cảm-giác (thọ) là nguyên nhân kế trước, nên có dục-vọng; Do có dục-vọng (ái) là nguyên nhân kế trước, nên có sự dính-chấp; Do có sự dính-chấp (thủ) là nguyên nhân kế trước, nên có sự hiện- hữu; Do có sự hiện-hữu (hữu) là nguyên

nhân kế trước, nên có sự sinh-ra;

36 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

Do có sự sinh-ra (sinh) là nguyên nhân kế trước, nên có sự khổ-đau; “Do có sự thật khổ-đau là nguyên nhân kế trước, nên có niềm-tin; Do có niềm-tin là nguyên nhân kế trước, nên có niềm-vui; Do có niềm-vui là nguyên nhân kế trước, nên có sự hoan-hỷ; Do có sự hoan-hỷ (hỷ) là nguyên nhân kế trước, nên có sự hạnh-phúc; Do có sự hạnh-phúc (lạc) là nguyên nhân kế trước, nên có sự tĩnh- lặng; Do có sự tĩnh-lặng (khinh an) là nguyên nhân kế trước, nên có sự định-tâm; Do có sự định-tâm (định) là nguyên nhân kế trước, nên có (khởi sinh) sự-thấy và sự-biết về mọi sự đúng như chúng thực là; “Do có sự-thấy và sự-biết về mọi sự đúng như chúng thực là là nguyên nhân kế trước, nên có sự ghê-sợ; Do có sự ghê-sợ là nguyên nhân kế trước, nên có sự chán-bỏ; Do có sự chán-bỏ là nguyên nhân kế trước, nên có sự giải-thoát; Do có sự giải-thoát là nguyên nhân kế trước, nên có được trí-biết về sự (đã) tiêu diệt ô-nhiễm. “Này các Tỳ kheo, giống như, khi trời đang mưa và mưa trút xuống những hạt mưa lớn trên đỉnh núi, nước chảy xuống sườn dốc và đổ đầy những khe núi, khe suối, và lạch suối; những chỗ này, khi đã đầy, lại đổ đầy những con suối; những con suối, khi đã đầy, lại đổ đầy những ao hồ; những ao hồ, khi đã đầy, lại đổ đầy những sông ngòi; và những sông ngòi, khi đã đầy, lại đổ đầy đại dương;70 (cứ nhân duyên và khởi sinh liên hoàn như vậy). Cũng giống như vậy, khi có vô-minh (vô minh) là nguyên nhân kế trước, thì có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý; khi có những sự tạo-tác cố ý (hành) là nguyên nhân kế trước, thì có thức … … khi có sự giải-thoát là nguyên nhân kế trước, thì có được trí-biết về sự tiêu diệt ô-nhiễm.” (SN 12:23)

24 (4) Những Du Sĩ Khác Đạo

Chương 12 Liên Kết NHÂN-DUYÊN • 37

Ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm). [i] Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Xá-lợi-phất (Sāriputta) mặc y phục, và mang theo bình bát và cà-sa, đi vô thành Rājagaha để khất thực. Rồi ý này đã xảy đến với thầy ấy: “Giờ vẫn còn quá sớm để đi khất thực trong thành Rājagaha. Ta thử ghé qua khu ở (tịnh xá, khu trú, thường là khu vườn) của những du sĩ giáo phái khác.” Rồi thầy Xá-lợi-phất đi đến khu ở của những du sĩ khác đạo đó. Thầy chào hỏi với những du sĩ đó và, sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ngồi xuống một bên. Rồi các du sĩ khác đạo đã nói với thầy: “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra; một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp- quả, cho rằng (ii) khổ là do người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la- môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iii) khổ là do cả chính mình và người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên, chứ không do mình hay người khác gây ra.71 Này thiện hữu Xá-lợi-phất, sa-môn Cồ-đàm nói sao về điều này? Vị ấy dạy gì? Làm sao chúng tôi trả lời nếu chúng tôi (sau này được yêu cầu) phải nói lại điều tu sĩ Cồ-đàm đã nói và không diễn dịch sai lời của

vị ấy bằng điều gì trái với điều (mà vị ấy đã nói) đó? Và làm thế nào chúng tôi giải thích cho đúng theo Giáo Pháp để cho lời nói của chúng tôi không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị (người nghe) phê bình?" "Này các thiện hữu, đức Thế Tôn đã nói rằng khổ khởi sinh một cách tùy thuộc. Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc sự tiếp-xúc. Nếu ai nói như vậy là người ấy đang nói lại lời của đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (mà đức Thế Tôn đã nói) đó; là người đó giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở có lý nào để bị (người nghe) phê bình.72

(a) "Trong đó, này các thiện hữu, (i) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do mình tạo ra—điều đó (ý nghĩ đó) là bị điều-kiện (do duyên, bị tác động) bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này các thiện hữu, (ii) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này các thiện hữu, (iii) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do cả mình và người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này các thiện hữu, (iv) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc. (b) "Trong đó, này các thiện hữu, (i) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do mình tạo ra—không thể nào họ sẽ nếm trải [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (ii) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do người khác gây ra—không thể nào họ sẽ nếm trải [điều gì] nếu không có sự tiếp- xúc. Cũng vậy, (iii) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ là do cả mình và người khác gây ra—không thể nào họ sẽ nếm trải [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (iv) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do ḿnh hay người khác gây ra—không thể nào họ sẽ nếm trải [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. [ii] Ngài Ānanda đã nghe cuộc đối thoại này giữa thầy Xá-lợi-phất và các du sĩ khác đạo. Rồi, sau khi đã đi khất thực một vòng trong thành Rājagaha và trở về, sau khi ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn nghe toàn

bộ cuộc đối thoại giữa thầy Xá-lợi-phất và các du sĩ ngoài đạo. [Đức Thế Tôn đã nói:] "Tốt, tốt, này Ānanda! Ai trả lời đúng là trả lời giống như thầy Xá-lợi- phất đã nói. Này Ānanda, ta đã nói rằng khổ phát sinh một cách tùy thuộc. Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nếu ai nói như vậy là người đó đang nói điều ta đã nói và không diễn dịch sai lời ta bằng điều gì trái với điều (ta đã nói) đó; là người đó giải thích theo đúng Giáo Pháp, và không tạo cơ sở lý lẽ gì để bị (người nghe) phê bình. (a) "Trong đó, này

Ānanda, trong trường hợp những tu sĩ và bà-la- môn đó, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra … cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác tạo ra—điều đó (ý nghĩ đó) là bị điều-kiện (do duyên, bị tác động) bởi sự tiếp-xúc. (b) “Trong đó, này Ānanda, trong trường hợp những tu sĩ và bà-la- môn đó, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra … cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác tạo ra—không thể nào họ sẽ nếm trải [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. “Này Ānanda, trong một lần ta đang ở tại đây, ở Rājagaha, trong khu Rừng Tre, ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó, vào buổi sáng, ta mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, ta đi vô thành Rājagaha để khất thực. Lúc đó ý này đã xảy đến với ta: ‘Giờ vẫn còn sớm để đi khất thực trong thành Rājagaha. Ta thử ghé tới khu ở của những du sĩ khác đạo.’ Rồi ta đi tới khu ở của những du sĩ khác đạo. Ta chào hỏi những du sĩ đó, và sau khi đã xong phần chào hỏi thân thiện, ta ngồi xuống một bên. Rồi các du sĩ đã nói với ta khi ta đang ngồi xuống một bên: … [Những du sĩ đó đã hỏi chính xác những câu hỏi mà họ đã hỏi thầy Xá-lợi-phất, và cũng nhận được những câu trả lời y hệt như những câu trả lời của thầy Xá-lợi-phất] … thì không thể nào họ sẽ trải nghiệm [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc.”

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn. Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Cách mà toàn bộ ý nghĩa có thể được nói ra trong một câu đơn giản như vậy! Cùng ý nghĩa đó có thể được nói ra một cách chi tiết để nó được sâu sắc và sâu sắc hơn về mặt biểu nghĩa, hay không?”73 “Vậy thì, này Ānanda, hãy tự mình làm rõ ý nghĩa đó đi.” “Thưa Thế Tôn, nếu họ hỏi con: ‘Này thiện hữu Ānanda, cái gì là nguồn gốc của sự già-chết, cái gì là nguyên gốc nhân của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra?’—khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời rằng: ‘Này các bạn, sự già-chết có sự sinh-ra (sinh) là nguồn gốc của nó, sự sinh là nguyên gốc của nó, nó được sinh ra và tạo ra từ sự sinh.’ Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo cách như vậy. “Thưa Thế Tôn, nếu họ hỏi con: ‘Này thiện hữu Ānanda, cái gì là nguồn gốc của sự sinh-ra, cái gì là nguyên gốc của sinh-ra, từ đâu nó được sinh ra và tạo ra?’—khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời rằng: ‘Này các bạn: sự sinh-ra có sự hiện-hữu (hữu) là nguồn gốc của nó, sự hiện-hữu là nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ sự hiện-hữu … Sự hiện- hữu có sự dính-chấp (thủ) là nguồn gốc của nó … Sự dính-chấp có dục- vọng (thủ) là nguồn gốc của nó … Dục-vọng có cảm-giác (thọ) là nguồn gốc của nó … Cảm-giác có sự tiếp-xúc (xúc) là nguồn gốc của nó … Sự tiếp-xúc có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là nguồn gốc của nó, sáu cơ-sở cảm nhận là nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ sáu cơ-sở cảm nhận. Nhưng: với sự phai biến và chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt) thì chấm dứt sự tiếp-xúc (xúc diệt); khi chấm dứt sự tiếp-xúc thì chấm dứt cảm-giác (thọ diệt); khi chấm dứt cảm-giác thì chấm dứt dục- vọng (ái diệt); khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự dính-chấp (thủ diệt); chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt); chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt); khi chấm dứt (không còn) sự sinh-ra thì chấm dứt (đâu còn) sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự

chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.’ Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo cách như vậy.” (SN 12:24)

Chương 12 Liên Kết NHÂN-DUYÊN • 41

25 (5) Ngài Bhūmija Ở Sāvatthī. [i] Lúc đó, vào buổi cuối chiều, Ngài Bhūmija ra khỏi nơi ẩn tu, và đến gặp Ngài Xá-lợi-phất.74 Thầy ấy chào hỏi thầy Xá-lợi-phất, và sau khi đã xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) sướng và khổ là do chính mình tạo ra; một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (ii) sướng và khổ là do người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iii) sướng và khổ là do cả chính mình và người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iv) sướng và khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên, chứ không do mình hay người khác gây ra.75 Này đạo hữu Xá-lợi-phất, đức Thế Tôn đã nói sao về điều này? Đức Thế Tôn đã dạy gì? Làm sao tôi trả lời nếu tôi (sau này được yêu cầu) phải nói lại điều đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai lời của Đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (mà đức Thế Tôn đã nói) đó? Và làm thế nào tôi giải thích cho đúng theo Giáo Pháp để cho lời nói của tôi không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị (người nghe) phê bình?” “Này các đạo hữu (Bhūmija), đức Thế Tôn đã nói rằng khổ khởi sinh một cách tùy thuộc. Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc sự tiếp-xúc. Nếu ai nói như vậy là người ấy đang nói lại lời của đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó; là người đó giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở có lý nào để bị (người nghe) phê bình. (a) “Trong đó, này đạo hữu, (i) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà- la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và

42 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

khổ là do mình tạo ra—điều đó (ý nghĩ đó) là bị điều-kiện (do duyên, bị tác động) bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này đạo hữu, (ii) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều- kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này đạo hữu, (iii) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do cả mình và người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này đạo hữu, (iv) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc. (b) “Trong đó, này đạo hữu, (i) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà- la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do mình tạo ra—không thể nào họ sẽ nếm trải [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (ii) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la- môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do người khác gây ra—không thể nào họ sẽ nếm trải [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (iii) trong trường

hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do cả mình và người khác gây ra—không thể nào họ sẽ nếm trải [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (iv) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra—không thể nào họ sẽ nếm trải [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. [ii] Ngài Ānanda đã nghe cuộc đối thoại này giữa thầy Xá-lợi-phất và thầy Bhūmija. Rồi thầy ấy đã đến gặp gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn nghe toàn bộ cuộc đối thoại giữa thầy Xá-lợi-phất và thầy Bhūmija. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Tốt, tốt, này Ānanda! Ai trả lời đúng là trả lời giống như thầy Xá-lợi- phất đã nói. Này Ānanda, ta đã nói rằng khổ phát sinh một cách tùy thuộc. Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nếu ai nói như vậy là người đó đang nói điều ta đã nói và không diễn dịch sai lời ta bằng điều gì trái với điều (ta đã nói) đó; là người đó giải thích theo đúng Giáo Pháp, và không tạo cơ sở lý lẽ gì để bị (người nghe) phê bình. (a) “Trong đó, này Ānanda, trong trường hợp những tu sĩ và bà-la- môn đó, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra … cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác tạo ra—điều đó (ý nghĩ đó) là bị điều-kiện (do duyên, bị tác động) bởi sự tiếp-xúc. (b) “Trong đó, này Ānanda, trong trường hợp những tu sĩ và bà-la- môn đó, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra … cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác tạo ra—không thể nào họ sẽ nếm trải [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. [iii]76 “Này Ānanda, khi có thân, vì có [nhân] sự cố-ý (tư) của thân (thân tư), nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; khi có lời-nói, vì có sự cố-ý trong lời-nói (khẩu tư), nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; khi có tâm, vì có sự cố-ý trong tâm (tâm tư), nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên trong—với sự vô-minh chính là điều-kiện (duyên).77 (1) “Này Ānanda, (i) hoặc do sự tự-phát của mình, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong thân (thân hành) làm điều-kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) hoặc do bị kích-giục bởi người khác, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong thân làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. Này Ānanda, (iii) hoặc một cách cố-tình, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong thân làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (iv) hoặc một cách vô-tình, nên một người

tạo ra sự tạo-tác cố ý trong thân làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong.78 (2) “Này Ānanda, (i) hoặc do sự tự-phát của mình, một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong lời-nói (khẩu hành) làm điều-kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) hoặc do bị kích-giục bởi người khác, một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong lời-nói làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. Này Ānanda, (iii) hoặc một cách cố-tình, một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong lời-nói làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (iv) hoặc một cách vô-tình, một người tạo ra sự

tạo- tác cố ý trong lời-nói làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. (3) “Này Ānanda, (i) hoặc do sự tự-phát của mình, một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong tâm (tâm hành)79 làm điều-kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) hoặc do bị kích-giục bởi người khác, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong tâm làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. Này Ānanda, (iii) hoặc một cách cố-tình, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong tâm làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (iv) hoặc một cách vô-tình, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong tâm làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong.

(4) “Có sự vô-minh nằm bên trong những trạng thái này;80 (cho nên Phật đã nói: ‘Do có vô-minh là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác cố ý’!). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (i) thì thân không còn tồn tại để làm điều-kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) thì lời-nói không còn tồn tại để làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (iii) thì tâm không còn tồn tại để làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong.81 Ruộng-đất đó [nơi phát sinh] không tồn tại, căn-cứ đó [sự trợ giúp] không tồn tại, cơ-sở đó [điều-kiện] không tồn tại, và chỗ-nơi đó [nguyên nhân] không tồn tại làm điều-kiện (duyên) để sướng và khổ khởi sinh bên trong.”82 (tức là, hết vô-minh thì không còn

khởi sinh năm-uẩn, là cơ sở của mọi sự trải nghiệm, thì đâu còn trải nghiệm sự sướng và khổ nào nữa) (SN 12:25)

26 (6) Ngài Upavāṇa Ở Sāvatthī. Lúc đó Ngài Upavāṇa đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:83 “Thưa đức Thế Tôn, có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (i) khổ là do chính mình tạo ra; một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (ii) khổ là do người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iii) khổ là do cả chính mình và người khác gây ra; có một số tu sĩ và bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng (iv) khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên, chứ không do mình hay người khác gây ra. Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn nói sao về điều này? Đức Thế Tôn đã dạy gì? Làm sao con trả lời nếu con (sau này được yêu cầu) phải nói lại điều đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai lời đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó? Và làm thế nào con giải thích cho đúng theo Giáo Pháp để cho lời nói của con không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị (người nghe) phê bình?” “Này Upavāṇa, ta đã nói rằng khổ khởi sinh một cách tùy thuộc. Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc sự tiếp-xúc. Nếu ai nói như vậy là người ấy đang nói lại lời ta đã nói và không diễn dịch sai lời ta bằng điều gì trái với điều (ta đã nói) đó; là người đó giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở nào để bị (người nghe) phê bình. (a) “Trong đó, này Upavāṇa, (i) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà- la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và

khổ là do mình tạo ra—điều đó (ý nghĩ đó) là bị điều-kiện (do duyên, bị tác động) bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này Upavāṇa, (ii) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều- kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này Upavāṇa, (iii) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do cả mình và người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc. Cũng vậy, này Upavāṇa, (iv) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra—điều đó cũng là bị điều-kiện bởi sự tiếp-xúc. (b) "Trong đó, này Upavāṇa, (i) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà- la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do mình tạo ra—không thể nào họ sẽ nếm trải [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (ii) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la- môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do người khác gây ra—không thể nào họ sẽ nếm trải [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (iii) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ là do cả mình và người khác gây ra—không thể nào họ sẽ nếm trải [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. Cũng vậy, (iv) trong trường hợp Những Tu Sĩ và Bà-la-môn, là những người chủ trương thuyết nghiệp-quả, cho rằng sướng và khổ phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra—không thể nào họ sẽ nếm trải [điều gì] nếu không có sự tiếp-xúc. (SN 12:26)

27 (7) Những Điều-Kiện Ở Sāvatthī.

Chương 12 Liên Kết NHÂN-DUYÊN • 47

"Này các Tỳ kheo, do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý (hành); do có những sự tạo-tác cố ý (hành) là điều-kiện, nên có thức (thức) … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự già-chết (lão tử)? Sự già-chết của những chúng sinh khác nhau … [tiếp tục y hệt đoạn này trong kinh 12:02 ở trên] … như vậy sự già và sự chết gộp chung được gọi chung là sự già- chết (lão tử). Do có khởi sinh sự sinh-ra (sinh) nên có khởi sinh sự già- chết; khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt sự già-chết. Chỉ Bát Thánh Đạo (con đường tám phần thánh thiện) này là con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự già-chết (lão tử diệt), đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh- ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh- định. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự sinh-ra (sinh)? … sự hiện-hữu (hữu)? … sự dính-chấp (thủ)? … dục-vọng (ái)? … cảm-giác (thọ)? … sự tiếp-xúc (xúc)? … sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ)? … phần danh-sắc (sanh sắc)? … thức (thức)? … những sự tạo-tác cố ý (hành)? Có ba loại sự tạo- tác cố ý: sự tạo-tác cố ý thuộc thân (thân hành), sự tạo-tác cố ý thuộc lời- nói (khẩu hành), sự tạo-tác cố ý thuộc tâm (tâm hành). Do có khởi sinh vô-minh (vô minh) nên khởi sinh những sự tạo-tác cố ý (hành). Khi chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý (hành diệt). Chỉ Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố ý (hành diệt); đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. "Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử

thánh thiện hiểu được tính điều-kiện (duyên) như vậy; hiểu được nguồn-gốc của tính điều-kiện (duyên tập) như vậy; hiểu được sự chấm-dứt điều-kiện (duyên diệt); hiểu biết con-đường dẫn tới sự chấm dứt điều-kiện (duyên diệt đạo),84 thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), đã thành tựu về sự-thấy (tầm nhìn), người đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này, người đã nhìn thấy Giáo Pháp đích thực này, là người có-được sự-biết của một học-nhân, trí-biết đích thực (chân trí) của một

học-nhân, là người đã chứng nhập vào dòng chảy Giáo Pháp, một thánh nhân với trí-tuệ thâm-nhập, là người đứng vững vàng trước cánh cửa dẫn tới sự Bất Tử.”85 (SN 12:27)

28 (8) Tỳ Kheo Ở Sāvatthī. “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo hiểu được sự già-chết, nguồn- gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Người đó hiểu được sự sinh … sự hiện-hữu … sự dính-chấp … dục-vọng … cảm-giác … sự tiếp-xúc … sáu cơ-sở cảm nhận … phần danh-sắc … thức … những sự tạo-tác cố ý, nguồn gốc của chúng, sự chấm dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt chúng. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự già-chết? … [tiếp tục y hệt đoạn này trong kinh 12:27 kế trên] … Chỉ Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố ý (hành diệt); đó gồm: chánh- kiến … chánh-định. “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo hiểu được như vậy về sự già- chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó; khi người đó hiểu được như vậy về sự sinh … sự hiện-hữu … sự dính-chấp … dục-vọng … cảm-giác … sự tiếp-xúc … sáu cơ-sở cảm nhận … phần danh-sắc … thức … những sự tạo-tác cố ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng, thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), đã thành tựu về sự-thấy (tầm nhìn), người đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này, người đã nhìn thấy Giáo Pháp đích thực này, là người có-được sự-biết của một học-nhân, trí-biết đích thực (chân trí) của một học-nhân, là người đã chứng nhập vào dòng chảy Giáo Pháp, một thánh nhân với trí-tuệ thâm-nhập, là người đứng vững vàng trước cánh cửa dẫn tới sự Bất Tử.”

(SN 12:28)

29 (9) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hoàn-toàn hiểu sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó; 86 họ là những người không hoàn-toàn hiểu sự sinh … sự hiện-hữu … sự dính-chấp … dục-vọng … cảm-giác … sự tiếp-xúc … sáu cơ-sở cảm nhận … phần danh-sắc … thức … những sự tạo-tác cố ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn; và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ (sự khởi-sinh tùy thuộc; lý duyên khởi) đó bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục tiêu

của đời sống tu sĩ (sa-môn hạnh) hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn (bà-la- môn hạnh). “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hoàn-toàn hiểu sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó; là những người hoàn-toàn hiểu sự sinh … sự hiện- hữu … sự dính-chấp … dục-vọng … cảm-giác … sự tiếp-xúc … sáu cơ- sở cảm nhận … phần danh-sắc … thức … những sự tạo-tác cố ý, nguồn- gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn; và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ (sự khởi-sinh tùy thuộc, lý duyên-khởi) đó bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.” (SN 12:29)

50 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

30 (10) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, đối với những tu sĩ và bà-la-môn không hiểu sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì không thể nào họ tiếp tục an trú mà thoát khỏi (vượt qua, không bị) sự già-chết. Đối với những tu sĩ và bà-la-môn không hiểu sự sinh … sự hiện-hữu … sự dính-chấp … dục-vọng … cảm-giác … sự tiếp- xúc … sáu cơ-sở cảm nhận … phần danh-sắc … thức … những sự tạo-tác cố ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng: thì không thể nào họ tiếp tục an trú mà thoát khỏi (vượt qua, không còn) những sự tạo-tác cố ý. “Nhưng, này các Tỳ kheo, đối với những tu sĩ và bà-la-môn hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì có thể họ sẽ an trú sau khi đã thoát khỏi (vượt qua, không còn bị) sự già-chết. Đối với những tu sĩ và bà-la-môn hiểu được sự sinh … sự hiện-hữu … sự dính-chấp … dục-vọng … cảm-giác … sự tiếp- xúc … sáu cơ-sở cảm nhận … phần danh-sắc … thức … những sự tạo-tác cố ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng: thì có thể họ sẽ an trú sau khi đã thoát khỏi (vượt qua, không còn) những sự tạo-tác cố ý.” (SN 12:30)

Chương 12 Liên Kết NHÂN-DUYÊN • 51

NHÓM 4.
NHÓM ‘TỲ KHEO KALĀRA
TỪ GIAI CẤP CHIẾN-SĨ’
(Kaḷāra-khattiya-vagga)

31 (1) Điều Ắt Xảy Ra (hữu duyên thì hữu sinh) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī.… Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với Ngài Xá-lợi-phất như vầy: “Này Xá-lợi-phất, trong phần ‘Những Câu Hỏi Của Ajita’ thuộc chương Pārāyana (Qua Bờ Bên Kia, Đáo Bỉ Ngạn) có nói:87 ‘Những người đã thấu hiểu Giáo Pháp (là A-la-hán), Và các hạng người đang tu-học (là học-nhân): Trong đó xin hỏi về cách hành xử của họ, Hãy chu đáo, nói cho con biết, thưa Thế Tôn.’88 —thì nghĩa của những lời trên được nói một cách ngắn gọn, có thể được hiểu một cách chi tiết theo cách nào?” Khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất chỉ im lặng. Lần thứ hai và lần thứ ba đức Thế Tôn nói lại với thầy

Xá-lợi-phất: “Này Xá-lợi-phất, trong phần ‘Những Câu Hỏi Của Ajita’ thuộc chương Pārāyana (Qua Bờ Bên Kia, Đáo Bỉ Ngạn) có nói: … —thì nghĩa của những lời trên được nói một cách ngắn gọn, có thể được hiểu một cách chi tiết theo cách nào?” Lần thứ hai và lần thứ ba thầy Xá-lợi-phất vẫn im lặng.89 “Này Xá-lợi-phất, thầy có nhìn thấy: ‘Điều này (đã) ắt sẽ xảy ra’? Này Xá-lợi-phất, thầy có nhìn thấy: ‘Điều này (đã) ắt sẽ xảy ra’?” (1) “Thưa Thế Tôn, (i) một người nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘điều này ắt sẽ xảy ra’. Sau khi đã nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘điều này ắt sẽ xảy ra’, nên người đó

đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với ‘điều ắt sẽ xảy ra’, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó. (‘điều ắt sẽ xảy ra’ = năm-uẩn)90 (ii) Một người nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, rằng: ‘Sự khởi-sinh của nó xảy ra do có thứ [nhân] là dưỡng-chất’.91 (iii) Sau khi đã nhìn thấy đúng như nó thực là như vậy, nên người đó đang tu tập vì mục đích để dẫn tới sự ghê-sợ đối với ‘sự khởi-sinh của nó là tùy thuộc dưỡng-chất mà có’, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó. (iv) Người đó nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Khi chấm dứt dưỡng-chất đó thì ‘điều ắt sẽ xảy ra’ cũng bị chấm dứt’. (v) Sau khi đã nhìn thấy đúng như nó thực là như vậy, nên người đó đang tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với ‘thứ phải bị chấm dứt’, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó. Theo cách như vậy người đó là một người đang tu học (học nhân). (2) “Và, thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người đã thấu hiểu Giáo Pháp? Thưa Thế Tôn, (i) một người nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘điều ắt sẽ xảy ra’, và thông qua sự ghê-sợ đối với ‘điều ắt sẽ xảy ra’, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người đó được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp (vô thủ). (ii) Người đó nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Sự khởi-sinh của nó là do có thứ là dưỡng-chất’. (iii) Sau khi đã nhìn thấy đúng như nó thực là như vậy, và thông qua sự ghê-sợ đối với ‘thứ tùy thuộc vào dưỡng-chất mà có’, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người đó được giải-thoát nhờ sự không-còn dính-chấp. (iv) Người đó nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Khi chấm dứt dưỡng-chất đó thì ‘điều ắt sẽ xảy ra’ cũng bị chấm dứt’. (v) Sau khi đã nhìn thấy đúng như nó thực là như vậy, và thông qua sự ghê-sợ đối với ‘thứ sẽ bị chấm dứt’, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người đó đã được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp.92 Theo cách như vậy là một người đã thấu hiểu Giáo Pháp. “Như vậy đó, thưa Thế Tôn, trong phần ‘Những Câu Hỏi Của Ajita’ thuộc chương Pārāyana (Qua Bờ Bên Kia, Đáo Bỉ Ngạn) có nói:

‘Những người đã thấu hiểu Giáo Pháp (là A-la-hán), Và các hạng người đang tu-học (là học-nhân): Trong đó xin hỏi về cách hành xử của họ, Hãy chu đáo, nói cho con biết, thưa Thế Tôn.’ —thì con hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy về những lời đã được nói một cách ngắn gọn ở trên.” “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! … [Và Phật lặp lại toàn bộ lời trên của thầy Xá-lợi-phất] … theo cách như vậy thì nghĩa của những lời đã được nói một cách ngắn gọn ở trên có thể được hiểu một cách chi tiết như vậy.” (SN 12:31)

32 (2) Tỳ Kheo Kaḷāra Ở Sāvatthī. [i] Lúc đó Tỳ kheo Kaḷāra xuất thân từ giai cấp Chiến-Sĩ (quý tộc) đến gặp Ngài Xá-lợi-phất và chào hỏi với nhau. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, Tỳ kheo Moḷiya Phagguna đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.” “Vậy chắc thầy ấy đã không tìm thấy sự yên-ủi trong Giáo Pháp và Giới Luật này.” (Thầy Xá-lợi-phất nói). “Vậy sao, vậy còn thầy Xá-lợi-phất đã đạt tới sự yên-ủi trong Giáo Pháp và Giới Luật này chưa?” “Tôi không có sự lờ-mờ (về điều đó), này đạo hữu. (tức: chắc chắn là đã có) “Nhưng trong tương lai thì sao, đạo hữu?”

“Tôi không có sự nghi-ngờ (về điều đó), này đạo hữu.” 93

Rồi Tỳ kheo Kaḷāra đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến, thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thầy Xá-lợi-phất đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’”94 Rồi đức Thế Tôn đã gọi một Tỳ kheo: “Này Tỳ kheo, hãy nhân danh ta đến nói thầy Xá-lợi-phất là Sư Thầy cho gọi thầy ấy.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, vị Tỳ kheo đó đáp lại, và đi tới chỗ thầy Xá-lợi- phất và nói với thầy ấy: “Đạo hữu Xá-lợi-phất, Sư Thầy (Phật) mới cho gọi đạo hữu đến”. “Được rồi, đạo hữu”, thầy Xá-lợi-phất đáp lại, và thầy đi đến chỗ đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Này Xá-lợi-phất, có đúng thầy đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa’, hay không?” “Thưa Thế Tôn, con đã không tuyên bố điều đó đó bằng những câu và chữ như vậy.” “Vậy theo cách nào, này Xá-lợi-phất, một người họ tộc tuyên bố về trí-biết cuối cùng thì những lời người đó đã tuyên bố nên được hiểu như vậy.” “Thưa Thế Tôn, con đã vừa thưa rằng: ‘Thưa Thế Tôn, con đã không tuyên bố điều đó bằng những câu và chữ như vậy’” “Này Xá-lợi-phất, nếu những người khác hỏi thầy: ‘Này đạo hữu Xá- lợi-phất, thầy đã biết cách nào, thầy đã thấy cách nào, để thầy (có thể) tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã

được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa’?— khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?” 95 (Phật ví hỏi để thầy Xá-lợi-phất trả lời theo cách của Giáo Pháp) “Nếu họ có hỏi con điều này, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời họ như vầy: ‘Do có sự tiêu diệt cái nguồn-gốc làm khởi sinh sự sinh-ra (sinh), nên tôi hiểu rằng: “Khi [nhân] bị tiêu diệt, thì [tác động, quả] bị tiêu diệt”. Sau khi đã hiểu được điều này, nên tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.’ Khi được hỏi như vậy, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời theo cách như vậy.”96 “Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: ‘Nhưng, đạo hữu Xá-lợi- phất, cái gì là nguồn gốc của sự sinh-ra (sinh), cái gì là nguyên gốc của nó, từ thứ gì nó được sinh ra và tạo ra?’— khi

được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?" (Giờ thầy Xá-lợi-phất bắt đầu trả lời theo vòng nhân- duyên). "Nếu họ hỏi câu đó, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời họ như vầy: 'Này các bạn, sự sinh-ra (sinh) có sự hiện-hữu (hữu) là nguồn gốc của nó, sự hiện- hữu là nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ sự hiện-hữu.' Khi được hỏi như vậy, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời theo cách như vậy." "Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: 'Nhưng, đạo hữu Xá-lợi- phất, cái gì là nguồn gốc của sự hiện-hữu...?'— khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?" "Nếu họ hỏi con câu đó, con sẽ trả lời họ như vầy: 'Này các bạn, sự hiện-hữu (hữu) có sự dính-chấp (thủ) là nguồn gốc của nó...'" "Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: 'Nhưng, đạo hữu Xá-lợi- phất, cái gì là nguồn gốc của sự dính-chấp...?'— khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?" "Nếu họ hỏi con câu đó, con sẽ trả lời họ như vầy: 'Này các bạn, sự dính-chấp (thủ) có dục-vọng (ái) là nguồn gốc của nó...'"

"Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: 'Nhưng, đạo hữu Xá-lợi- phất, cái gì là nguồn gốc của dục-vọng...?'— khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?" "Nếu họ hỏi con câu đó, con sẽ trả lời họ như vầy: 'Này các bạn, dục- vọng (ái) có cảm-giác (thọ) là nguồn gốc của nó, cảm-giác là nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ cảm-giác'. Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo cách như vậy." "Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: 'Này đạo hữu Xá-lợi-phất, theo cách nào thầy biết, theo cách nào thầy thấy, rằng sự khoái-thích trong những cảm-giác đã không còn bên trong thầy?'— khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?"97 "Nếu họ hỏi con câu đó, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời họ như vầy: 'Này các bạn, có ba loại cảm-giác như vầy. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, và cảm-giác không sướng không khổ. Này các bạn, ba loại cảm-giác này là vô thường; mà thứ gì vô thường là khổ. Khi điều (sự thật, chân lý) này đã được thấu hiểu, thì sự khoái-thích trong những cảm-giác không còn có trong tôi'. Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo cách như vậy." "Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Đó cũng là một phương pháp [khác] để giải thích ngắn gọn cùng một điều như vầy: 'Bất cứ thứ gì được cảm nhận thì (nó) nằm trong sự khổ' (mọi thứ được cảm nhận đều thuộc khổ).98 Nhưng, này Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi thầy: 'Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thông qua (nhờ có) loại giải-thoát nào mà thầy đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: "Tôi hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa'"?'— khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?" "Nếu họ hỏi con câu đó, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời họ như vầy: 'Này các bạn, thông qua sự giải-thoát bên-trong, thông qua sự tiêu-diệt mọi sự dính-chấp, tôi an trú một cách chánh-niệm theo một cách để những ô-nhiễm (lậu hoặc) không còn chảy (ra-vào) bên trong tôi, và tôi không

coi thường chính mình (không tự ti)'. Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo cách như vậy."99 "Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Đây là một phương pháp [khác] để giải thích ngắn gọn cùng một điều như vầy: 'Tôi không còn lờ-mờ về những ô- nhiễm đã được nói (chỉ ra) bởi bậc Sa-Môn (tức Phật); tôi không còn nghi- ngờ về sự chúng đã bị loại bỏ bởi

tôi.'" Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ẩn cư của mình. [ii] Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, thầy Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các đạo hữu, về câu hỏi đầu tiên đức Thế Tôn đã hỏi tôi, tôi chưa từng suy xét nó trước đó:100 cho nên tôi đã do dự về nó. Nhưng khi đức Thế Tôn chấp thuận câu trả lời của tôi, thì điều này đã xảy đến với tôi: 'Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt cả ngày bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau, thì suốt cả ngày tôi vẫn có thể trả lời đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau. Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt cả đêm bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau, thì suốt cả đêm tôi vẫn có thể trả lời được cho đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau. Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt cả ngày và đêm, suốt hai ngày và đêm, suốt ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày và đêm— thì suốt bảy ngày và đêm tôi vẫn có thể trả lời đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau.'" Lúc đó, Tỳ kheo Kaḷāra xuất thân từ giai cấp Chiến-Sĩ đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến, thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thầy Xá-lợi-phất đã cất lên tiếng gầm sư tử như vầy: 'Này các đạo hữu, về câu hỏi đầu tiên đức Thế Tôn đã hỏi tôi, tôi chưa

từng suy xét nó trước đó: cho nên tôi đã do dự về nó. Nhưng khi đức Thế Tôn chấp thuận câu trả lời của tôi, thì điều này đã xảy đến với tôi: 'Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt cả ngày bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau, thì suốt cả ngày tôi vẫn có thể trả lời đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau. Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt cả đêm bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau, thì suốt cả đêm tôi vẫn có thể trả lời được cho đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau. Nếu đức Thế Tôn có hỏi tôi về vấn đề này suốt cả ngày và đêm, suốt hai ngày và đêm, suốt ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày và đêm—thì suốt bảy ngày và đêm tôi vẫn có thể trả lời đức Thế Tôn bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau.'" "Này Tỳ kheo, thầy Xá-lợi-phất đã thâm nhập thấu suốt yếu-tố đó của Giáo Pháp (pháp giới đó) bằng một sự thâm nhập thấu suốt mà nhờ đó, nếu ta có hỏi thầy ấy về vấn đề đó bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau suốt bảy ngày và đêm, thì suốt bảy ngày và đêm đó thầy ấy vẫn có thể trả lời được cho ta bằng những câu chữ khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau."101 (SN 12:32)

33 (3) Những Trường Hợp Sự-Biết (1) "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về bốn mươi bốn trường hợp của sự-biết. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn, nói điều này: "Này các Tỳ kheo, bốn mươi bốn trường hợp của sự-biết là gì? Sự- biết về sự già-chết, sự-biết về sự khởi-sinh của nó, sự-biết về sự chấm-dứt của nó, sự-biết về con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó.

“Sự-biết về sự sinh (sinh) … Sự-biết về sự hiện-hữu (hữu) … Sự- biết về sự dính-chấp (thủ) … dục-vọng (ái) … cảm-giác (thọ) … sự tiếp-xúc (xúc) … sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) … phần danh-sắc (danh sắc) … thức (thức) … những sự tạo-tác cố ý (hành), sự-biết về sự khởi-sinh của chúng, sự-biết về sự chấm-dứt của chúng, sự-biết về con- đường dẫn tới sự chấm dứt chúng. Này các Tỳ kheo, đây là bốn mươi bốn trường hợp sự-biết. (Tức gồm: 11 nhân duyên, 11 nhân duyên sinh, 11 nhân duyên diệt, và 11 đạo = 44.) (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự già-chết?… [Tiếp tục y hệt đoạn định nghĩa này trong kinh SN 12:02 ở trên] … Như vậy, sự già và sự chết này gộp chung được gọi là sự già-chết. Khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt sự già-chết. Chỉ Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự già-chết; đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. - “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được như vậy về sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thì đây là sự-biết của người đó về nguyên-lý (giáo pháp).102 Bằng phương tiện là nguyên-lý này (sự khởi-sinh tùy thuộc) —đã được nhìn thấy, đã được hiểu, đã được chứng ngộ tức thì, đã được thông thấu—103người đó ứng dụng phương pháp (nguyên lý) đó đối với quá khứ và tương lai như vầy: ‘Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ đã trực tiếp hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thì tất cả họ đã trực tiếp hiểu được điều đó đúng hệt như cách ta đang hiểu. Những tu sĩ và bà-la- môn nào trong tương lai sẽ trực tiếp hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thì tất cả họ sẽ trực tiếp hiểu được điều đó đúng hệt như cách ta đang hiểu.’ Đây là sự-biết của người đó về tính kế-thừa.104 “Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện đã thanh lọc và làm trong sạch hai loại sự-biết—sự-biết về nguyên-lý và sự-biết về tính kế-thừa—thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn

(chánh kiến), thành tựu về sự-thấy (tầm nhìn), là người đã đạt tới trí-biết đích thực (chân trí, minh), người đã có được sự-biết đích thực của một bậc học-nhân, là người đã bước vào dòng chảy Giáo Pháp, là một thánh nhân với trí-tuệ thâm nhập, là người đang đứng vững chắc ngay trước cửa bước vào sự Bất Tử.” (2)–(11) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự sinh-ra (sinh)? … … cái gì là những sự tạo-tác cố ý (hành)? … [Tiếp tục như định nghĩa trong kinh SN 13:02 ở trên] … … Chỉ Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố ý (hành diệt); đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. - “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được như vậy về những sự tạo-tác cố ý (hành), nguồn gốc của chúng, sự chấm dứt của chúng, con đường dẫn tới sự chấm dứt chúng, thì đây là sự-biết của người đó về nguyên-lý (giáo pháp). Bằng phương tiện là nguyên-lý này—đã được nhìn thấy, đã được hiểu, đã được chứng ngộ tức thì, đã được thông thấu—người đó ứng dụng phương pháp (nguyên lý) đó đối với quá khứ và tương lai như vầy: … … Đây là sự-biết của người đó về tính kế-thừa. “Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện đã thanh lọc và làm trong sạch hai loại sự-biết—sự-biết về nguyên-lý

và sự-biết về tính kế-thừa—thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) … là người đang đứng vững chắc ngay trước cửa bước vào sự Bất Tử.” (SN 12:33)

34 (4) Những Trường Hợp Hiểu-Biết (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bảy mươi bảy trường hợp của sự-biết. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (1) “Này các Tỳ kheo, bảy mươi bảy trường hợp của sự-biết là gì? Sự- biết rằng: ‘Sự già-chết có sự sinh-ra (sinh) là điều-kiện (duyên) của nó.’ Sự-biết rằng: ‘Khi không có sự sinh-ra thì không có sự già-chết.’ Sự-biết rằng: ‘Trong thời quá khứ cũng vậy, sự già-chết có sự sinh-ra là điều-kiện (duyên) của nó.’ Sự-biết rằng: ‘Trong thời quá khứ cũng vậy, khi không có sự sinh-ra thì không có sự già-chết.’ Sự-biết rằng: ‘Trong thời tương lai cũng vậy, sự già-chết có sự sinh-ra là điều-kiện (duyên) của nó.’ Sự- biết rằng: ‘Trong thời tương lai cũng vậy, khi không có sự sinh-ra thì không có sự già-chết.’ Sự-biết rằng: (ngay cả cái) ‘Sự-biết về tính chắc- chắn của Giáo Pháp [Giáo Pháp ở đây là ‘Lý Duyên-Khởi’] cũng phải bị hoại diệt, phai biến, biến mất, và chấm dứt.’105 (2)–(11) “Sự-biết rằng: ‘Sự sinh có sự hiện-hữu là điều-kiện’ … … Sự-biết rằng: ‘Những sự tạo-tác cố ý có vô-minh là điều-kiện.’ Sự-biết rằng: ‘Không có vô-minh thì không có những sự tạo-tác cố ý.’ Sự-biết rằng: ‘Trong thời quá khứ cũng vậy, sự tạo-tác cố ý có vô-minh là điều- kiện.’ Sự-biết rằng: ‘Trong thời quá khứ cũng vậy, không có vô-minh thì không có những sự tạo-tác cố ý.’ Sự-biết rằng: ‘Trong thời tương lai cũng vậy, sự tạo-tác cố ý có vô-minh là điều-kiện.’ Sự-biết rằng: ‘Trong thời tương lai cũng vậy, không có vô-minh thì không có những sự tạo-tác cố ý.’ Sự-biết rằng: ‘(ngay cả cái) sự-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp cũng phải bị hoại diệt, phai biến, biến mất, và chấm dứt. “Này các Tỳ kheo, đó được gọi là bảy mươi bảy trường hợp của sự- biết.” (Tức gồm: 11 nhân duyên; 1 khi có nhân duyên sinh và 1 khi nhân duyên diệt là =2; 2 quá khứ, 2 tương lai, và thêm 1 sự-biết về tính chắc- chắn của Giáo Pháp = 77) (SN 12:34)

35 (5) Do Có Vô Minh Là Điều-Kiện (1) Ở Sāvatthī.

(I) “Này các Tỳ kheo: do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý (hành); do có những sự tạo-tác cố ý (hành) là điều-kiện, nên có thức (thức) … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.” Sau khi đức Thế Tôn nói điều này, một vị Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: (1) “Thưa Thế Tôn, vậy cái gì là sự già-chết (lão tử), và đối với ai có sự già-chết này?” “Câu hỏi không hợp lý”, đức Thế Tôn trả lời.106 “Này Tỳ kheo, dù ai nói ‘Vậy cái gì là sự già-chết, và đối với ai có sự già-chết này? hoặc ai nói ‘Già-chết là một thứ, người mà đối với người đó có sự già-chết là thứ khác’— thì cả hai điều chấp đó đều giống nhau về mặt nghĩa; chúng chỉ khác nhau về mặt câu chữ mà thôi. Nếu có quan-điểm rằng ‘linh hồn và thân xác là giống nhau’, thì không có sự sống của đời sống tâm linh (đâu cần phải tu tâm làm chi); và nếu có

quan-điểm rằng ‘linh hồn là một thứ, thân xác là một thứ’, thì cũng không có sự sống của đời sống tâm linh. 107 Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo rằng: ‘Do có sự sinh-ra (sinh) là điều-kiện (duyên), nên có sự già-chết.’” (2) “Thưa Thế Tôn, vậy cái gì là sự sinh-ra (sinh), và đối với ai có sự sinh-ra này?” “Câu hỏi không hợp lý”, đức Thế Tôn trả lời. “Này Tỳ kheo, dù ai nói ‘Vậy cái gì là sự sinh-ra, và đối với ai có sự sinh-ra?’ hoặc ai nói ‘Sự sinh- ra là một thứ, người mà đối với người đó có sự sinh-ra là thứ khác’— thì cả hai điều chấp đó đều giống nhau về mặt ý nghĩa; chúng chỉ khác nhau về mặt câu chữ mà thôi … Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo rằng: ‘Do có sự hiện-hữu (hữu) là điều-kiện, nên có sự sinh-ra (sinh).’” (3) “Thưa Thế Tôn, vậy cái gì là sự hiện-hữu (hữu), và đối với ai có sự hiện-hữu này?”

“Câu hỏi không hợp lý”, đức Thế Tôn trả lời. “Này Tỳ kheo, dù ai nói ‘Vậy cái gì là sự hiện-hữu, và đối với ai có sự hiện-hữu này?’ hoặc ai nói ‘Sự hiện-hữu là một thứ, người mà đối với họ có sự hiện-hữu là thứ khác’—thì cả hai điều chấp đó đều giống nhau về mặt ý nghĩa. Chúng chỉ khác nhau về mặt câu chữ mà thôi … Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo rằng: ‘Do có sự dính-chấp (thủ) là điều- kiện, nên có sự hiện-hữu (hữu) … ‘Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện, nên có sự dính-chấp (thủ)’ … ‘Do có cảm-giác (thọ) là điều-kiện, nên có dục- vọng’ (ái) … ‘Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện, nên có cảm-giác’ (thọ) … ‘Do có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc’ (xúc) … ‘Do có phần danh-sắc (danh sắc) là điều-kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận’ (sáu xứ) … ‘Do có thức (thức) là điều-kiện, nên có phần danh-sắc’ … ‘Do có những sự tạo-tác cố ý (hành), nên có thức (thức)’. (11) “Thưa Thế Tôn, vậy cái gì là những sự tạo-tác cố ý (hành), và đối với ai có những sự tạo-tác cố ý?” “Câu hỏi không hợp lý”, đức Thế Tôn trả lời. “Này Tỳ kheo, dù ai nói ‘Vậy những sự tạo-tác cố ý là gì, và vì ai mà có những sự tạo-tác cố ý?’ hoặc ai nói ‘Những sự tạo-tác cố ý là một thứ, cái người mà đối với người đó có những sự tạo-tác cố ý là thứ khác’— thì cả hai điều chấp đó đều giống nhau về mặt nghĩa; chúng chỉ khác nhau về mặt câu chữ mà thôi. Nếu có quan-điểm rằng ‘linh hồn và thân xác là giống nhau’, thì không có sự sống của đời sống tâm linh (đâu cần phải tu tâm làm chi); và nếu có quan-điểm rằng ‘linh hồn là một thứ, thân xác là một thứ’, thì cũng không có sự sống của đời sống tâm linh. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo rằng: ‘Do có sự sinh-ra (sinh) là điều-kiện (duyên), nên có sự già-chết.’ (II) (nhưng) “Với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì cho dù có sự vặn-vẹo, sự manh-động, và sự dao-động nào theo kiểu như 108 — ‘Vậy cái gì là sự già-chết, và đối với ai có sự già-chết?’ hoặc ‘Già-chết là một thứ, người mà đối với người đó có sự già-chết là thứ khác’ hoặc ‘Linh hồn và thân xác là một’ hay ‘Linh hồn là một thứ, thân

xác là thứ khác’— thì mọi điều chấp đó đều bị dẹp bỏ, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ, để nó không còn khởi sinh trong tương lai.109

“Với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì cho dù có những sự vặn-vẹo, sự manh-động, và sự dao-động nào theo kiểu như— ‘Vậy cái gì là sự sinh-ra (sinh) và đối với ai có sự sinh-ra?’ … ‘Vậy cái gì là sự hiện-hữu (hữu) và đối với ai có sự hiện-hữu?’ … … ‘Vậy cái gì là những sự tạo-tác cố ý (hành), và đối với ai có những sự tạo-tác cố ý?’ hoặc ‘Những sự tạo-tác cố ý là một thứ, người mà đối với người đó có những sự tạo-tác cố ý là thứ khác’ hoặc ‘Linh hồn và thân xác là một’ hay ‘Linh hồn là một thứ, thân xác là thứ khác’— thì mọi điều chấp đó đều bị dẹp bỏ, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ, để nó không còn khởi sinh trong tương lai. (SN 12:35)

36 (6) Do Có Vô Minh Là Điều-Kiện (2) [Giống hệt kinh SN 12:35 kế trên; chỉ khác ở chỗ là: (1) Phật đã nói những điều đó từ đầu tới cuối cho cả nhóm Tỳ kheo [“Này các Tỳ kheo”], chứ không phải chỉ nói riêng cho một vị Tỳ kheo như bài kinh kế trên, và (2) không có người đối thoại nào hỏi những câu hỏi không hợp lý như trên. Chỉ là Phật tự nói luôn những loại điều chấp không hợp lý đó.]

(SN 12:36)

37 (7) Không Phải Là Của-Ta Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, thân này không phải ‘của-ta’ [‘của các thầy’], cũng không phải ‘của-ai’ khác.110 Đó là nghiệp cũ, được coi là đã được tạo ra và được tạo tác bởi sự cố-ý (tư), là thứ để được cảm nhận (theo nghĩa thân là cái cơ-sở để cảm nhận mọi thứ).111 Trong đó, này các Tỳ kheo, một người

đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chú-tâm một cách sát-sao và kỹ-càng (như lý tác ý) vào ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ như vầy: ‘Do có thứ này, nên có [sinh ra] thứ kia; do khởi sinh thứ này, nên thứ kia khởi sinh. Khi thứ này không có thì không có [không sinh ra] thứ kia; khi chấm dứt thứ này thì thứ kia chấm dứt. Đó là, ‘do có vô-minh là điều-kiện, nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý; do có những sự tạo-tác cố ý là điều-kiện, nên có thức ….’ Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. Nhưng, ‘với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý thì chấm dứt thức ….’ Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.” (SN 12:37)

38 (8) Sự Cố-Ý (1) Ở Sāvatthī. (1) “Này các Tỳ kheo, điều gì con người ý định, và điều gì con người dự tính, và bất cứ điều gì con người có khuynh hướng theo đó: điều này trở thành một cơ sở cho sự liên-tục (duy trì) của thức. Khi có một cơ sở, là có một trợ giúp (duyên) cho sự lập-thành của thức. Khi thức (thức) được lập thành và đã tăng trưởng là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới (hữu) trong tương lai. Khi có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới (hữu) trong tương lai, là có sự sinh-ra (sinh) sau đó, rồi có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.112 (2) “Này các Tỳ kheo, nếu người không ý định, và người không dự tính, nhưng vẫn có khuynh hướng theo điều gì, thì điều này cũng trở thành một cơ sở cho sự liên-tục của thức. Khi có một cơ sở, là có một trợ giúp cho sự lập-thành của thức. Khi thức (thức) được lập thành …. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.113

(3) “Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu người không ý định, và không dự tính, và cũng không có khuynh hướng theo một điều nào, thì sẽ không có một cơ sở cho sự liên-tục của thức. Nếu không có một cơ sở, là không có sự trợ giúp cho sự lập-thành của thức. Nếu thức (thức) không được lập thành và tăng trưởng thì không có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai. Nếu không có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới (hữu) trong tương lai, thì không có sự sinh-ra (sinh) sau đó (hết hữu thì hết sinh), (nên cũng) không có sự già-và-chết, không có sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.”114 (SN 12:38)

39 (9) Sự Cố-Ý (2) Ở Sāvatthī. (1) “Này các Tỳ kheo, điều gì con người ý định, và điều gì con người dự tính, và bất cứ điều gì con người có khuynh hướng theo đó: thì điều đó sẽ trở thành một cơ sở cho sự liên-tục của thức. Khi có một cơ sở, là có một trợ giúp cho sự lập-thành của thức. Khi thức (thức) được lập thành và đã tăng trưởng, là có một gốc-gác sinh ra phần danh-sắc (danh sắc).115 Do có phần danh-sắc (danh sắc) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] sáu cơ- sở cảm nhận (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc (xúc); do có sự tiếp-xúc là điều-kiện, nên có cảm-giác (thọ) … dục-vọng (ái) … sự dính-chấp (thủ) … sự hiện-hữu (hữu) … sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. (2) “Này các Tỳ kheo, nếu người không ý định, và người không dự tính, nhưng vẫn có khuynh hướng theo một điều gì: thì điều đó sẽ trở thành một cơ sở cho sự liên-tục của thức. Khi có một cơ sở, là có một trợ giúp cho sự lập-thành của thức. Khi thức (thức) đã được lập thành và đã tăng trưởng là có một gốc-gác sinh ra phần danh-sắc (danh sắc). Do có

phần danh-sắc (danh sắc) là điều-kiện, nên có [sinh ra] sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) … … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. (3) “Nhưng, này các Tỳ kheo, khi người không ý định, và người không dự tính, và cũng không có khuynh hướng theo điều nào: thì không có một cơ sở nào cho sự liên-tục của thức. Nếu không có một cơ sở, thì không có một gốc-gác sinh ra phần danh-sắc (danh sắc). Khi chấm dứt phần danh-sắc (danh sắc diệt) thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt) … … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.” (SN 12:39)

40 (10) Sự Cố-Ý (3) Ở Sāvatthī. (1) “Này các Tỳ kheo, điều gì con người ý định, và điều gì con người dự tính, và bất cứ điều gì con người có một khuynh hướng theo đó: thì điều đó sẽ trở thành một cơ sở cho sự liên-tục của thức. Khi có một cơ sở, là có một trợ giúp cho sự lập-thành của thức. Khi thức được lập thành và đã tăng trưởng, là có thiên-hướng [tức: dục vọng]. Khi có thiên-hướng về đâu, là có sự đến-đi. Khi có sự đến-đi, là có sự chết-đi và sự tái-sinh.116 Khi có sự chết-đi và tái-sinh, là có sự sinh-ra (sinh) sau đó, rồi có sự già- chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. (2) “Này các Tỳ kheo, nếu người không ý định, và không dự tính, nhưng vẫn có khuynh hướng theo điều gì: thì điều đó trở thành một cơ sở cho sự liên tục của thức. Khi có một cơ sở, là có một trợ giúp cho sự lập- thành của thức …. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. (3)

“Nhưng, này các Tỳ kheo, khi người không ý định, và không dự tính, và cũng không có khuynh hướng theo điều nào: thì không có một cơ sở cho sự liên-tục của thức. Nếu không có một cơ sở, thì không có sự trợ giúp cho sự lập-thành của thức. Nếu thức không được lập thành và tăng

trưởng, thì không có sự ngã-hướng (tức: dục vọng). Nếu không có sự ngã- hướng về đâu thì không có sự đến và sự đi. Nếu không có sự đến và sự đi thì không có sự chết-đi và sự tái-sinh. Nếu không có sự chết-đi và tái-sinh thì không có sự sinh-ra (sinh) sau đó, thì đâu có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.”117 (SN 12:40)

NHÓM 5. NHÓM ‘GIA CHỦ’ (Gahapati-vagga)

41 (1) Năm Sự Thù Ghét Đáng Sợ (1) Ở Sāvatthī. Lúc đó có gia chủ tên Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với ông: “Này gia chủ, (i) khi ‘năm sự thù-ghét đáng sợ’ đã lắng lặn bên trong một người đệ tử thánh thiện, và (ii) người đó có được ‘bốn yếu-tố Nhập- lưu’, và (iii) người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt ‘phương pháp thánh thiện’ bằng trí-tuệ, thì nếu muốn, người đó có thể tự tuyên bố về mình như vầy: ‘Tôi đã hết bị (đã đoạn tuyệt với) địa ngục, đã hết bị cõi súc sinh, đã hết bị cõi ngạ quỷ, đã hết bị cảnh giới thống khổ, những nơi đến thấp xấu, cõi dưới. Tôi là một bậc Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của tôi.’118 (I) “Cái gì là năm sự thù-ghét đáng-sợ đã lắng lặn? (1) Này gia chủ, người sát-sinh, thì do hành vi đó, gây ra sự thù ghét đáng sợ trong kiếp này và sự thù ghét đáng sợ trong kiếp sau, và người đó nếm trải sự khổ đau và sự ưu phiền trong tâm.119 Như vậy, người kiêng cữ sát-sinh thì sự thù ghét đáng sợ đó đã lắng lặn. (2) “Người gian-cắp (trộm, cướp, gian, lận, tham nhũng…) … (3) người tà-dâm tà dục (tính dục bất chính) … (4) người nói-dối nói láo … (5) người uống rượu mạnh, rượu nhẹ, hay dùng các chất độc hại, là căn cơ của sự sống lơi tâm phóng dật, thì do hành vi đó, gây ra sự thù ghét đáng sợ trong kiếp này và sự thù ghét đáng sợ trong kiếp sau, và người đó nếm trải sự khổ đau và sự ưu phiền trong tâm. Như vậy, người kiêng cữ gian- cắp … kiêng cữ tà-dâm tà dục … kiêng cữ nói-dối nói láo … kiêng cữ

uống rượu mạnh, rượu nhẹ, và dùng các chất độc hại, là căn cơ của sự sống lơi tâm phóng dật, thì sự thù ghét đáng sợ đó đã lắng lặn. “Đó là năm sự thù ghét đáng sợ đã lắng lặn. (II) “Và cái gì là ‘bốn yếu tố Nhập-lưu’ mà người đó có được?120 (1) Ở đây, này gia chủ, người người đệ tử thánh thiện đã có được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một bậc A-la- hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã thành tựu với sự-biết và đức hạnh đích thực, là bậc Phúc Lành, người hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được chỉ dạy, bậc thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ (2) “Người đó có được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như

vầy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi những người trí hiền.’ (3) “Người đó có được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vầy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của Đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức (phước điền) cao nhất ở thế gian.’ (4) “Người đó có được đức-hạnh (tức: năm giới-hạnh) mà các bậc thánh nhân quý trọng—không bị sứt mẻ, không bị chấp vá, không bị ô nhiễm, không bị vết chấm, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi người hiền trí, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.121 “Đây là bốn yếu tố Nhập-lưu mà người đó có được. (III) “Và cái gì là ‘phương pháp thánh thiện’ mà người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt bằng trí-tuệ?122 Ở đây, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện chú-tâm một cách sát-sao và kỹ-

càng vào ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ như vầy: “Do có thứ này, nên có [sinh ra] thứ kia; do khởi sinh thứ này, nên thứ kia khởi sinh. Khi thứ này không có thì không có [không sinh ra] thứ kia; khi chấm dứt thứ này thì thứ kia chấm dứt. • “Đó là: ‘Do có vô-minh là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý; do có những sự tạo-tác cố ý là điều-kiện, nên có thức; do có thức là điều-kiện, nên có phần danh-sắc; do có phần danh-sắc là điều- kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận [cơ-sở cảm nhận]; do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc; do có sự tiếp-xúc là điều-kiện, nên có cảm-giác’ do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng; do có dục- vọng là điều-kiện, nên có sự dính-chấp; do có sự dính-chấp là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu; do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh; do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên mới xảy ra sự già và chết; sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đây là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.’ (chiều khởi sinh) “Nhưng: ‘Với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý, thì chấm dứt thức; khi chấm dứt thức, thì chấm dứt phần danh-sắc; khi chấm dứt phần danh-sắc, thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận; khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận, thì chấm dứt sự tiếp-xúc; khi chấm dứt sự tiếp-xúc, thì chấm dứt cảm-giác; khi chấm dứt cảm-giác, thì chấm dứt sự dục-vọng; khi chấm dứt dục-vọng, thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp, thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự hiện-hữu, thì chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra, thì chấm dứt chấm dứt sự già và chết; sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đây là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.’ (chiều hoàn diệt) “Đây là ‘phương pháp thánh thiện’ mà người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và đã thâm nhập một cách thấu suốt bằng trí-tuệ. “Này gia chủ, (I) khi ‘năm sự thù-ghét đáng sợ’ này đã lắng lặn bên trong một người đệ tử thánh thiện, và (II) người đó có được ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ này, và (III) người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm

nhập một cách thấu suốt ‘phương pháp thánh thiện’ này bằng trí-tuệ, thì nếu muốn, người đó có thể tự tuyên bố về bản thân mình: ‘Tôi đã hết bị (đã đoạn tuyệt với) địa ngục, đã hết bị cõi súc sinh, đã hết bị cõi ngạ quỷ, đã hết bị cảnh giới thống khổ, những nơi đến thấp xấu, cõi dưới. Tôi là một bậc Nhập-lưu, không còn ràng buộc với thế giới đày đọa, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của tôi.’” (SN 12:41)

42 (2) Năm Sự Thù Ghét Đáng Sợ (2) [Giống hệt kinh SN 12:41 kế trên, chỉ khác là nó được nói cho “một số Tỳ kheo” thay vì cho gia chủ Cấp Cô Độc.]

(SN 12:42)

43 (3) Khổ Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy nguồn-gốc và sự phai-biến của sự khổ.123 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói”. “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn-gốc của khổ? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái). Đây là nguồn-gốc của khổ. “Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh … Tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương … Tùy thuộc vào lưỡi và những mùi-vị … Tùy thuộc vào thân và những thứ hữu-hình chạm xúc … Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên

có [sinh ra] cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái). Đây là nguồn-gốc của khổ. (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phai-biến của khổ? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này (ái diệt) thì chấm dứt sự dính-chấp (thủ diệt); khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện- hữu (hữu diệt); khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh-ra là chấm dứt sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt). Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này. Đây chính là sự phai-biến của khổ. “Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh … … Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này (ái diệt) thì chấm dứt sự dính-chấp (thủ diệt); khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện- hữu (hữu diệt); khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh-ra là chấm dứt sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt). Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này. Đây chính là sự phai-biến của khổ.” (SN 12:43)

44 (4) Thế Giới Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy nguồn-gốc và sự phai-biến của thế giới.124 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn-gốc của thế giới? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện, nên có sự dính-chấp (thủ); do có sự dính-chấp là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Này các Tỳ kheo, đây là nguồn-gốc của thế giới. “Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh … Tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương … Tùy thuộc vào lưỡi và những mùi-vị … Tùy thuộc vào thân và những thứ hữu-hình chạm xúc … Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ) … nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Này các Tỳ kheo, đây là nguồn-gốc của thế giới (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phai-biến của thế giới? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục- vọng (ái). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này (ái diệt) thì chấm dứt sự dính-chấp (thủ diệt); khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt); khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh-ra là chấm dứt sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt). Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này. Này các Tỳ kheo, đây chính là sự phai-biến của thế giới. “Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh … … Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của

ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này (ái diệt) thì chấm dứt sự dính-chấp (thủ diệt) … chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh-ra là chấm dứt sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt). Đó là sự chấm- dứt của toàn bộ đống khổ này. Này các Tỳ kheo, đây chính là sự phai-biến của thế giới.” (SN 12:44)

45 (5) Ở Ñātika Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Ñātika trong Hội Trường Bằng Gạch. Lúc đó, khi đức Thế Tôn ở một mình trong sự tách-ly, đức Thế Tôn đã (tự mình) thốt ra bài thuyết Pháp như vầy:125 (1) “Tùy thuộc vào mắt và những

hình-sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều- kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện, nên có sự dính-chấp (thủ) … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. "Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh … … Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện, nên có sự dính-chấp (thủ) … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. (2) "Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều- kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này (ái diệt) thì chấm dứt sự dính-chấp (thủ diệt); khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm

dứt sự hiện-hữu (hữu diệt) … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này. "Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh … … Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt dục-vọng này (ái diệt) thì chấm dứt sự dính-chấp (thủ diệt); khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện- hữu (hữu diệt) … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này. Bấy giờ, vào lúc đó có một Tỳ kheo đang đứng gần đó đã lén nghe được đức Thế Tôn nói. Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy ấy đang đứng lắng nghe và nói với thầy ấy: "Này Tỳ kheo, thầy đã nghe bài thuyết Pháp phải không?" "Dạ, thưa Thế Tôn." "Hãy học bài thuyết Pháp này, này Tỳ kheo, hãy nắm vững nó và ghi nhớ nó. Bài thuyết Pháp này là hữu ích và liên quan tới những căn bản của đời sống tâm linh." (SN 12:45)

46 (6) Một Bà-la-môn Ở Sāvatthī. Lúc đó có một bà-la-môn đã đến gặp và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thầy Cồ-đàm, là sao: có phải người làm chính là người nếm trải [hậu quả, nghiệp quả] đó?"126 "(nếu nghĩ) 'Người làm chính là người nếm trải [hậu quả]': đây là một cực đoan, này bà-la-môn."

"Vậy thì, Thầy Cồ-đàm, có phải người làm là một người, và người nếm trải [hậu quả] là người khác?" "(nếu nghĩ) 'Người làm là một người, và người nếm trải [hậu quả] là người khác': đây là một cực đoan, này bà-la-môn." "Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo như vầy: 'Do có vô-minh làm điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý; do có những sự tạo-tác cố ý làm điều-kiện, nên có thức … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý thì chấm dứt thức … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này'." Sau khi điều này được

nói ra, bà-la-môn đó đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! … Con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn Tỳ kheo. Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.” (SN 12:46)

47 (7) Bà-la-môn Jāṇussoṇi
Ở Sāvatthī.
Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇi đã đến gặp … và nói với đức Thế
Tôn:127
“Thưa Thầy Cồ-đàm, là sao: có phải tất cả đều hiện hữu?”
“(nếu nghĩ) ‘Tất cả đều hiện hữu’: đây là một cực đoan, này bà-lamôn.”
“Vậy thì, Thầy Cồ-đàm, có phải tất cả đều không hiện hữu?”

“(nếu nghĩ) ‘Tất cả đều không hiện hữu’: đây là cực đoan thứ hai, này bà-la-môn. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo … [tiếp tục như kinh SN 12:46 kế trên] …” Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đó đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! … Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.” (SN 12:47)

48 (8) Một Người Luận Giải Thế Giới Ở Sāvatthī.

Lúc đó có bà-la-môn là người luận giải về thế giới128 đã đến gặp đức Thế Tôn … và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, là sao: có phải tất cả đều hiện hữu?” “‘Tất cả đều hiện hữu’: đây là vũ trụ luận xưa cũ nhất, này bà-lamôn.”129

“Vậy thì, Thầy Cồ-đàm, có phải tất cả đều không hiện hữu?” “‘Tất cả đều không hiện hữu’: đây là vũ trụ luận xưa cũ nhì, này bà- la-môn.”

“Vậy là sao, Thầy Cồ-đàm: có phải tất cả đều là một hợp thể?”130

“‘Tất cả đều là một hợp thể’: đây là vũ trụ luận xưa cũ thứ ba, này bà- la-môn.”

“Vậy thì, Thầy Cồ-đàm: có phải tất cả đều là số nhiều?”131

“‘Tất cả đều là số nhiều’: đây là vũ trụ luận xưa cũ thứ tư, này bà-la- môn. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo … [tiếp tục như kinh SN 12:46 kế trên] …”

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đó đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! … Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.” (SN 12:48)

49 (9) Người Đệ Tử Thánh Thiện (1) Ở Sāvatthī. - “Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện không còn nghĩ suy: ‘Khi thứ gì có mặt, thì cái gì xảy ra? Khi có sự khởi sinh của thứ gì, thì cái gì khởi sinh? [Khi thứ gì có mặt, thì có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý? Khi thứ gì có mặt, thì có thức.]132 Khi thứ gì có mặt, thì có phần danh-sắc? … Khi

thứ gì có mặt, thì có sự già-chết?' "Thay vì vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đó đã tự có sự-biết về (nguyên lý) này mà không phụ thuộc (nhờ dựa) vào người khác: (đó là): 'Khi thứ này có mặt, thì thứ kia xảy ra; khi có sự khởi sinh của thứ này, thì thứ kia khởi sinh. [Khi vô-minh có mặt, thì có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý. Khi những sự tạo-tác cố ý có mặt, thì có thức.] Khi có thức thì có phần danh-sắc ... Khi có sự sinh-ra, thì có sự già-chết.' Người đó hiểu: 'Thế giới khởi sinh theo cách như vậy.' - "Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện không còn nghĩ suy: 'Khi thứ gì không có mặt, thì không có thứ gì? Khi có sự chấm dứt thứ gì, thì thứ gì chấm dứt? [Khi thứ gì không có mặt, thì không có [không sinh ra] những sự tạo-tác cố ý? Khi thứ gì không có mặt, thì không có thức?] Khi thứ gì không có mặt, thì không có phần danh-sắc? ... Khi thứ gì không có mặt, thì không có sự già-chết?'" "Thay vì vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đó đã tự có sự-biết về (nguyên lý) này mà không phụ thuộc (nhờ dựa) vào người khác: (đó là): 'Khi thứ này không có mặt, thì không có thứ kia; khi có sự chấm dứt thứ này, thì thứ kia chấm dứt. [Khi không có vô-minh, thì không có

[không sinh ra] những sự tạo-tác cố ý. Khi không có những sự tạo-tác cố ý, thì không có thức.] Khi không có thức, thì không có phần danh-sắc ... Khi không có sự sinh-ra, thì đâu có sự già-chết.' Người đó hiểu: 'Thế giới chấm dứt theo cách như vậy.' "Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được như vậy về sự khởi-sinh và biến-diệt của thế giới đúng như chúng thực là, thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), thành tựu về sự-thấy (tầm nhìn), là người đã đạt tới trí-biết đích thực (chân trí, minh), người đã có được sự-biết đích thực của một bậc học-nhân, là người đã bước vào dòng chảy Giáo Pháp, là một thánh nhân với trí-tuệ thâm nhập, là người đang đứng vững chắc ngay trước cửa bước vào sự Bất Tử." (SN 12:49)

50 (10) Người Đệ Tử Thánh Thiện (2) [Giống hệt kinh SN 12:49 kế trên. Chỉ khác là: những đoạn trong ngoặc vuông [...] ở trên thì không-có trong các phiên bản phiên bản Thái, Tích Lan. Nhưng kinh SN 12:50 này trong các phiên bản khác thì đều có ghi đủ các đoạn đó.]

(SN 12:50)

NHÓM 6. NHÓM KHỔ (nhóm cây) (Dukkha-vagga)133

51 (1) Sự Điều Tra Thấu Suốt Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo!" "Dạ, thưa Thế Tôn!", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang thực hiện một sự điều-tra thấu suốt, theo cách nào là người đó điều tra một cách thấu suốt để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ?"134

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” “Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo thực hiện một sự điều- tra thấu suốt, người đó điều tra một cách thấu suốt như vầy: ‘Nhiều dạng nhiều loại khổ đau khởi sinh trong thế giới [dẫn đầu bởi sự già-chết]: cái gì là nguồn gốc của sự khổ này, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? Khi cái gì có mặt, thì sự già-chết xảy ra? Khi cái gì không có mặt, thì sự già-chết không xảy ra?’ - “Khi điều tra một cách thấu suốt, người đó hiểu được như vầy: ‘Nhiều dạng nhiều loại khổ đau khởi sinh trong thế giới [dẫn đầu bởi sự già-chết]: khổ này có sự sinh-ra (sinh) là nguồn gốc của nó, sự sinh-ra là

nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ sự sinh-ra. Khi có sự sinh- ra, thì có sự già-chết; nếu không có sự sinh-ra, thì đâu có sự già-chết.’ -- “Người đó hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự phù hợp với sự chấm dứt nó.135 Người đó thực hành con-đường đó và dẫn dắt bản thân đúng theo vậy. Đây được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ, để chấm dứt sự già-chết. (diệt lão tử) (2)–(11) “Rồi, điều tra thêm nữa, người đó điều tra một cách thấu suốt như vầy: ‘Cái gì là nguồn gốc của sự sinh-ra này (sinh), cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? … Cái gì là nguồn gốc của sự hiện-hữu này (hữu)? … sự dính-chấp này (thủ)? … dục-vọng này (ái)? … cảm-giác này (thọ)? … sự tiếp-xúc này (xúc)? … sáu cơ-sở cảm nhận này (sáu xứ)? … phần danh-sắc này (danh sắc)? … thức (thức) này? … Cái gì là nguồn gốc của những sự tạo-tác cố ý này (hành), cái gì là nguyên gốc của chúng, từ cái gì chúng được sinh ra và tạo ra? Khi cái gì có mặt, thì có những sự tạo-tác cố ý xảy ra? Khi cái gì không có mặt, thì những sự tạo-tác cố ý không xảy ra?’ - “Khi điều tra một cách thấu suốt, người đó hiểu được như vầy: ‘Những sự tạo-tác cố ý (hành) có vô-minh là nguồn gốc của chúng, vô- minh là nguyên gốc của chúng; chúng được sinh ra và tạo ra từ vô-minh. Khi có vô-minh, thì có những sự tạo-tác cố ý xảy ra; nếu không có vô- minh, thì những sự tạo-tác cố ý không xảy ra.’ -- “Người đó hiểu được những sự tạo-tác cố ý (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự phù hợp với sự chấm dứt nó. Người đó thực hành con-đường đó và dẫn dắt bản thân đúng theo vậy. Đây được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ, để chấm dứt những sự tạo-tác cố ý. (diệt sinh … diệt hành) “Này các Tỳ kheo, nếu một người còn chìm đắm trong vô-minh mà tạo ra một sự tạo-tác cố ý (mang tính) phước đức (phước hành), thì thức sẽ đi đến chỗ phước đức; nếu người đó tạo ra một sự tạo-tác cố ý vô phước

đức (vô phước hành), thì thức sẽ đi đến chỗ vô phước đức; nếu người đó tạo ra một sự tạo-tác cố ý bất-lay-động (bất động hành), thì thức sẽ đi đến chỗ bất-lay-động. 136 Nhưng khi một Tỳ kheo đã loại bỏ vô-minh và đã phát khởi trí-biết đích thực (chân trí,

minh), thì: với sự phai biến vô-minh và sự khởi-sinh trí-biết đích thực (minh), người đó không còn tạo ra sự tạo-tác cố ý phước đức hay sự tạo-tác cố vô phước đức hay sự tạo-tác cố ý bất-lay-động nào nữa. Bởi do người đó không còn tạo ra hay tạo lập những sự tạo-tác cố ý nào nữa, nên người đó không còn dính-chấp với bất cứ điều gì trong thế giới. Do không còn dính-chấp (vô thủ), nên người đó không còn bị khích-động (tức: không còn khát-dục hay sợ-hãi).137 Do không còn bị khích động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'

- "Khi người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, 138 người đó hiểu: 'Nó là vô thường'; người đó hiểu: 'Không nên nắm giữ nó'; người đó hiểu: 'Không nên khoái thích nó'. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó hiểu: 'Nó là vô thường'; người đó hiểu: 'Không sân bực nó'; người đó hiểu: 'Không ghê ghét nó'. Khi người đó cảm nhận một cảm- giác trung tính, người đó hiểu: 'Nó là vô thường'; người đó hiểu: 'Không ngu ngơ về nó'; người đó hiểu rõ: 'Không si mờ về nó'. -- "Khi người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm thấy tách-ly (không dính theo nó). Khi người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó cảm thấy tách-ly. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác không khổ không sướng, người đó cảm thấy tách-ly. --- "Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này, người đó hiểu: 'Ta cảm nhận một cảm-giác kết liễu cùng với thân này.' Khi người đó cảm nhận một cảm-giác kết liễu cùng mạng sống, người đó hiểu: 'Ta cảm nhận một cảm-giác kết liễu cùng mạng sống.'139 Người đó hiểu rõ: 'Khi thân tan rã, theo sau là sự hết mạng (thân hoại mạng chung), thì mọi thứ được cảm nhận, nhưng không còn được thích

thú sẽ trở thành nguội-tắt ngay tại đây; chỉ còn lại những mảnh xác của thân.'140 "Này các Tỳ kheo, ví dụ một người lấy một cái nồi đất sét nóng rực từ trong lò nung của người thợ gốm, và đặt nó trên nền đất phẳng: nhiệt nóng của nó sẽ bị giải tán ngay tại chỗ đó, và chỉ còn lại những mảnh gốm của nồi đất sét. Cũng giống như vậy, khi người đó cảm nhận một cảm-giác kết liễu cùng với thân này …. kết liễu cùng với mạng sống …. người đó hiểu: 'Khi thân tan rã, theo sau là sự hết mạng, thì mọi thứ được cảm nhận, nhưng không còn được thích thú, sẽ trở thành nguội-tắt ngay tại đây; chỉ còn lại những mảnh xác của thân.' 141 "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, có thể nào một Tỳ kheo đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận) mà còn tạo ra một sự tạo-tác cố ý phước đức, hay một sự tạo-tác cố vô phước đức, hay một sự tạo-tác cố ý bất-lay- động?" "Dạ không, thưa Thế Tôn." "Khi đã dứt sạch những sự tạo-tác cố ý (hành diệt), với sự chấm dứt mọi sự tạo-tác cố ý, thì có còn thấy thức (thức tái sinh) hay không?"142 "Dạ không, thưa Thế Tôn." "Khi đã dứt sạch thức (thức diệt), với sự chấm dứt của thức, thì có còn thấy phần danh-sắc (danh sắc) hay không?" "Dạ không, thưa Thế Tôn." "Khi đã dứt sạch phần danh-sắc (danh sắc diệt) … dứt sạch sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt) … dứt sạch sự tiếp-xúc (xúc diệt) … dứt sạch cảm- giác (thọ diệt) … dứt sạch dục-vọng (ái diệt) … dứt sạch sự dính-chấp (thủ diệt) … dứt sạch sự hiện-hữu (hữu diệt) … dứt sạch sự sinh-ra

(sinh diệt), với sự chấm dứt của sự sinh-ra, thì có còn thấy sự già-chết hay không?" "Dạ không, thưa Thế Tôn."

"Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Điều đó chính xác là như vậy, và không thể sai khác! Này các Tỳ kheo, hãy đặt niềm-tin vào ta về điều này, hãy nhất quyết về điều này. Hãy bỏ hết sự lờ-mờ và nghi-ngờ về điều này. Đơn giản đây chính là sự chấm-dứt khổ." 143 (SN 12:51)

52 (2) Sự Dính Chấp Ở Sāvatthī. (1) "Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm, quán niệm, tâm niệm) về sự thỏa-thích trong những thứ có thể bị dính chấp (có thể làm mình chấp thủ theo chúng),144 thì dục-vọng sẽ tăng lên. Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] sự dính-chấp (thủ); do có sự dính-chấp là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một đống lửa lớn đang cháy, tiêu hao mười, hai mươi, ba mươi, hay bốn mươi khối củi, và một người cứ châm thêm cỏ khô, phân bò khô, và củi khô vào trong nó. Như vậy, được duy trì bằng nhiên liệu đó, được cấp nhiên liệu bằng những thứ khô đó, ngọn lửa lớn đó càng cháy thêm rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích trong những thứ dễ bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ càng tăng (ái tăng) … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. 145 (2) "Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm về sự nguy- hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi có sự chấm dứt của dục-vọng (ái diệt) thì chấm dứt sự dính-chấp (thủ diệt); khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt); khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh- ra thì đâu còn sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và

tuyệt vọng (lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt). Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này." "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một đống lửa lớn đang cháy, tiêu hao tiêu hao mười, hai mươi, ba mươi, hay bốn mươi khối củi, và một người không châm thêm cỏ khô, phân bò khô, hay củi khô vào trong nó. Như vậy, khi nguồn nhiên liệu đầu đã cháy hết, không được châm thêm nhiên liệu nào nữa, không được duy trì, thì đống lửa lớn đó sẽ bị tắt ngấm. "Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ chấm dứt … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này." 146

(SN 12:52)

53 (3) Những Gông Cùm (1) Ở Sāvatthī. (1) "Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm, quán niệm, tâm niệm) về sự thỏa-thích trong những thứ có thể gông cùm mình (như tham muốn, nhục dục),147 thì dục-vọng tăng lên. Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] sự dính-chấp (thủ); do có sự dính-chấp là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên

có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều- kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một ngọn đèn dầu đang cháy phụ thuộc vào dầu và tim đèn, và một người cứ châm thêm dầu vào nó và chỉnh (tăng) tim đèn. Như vậy, do được duy trì bởi dầu, được cấp nhiên liệu bằng dầu, thì ngọn đèn dầu đó sẽ cháy rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích trong những thứ có thể gông cùm mình, thì dục-vọng sẽ tăng lên … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.

(2) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm về sự nguy- hại trong những thứ có thể gông cùm mình, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi có sự chấm dứt của dục-vọng (ái diệt) thì chấm dứt sự dính-chấp (thủ diệt); khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt) … chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt); khi chấm dứt sự sinh-ra thì đâu còn sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.” “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một ngọn đèn dầu đang cháy phụ thuộc vào dầu và tim đèn, và một người không châm thêm dầu vào nó và không chỉnh (tăng) tim đèn. Như vậy, khi nguồn nhiên liệu đầu đã cháy hết, do không được châm thêm nhiên liệu nào nữa, không được duy trì, thì ngọn đèn dầu đó sẽ bị tắt ngấm. “Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể gông cùm mình, thì dục-vọng sẽ chấm dứt … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.” (SN 12:53)

54 (4) Những Gông Cùm (2) [Giống hệt kinh SN 12:53 kế trên, chỉ khác nhau là: trong tất cả 02 phần, các ví dụ được nói ra trước và phần nói về giáo lý được nói sau.]

(SN 12:54)

55 (5) Cây Lớn (1) Ở Sāvatthī. (1) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm, quán niệm, tâm niệm) về sự thỏa-thích trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng tăng lên. Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện

(duyên), nên có [sinh ra] sự dính-chấp (thủ) … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây to, và tất cả rễ của nó đều mọc sâu và mọc ngang rồi đưa nhựa sống lên nuôi cây. Được duy trì bởi nhựa sống, được nuôi dưỡng bởi nhựa sống, nên cây to đó sẽ đứng sống rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng cứ tăng lên … Đó là nguồn- gốc của toàn bộ đống khổ này.148 (2) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm về sự nguy- hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi chấm dứt dục-vọng (ái diệt) thì chấm dứt sự dính-chấp (thủ diệt) … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.” “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây to. Rồi một người đến mang theo một cái cuốc và rổ. Người đó chặt đứt ngang gốc cây, rồi đào gốc rễ, và bứng sạch rễ cây, kể cả rễ nhỏ và rễ con. Người đó chặt thân cây thành khúc, chặt thành miếng nhỏ, băm nhỏ thành mảnh vụn. Rồi người đó phơi những mảnh cây dưới nắng và gió, rồi đốt cháy chúng, và hốt lấy tro. Sau khi làm như

vậy, người đó quăng tro đi trong gió mạnh hoặc quăng xuống sông chảy xiết. Như vậy cái cây to đó đã bị cắt đứt gốc rễ, bị làm thành như một gốc chết cây cọ, bị tiêu hủy đến mức không thể còn khởi sinh trong tương lai. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ chấm dứt … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.”149 (SN 12:55)

56 (6) Cây Lớn (2) [Giống hệt kinh SN 12:55 kế trên, chỉ khác nhau là: trong tất cả 02 phần, các ví dụ được nói ra trước và phần nói về giáo lý được nói sau.]

(SN 12:56)

57 (7) Cây Non Ở Sāvatthī. (1) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm, quán niệm, tâm niệm) về sự thỏa-thích trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng cứ tăng lên. Do có dục-vọng (ái) là điều- kiện (duyên), nên có [sinh ra] sự dính-chấp (thủ) … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây non, và một người cứ thường dọn sạch cỏ xung quanh gốc của nó, thường bón thêm đất tốt, thường tưới nước cho nó. Được duy trì bởi sự chăm sóc đó, được nuôi dưỡng bởi sự chăm sóc đó, nên cây non đó sẽ lớn lên, tăng trưởng, và phát tán rộng. Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng cứ tăng lên … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. (2) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm về sự nguy- hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi chấm dứt dục-vọng (ái diệt) thì chấm dứt sự dính-chấp … Đó là sự chấm- dứt của toàn bộ đống khổ này.” “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây non. Rồi một người đến mang theo một cái cuốc và rỗ. Người đó chặt đứt ngang gốc cây … [giống đoạn này của kinh 12:55 ở trên] … người đó quăng tro đi trong gió mạnh hoặc quăng xuống sông chảy xiết. Như vậy cái cây non đó đã bị cắt đứt gốc rễ, bị làm thành như một gốc chết cây cọ, bị tiêu hủy đến mức không thể còn khởi sinh trong tương lai. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ chấm dứt … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.”

(SN 12:57)

58 (8) Phần Danh-Sắc Ở Sāvatthī. (1) “Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm, quán niệm, tâm niệm) về sự thoả-thích trong những thứ có thể gông cùm mình [có dục-vọng nằm bên dưới sự suy ngẫm đó], thì có một gốc-gác sinh ra phần danh-sắc. 150 Do có phần danh-sắc (danh sắc) là điều-kiện, nên có [sinh ra] sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) … Đó là nguồn- gốc của toàn bộ đống khổ này. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây to, và tất cả rễ của nó đều mọc sâu và mọc ngang rồi đưa nhựa sống lên nuôi cây. Được duy trì bởi nhựa sống, được nuôi dưỡng bởi nhựa sống, nên cây to đó sẽ đứng sống rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích trong những thứ có thể gông cùm mình, thì có một gốc-gác sinh ra phần danh-sắc … Đó là nguồn- gốc của toàn bộ đống khổ này. (2) “Này các Tỳ kheo, khi

một người sống cứ suy ngẫm về sự nguy- hại trong những thứ có thể gông cùm mình, thì không có một gốc-gác để sinh ra phần danh-sắc. Khi chấm dứt phần danh-sắc (danh sắc diệt) thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt) … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này." "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây to. Rồi một người đến mang theo một cái cuốc và rỗ. Người đó chặt đứt ngang gốc cây … [giống đoạn này của kinh 12:55 ở trên] … người đó quăng tro đi trong gió mạnh hoặc quăng xuống sông chảy xiết. Như vậy cái cây to đó đã bị chặt đứt gốc rễ, bị thành như một gốc chết cây cọ, bị tiêu hủy đến mức không thể còn khởi sinh trong tương lai. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể gông cùm mình, thì không có

một gốc-gác để sinh ra phần danh-sắc … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này." (SN 12:58)

59 (9) Thức Ở Sāvatthī. (1) "Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm, quán niệm, tâm niệm) về sự thoả-thích trong những thứ có thể gông cùm mình, thì có một gốc-gác sinh ra thức.151 Do có thức (thức) là điều-kiện, nên có [sinh ra] phần danh-sắc (danh sắc) … Đó là nguồn- gốc của toàn bộ đống khổ này. "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây to, và tất cả rễ của nó đều mọc sâu và mọc ngang rồi đưa nhựa sống lên nuôi cây. Được duy trì bởi nhựa sống, được nuôi dưỡng bởi nhựa sống, nên cây to đó sẽ đứng sống rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích trong những thứ có thể gông cùm mình, thì có một gốc-gác sinh ra thức … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. (2) "Này các Tỳ kheo, khi một người sống cứ suy ngẫm về sự nguy- hại trong những thứ có thể gông cùm mình, thì không có một gốc-gác để sinh ra thức. Khi chấm dứt thức (thức diệt) thì chấm dứt phần danh-sắc (danh sắc diệt) … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này." "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây to. Rồi một người đến mang theo một cái cuốc và rỗ. Người đó chặt đứt ngang gốc cây … [giống đoạn này của kinh 12:55 ở trên] … người đó quăng tro đi trong gió mạnh hoặc quăng xuống sông chảy xiết. Như vậy cái cây to đó đã bị chặt đứt gốc rễ, bị thành như một gốc chết cây cọ, bị tiêu hủy đến mức không thể còn khởi sinh trong tương lai. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì không có

một gốc-gác để sinh ra thức … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này." (SN 12:59)

60 (10) Nhân Duyên Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Kuru, ở nơi có một quận thị của họ có tên là Kammāsadamma. Lúc đó Ngài Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn. 'Sự khởi- sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi) này là thật sâu xa và thật thâm thúy trong những hàm nghĩa, nhưng đối với con nó dường như hết sức rất rõ ràng." "Không phải chỉ vậy đâu, này Ānanda! Không phải chỉ vậy đâu, này Ānanda! 'Sự khởi-sinh tùy thuộc' này là thật sâu xa và thâm thúy về

mặt hàm nghĩa. Này Ānanda, bởi do không hiểu và không thâm nhập Giáo Pháp này, nên thế hệ (chúng sinh) này đã thành như một cuộn chỉ rối, như một trái sợi thắt rối, như một mớ bùi nhùi đan rối, và không thể vượt khỏi cảnh giới khổ đau, những nơi đến thấp xấu, cõi địa ngục, vòng luân-hồi (sinh tử). 152

(1) "Này Ānanda, khi một người sống cứ suy ngẫm (nghĩ hoài, nghiền ngẫm, quán niệm, tâm niệm) về sự thỏa-thích trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng cứ tăng lên. Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] sự dính-chấp (thủ) … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. "Này Ānanda, ví dụ có một cây to, và tất cả rễ của nó đều mọc sâu và mọc ngang rồi đưa nhựa sống lên nuôi cây. Được duy trì bởi nhựa sống, được nuôi dưỡng bởi nhựa sống, nên cây to đó sẽ đứng sống rất lâu. Cũng giống như vậy, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích trong

những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng cứ tăng lên … Đó là nguồn- gốc của toàn bộ đống khổ này. (2) "Này Ānanda, khi một người sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi chấm dứt dục-vọng (ái diệt) thì chấm dứt sự dính-chấp (thủ diệt) … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này." "Này Ānanda, ví dụ có một cây to. Rồi một người đến mang theo một cái cuốc và rỗ. Người đó chặt đứt ngang gốc cây … [giống đoạn này của kinh 12:55 ở trên] … người đó quăng tro đi trong gió mạnh hoặc quăng xuống sông chảy xiết. Như vậy cái cây to đó đã bị chặt đứt gốc rễ, bị thành như một gốc chết cây cọ, bị tiêu hủy đến mức không thể còn khởi sinh trong tương lai. "Cũng giống như vậy, này Ānanda, khi người ta sống cứ suy ngẫm về sự nguy-hại trong những thứ có thể bị dính chấp, thì dục-vọng sẽ chấm dứt. Khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra thì đâu còn sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này." (SN 12:59)

NHÓM 7. 'NHÓM LỚN' (Mahā-vagga)

61 (1) Người Phàm Phu Không Được Chỉ Dạy (1) Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc … (1) "Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy153 có thể trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân này do bốn yếu-tố lớn (tứ đại) hợp thành; người đó có thể trở nên chán-bỏ đối với nó và được giải-thoát khỏi nó. Vì lý do gì? Bởi vì sự tăng lên và sụt xuống được nhìn thấy trong thân này do bốn yếu-tố lớn hợp thành, nó được nhìn thấy được nâng lên và đặt xuống một bên. Vì vậy người phàm phu không được chỉ dạy có thể trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân này do bốn yếu-tố lớn hợp thành; người đó có thể trở nên chán-bỏ đối với nó, và được giải-thoát khỏi nó. (2) "Nhưng, này các Tỳ kheo, đối với cái được gọi là 'tâm', hay 'tâm thần', hay 'thức' (ba chữ đều chỉ về cơ-sở tâm, tâm xứ)154—thì người phàm phu không được chỉ dạy không thể trải nghiệm sự ghê-sợ đối với nó, không thể trở nên chán-bỏ đối với nó, và không

thể được giải-thoát khỏi nó. Vì lý do gì? Vì đã từ lâu họ luôn nắm-giữ, chấp-hữu, nắm-chặt như vầy: 'Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã' của ta'.155 Vì vậy người phàm phu không được chỉ dạy không thể trải nghiệm sự ghê-sợ đối với nó, không thể trở nên chán-bỏ đối với nó, và không thể được giải-thoát khỏi nó. (i) "Vậy thì, này các Tỳ kheo, đối với người phàm phu không được chỉ dạy thì thà nhận cái thân 'tứ đại' này là cái 'Ta', như vậy vẫn còn tốt hơn nhận lấy 'tâm' là cái 'Ta'. Vì lý do gì? Vì thân 'tứ đại' này còn thấy trụ được một năm, hai, ba, bốn, năm, hay mười năm, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, hay một trăm năm, hay thậm chí lâu hơn.156 Chứ cái

được gọi là 'tâm' và 'tâm thần' và 'thức' thì luôn khởi sinh thành này và chấm dứt thành khác (sinh-diệt liên tục trong từng khoảnh khắc) suốt ngày suốt đêm. "Giống như một con khỉ chạy nhảy khắp trong rừng luôn chụp nắm cành cây, chụp rồi thả, rồi chụp nắm cành khác (chụp thả, thả chụp liên tục trong từng giây phút); cũng giống như vậy, cái được gọi là 'tâm', 'tâm thần', hay 'thức' thì luôn khởi sinh thành này và chấm dứt thành khác (sinh-diệt liên tục) suốt ngày suốt đêm.157 (ii) "Trong khi đó, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì chú-tâm một cách sát sao và kỹ càng vào chính 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi) như vầy:158 'Khi cái này có mặt, thì cái kia xảy ra; khi có sự khởi sinh cái này, thì cái kia khởi sinh. Khi cái này không có mặt, thì cái kia không xảy ra; khi chấm dứt cái này, thì cái kia chấm dứt.' Đó là: 'Do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện, nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý' (hành); do có những sự tạo-tác cố ý (hành), nên có thức (thức)' … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. Nhưng 'Với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo- tác cố ý (hành diệt); khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý thì chấm dứt thức (thức diệt)' … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này." "Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy (lý duyên khởi) như vậy, người đệ tử thánh thiện trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân (sắc), sự ghê-sợ đối với cảm-giác (thọ), sự ghê-sợ đối với nhận-thức (tưởng), sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý (hành), sự ghê-sợ đối với thức (thức). Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, thì có sự-biết: 'Nó được giải thoát'. Người đó hiểu: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 12:59)

62 (2) Người Phàm Phu Không Được Chỉ Dạy (2) [Giống hệt kinh SN 12:61 kế trên từ đầu cho tới "… suốt ngày suốt đêm." Rồi bỏ đi phần ví dụ 'con khỉ', và tiếp tục như sau:]

(ii) "Trong đó, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện thì chú-tâm một cách sát sao và kỹ càng vào chính 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi) như vầy: 'Khi cái này có mặt, thì cái kia xảy ra; khi có sự khởi sinh cái này, thì cái kia khởi sinh. Khi cái này không có mặt, thì cái kia không xảy ra; khi chấm dứt cái này, thì cái kia chấm dứt.' Này các Tỳ

kheo, (i) tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng nên có một cảm- giác sướng khởi sinh. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc đó thì cảm-giác tương ứng—tức, cảm-giác sướng khởi-sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng đó— cũng chấm dứt và lắng lặn. (ii) Tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ nên có một cảm-giác khổ khởi sinh. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc đó thì chấm dứt cảm-giác tương ứng—tức, cảm-giác khổ khởi-sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ đó— cũng chấm dứt và lắng lặn. (iii) Tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính (không sướng không khổ) nên có một cảm-giác trung tính khởi sinh. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc đó thì cảm-giác tương ứng—tức, cảm-giác trung tính khởi-sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính đó— cũng chấm dứt và lắng lặn. “Này các Tỳ kheo, giống như nhiệt được tạo ra và lửa được sinh ra từ sự tiếp-xúc và cọ-sát của hai cây mồi lửa, nhưng khi tách rời hai cây đó thì nhiệt nóng cũng chấm dứt và lắng lặn;159 cũng giống như vậy, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng … một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ … tùy thuộc một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính, nên có một cảm-giác trung tính khởi-sinh tùy thuộc … Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính đó thì cảm-giác tương ứng … — cũng chấm dứt và lắng lặn. “Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy (lý duyên khởi) như vậy, người đệ tử thánh thiện trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân (sắc), sự ghê-sợ đối với cảm-giác (thọ), sự ghê-sợ đối với nhận-thức (tưởng), sự

ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý (hành), sự ghê-sợ đối với thức (thức). Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, thì có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (SN 12:62)

63 (3) Thịt Của Người Con Ở Sāvatthī.160

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại dưỡng-chất để duy trì (sự sống của) những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành. Bốn đó là gì? Thức-ăn, thô và tinh; thứ hai, sự tiếp-xúc; thứ ba, sự cố-ý của tâm (tư, tâm tư); thứ tư, thức. Đây là bốn loại dưỡng-chất để duy trì những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành. “Và, này các Tỳ kheo, dưỡng-chất là thức-ăn nên được nhìn thấy theo cách nào? Giả sử có cặp vợ chồng chỉ mang ít đồ ăn và đang đi băng qua vùng sa mạc. Cùng đi với họ là đứa con duy nhất, đứa con thân thương và yêu dấu. Rồi tới giữa sa mạc, chỗ đồ ăn ít ỏi của họ cũng hết sạch, trong khi còn một vùng sa mạc lớn phía trước phải băng qua (để sống sót). Người chồng và vợ nghĩ rằng: ‘Chỗ đồ ăn ít ỏi của chúng ta đã hết sạch, trong khi còn một vùng sa mạc lớn phía trước phải băng qua. Chắc chúng ta phải giết đứa con duy nhất của mình, đứa con thân thương và yêu dấu, và làm thành thịt khô và thịt ướp. Bằng cách ăn thịt con mình thì chúng ta mới có thể băng qua hết sa mạc này. Còn hơn để cả ba đều chết!’ “Rồi, này các Tỳ kheo, vợ chồng đó đã giết đứa con duy nhất, đứa con thân thương và yêu dấu, làm thành thịt khô và thịt ướp, và bằng cách ăn thịt con mình

họ có thể vượt qua vùng sa mạc còn lại. Trong khi họ đang

ăn thịt con mình, họ đấm ngực và than khóc: ‘Con đang ở đâu, hỡi đứa con duy nhất của chúng ta? Con đang ở đâu, hỡi đứa con duy nhất của chúng ta?’ “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Có phải họ ăn thức ăn đó là để giải trí, hay để thưởng thức, hay để thân được đẹp đẽ và hấp dẫn?” “Không phải vậy, thưa Thế Tôn.” “Có phải họ ăn thức ăn đó (với mục đích) chỉ để có thể băng qua sa mạc?” “Đúng vậy, thưa Thế Tôn.” (1) “Này các Tỳ kheo, do cách như vậy nên ta nói rằng dưỡng-chất là thức-ăn (đoàn thực) nên được nhìn thấy.161 Khi dưỡng-chất là thức-ăn được hiểu hoàn toàn, thì tham-dục năm dây khoái-lạc giác-quan sẽ được hiểu hoàn toàn (liễu ngộ).162 Khi tham-dục năm dây khoái-lạc giác-quan được hiểu hoàn toàn, thì không còn gông-cùm nào trói buộc một người đệ tử thánh thiện quay lại (tái sinh) thế gian này nữa. (tức quả Bất-lai nhờ giác ngộ dưỡng-chất là thức-ăn)163 (2) “Và, này các Tỳ kheo, dưỡng-chất là sự tiếp-xúc (xúc thực) nên được nhìn thấy theo cách nào? Giả sử có một con bò bị lở da. Nếu nó đứng dựa vô tường, những sinh vật sống trên tường sẽ cắn rỉa nó. Nếu nó đứng dựa vô cây, những sinh vật sống trên cây sẽ cắn rỉa nó. Nếu nó đứng dưới nước, những sinh vật sống trong nước sẽ cắn rỉa nó. Nếu nó đứng giữa không khí, những sinh vật sống trong không khí sẽ cắn rỉa nó. Dù con bò lở da có đứng ở ở đâu, những sinh vật sống ở đó cũng cắn rỉa nó. “Này các Tỳ kheo, do cách như vậy nên ta nói rằng dưỡng-chất là sự tiếp-xúc nên được nhìn thấy.164 Khi dưỡng-chất là sự tiếp-xúc được hiểu hoàn toàn, thì ba loại cảm-giác sẽ được hiểu hoàn toàn. Khi ba loại cảm- giác được hiểu hoàn toàn, thì, ta nói rằng, một người đệ tử thánh thiện không-cần phải làm gì thêm nữa. (tức quả A-la-hán nhờ giác ngộ dưỡng- chất là sự tiếp-xúc) 165

(3) “Và, này các Tỳ kheo, dưỡng-chất là sự cố-ý của tâm (tư, tâm tư) nên được nhìn thấy theo cách nào? Giả sử có một hố than sâu hơn chiều cao của một người, chứa đầy than đang cháy rực nhưng không khói, không có lửa ngọn. Một người đến đó, người đó đang muốn sống, không muốn chết, thích sướng và ghét khổ. Rồi có hai người lực sĩ nắm hai tay người đó và kéo người đó tới chỗ hố than. Sự cố-ý của người đó lúc này là thoát khỏi đó, mong-muốn của người đó lúc này là thoát khỏi đó, ước- muốn của người đó lúc này là thoát khỏi đó. Vì lý do gì? Vì người đó biết: ‘Ta sẽ rớt xuống hố than và do vậy ta sẽ bị chết hoặc đau đớn như chết.’ “Này các Tỳ kheo, do cách như vậy nên ta nói rằng dưỡng-chất là sự cố-ý của tâm nên được nhìn thấy.166 Khi dưỡng-chất là sự cố-ý của tâm được hiểu hoàn toàn, thì ba loại dục-vọng sẽ được hiểu hoàn toàn. Khi ba loại dục-vọng được hiểu hoàn toàn, thì, ta nói rằng, một người đệ tử thánh thiện không-cần phải làm thêm gì nữa.167 (Quả A-la-hán nhờ giác ngộ dưỡng-chất là sự cố-ý của tâm) (4) “Và, này các Tỳ kheo, dưỡng-chất là thức nên được nhìn thấy theo cách nào? Ví dụ người ta bắt một kẻ cướp, một tên tội phạm, và dẫn người đó tới trước nhà vua, và thưa rằng: ‘Thưa bệ hạ, người này là một kẻ cướp, một tên tội phạm. Xin hãy định hình phạt hắn theo ý của bệ hạ.’ Nhà vua nói với họ: ‘Các người, cứ làm đi, buổi sáng đâm hắn bằng một trăm ngọn giáo.’ Buổi sáng họ đâm người đó bằng một trăm ngọn giáo. Rồi

tới buổi trưa nhà vua hỏi: ‘Các người, kẻ đó ra sao rồi?’—‘Vẫn còn sống, thưa bệ hạ.’—‘Vậy cứ làm đi, buổi trưa đâm hắn bằng một trăm ngọn giáo’. Buổi trưa họ đâm người đó bằng một trăm ngọn giáo. Rồi tới buổi chiều nhà vua hỏi: ‘Các người, kẻ đó sao rồi?’—‘Vẫn còn sống, thưa bệ hạ.’—‘Vậy cứ làm đi, buổi chiều đâm hắn bằng một trăm ngọn giáo.’ Buổi chiều họ đâm hắn bằng một trăm ngọn giáo. “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Liệu người đó, sau khi bị đâm bằng ba trăm ngọn giáo, có nếm trải sự đau khổ và ưu buồn vì bị như vậy hay không?”

“Thưa Thế Tôn, ngay cả khi bị đâm bởi một ngọn giáo người đó đã nếm trải sự đau khổ và ưu buồn vì bị như vậy, nói chi tới ba trăm ngọn giáo.” “Này các Tỳ kheo, do cách như vậy nên ta nói rằng dưỡng-chất là thức nên được nhìn thấy.168 Khi dưỡng-chất là thức được hiểu hoàn toàn, thì phần danh-sắc sẽ được hiểu hoàn toàn. Khi phần danh-sắc được hiểu hoàn toàn, thì, ta nói rằng, một người đệ tử thánh thiện không-cần phải làm thêm gì nữa.”169 (tức quả A-la-hán nhờ giác ngộ dưỡng-chất là thức) (SN 12:63)

64 (4) Nếu Có Tham Dục Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại dưỡng-chất để duy trì (sự sống của) những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành. Bốn đó là gì? Thức-ăn, thô và tinh; thứ hai, sự tiếp-xúc; thứ ba, sự cố-ý của tâm (tư, tâm tư); thứ tư, thức. Đây là bốn loại dưỡng-chất để duy trì những chúng sinh đã đi đến hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sắp đi đến hiện thành. (II) (i) “Này các Tỳ kheo, nếu có tham-dục đối với dưỡng-chất là thức-ăn, nếu có sự khoái-thích, nếu có dục-vọng (3 chữ chỉ ‘tham’), thì thức sẽ được lập thành ở đó và tăng trưởng.170 Bất cứ đâu thức được lập thành và đi đến sự tăng trưởng, là có một gốc-gác sinh ra phần danh-sắc. Khi có phần gốc-gốc gác sinh ra phần danh-sắc (danh sắc),171 thì có sự phát tăng những sự tạo-tác cố ý (hành).172 Khi những sự tạo-tác cố ý phát tăng, thì có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai (hữu). Khi có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai, thì sau đó sẽ có sự sinh-ra (sinh) và sự già-chết (lão tử). Ở đâu có sự sinh-ra và sự già-chết thì, ta nói rằng, ở đó có luôn sự buồn sầu, sự thống khổ, và sự tuyệt vọng.

(ii)(iv) “Này các Tỳ kheo, nếu có tham-dục đối với dưỡng-chất là sự tiếp-xúc, hoặc đối với dưỡng-chất là sự cố-ý của tâm, hoặc đối với dưỡng- chất là thức, nếu có sự khoái-thích, nếu có dục-vọng, thì thức sẽ được lập thành ở đó và tăng trưởng. Khi thức được lập thành và đi đến sự tăng trưởng, là có một gốc-gác sinh ra phần danh-sắc … thì sau đó sẽ có sự sinh-ra (sinh) và sự già-chết (lão tử). Ở đâu có sự sinh-ra và sự già-chết thì, ta nói rằng, ở đó có luôn sự buồn sầu, sự thống khổ, và sự tuyệt vọng. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nghệ sĩ hay họa sĩ, dùng nước màu, hoặc màu sơn cánh kiến, hoặc màu nghệ vàng, hoặc màu chàm, hoặc màu đỏ thắm để vẽ thành-hình một người nam hay nữ trên mặt ván gỗ hay trên tường hay trên vải bạt. Cũng giống như vậy, nếu có tham-dục đối với dưỡng-chất là thức-ăn, hoặc đối với dưỡng-chất là sự tiếp-xúc, hoặc

đối với dưỡng-chất là sự cố-ý của tâm, hoặc đối với dưỡng-chất là thức, nếu có sự khoái-thích, nếu có dục-vọng, thì thức được lập-thành ngay ở đó và tăng trưởng. Khi thức được lập thành và đi đến sự tăng trưởng … thì, ta nói rằng, ở đó có luôn sự buồn sầu, thống khổ, và tuyệt vọng. 173 (II) (i)-(iv) “Này các Tỳ kheo, nếu không có tham-dục đối với dưỡng- chất là thức-ăn, hoặc đối với dưỡng-chất sự tiếp-xúc, hoặc đối với dưỡng- chất là sự cố-ý của tâm, hoặc đối với dưỡng-chất là thức, nếu không có sự khoái-thích, nếu không có dục-vọng (vô ái), thì thức không được lập thành ở đó và tăng trưởng (vô thức). Khi thức không được lập thành và tăng trưởng, là không có một gốc-gác sinh ra phần danh-sắc. Khi không có phần danh-sắc (vô danh sắc), thì không phát sinh những sự tạo-tác cố ý (vô hành). Nếu không có những sự tạo-tác cố ý, thì không sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai (vô hữu). Nếu không sản sinh ra sự hiện hữu mới trong tương lai, thì sau đó không có sự sinh-ra (vô sinh) và sự già- chết (vô lão tử). Ở đâu không có sự sinh-ra và sự già-chết thì đâu có sự buồn sầu, thống khổ, và tuyệt vọng, ta nói vậy. “Này các Tỳ kheo, giả sử có một ngôi nhà hay hội trường mái nhọn, có các cửa sổ hướng bắc, hướng nam, hướng đông. Khi mặt trời lên và một tia nắng chiếu vào một cửa sổ, nó sẽ được thành hình ở đâu?”

“Trên bức tường phía tây, thưa Thế Tôn.” “Nếu không có bức tường phía tây, thì nó được thành hình ở đâu?” “Trên đất, thưa Thế Tôn.” “Nếu không có đất, thì nó được thành hình ở đâu?” “Trên nước, thưa Thế Tôn.” “Nếu không có nước, thì nó được thành hình ở đâu?” “Nó không được thành hình ở đâu hết, thưa Thế Tôn.” “Cũng giống như vậy, nếu không có tham-dục đối với dưỡng-chất là thức-ăn, hoặc đối với dưỡng-chất là sự tiếp-xúc, hoặc đối với dưỡng-chất là sự cố-ý của tâm, hoặc đối với dưỡng-chất là thức, nếu không có sự khoái-thích, nếu không có dục-vọng (vô ái), thì thức không được lập thành ở đó và tăng trưởng (vô thức) … Ở đâu không có sự sinh-ra và sự già-chết thì đâu có sự buồn sầu, thống khổ, và tuyệt vọng, ta nói vậy.”174 (SN 12:64)

65 (5) Kinh Thành Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, trước khi giác-ngộ, khi ta còn là một Bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, điều này đã xảy đến với ta: ‘Chao ôi, thế gian này đã rớt (trầm luân) trong khổ nạn, trong đó nó bị sinh, già, và chết, nó chết rồi lại sinh, nhưng nó không hiểu được sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết. Khi nào (họ) mới nhận thấy (nhận ra) sự giải-thoát khỏi sự khổ đau này [dẫn đầu bởi] sự già-chết?’175 (1) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi có cái gì thì có già-chết? Cái gì là điều-kiện (duyên) cho sự già-chết?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), trong ta có sự đột phá bằng trí-tuệ như vầy: ‘Khi có sinh-ra (sinh) thì có già-chết; sự già- chết có sinh-ra là điều-kiện của nó.’

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi có cái gì thì có sự sinh-ra (sinh)? … có sự hiện-hữu (hữu)? … có sự dính-chấp (thủ)? … có dục-vọng (ái)? … có cảm-giác (thọ)? … có sự tiếp-xúc (xúc)? … có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ)? … có phần danh-sắc (danh sắc)? Cái gì là điều-kiện cho phần danh-sắc?’ Rồi, này các Tỳ kheo,

thông qua sự chú- tâm kỹ càng, trong ta có sự đột phá bằng trí-tuệ như vầy: ‘Khi có thức (thức) thì có phần danh-sắc; phần danh-sắc có thức là điều-kiện của nó.’ “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi có cái gì thì có thức? Cái gì là điều-kiện cho thức?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột phá bằng trí-tuệ: ‘Khi có phần danh-sắc (danh sắc) thì có thức (thức); thức có phần danh-sắc là điều-kiện của nó.’176 “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Thức này quay lại; nó không vượt quá phần danh-sắc.177 Tới ngưỡng mức này là một người có thể được sinh-ra, rồi già và chết, qua-đời và tái-sinh, đó là, khi có thức với phần danh-sắc là điều-kiện của nó và khi có phần danh-sắc với thức là điều-kiện của nó.178 Do có phần danh-sắc (danh sắc) là điều-kiện (duyên), nên có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc (xúc) … Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.’ “‘Sự khởi-sinh, sự khởi-sinh’—vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh một sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa được nghe trước đây. (2) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi không có cái gì thì không có sự già-chết? Khi chấm dứt cái gì thì chấm dứt sự già-chết’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ như vầy: ‘Khi không có sự sinh-ra (vô sinh) thì không có sự già-chết (vô lão tử); khi chấm dứt sinh-ra (sinh diệt) là chấm dứt sự già-chết (lão tử diệt).’

“Điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi không có cái gì thì không có sự sinh-ra (vô sinh)? … không có sự hiện-hữu (vô hữu)? … không có sự dính-chấp (vô thủ)? … không có dục-vọng (vô ái)? … không có cảm- giác (vô thọ)? … không có sự tiếp-xúc (vô xúc)? … không có sáu cơ- sở cảm nhận (vô sáu xứ)? … có phần danh-sắc (vô danh sắc)? Cái gì là điều-kiện cho phần danh-sắc?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú- tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ như vầy: ‘Khi không có thức (vô thức) thì không có phần danh-sắc (vô danh sắc); khi chấm dứt thức (thức diệt) là chấm dứt phần danh-sắc (danh sắc diệt). “Điều này đã khởi lên trong ta: ‘Khi cái gì không có thì thức không có? Khi chấm dứt cái gì thì chấm dứt thức?’ Rồi, này các Tỳ kheo, thông qua sự chú-tâm kỹ càng, trong ta có sự đột-phá bằng trí-tuệ như vầy: ‘Khi không có phần danh-sắc (vô danh sắc) thì không có thức (vô thức); khi chấm dứt phần danh-sắc (danh sắc diệt) thì chấm dứt thức (thức diệt).’ “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: ‘Ta đã khám phá ra con-đường dẫn tới sự giác-ngộ, đó là, khi chấm dứt phần danh-sắc (danh sắc diệt) thì chấm dứt thức (thức diệt); khi chấm dứt thức (thức diệt) là chấm dứt phần danh-sắc (danh sắc diệt); khi chấm dứt phần danh-sắc là chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt); khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận là chấm dứt sự tiếp-xúc (xúc diệt) … Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.’179 “‘Sự chấm dứt, sự chấm dứt’—vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh một sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa được nghe trước đây. (3) “Này các Tỳ kheo, ví như có một người đang đi lang thang qua một khu rừng có thể nhìn thấy một con-đường cổ xưa, một con-đường đã được bước đi bởi những tiền nhân trong quá khứ. Người ấy có thể đi theo con đường đó và có thể tới gặp một thành phố cổ, một cố đô đã từng được cư trú bởi nhiều người trong quá khứ, có những khu vườn hoa, vườn cây trái, hồ nước,

và những thành lũy, là một nơi đáng thích. Rồi người đó có thể về bẩm báo với nhà vua [hay một quan triều]: ‘Thưa, đức ngài có biết,

Chương 12 Liên Kết NHÂN-DUYÊN • 105

khi tôi đang đi lang thang qua một khu rừng, tôi đã phát hiện một con- đường cổ xưa, một con-đường đã được bước đi bởi những tiền nhân trong quá khứ. Tôi đã đi theo con đường đó và đã tới gặp một thành phố cổ, một cố đô đã từng được cư trú bởi nhiều người trong quá khứ, có những khu vườn hoa, vườn cây trái, hồ nước, và những thành lũy, là một nơi đáng thích. Thưa đức ngài, hãy khôi phục lại kinh thành đó!’ Rồi nhà vua có thể cho khôi phục lại kinh thành đó, và không lâu sau kinh thành đó thành công và phát đạt, có nhiều dân cư trú, đông người đến sống, kinh thành đó càng được tăng trưởng và mở rộng. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy con-đường cổ xưa đó, con-đường cổ xưa đã được bước đi bởi những bậc Toàn Giác (những vị Phật) trong quá khứ.180 Và cái gì là con-đường cổ xưa đó, đường-đi cổ xưa đó? Nó chính là Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) này; đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh- nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Ta đã đi theo con-đường đó, và nhờ làm vậy, ta đã trực-tiếp biết sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Ta đã trực-tiếp biết sự sinh-ra … sự hiện-hữu … sự dính-chấp … dục- vọng … cảm-giác … sự tiếp-xúc … sáu cơ-sở cảm nhận … phần danh-sắc … thức … những sự tạo-tác cố ý, nguồn-gốc của chúng (=vô minh), sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng.181 Sau khi đã trực-tiếp biết chúng, ta đã giảng giải chúng cho những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam, và những đệ tử tại gia nữ. Này các Tỳ kheo, đời sống tâm-linh này đã được thành công và phát đạt, đã được mở rộng, phổ biến, được truyền rộng, đã được tuyên thuyết một cách hay khéo trong khắp những thiên thần và loài người.”182 (SN 12:65)

66 (6) Sự Khám Phá

106 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Kuru, ở nơi có một quận thị của họ tên là Kammāsadamma. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo!”183

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, các thầy có tham gia vào ‘sự khám-phá hướng nội’ hay không?”184 Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con có tham gia sự khám-phá hướng nội.” “Này Tỳ kheo, thầy tham gia sự khám-phá hướng nội theo cách nào?” Vị Tỳ kheo đó giải trình, nhưng cách thầy ấy giải thích đã không làm hài lòng đức Thế Tôn (tức không dựa theo phương pháp lý duyên- khởi).185 Rồi Ngài Ānanda nói: “Bây giờ là lúc để nghe điều đó, thưa Thế Tôn! Bây giờ là lúc để nghe điều đó, thưa bậc Phúc Lành! Xin Thế Tôn hãy giải thích về sự khám-phá hướng nội. Sau khi nghe điều đó từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” “Vậy, này Ānanda, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, khi tham gia vào sự khám-phá hướng nội, một Tỳ kheo khám phá như vầy: ‘Nhiều dạng nhiều loại khổ đau khởi sinh trong thế giới [dẫn đầu bởi] sự già-chết: cái gì là nguồn gốc của sự khổ, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? Khi cái gì có mặt thì xảy ra sự già-chết? Khi cái gì không có mặt thì không xảy ra sự già-chết?’186 “Sau khi người đó khám phá, người đó hiểu được như vầy: ‘Nhiều dạng nhiều loại khổ đau khởi sinh trong thế giới [dẫn đầu bởi] sự già-chết: sự khổ đau này có sự thu-nạp (sự thu nhận, sanh-y)187 là nguồn gốc của nó, sự thu-nạp là nguyên gốc của nó; nó được sinh ra và tạo ra từ sự thu-

nạp. Khi có sự thu-nạp (sanh y), thì có sự già-chết (lão tử); khi không có sự thu-nạp (vô sanh y), thì không xảy ra sự già-chết (vô lão tử).’ “Người đó hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn dắt bởi sự phù hợp với sự chấm-dứt nó.188 Người đó thực hành con-đường đó và dẫn dắt bản thân đúng theo vậy. Đây được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ, để chấm dứt sự già-chết. (2) “Rồi, tham gia thêm nữa vào sự khám-phá hướng nội, người đó khám phá như vầy: ‘Cái gì là nguồn gốc của sự thu-nạp, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? Khi cái gì có mặt thì xảy ra sự thu-nạp? Khi cái gì không có mặt thì xảy ra sự thu-nạp’ “Sau khi người đó khám phá, người đó hiểu biết như vầy: ‘Sự thu-nạp (sanh y) có dục-vọng (ái) là nguồn gốc của nó … Khi có dục-vọng (ái), thì xảy ra sự thu-nạp (sanh y); khi không có dục-vọng (vô ái), thì không có sự thu-nạp (vô sanh y).’ “Người đó hiểu được sự thu-nạp, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn dắt phù hợp với sự chấm-dứt của nó. Người đó thực hành con-đường đó và dẫn dắt bản thân đúng theo vậy. Đây được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ, để chấm dứt sự thu-nạp. (3) “Rồi, tham gia thêm nữa sự khám-phá hướng nội, người đó khám phá như vầy: ‘Khi dục-vọng này khởi sinh, nó khởi sinh ở đâu? Khi nó lắng lặn, dựa theo cái gì nó lắng lặn?’ “Sau khi người đó khám phá, người đó hiểu được như vầy: ‘Hễ thứ gì có bản chất sướng và dễ chịu: thì chính đó là chỗ dục-vọng này khởi sinh khi nó khởi sinh; chính đó cũng là chỗ nó lắng lặn khi nó lắng lặn.’189 Và thứ gì trong thế gian có bản chất sướng và dễ chịu? Mắt có bản chất sướng và dễ chịu trong thế gian: chính tại đó dục-vọng này khởi sinh khi nó khởi sinh; chính tại đó nó lắng lặn khi nó lắng lặn. Cũng giống như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, và tâm có bản chất sướng và dễ chịu: chính tại đó dục-

vọng này khởi sinh khi nó khởi sinh; chính tại đó nó lắng lặn khi nó lắng lặn. (i) “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ đã coi những thứ có [một] bản chất sướng và dễ chịu (trong số các bản chất của chúng) trong thế gian là ‘thường hằng, là hạnh phúc, là tự ngã, là lành mạnh, là chắc chắn’ (thường, lạc, ngã, vô bệnh, ổn định): thì họ đã nuôi dưỡng dục-vọng. Khi nuôi dưỡng dục-vọng (ái), họ đã nuôi dưỡng sự thu- nạp (sanh y). Khi nuôi dưỡng sự thu-nạp, họ đã nuôi dưỡng sự khổ đau (khổ). Khi nuôi dưỡng sự khổ đau, họ đã không thoát khỏi sự sinh-ra (sinh), sự già-chết (lão tử); họ không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng

xảy ra (sầu, bi, khổ, ưu, não); họ đã không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy. “Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ coi những thứ có bản chất sướng và dễ chịu trong thế gian là ‘thường hằng, là hạnh phúc, là tự ngã, là lành mạnh, là chắc chắn’ (thường, lạc, ngã, vô bệnh, ổn định): thì họ sẽ nuôi dưỡng dục-vọng … họ sẽ không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy. “Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong hiện tại đang coi những thứ có bản chất sướng và dễ chịu trong thế gian là ‘thường hằng, là hạnh phúc, là tự ngã, là lành mạnh, là chắc chắn’ (thường, lạc, ngã, vô bệnh, ổn định): thì họ sẽ nuôi dưỡng dục-vọng … họ sẽ không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy. - “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cái ly bằng đồng đang đựng thức uống có màu sắc, mùi hương, và mùi vị bắt mắt, thơm, ngon nhưng có trộn thuốc độc. Rồi có một người đến đó, đang bị cháy khô và kiệt sức bởi trời nóng, mệt đuối, khô héo, và khát nước. Họ nói với anh ta: ‘Này người tốt, thức uống trong ly đồng này có màu sắc, mùi hương, và mùi vị bắt mắt, thơm, ngon nhưng có trộn thuốc độc. Nếu anh muốn thì cứ uống. Nếu anh uống nó, nó sẽ làm thỏa thích anh bằng màu sắc, mùi hương, và mùi vị của nó, nhưng uống nó rồi anh sẽ bị chết hoặc đau khổ như chết.’

Chương 12 Liên Kết NHÂN-DUYÊN • 109

Bất ngờ, không kịp suy xét gì, người đó uống chỗ nước đó—người đó không từ chối nó— và do vậy anh ta bị chết hoặc đau khổ như chết.190

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ đã … trong tương lai sẽ … trong hiện tại đang coi những thứ trong thế giới có bản chất sướng và dễ chịu là ‘thường hằng, hay hạnh phúc, là tự ngã, là lành mạnh, hay là chắc chắn’: thì họ đã … sẽ … đang nuôi dưỡng dục-vọng … họ không thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.191

(ii) “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ đã coi những thứ có bản chất sướng và dễ chịu trong thế gian là ‘vô thường, là khổ, là vô ngã, là căn bệnh, là đáng sợ’: thì họ đã dẹp bỏ dục-vọng. Khi dẹp bỏ dục-vọng (ái diệt), họ đã dẹp bỏ sự thu-nạp (sanh y diệt). Khi dẹp bỏ sự thu-nạp, họ đã loại bỏ khổ đau (khổ diệt). Khi loại bỏ sự khổ đau, họ đã được giải thoát khỏi sự sinh-ra (thoát sinh), sự già-chết (thoát lão tử); họ đã được giải thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra (thoát sầu, bi, khổ, ưu, não); họ đã được giải thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy. “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ coi những thứ có bản chất sướng và dễ chịu trong thế gian là vô thường, là khổ đau, là vô ngã, là căn bệnh, là đáng sợ: thì họ sẽ dẹp bỏ dục-vọng … họ sẽ được giải thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy. “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong hiện tại đang coi những thứ có bản chất sướng và dễ chịu trong thế gian là vô thường, là khổ đau, là vô ngã, là căn bệnh, là đáng sợ: thì họ đang dẹp bỏ dục-vọng … họ được giải thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy. - “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cái ly bằng đồng thau đang đựng thức uống màu sắc, mùi hương, và mùi vị bắt mắt, thơm, ngon nhưng có trộn thuốc độc … [như ví dụ trên cho đến:] … nhưng uống nó rồi anh sẽ bị chết hoặc đau khổ như chết.’ Rồi người đó nghĩ rằng: ‘Ta có thể giải cơn khát bằng nước, nước sữa, cháo, hay nước xúp, nhưng ta không nên uống loại thức uống này, bởi vì nếu uống nó sẽ dẫn tới sự

nguy hại và đau

khổ dài lâu.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó không uống thứ nước đó mà từ chối nó, và nhờ vậy anh ta không bị chết hoặc đau khổ như chết. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ đã … trong tương lai sẽ … trong hiện tại đang coi những thứ có bản chất sướng và dễ chịu trong thế gian là ‘vô thường, là khổ đau, là vô ngã, là căn bệnh, là đáng sợ’: thì họ đã … sẽ … đang dẹp bỏ dục- vọng. Khi dẹp bỏ dục-vọng … họ được thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.”192 (SN 12:66)

67 (7) Bó Cây Sậy Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hi-la [Mahākoṭṭhita] đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai, ở vùng Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ thế).193 Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hi-la ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất: “Là sao, đạo hữu Xá-lợi-phất: Có phải sự già-chết là do chính mình tạo ra, hay do người khác gây ra, hay do cả mình và người khác gây ra, hay nó phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra?” (1) “Này đạo hữu Câu-hi-la, sự già-chết không phải do mình tạo ra, cũng không phải do người khác gây ra, cũng không phải do mình và người khác gây ra, cũng không phải nó phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không do mình hay người khác gây ra.194 Nhưng, thay vì vậy: ‘Do có sự sinh-ra (sinh) là điều-kiện, nên có [sinh ra] sự già-chết’.” (có sinh ra thì có già-chết) (2)–(9) “Là sao, này đạo hữu Xá-lợi-phất: Có phải sự sinh-ra (sinh) là do chính mình tạo ra … Có phải sự hiện-hữu (hữu) … sự dính-chấp (thủ)

… dục-vọng (ái) … cảm-giác (thọ) … sự tiếp-xúc (xúc) … sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) … phần danh-sắc (danh sắc) là do chính mình tạo ra, hay do người khác gây ra, hay do mình và người khác gây ra, hay nó phát sinh một cách tự nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra?” “Này đạo hữu Câu-hi-la, sự sinh-ra … phần danh-sắc không phải do mình tạo ra, cũng không phải do người khác gây ra, cũng không phải do mình và người khác gây ra, cũng không phải nó phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không do mình và người khác gây ra; nhưng, thay vì vậy: ‘Do có thức (thức) là điều-kiện, nên có [sinh ra] phần danh-sắc (danh sắc).” “Là sao, này đạo hữu Xá-lợi-phất: Có phải thức là do chính mình tạo ra, hay do người khác gây ra, hay do mình và người khác gây ra, hay nó phát sinh một cách tự nhiên chứ không phải do mình hay người khác gây ra?” “Này đạo hữu Câu-hi-la, thức không phải do chính mình tạo ra, cũng không phải do người khác gây ra, cũng không phải do mình và người khác gây ra, cũng không phải nó phát sinh một cách ngẫu nhiên chứ không do mình và người khác gây ra; nhưng, thay vì vậy: ‘Do có phần danh-sắc (danh sắc) là điều-kiện, nên có [sinh ra] thức (thức)” 195

“Bây giờ chúng tôi hiểu lời tuyên thuyết của thầy Xá-lợi-phất như vầy: ‘Này đạo hữu Câu-hi-la, phần danh-sắc không phải do chính mình tạo ra … nhưng thay vì vậy: ‘Do có

thức là điều-kiện, nên có [sinh ra] phần danh-sắc'. Giờ chúng tôi cũng hiểu lời tuyên thuyết [thêm] của thầy Xá-lợi-phất như vầy: 'Này đạo hữu Câu-hi-la, thức không phải do chính mình tạo ra ... nhưng thay vì vậy: 'Do có phần danh-sắc là điều-kiện, nên có [sinh ra] thức.' Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phất, theo cách nào để nhìn thấy được ý nghĩa của lời tuyên thuyết này?" - "Được, này đạo hữu, tôi sẽ làm một ví dụ cho thầy, bởi những người thông minh ở đây đều hiểu được ý nghĩa của một lời tuyên thuyết nhờ có ví dụ. Ví dụ có hai bó cây sậy có thể đứng dựa vào nhau (tương hỗ); cũng giống như vậy: Do có phần danh-sắc là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra]

thức; do có thức là điều-kiện, nên có [sinh ra] phần danh-sắc. Rồi, do có phần danh-sắc là điều-kiện, nên có [sinh ra] sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc (xúc) ... Đó là nguồn-gốc (chiều khởi sinh) của toàn bộ đống khổ này. - "Này đạo hữu, nếu có người lấy đi một bó sậy, thì bó thứ hai sẽ ngã, và nếu có người lấy đi bó sậy kia, thì bó sậy này cũng ngã. Cũng giống như vậy: Khi chấm dứt phần danh-sắc (danh sắc diệt) thì chấm dứt thức (thức diệt); khi chấm dứt thức (thức diệt) thì chấm dứt phần danh-sắc (danh sắc diệt). Khi chấm dứt phần danh-sắc thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt); khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận là chấm dứt sự tiếp- xúc (xúc diệt); khi chấm dứt sự tiếp-xúc là chấm dứt cảm-giác (thọ diệt); khi chấm dứt cảm-giác là chấm dứt dục-vọng (ái diệt) ... Đó là sự chấm- dứt (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đống khổ này." "Thật kỳ diệu, đạo hữu Xá-lợi-phất! Thật tuyệt vời, đạo hữu Xá-lợi- phất! Nguyên lý này đã được tuyên thuyết một cách thật hay khéo bởi thầy Xá-lợi-phất. Chúng tôi vui mừng với lời tuyên thuyết của thầy Xá-lợi-phất về ba mươi sáu nền tảng này như vầy:196 (1) "Này đạo hữu, (i) nếu một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự già-chết, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo, là người thuyết giảng Giáo Pháp. (ii) Nếu ai đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự già-chết, để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp (học nhân). (iii) Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với sự già-chết, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp (thủ diệt), thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết- bàn ngay trong kiếp này (vô-học nhân, A-la-hán)." (2)–(12). "Này đạo hữu, (i) nếu một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự sinh-ra (sinh) ... sự hiện-hữu (hữu) ... sự dính-chấp (thủ) ... dục-vọng (ái) ... cảm-giác (thọ) ... sự tiếp-xúc (xúc) ... sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) ... phần danh-sắc (danh sắc) ...

thức (thức) ... những sự tạo-tác cố ý (hành) ... vô-minh (vô minh), để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của vô-minh (vô minh), thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo, là người thuyết giảng Giáo Pháp. (ii) Nếu ai đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với sự sinh-ra (sinh) ... vô- minh (vô minh), để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của vô-minh (vô minh), thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập theo đúng Giáo Pháp. (iii) Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với sự sinh-ra (sinh) ... vô-

minh (vô minh), để dẫn tới sự phai-biến và chấm-dứt của vô-minh (vô minh), người tu được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này." (SN 12:67)

68 (8) Kosambī Trong một lần Ngài Musīla, Ngài Saviṭṭha, Ngài Nārada, và Ngài Ānanda đang sống ở thị trấn Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita (Ghositarama).197 Lúc đó thầy Saviṭṭha đã nói với thầy Musīla: (I) "Này đạo hữu Musīla, (i) không phải do niềm-tin, (ii) không phải do sự chấp-thuận, (iii) không phải do truyền thống truyền miệng, (iv) không phải do sự nhận-biết từ lý-giải, (v) không phải do sự chấp-nhận sau khi suy xét kỹ một quan-điểm:198 liệu thầy Musīla có sự tự-biết của mình như vầy: 'Do có sinh là điều-kiện, nên có [sinh ra] sự già-chết', hay không?" (1) "Này đạo hữu Saviṭṭha, (i) không phải do niềm-tin, (ii) không phải do sự chấp-thuận, (iii) không phải do truyền thống truyền miệng, (iv) không phải do sự nhận-biết từ lý-giải, (v) không phải do sự chấp-nhận sau khi suy xét kỹ một quan-điểm: tôi tự-biết điều này, tôi tự-thấy điều này: 'Do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có [sinh ra] sự già-chết'."

(2)–(12) "Này đạo hữu Musīla, (i) không phải do niềm-tin … (v) không phải do sự chấp-nhận sau khi suy xét kỹ một quan-điểm, liệu thầy Musīla có sự tự-biết của mình như vầy: 'Do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra'? … 'Do có vô-minh là điều-kiện, nên có những sự tạo- tác cố ý', hay không?" "Này đạo hữu Saviṭṭha, (i) không phải do niềm-tin … (v) không phải do sự chấp-nhận sau khi suy xét kỹ một quan-điểm, tôi tự-biết điều này, tôi tự-thấy điều này: 'Do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra' … 'Do có vô-minh là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác cố ý'." (II) "Này đạo hữu Musīla, (i) không phải do niềm-tin … (v) không phải do sự chấp-nhận sau khi suy xét kỹ một quan-điểm, liệu thầy Musīla có sự tự-biết của mình như vầy: 'Khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt sự già-chết'? … 'Khi chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý', hay không?" "Này đạo hữu Saviṭṭha, (i) không phải do niềm-tin … (v) không phải do sự chấp-nhận sau khi suy xét kỹ một quan-điểm, tôi tự-biết điều này, tôi tự-thấy điều này: 'Khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt sự già-chết' …. 'Khi chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý'." (III) "Này đạo hữu Musīla, (i) không phải do niềm-tin … (v) không phải do sự chấp-nhận sau khi suy xét kỹ một quan-điểm, liệu thầy Musīla có sự tự-biết của mình như vầy: 'Niết-bàn là sự chấm dứt hiện-hữu', hay không?"199 "Này đạo hữu Saviṭṭha, (i) không phải do niềm-tin … (v) không phải do sự chấp-nhận sau khi suy xét kỹ một quan-điểm, tôi tự-biết điều này, tôi tự-thấy điều này: 'Niết-bàn là sự chấm dứt hiện-hữu'." "Như vậy thầy Musīla là một A-la-hán, người đã diệt sạch những ô- nhiễm của mình." Khi điều này được nói ra, thầy Musīla chỉ im lặng.200

Rồi thầy Nārada nói với thầy Saviṭṭha: "Này đạo hữu Saviṭṭha, sẽ thật sự tốt lành nếu tôi cũng được hỏi một loạt câu hỏi đó. Hãy hỏi tôi loạt câu hỏi đó, tôi sẽ trả lời cho

thầy.”201

“Vậy thì tôi để thầy Nārada nhận trả lời loạt câu hỏi đó. Tôi sẽ hỏi thầy Nārada loạt câu hỏi đó, để thầy trả lời cho tôi.” [Rồi thầy Saviṭṭha hỏi thầy Nārada loạt câu hỏi như đã hỏi thầy Musīla; và thầy Nārada cũng trả lời giống hệt như thầy Musīla, như ở trên.] “Như vậy thầy Nārada là một A-la-hán, người đã diệt sạch những ô- nhiễm của mình.” “Này đạo hữu, tôi đã rõ ràng nhìn thấy điều này đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Niết-bàn là sự chấm dứt hiện-hữu’, (nhưng) tôi chưa phải là một A-la-hán—người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm của mình.202 Này đạo hữu, ví dụ có một cái giếng nằm trên đường giữa sa mạc, nhưng không có một dây thừng hay gàu múc nước. Rồi có một người đến đó, đang bị cháy khô và kiệt sức bởi trời nóng, mệt đuối, khô héo, và khát nước. Người đó nhìn xuống giếng và anh ta có sự-biết ‘Đây là nước’, nhưng anh ta không/chưa thể nào chạm tới nước được. 203 Cũng giống như vậy, này đạo hữu, mặc dù tôi đã rõ ràng nhìn thấy điều này đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Niết-bàn là sự chấm dứt của sự hiện- hữu’, nhưng tôi chưa phải là một A-la-hán—người đã diệt sạch mọi ô- nhiễm.”204

Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda mới hỏi thầy Saviṭṭha: “Này đạo hữu Saviṭṭha, sau khi thầy Nārada mới nói ra như vậy, thầy có muốn nói sao về thầy ấy không?” “Này đạo hữu Ānanda, sau khi thầy Nārada nói ra như vậy, tôi không muốn nói điều gì về thầy ấy, ngoài sự tốt đẹp và sự thuận lợi (dành cho thầy ấy).”205

(SN 12:68)

69 (9) Sự Dâng Trào Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói: “Này các Tỳ kheo, biển dâng nước làm cho các sông dâng nước; các sông dâng nước làm cho các suối dâng nước; các suối dâng nước làm cho các hồ dâng nước; các hồ lớn dâng nước làm cho các hồ nhỏ dâng nước. Cũng giống như vậy, vô-minh (vô minh) khởi lên làm cho những sự tạo- tác cố ý khởi (hành) khởi lên; những sự tạo-tác cố ý khởi lên làm cho thức (thức) khởi lên; thức khởi lên làm cho phần danh-sắc (danh sắc) khởi lên; phần danh-sắc khởi lên làm cho sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) khởi lên; sáu cơ-sở cảm nhận khởi lên làm cho cảm-giác (thọ) khởi lên; cảm-giác khởi lên làm cho dục-vọng (ái) khởi lên; dục-vọng khởi lên làm cho sự dính- chấp (thủ) khởi lên; sự dính-chấp làm cho sự hiện-hữu (hữu) khởi lên; sự hiện-hữu khởi lên làm cho sự sinh-ra (sinh) khởi lên; sự sinh-ra khởi lên làm cho sự già-chết (lão tử) khởi lên. “Này các Tỳ kheo, biển xuống nước làm cho các sông xuống nước; các sông xuống nước làm cho các suối xuống nước; các suối xuống nước làm cho các hồ xuống nước; các hồ lớn xuống nước làm cho các hồ nhỏ xuống nước. Cũng giống như vậy, vô-minh lặn xuống (vô minh diệt) làm cho những sự tạo-tác cố ý lặn xuống (hành diệt); những sự tạo-tác cố ý lặn xuống làm cho thức lặn xuống (thức diệt) … sự sinh-ra lặn xuống (sinh diệt) làm cho sự già-chết (lão tử diệt) lặn xuống.” (SN 12:69)

70 (10) Susīma

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. [i] Bấy giờ, vào dịp đó đức Thế Tôn được vinh danh, được tôn trọng, được kính trọng, được kính lễ, và được tôn kính, và đức Thế Tôn có được y phục, thức ăn khất thực, chỗ ở, và thuốc thang. Tăng Đoàn các Tỳ kheo cũng được vinh danh, được tôn trọng, được kính trọng, được kính lễ, và được tôn kính, và các Tỳ kheo cũng có được y phục, thức ăn khất thực, chỗ ở, và thuốc thang. Nhưng những du sĩ giáo các phái khác thì không được vinh danh, tôn trọng, kính trọng, kính lễ, và tôn kính, và họ cũng không có được y phục, thức ăn khất thực, chỗ ở, và thuốc thang. Bấy giờ, lúc đó có du sĩ tên Susīma cũng đang trú ngụ ở Rājagaha cùng với một đoàn nhiều du sĩ. Lúc đó đoàn du sĩ của Susīma đã nói anh ta rằng: “Này, đạo hữu Susīma, hãy đến sống đời sống tâm linh (đến tu) theo sa-môn Cồ-đàm, (tức: hãy gia nhập Tăng đoàn để tu học theo Phật). Hãy nắm vững Giáo Pháp của vị ấy và về dạy lại cho chúng tôi. Rồi chúng ta sẽ nắm vững Giáo Pháp của vị ấy và chỉ dạy lại cho những người tại gia. Và nhờ đó chúng ta cũng sẽ được (người tại gia) vinh danh, tôn trọng, kính trọng, kính lễ, và tôn kính, và chúng ta cũng có được y phục, thức ăn khất thực, chỗ ở, và thuốc thang.” “Được rồi, này các đạo hữu”, du sĩ Susīma đáp lại. Rồi ông đến gặp Ngài Ānanda, và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda: “Thiện hữu Ānanda, tôi muốn đến sống đời sống tâm linh (tức: xin đến tu) theo Giáo Pháp và Giới Luật ở đây.” Rồi thầy Ānanda đã dẫn du sĩ Susīma đến gặp đức Thế Tôn. Thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, vị du sĩ Susīma này nói rằng vị ấy muốn sống đời sống tâm linh theo Giáo Pháp và Giới Luật ở đây.”

“Được rồi, Ānanda, hãy cho phép người đó xuất gia.” Rồi du sĩ Susīma đã thụ giới xuất gia (thành sa-di) và thụ giới toàn-bộ giới (đại thọ giới, thành Tỳ kheo) dưới đức Thế Tôn206 (mà không cần qua thời gian tập sự). [ii] Bấy giờ, vào dịp sau đó, có một số Tỳ kheo đã tuyên bố trí-biết cuối cùng (quả A-la-hán) của mình trước mặt đức Thế Tôn, họ nói: “Chúng con hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.” Thầy Susīma đã nghe được sự việc này, nên thầy ấy đã đến gặp các Tỳ kheo đó, chào hỏi với họ, và ngồi xuống một bên, và nói với họ: “Có thật quý vị đã tuyên bố trí-biết cuối cùng trước mặt đức Thế Tôn, rằng: ‘Chúng con hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’, hay không?”207

“Đúng vậy, này đạo hữu.” (i) “Vậy, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có thể sử dụng nhiều loại thần-thông khác nhau (thần thông biến hóa), chẳng hạn như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; quý vị hiện hình và biến hình; quý vị đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước

không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi tréo chân; người đó dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā', hay không?" "Không, thưa đạo hữu." (ii) "Vậy, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có thể, bằng yếu tố tai thiên-thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh ở cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần, hay không?"

"Không, thưa đạo hữu." (iii) "Vậy, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có thể hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (tha tâm thông), hay không? Quý vị có hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, phóng đại, cao rộng, cao vời] là bao la, và tâm không bao la là không bao la; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất, chưa vô thượng) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất, vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định, và một tâm không đạt định là không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát', hay không?". "Không, thưa đạo hữu." (iv) "Vậy, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có thể nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình (túc mạng minh); đó là: một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (quý vị nhớ rõ) 'Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.', hay không? Quý vị có nhớ lại những kiếp quá khứ của mình với những cách thức và chi tiết của chúng, hay không?

"Không, thưa đạo hữu." (v) "Vậy, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có thể, với mắt thiên-thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và quý vị đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vầy: 'Những chúng sinh này hành xử với thân, lời nói và tâm ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp thủ cách-nhìn sai lạc, và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa khổ đau, trong

một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời nói và tâm ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách- nhìn đúng đắn, và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, quý vị đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và quý vị đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những hành động của mình như vậy.', hay không?" "Không, thưa đạo hữu." (vi) "Vậy, sau khi đã biết và thấy như vậy, quý vị có an trú trong những sự giải-thoát bình an vượt trên sắc giới, đó là những tầng chứng đắc vô-sắc giới, sau khi đã tiếp xúc với chúng bằng thân này?"208 "Không, thưa đạo hữu." "Này quý vị, ở đây: (a) với sự trả-lời như vậy và (b) sự không-chứng- đắc những trạng thái đó, sao lại có thể là như vậy, này các đạo hữu?" (tức như vậy sao có thể tuyên bố trí-biết cuối cùng)209 "Chúng tôi được giải thoát nhờ trí-tuệ, này đạo hữu Susīma."210

"Này các đạo hữu, tôi không hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của điều quý vị vừa nói ra một cách vắn tắt như vậy. Sẽ tốt lành nếu quý vị giải thích cho tôi theo cách để tôi có thể hiểu rõ một cách chi tiết ý nghĩa của điều quý vị vừa nói ra một cách vắn tắt đó." "Đạo hữu Susīma, dù thầy có hiểu hay không, (điều đó là) chúng tôi được giải-thoát nhờ trí-tuệ." [iii] Rồi thầy Susīma đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp, thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại toàn bộ cuộc nói chuyện của thầy ấy với các vị Tỳ kheo. [Đức Thế Tôn nói rằng:] "Này Susīma, trước tiên trí-biết về tính chắc-chắn (ổn định, không thể sai khác) của Giáo Pháp có trước, sau đó mới tới trí-biết về Niết-bàn."211 "Thưa Thế Tôn, con không hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của điều Thế Tôn vừa nói ra một cách vắn tắt. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn giải thích cho con theo cách để con có thể hiểu một cách chi tiết điều Thế Tôn vừa nói ra một cách vắn tắt đó." "Này Susīma, dù thầy có hiểu hay không, trước tiên trí-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp có trước, sau đó mới tới trí-biết về Niết-bàn."212 "Này Susīma, thầy nghĩ sao, sắc-thân (sắc) là thường hằng hay vô thường?"213 – "Là vô thường, thưa Thế Tôn." – "Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?" – "Là khổ, thưa Thế Tôn." – "Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có nên được coi: "Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã' của ta'", hay không?" – "Không, thưa Thế Tôn." "Cảm-giác (thọ) là thường hằng hay vô thường? ... Nhận-thức (tưởng) là thường hằng hay vô thường? ... Những sự tạo-tác cố ý (hành) là thường hằng hay vô thường? ... Thức (thức) là thường hằng hay vô thường?" – "Là vô thường, thưa Thế Tôn." – "Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?" – "Là khổ, thưa Thế Tôn." – "Thứ gì là vô thường, khổ, và

luôn bị thay đổi thì có nên được coi: 'Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã' của ta', hay không?" – "Không, thưa Thế Tôn." "Do vậy, này Susīma, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay

xấu, xa hay gần—tất cả mọi sắc-thân nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: “Đây là không phải ‘của-ta’, đây là không phải cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã’ của ta’.” “Mọi cảm-giác dù là loại gì … Mọi nhận-thức dù là loại gì … Những sự tạo-tác cố ý dù là loại gì … Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— tất cả thức nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: “Đây là không phải ‘của-ta’, đây là không phải cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã’ của ta’.” “Này Susīma, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý, sự ghê- sợ đối với thức. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán- bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ “Này Susīma, thầy có nhìn thấy rằng: ‘Do có sự sinh-ra (sinh) là điều- kiện, nên có [sinh ra] sự già-chết (lão tử)’, hay không?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Này Susīma, thầy có nhìn thấy: ‘Do có sự hiện-hữu (hữu) là điều- kiện, nên có [sinh ra] sự sinh-ra’ … ‘Do có sự dính-chấp (thủ) là điều- kiện, nên có sự hiện-hữu’ … ‘Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện, nên có sự dính-chấp … ‘Do có cảm-giác (thọ) là điều-kiện, nên có dục-vọng’ … ‘Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện, nên có cảm-giác’ … ‘Do có sáu cơ- sở cảm nhận (sáu xứ) là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc’ … ‘Do có phần

danh-sắc (danh sắc) là điều-kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận’ … ‘Do có thức (thức) là điều-kiện, nên có phần danh-sắc’ … ‘Do có những sự tạo- tác cố ý (hành) là điều-kiện, nên có thức’ … ‘Do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác cố ý’, hay không?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Này Susīma, thầy có nhìn thấy: ‘Khi chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt) thì chấm dứt sự già-chết (lão tử diệt)’, hay không?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Này Susīma, thầy có nhìn thấy: ‘Khi chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt) thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh diệt)’ … ‘Khi chấm dứt sự dính-chấp (thủ diệt) thì chấm dứt sự hiện-hữu’ … ‘Khi chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý (hành diệt)’, hay không?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” (i) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có thể (đắc được và) dùng nhiều loại thần-thông khác nhau như (thần thông biến hóa) biến một thân thành nhiều thân … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’, hay không?”214 (các thần-thông thì đắc được thông qua tu thiền-định) “Không, thưa Thế Tôn.” (ii) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có thể, với yếu tố tai thiên thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần, hay không?” “Không, thưa Thế Tôn.” (iii) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có thể hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (tha tâm thông), hay không?” “Không, thưa Thế Tôn.”

(iv) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có thể nhớ lại nhiều kiếp quá khứ với những cách thức và chi tiết của chúng (túc mạng minh), hay không?” “Không, thưa Thế Tôn.” (v) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có thể, với mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, và nhìn thấy cách những chúng sinh trả giá theo nghiệp của mình, hay không?” “Không, thưa Thế Tôn.” (vi) “Này Susīma, sau khi đã biết và thấy như vậy, thầy có an trú trong những sự giải-thoát bình an vượt trên sắc giới, là những tầng chứng đắc vô-sắc giới, sau khi đã tiếp xúc chúng bằng thân này, hay không?” “Không, thưa Thế Tôn.” “Này Susīma, ở đây: (a) với sự trả-lời như vậy và (b) sự không- chứng-đắc những trạng thái đó, sao lại có thể là như vậy, này Susīma?” [iv] … Rồi thầy Susīma đã quỳ xuống với đầu dưới chân đức Thế Tôn và nói: “Thưa Thế Tôn, con đã vi phạm một tội—thật ngu ngốc, ngu mờ, và sai bậy—khi con đã (giả) xuất gia để thành một kẻ trộm Giáo Pháp trong ‘Giáo Pháp và Giới Luật’ được giảng bày thật hay khéo như vậy. Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn tha thứ cho tội này của con đã được nhìn thấy là một tội, coi đó là điều để con giữ giới sau này.” “Này Susīma, thầy đã vi phạm một tội—thật ngu ngốc, ngu mờ, và sai bậy—khi thầy đã (giả) xuất gia để thành kẻ trộm Giáo Pháp trong ‘Giáo Pháp và Giới Luật’ được giảng bày thật hay khéo như vầy.215 Này Susīma, ví dụ người ta bắt một kẻ cướp, một tên tội phạm, và dẫn người đó tới trước nhà vua, và thưa rằng: ‘Thưa bệ hạ, người này là một kẻ cướp, một tên tội phạm. Xin hãy định hình phạt hắn ta theo ý của bệ hạ.’ Nhà vua nói

với họ: ‘Các người, cứ làm đi, trói tay kẻ này sau lưng, cạo đầu hắn, và dẫn hắn đi khắp phố phường, khắp quảng trường, đánh trống lên (cho mọi người tới coi). Rồi lôi hắn qua cửa thành phía nam, ra ngoài phía nam kinh thành, và chặt đầu hắn.’ Thầy nghĩ sao, này Susīma, người đó sẽ nếm trải sự đau khổ và ưu buồn vì bị chặt đầu hay không?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Cho dù người đó có nếm trải sự đau khổ và ưu buồn vì bị chặt đầu, nhưng cái việc (giả) xuất gia để thành kẻ trộm Giáo Pháp trong ‘Giáo Pháp và Giới Luật’ được giảng bày thật hay khéo như vầy còn tạo ra hậu quả đau đớn hơn, cay đắng hơn nhiều và rất nhiều, nó dẫn tới địa ngục. Nhưng vì thầy đã nhìn thấy tội của mình là một tội và muốn tu sửa theo đúng Giáo Pháp, chúng ta tha thứ cho thầy vì điều này. Vì điều đó (cho thấy) là có sự tăng trưởng trong Giới Luật của Thánh Nhân (tức: Giới luật Tỳ kheo) khi người tu biết nhìn thấy tội của mình là tội, biết tu sửa nó theo đúng Giáo Pháp, và đảm nhận sự giữ giới trong tương lai.” (SN 12:70)

NHÓM 8. ‘NHÓM CÁC TU SĨ & BÀ-LA-MÔN’ (Samaṇabrāhmaṇa-vagga)

71 (1) Sự Già-Chết Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói: “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ (sa-môn) hay bà-la-môn nào không hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con- đường dẫn tới sự chấm dứt nó: những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những

bà-la-môn, và những vị đó trong kiếp này, do chưa tự mình chứng ngộ điều đó, nên chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ hay mục tiêu của đời sống bà- la-môn. Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la- môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.” (SN 12:71)

72 (2) 81 (11) Sự Sinh… “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được sự sinh-ra (sinh) … sự hiện-hữu (hữu) … sự dính-chấp (thủ) … dục-vọng (ái) … cảm-giác (thọ) … sự tiếp-xúc (xúc) … sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ)? … phần danh-sắc (danh sắc) … thức (thức) … những sự tạo-tác cố ý (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn

tới sự chấm dứt chúng: những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó trong kiếp này, do chưa tự mình chứng ngộ điều đó, nên chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ hay mục tiêu của đời sống bà- la-môn. Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào hiểu được sự sinh … sự hiện-hữu … sự dính-chấp … dục-vọng … cảm-giác … sự tiếp- xúc … sáu cơ-sở cảm nhận … phần danh-sắc … thức … những sự tạo-tác cố ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng: những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó, trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.” (SN 12:72—81)

NHÓM 9. ‘NHÓM GỘP LẠI & TÓM LƯỢC’ (Antara-peyyāla-vagga)216

82 (1) Một Vị Thầy Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ai không biết và thấy sự già-chết, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, đúng như nó thực là, thì người đó nên tìm kiếm một vị thầy (tức: Đức Phật, hay một thánh tăng, một sư thầy) để biết điều đó đúng như nó thực là.217

“Này các Tỳ kheo, ai không biết và thấy sự sinh … sự hiện-hữu … sự dính-chấp … dục-vọng … cảm-giác … sự tiếp-xúc … sáu cơ-sở cảm nhận … phần danh-sắc … thức … những sự tạo-tác cố ý, nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt chúng, đúng như nó thực là, thì người đó nên tìm kiếm một vị thầy để biết điều đó đúng như nó thực là.” (SN 12:82)

83 (2) Sự Tu Tập “Này các Tỳ kheo, ai không biết và thấy sự già-chết … những sự tạo-tác cố ý (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con- đường dẫn tới sự chấm dứt chúng, đúng như nó thực là, thì người đó nên thực hành sự tu-tập để mà biết

điều đó đúng như nó thực là.” (SN 12:83)

84 (3) 93 (12) Sự Phấn Đấu…

Chương 12 Liên Kết NHÂN-DUYÊN • 129

“Này các Tỳ kheo, ai không biết và thấy sự già-chết … những sự tạo- tác cố ý (hành), nguồn-gốc của chúng, sự chấm-dứt của chúng, và con- đường dẫn tới sự chấm dứt chúng, đúng như chúng thực là, thì người đó nên làm sự cố-gắng … phát khởi mong-muốn … phát khởi sự nhiệt-thành … (tu tập) không ngơi ngớt (miên mật) … phát khởi sự nhiệt-tâm … áp dụng sự nỗ-lực (tinh tấn) … thực hành sự kiên-trì … thực hành sự chánh- niệm … thực hành sự rõ-biết (tỉnh giác) … thực hành sự chuyên-cần để biết điều này đúng thực như nó là.” (SN 12:8493)

130 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

Chương 13.

Liên Kết SỰ ĐỘT-PHÁ (13 Abhisamaya-saṃyutta) (13 Tương ưng Chứng-Ngộ)

132 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

Chương 13 Liên Kết SỰ ĐỘT-PHÁ • 133

1 Móng Tay Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra một chút đất trong móng tay và nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: chút đất ta mới khươi ra trong móng tay của ta hay đại địa cầu này? “Thưa Thế Tôn, đại địa cầu thì nhiều hơn. Chút đất đức Thế Tôn mới khươi ra trong móng tay chỉ là nhỏ nhặt (chút vặt, chẳng là gì). Nó không bằng được một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đại địa cầu.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một đệ tử thánh thiện, là một người thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) đã làm nên sự đột-phá [= chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu], thì sự khổ đau đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn, trong khi sự khổ đau còn lại chỉ là nhỏ nhặt.218 Cái sau không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đống khổ trước-khi nó được tiêu diệt và loại bỏ, vì chỉ còn khổ tối đa trong bảy kiếp nữa thôi. Này các Tỳ kheo, sự đột-phá vào Giáo Pháp (tức: Nhập-lưu) mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp (tức: Nhập-lưu) mang lại ích lợi thật lớn lao như vậy.”219 (SN 13:01)

2 Hồ Nước Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một hồ nước dài năm mươi dặm Ấn (yojana, do-tuần), rộng năm mươi dặm Ấn, và sâu năm mươi dặm Ấn, có đầy nước, nước tràn bờ đến mức con quạ có thể uống nước từ (mép,

134 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

bờ) hồ, và có một người dùng đầu lá cỏ [cỏ kusa] để lấy nước lên. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: nước dính theo đầu lá cỏ hay nước trong hồ nước đó?”220 “Thưa Thế Tôn, nước trong hồ nước nhiều hơn. Nước dính theo đầu lá cỏ chỉ là nhỏ nhặt. Nó không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm

ngàn của nước trong hồ nước.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một đệ tử thánh thiện, là một người thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) đã làm nên sự đột-phá (= chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu), thì sự khổ đau đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn, trong khi sự khổ đau lại chỉ là nhỏ nhặt … sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.” (SN 13:02)

3 Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nơi ở đó các sông lớn gặp nhau và nhập lại—như, sông Hằng, Sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—một người lấy ở đó hai hoặc ba giọt nước. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: hai, ba giọt nước đó hay nước chỗ các sông hợp lưu?” “Thưa Thế Tôn, nước ở chỗ các sông hợp lưu nhiều hơn. Hai, ba giọt nước được lấy lên chỉ là nhỏ nhặt. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của nước ở chỗ các sông hợp lưu.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện … sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn

lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.” (SN 13:03)

4 Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nơi ở đó các sông lớn gặp nhau và nhập lại—như, sông Hằng, Sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—giả sử nước của các sông bị tiêu tán và hết sạch, chỉ còn sót lại hai hay ba giọt. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái gì nhiều hơn: nước sông ở chỗ hợp lưu đã bị tiêu tán và hết sạch hay hai, ba giọt nước còn sót lại?” “Thưa Thế Tôn, nước sông ở chỗ hợp lưu đã bị tiêu tán và hết sạch là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước còn sót lại chỉ là nhỏ nhặt. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của số nước đã bị tiêu tán và hết sạch.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện … sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.” (SN 13:04)

5 Trái Đất (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người đặt lên trên mặt đất bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hột trái táo tàu. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ

sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hột trái táo tàu hay đại địa cầu này?” “Thưa Thế Tôn, đại địa cầu này nhiều hơn. Bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hột trái táo tàu chỉ là nhỏ nhặt. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đại địa cầu.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện … sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.” (SN 13:05)

6 Trái Đất (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, giả sử đại địa cầu bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hột trái táo tàu. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ hay bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hột trái táo tàu?” “Thưa Thế Tôn, đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hột trái táo tàu chỉ là nhỏ nhặt. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện … sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.” (SN 13:06)

7 Đại Dương (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người lấy lên hai hoặc ba giọt nước từ đại dương. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái gì là nhiều hơn: hai, ba giọt nước được lấy từ đại dương hay nước trong đại dương?” “Thưa Thế Tôn, nước trong đại dương là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước được lấy từ đại dương chỉ là nhỏ nhặt. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của nước trong đại dương.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện … sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.” (SN 13:07)

8 Đại Dương (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, giả sử đại dương đã bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại hai hoặc ba giọt nước. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: nước trong đại dương hay hai, ba giọt nước còn sót lại đó?” “Thưa Thế Tôn, nước trong đại dương đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước còn sót lại đó chỉ là nhỏ nhặt. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của nước trong đại dương bị tiêu diệt và loại bỏ.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện … sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.” (SN 13:08)

9 Núi (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có người đặt lên dãy núi Himalaya (Hy-mã-lạp-sơn), vua của các dãy núi, bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải hay dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi?” “Thưa Thế Tôn, dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải chỉ là nhỏ nhặt. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện … sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy.” (SN 13:09)

10 Núi (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, giả sử dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: dãy núi Himalaya,

vua của các dãy núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ hay bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải là nhiều hơn?" "Thưa Thế Tôn, dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải còn sót lại chỉ là nhỏ nhặt. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của phần dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ." "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một đệ tử thánh thiện, là một người thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) đã làm nên sự đột-phá (= chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu), thì sự khổ đau đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn, trong khi sự khổ đau còn sót lại chỉ là nhỏ nhặt. Cái sau không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đống khổ trước-khi nó được tiêu diệt và loại bỏ, vì chỉ còn khổ tối đa trong bảy kiếp nữa thôi. Này các Tỳ kheo, sự đột-phá vào trong Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, sự đạt-tới sự-thấy của Giáo Pháp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy." (SN 13:10)

11 Núi (3) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ví dụ có người đặt lên núi Tu-di [núi Sineru],221 vua của các ngọn núi, bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh hay núi Tu-di, vua của các ngọn núi?" "Thưa Thế Tôn, núi Tu-di, vua của các ngọn núi, là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh chỉ là nhỏ nhặt. Chúng không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của núi Tu-di, vua của các ngọn núi."

"Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những sự thành-tựu của các tu sĩ khổ hạnh, những bà-la-môn, và các du sĩ của các giáo phái khác (ngoại đạo) không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của sự thành tựu một người đệ tử thánh thiện, là một người thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) đã làm nên sự đột-phá (= chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu). Này các Tỳ kheo, thành-tựu của một người đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến) mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy, trí-biết trực tiếp mang lại ích-lợi thật lớn lao như vậy."222 (SN 13:11)

Chương 14.

Liên Kết CÁC YẾU-TỐ (14 Dhātu-saṃyutta) (14 Tương ưng Giới)

NHÓM 1. 'NHÓM SỰ ĐA-DẠNG' (Nānatta-vagga)

1 (1) Nhiều Loại Yếu-Tố Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự [đa dạng] nhiều loại yếu- tố (thành tố, nhân tố, nguyên tố; giới). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."223 "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu tố? Yếu tố mắt, yếu tố hình-sắc, yếu tố thức mắt; yếu tố tai, yếu tố âm-thanh, yếu tố thức-tai; yếu tố mũi, yếu tố mùi-hương,

yếu tố thức-mũi; yếu tố lưỡi, yếu tố mùi-vị, yếu tố thức-lưỡi; yếu tố thân, yếu tố đối-tượng chạm xúc, yếu tố thức-thân; yếu tố tâm, yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm, yếu tố thức-tâm. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là nhiều loại yếu tố."224 (SN 14:01)

2 (2) Nhiều Loại Tiếp-Xúc Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào [sự đa dạng] nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc. Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố mắt, yếu tố tai, yếu tố mũi, yếu tố lưỡi, yếu tố thân, yếu tố tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố. "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu- tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc? Tùy thuộc vào yếu tố mắt nên khởi sinh sự tiếp-xúc mắt; tùy thuộc vào yếu tố tai nên khởi sinh sự tiếp-xúc tai; tùy thuộc vào yếu tố mũi nên khởi sinh sự tiếp-xúc mũi; tùy thuộc vào

yếu tố lưỡi nên khởi sinh sự tiếp-xúc lưỡi; tùy thuộc vào yếu tố thân nên khởi sinh sự tiếp-xúc thân; tùy thuộc vào yếu tố tâm nên khởi sinh sự tiếp- xúc tâm.225 Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc." (SN 14:02)

3 (3) Không Tùy Thuộc Các Loại Tiếp-Xúc (ngược lại thì không) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc. (Nhưng, ngược lại) các loại yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố mắt ... yếu tố tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố. "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu- tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; theo cách nào là (ngược lại) các loại yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc? "Tùy thuộc vào mắt nên khởi sinh sự tiếp-xúc mắt; (nhưng, ngược lại) yếu-tố mắt không khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc mắt ... tùy thuộc vào tâm nên khởi sinh sự tiếp-xúc tâm; (nhưng, ngược lại) yếu tố tâm không khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc tâm.226 Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; (nhưng, ngược lại) các yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc." (SN 14:03)

4 (4) Nhiều Loại Cảm-Giác (1) Ở Sāvatthī.

"Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố mắt ... yếu tố tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố. "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu- tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác? Tùy thuộc vào yếu tố mắt nên khởi sinh tiếp-xúc mắt; tùy thuộc vào tiếp-xúc mắt nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc mắt. Tùy thuộc vào yếu tố tai nên khởi sinh tiếp-xúc tai; tùy thuộc vào tiếp- xúc tai nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tai. Tùy thuộc vào yếu tố mũi nên khởi sinh tiếp-xúc mũi; tùy thuộc vào tiếp-xúc mũi nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mũi. Tùy thuộc vào yếu tố lưỡi nên khởi sinh tiếp-xúc lưỡi; tùy thuộc vào tiếp-xúc lưỡi nên khởi sinh

cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc lưỡi. Tùy thuộc vào yếu tố thân nên khởi sinh tiếp-xúc thân; tùy thuộc vào tiếp-xúc thân nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc thân. Tùy thuộc vào yếu tố tâm nên khởi sinh tiếp-xúc tâm; tùy thuộc vào tiếp-xúc tâm nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm. "Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác." (SN 14:04)

5 (5) Nhiều Loại Cảm-Giác (2) Ở Sāvatthī.

"Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác. (Nhưng, ngược lại) các loại tiếp-xúc không khởi sinh tùy thuộc vào các loại cảm-giác; các loại yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố mắt ... yếu tố tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố. "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu- tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác? Theo cách nào là (ngược lại) các loại tiếp- xúc không khởi sinh tùy thuộc vào các loại cảm-giác; các loại yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc? "Tùy thuộc vào yếu tố mắt nên khởi sinh tiếp-xúc mắt; tùy thuộc vào tiếp-xúc mắt nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt; (nhưng, ngược lại) yếu tố mắt không khởi sinh tùy thuộc vào tiếp-xúc mắt ... Tùy thuộc vào yếu tố tâm nên khởi sinh tiếp-xúc tâm; tùy thuộc vào tiếp-xúc tâm nên khởi sinh cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm; (nhưng, ngược lại) yếu tố tâm không khởi sinh tùy thuộc vào tiếp-xúc tâm. "Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác. (Nhưng, ngược lại) các loại tiếp-xúc không khởi sinh tùy thuộc vào các loại cảm-giác; các loại yếu tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tiếp-xúc." (SN 14:05)

[Năm Yếu Tố Bên Ngoài]

6 (6) Nhiều Loại Yếu-Tố Bên Ngoài Ở Sāvatthī.

"Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy nhiều loại yếu-tố. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu tố? Yếu tố hình-sắc, yếu tố âm-thanh, yếu tố mùi-hương, yếu tố mùi-vị, yếu tố đối-tượng chạm xúc, yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm. Này các Tỳ kheo, đây là nhiều loại yếu-tố." (SN 14:06)

7 (7) Nhiều Loại Nhận-Thức Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức; tùy thuộc vào nhiều loại nhận-thức nên khởi sinh nhiều loại ý-định; tùy thuộc vào nhiều loại ý-định nên khởi sinh nhiều loại tham-muốn; tùy thuộc vào nhiều loại tham-muốn nên khởi sinh nhiều loại đam-mê;

tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-cầu. “Và, này các Tỳ kheo cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố hình-sắc … yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu- tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức … tuỳ thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-cầu? “Tùy thuộc vào yếu tố hình-sắc (sắc giới) nên khởi sinh nhận-thức về hình-sắc (sắc tưởng); tùy thuộc vào nhận-thức về hình-sắc nên khởi sinh ý-định đối với hình-sắc (sắc tư-duy); tùy thuộc vào ý-định đối với hình-sắc nên khởi sinh tham-muốn đối với hình-sắc (sắc dục); tùy thuộc vào tham-muốn hình-sắc nên khởi sinh đam-mê hình-sắc (sắc nhiệt); tùy thuộc vào đam-mê hình-sắc nên khởi sinh sự tìm-cầu hình-sắc (sắc tầm-cầu).227

“Tùy thuộc vào yếu tố âm-thanh (thanh giới) … mùi hương (hương giới) … … “Tùy thuộc vào yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới) nên khởi sinh nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tưởng); tùy thuộc vào nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh ý-định đối với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tư duy); tùy thuộc vào ý-định đối với những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh tham-muốn đối với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp dục); tùy thuộc vào tham-muốn những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh đam-mê những hiện-tượng thuộc tâm (pháp nhiệt); tùy thuộc vào đam-mê những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh sự tìm-cầu những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tầm-cầu). “Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức … tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-cầu.” (SN 14:07)

8 (8) Không Tùy Thuộc Các Loại Tìm-Cầu… (ngược lại thì không) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức … [giống hệt đoạn này trong kinh 14:07 kế trên] … tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm- cầu. (Nhưng, ngược lại) các loại đam-mê không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tìm-cầu; các loại tham-muốn không khởi sinh tùy thuộc vào các loại đam-mê; các loại ý-định không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tham- muốn; các loại nhận-thức không khởi sinh tùy thuộc vào các loại ý-định; các loại yếu-tố đó không khởi sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức.228

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố hình-sắc … yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu- tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức … tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-cầu? (Nhưng, ngược lại) các loại đam-mê không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tìm-cầu … các loại yếu tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức? “Tùy thuộc vào yếu tố hình-sắc (sắc giới) nên khởi sinh nhận-thức về hình-sắc; [… tùy thuộc vào đam-mê hình-sắc nên khởi sinh tìm-cầu hình- sắc. (Nhưng, ngược lại) Đam-mê hình-sắc không khởi sinh tùy thuộc vào sự tìm-cầu hình-sắc; tham-muốn hình-sắc không khởi

sinh tùy thuộc vào sự đam-mê hình-sắc; ý-định đối với hình-sắc không khởi sinh tùy thuộc vào sự tham-muốn đối với hình-sắc; sự nhận-thức về hình-sắc không khởi sinh tùy thuộc vào ý-định đối với hình-sắc; yếu tố hình-sắc không khởi sinh tùy thuộc vào sự nhận-thức về hình-sắc.]229 … “Tùy thuộc vào yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới) nên khởi sinh nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm; … tùy thuộc vào đam-mê những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh tìm-cầu những hiện- tượng thuộc tâm … (nhưng, ngược lại) … yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm không khởi sinh tùy thuộc vào nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm. “Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức … tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm-cầu. (Nhưng, ngược lại) các loại đam-mê không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tìm-cầu … các loại yếu tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức.” (SN 14:08)

9 (9) Nhiều Loại Tiếp-Xúc Bên Ngoài Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức; tùy thuộc vào nhiều loại nhận-thức nên khởi sinh nhiều loại ý-định; tùy thuộc vào nhiều loại ý-định nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác; tùy thuộc vào nhiều loại cảm-giác nên khởi sinh nhiều loại tham-muốn; tùy thuộc vào nhiều loại tham-muốn nên khởi sinh nhiều loại đam-mê; tùy thuộc vào nhiều loại đam-mê nên khởi sinh nhiều loại tìm- cầu; tùy thuộc vào nhiều loại tìm-cầu nên khởi sinh nhiều loại sự đạt-được (đạt được những đối-tượng như hình-sắc, âm-thanh…).230 “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố hình-sắc … yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu- tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức … tùy thuộc vào nhiều loại tìm-cầu nên khởi sinh nhiều loại đạt-được? “Tùy thuộc vào yếu tố hình-sắc (sắc giới) nên khởi sinh nhận-thức về hình-sắc; tùy thuộc vào nhận-thức về hình-sắc nên khởi sinh ý-định đối với hình-sắc; tùy thuộc vào ý-định đối với hình-sắc nên khởi sinh sự tiếp- xúc với hình-sắc; tùy thuộc vào tiếp-xúc với hình-sắc nên khởi sinh cảm- giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc với hình-sắc; tùy thuộc vào cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc với hình-sắc nên khởi sinh tham-muốn hình- sắc; tùy thuộc vào sự tham-muốn hình-sắc nên khởi sinh đam-mê hình- sắc; tùy thuộc vào sự đam-mê hình-sắc nên khởi sinh sự tìm-cầu hình-sắc; tùy thuộc vào sự tìm-cầu hình-sắc nên khởi sinh sự đạt-được hình-sắc. “Tùy thuộc vào yếu-tố âm-thanh (thanh giới) … mùi-hương (hương giới … … “Tùy thuộc vào yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới) nên khởi sinh sự nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm; tùy thuộc vào nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh ý-định đối với những hiện-tượng thuộc tâm … sự tiếp-xúc với những hiện-tượng thuộc tâm … cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc với những hiện-tượng thuộc

tâm … tham-muốn những hiện-tượng thuộc tâm … đam-mê những hiện- tượng thuộc tâm … sự tìm-cầu những hiện-tượng thuộc tâm; tùy thuộc vào sự tìm-cầu những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi sinh sự đạt-được những hiện-tượng thuộc tâm. “Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức … tùy thuộc vào nhiều loại tìm- cầu nên khởi sinh nhiều loại sự đạt-được.” (SN 14:09)

10 (10) Nhiều Loại Tiếp-Xúc Bên Ngoài (2) (ngược lại thì không) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức … [giống hệt đoạn này trong kinh 14:09 kế trên] … tùy thuộc vào nhiều loại tìm-cầu nên khởi sinh nhiều loại sự đạt- được. (Nhưng, ngược lại) các loại tìm-cầu không khởi sinh tùy thuộc vào các sự đạt-được; các loại đam-mê không khởi sinh tùy thuộc vào các loại tìm-cầu … các loại yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại nhận- thức. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều loại yếu-tố? Yếu tố hình-sắc (sắc giới) … yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới). Đây được gọi là nhiều loại yếu-tố. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tùy thuộc vào nhiều loại yếu- tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức … tùy thuộc vào nhiều loại tìm-cầu nên khởi sinh nhiều loại sự đạt-được? Theo cách nào là (ngược lại) các loại tìm-cầu không khởi sinh tùy thuộc vào các sự đạt-được … các loại yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức? “Tùy thuộc vào yếu tố hình-sắc (sắc giới) nên khởi sinh nhận-thức về hình-sắc (sắc tưởng) … tùy thuộc vào yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới) nên khởi sinh nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm

(pháp tưởng) … tùy thuộc vào sự tìm-cầu những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tầm-cầu) nên khởi sinh sự đạt-được những hiện-tượng thuộc tâm (pháp đắc). (Nhưng, ngược lại) sự tìm-cầu những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tầm-cầu) không khởi sinh tùy thuộc vào sự đạt-được những hiện- tượng thuộc tâm (pháp đắc); sự đam-mê những hiện-tượng thuộc tâm (pháp nhiệt) không khởi sinh tùy thuộc vào sự tìm-cầu những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tầm-cầu); sự tham-muốn những hiện-tượng thuộc tâm (pháp dục) không khởi sinh tùy thuộc vào sự đam-mê những hiện-tượng thuộc tâm (pháp nhiệt); cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp xúc thọ) không khởi sinh tùy thuộc vào sự tham-muốn những hiện-tượng thuộc tâm (pháp dục); sự tiếp-xúc với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp xúc) không khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp xúc thọ); ý-định đối với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tư-duy) không khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp xúc); nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tưởng) không khởi sinh tùy thuộc vào ý-định đối với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tư-duy); yếu-tố những hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới) không khởi sinh tùy thuộc vào sự nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp tưởng). “Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại nhận-thức … tùy thuộc vào nhiều loại tìm- cầu nên khởi sinh nhiều loại sự đạt-được; (nhưng, ngược lại) các loại tìm- cầu không khởi sinh

tùy thuộc vào các sự đạt-được … các loại yếu-tố không khởi sinh tùy thuộc vào các loại nhận-thức.” (SN 14:10)

NHÓM 2.
‘NHÓM THỨ HAI’
(Dutiya-vagga)
[Bảy Yếu-Tố]

11 (1) Bảy Yếu-Tố Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bảy yếu-tố (giới). Bảy đó là gì? Yếu tố ánh- sáng, yếu tố đẹp, yếu tố không vô biên xứ, yếu tố thức vô biên xứ, yếu tố vô sở hữu xứ, yếu tố phi tưởng phi phi tưởng xứ, yếu tố diệt thọ tưởng. Đây là bảy yếu-tố.”231 Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, như đối với yếu tố ánh-sáng … yếu tố diệt thọ tưởng: tùy thuộc vào cái gì để các yếu tố này được nhận thấy (được phân biệt)?” “Này Tỳ kheo, yếu tố ‘ánh sáng’ được nhận thấy tùy thuộc vào sự ‘tối’. Yếu tố ‘đẹp’ được nhận thấy tùy thuộc vào sự ‘ô-uế’. Yếu tố ‘không vô biên xứ’ được nhận thấy tùy thuộc vào thể sắc (vật chất, sắc giới). Yếu tố ‘thức vô biên xứ’ được nhận thấy tùy thuộc vào ‘không vô biên xứ’. Yếu tố ‘vô sở hữu xứ’ được nhận thấy tùy thuộc vào ‘thức vô biên xứ’. Yếu tố ‘phi tưởng phi phi tưởng xứ’ được nhận thấy tùy thuộc vào ‘vô sở hữu xứ’. Yếu tố ‘diệt thọ tưởng’ được nhận thấy tùy thuộc vào ‘sự chấm- dứt’.”232

“Nhưng, thưa Thế Tôn, như đối với yếu tố ánh-sáng … yếu tố diệt thọ tưởng: làm cách nào để đạt tới sự chứng ngộ những yếu tố (cảnh giới) đó?” “Yếu tố ánh-sáng, yếu tố đẹp, yếu tố ‘không vô biên xứ’, yếu tố ‘thức vô biên xứ’, yếu tố ‘vô sở hữu xứ’: những yếu tố (cảnh giới) này được chứng ngộ với sự nhận-thức ([vẫn còn nhận-thức]). Yếu tố ‘phi tưởng phi phi tưởng xứ’: yếu tố này được chứng đắc với sự tàn dư là những sự tạo-

tác ([vẫn còn các hành vi tế]).233 Yếu tố ‘diệt thọ tưởng’: yếu tố này được chứng đắc như sự chứng ngộ sự chấm-dứt (tịch diệt).” (SN 14:11)

12 (2) Có Một Nhân Ở Sāvatthī. (1) “Này các Tỳ kheo, ý nghĩ tham-dục khởi lên với (có) một nhân (nguồn gốc), không phải không có nhân; ý nghĩ ác-ý khởi lên với một nhân, không phải không có nhân; ý nghĩ gây-hại khởi lên với một nhân, không phải không có nhân. Và theo cách nào là như vậy? - “Tùy thuộc vào yếu tố tham-dục (tham giới) nên khởi sinh nhận-thức tham-dục;234 tùy thuộc vào nhận-thức tham-dục nên khởi sinh ý-định tham-dục; tùy thuộc vào ý-định tham-dục nên khởi sinh tham-muốn về nhục dục; tùy thuộc vào tham-muốn tham-dục nên khởi sinh đam-mê tham-dục; tùy thuộc vào đam-mê tham-dục nên khởi sinh một sự tìm-cầu tham-dục. Do dấn vào sự tìm-cầu tham-dục, nên người phàm phu không được chỉ dạy mới dẫn dắt (hành xử) bản thân mình một cách sai lạc theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm (hành-động, lời-nói, tâm-ý; ba tà nghiệp). - “Tùy thuộc vào yếu tố ác-ý (sân giới) ([gồm sự ác-ý và ý-nghĩ ác-ý]) nên khởi sinh nhận-thức ác-ý;235 tùy thuộc vào nhận-thức ác-ý nên khởi sinh ý-định ác-ý; tùy thuộc vào ý-định ác-ý nên khởi sinh tham-muốn [bị thúc giục bởi] ác-ý; tùy thuộc

vào tham-muốn [bị thúc giục bởi] ác-ý nên khởi sinh đam-mê [bị thúc giục bởi] ác-ý; tùy thuộc vào đam-mê [bị thúc giục] bởi ác-ý nên khởi sinh một sự tìm-cầu [bị thúc giục bởi] ác-ý. Do dấn vào một sự tìm-cầu [bị thúc giục bởi] ác-ý, nên người phàm phu không được chỉ dạy mới dẫn dắt (hành xử) bản thân mình một cách sai lạc theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm. - "Tùy thuộc vào yếu tố gây-hại (hại giới) [gồm sự gây-hại và ý nghĩ gây-hại]) nên khởi sinh nhận-thức về sự gây-hại;236 tùy thuộc vào nhận-

thức về sự gây-hại nên khởi sinh ý-định để gây-hại; tùy thuộc vào ý-định để gây-hại nên khởi sinh tham-muốn để gây-hại; tùy thuộc vào tham- muốn để gây-hại hại nên khởi sinh đam-mê để gây-hại, tùy thuộc vào đam-mê để gây-hại nên khởi sinh một sự tìm-cầu để gây-hại. Do dấn vào một sự tìm-cầu để gây-hại, nên người phàm phu không được chỉ dạy mới dẫn dắt (hành xử) bản thân một cách sai trái theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm. "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người quăng một cây đuốc đang cháy mạnh vào một bụi cỏ khô. Nếu người đó không nhanh chóng dùng tay và chân của mình để dập tắt ngọn lửa thì những sinh vật đang sống trong bụi cỏ và thân cây ở đó sẽ gặp tai nạn và thảm họa. Cũng giống như vậy, nếu tu sĩ hay bà-la-môn nào không nhanh chóng dẹp bỏ, xua tan, xóa bỏ, và tiêu diệt những nhận-thức sai lạc (tà tưởng) thì người đó sẽ sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự ưu phiền, sự tuyệt vọng, và sốt não; và khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong một nơi đến thấp xấu. (2) "Này các Tỳ kheo, ý nghĩ từ-bỏ khởi sinh với một nhân, không phải không có nhân; ý nghĩ vô-sân khởi sinh với một nhân, không phải không có nhân; ý nghĩ vô-hại khởi sinh với một nhân, không phải không có nhân. Và theo cách nào là như vậy? - "Tùy thuộc vào yếu tố từ-bỏ (xuất ly giới) nên khởi sinh nhận-thức về sự từ-bỏ;237 tùy thuộc vào nhận-thức về sự từ-bỏ nên khởi sinh ý-định về sự từ-bỏ; tùy thuộc vào ý-định về sự từ-bỏ nên khởi sinh tham-muốn đối với sự từ-bỏ; tùy thuộc vào tham-muốn đối với sự từ-bỏ nên khởi sinh đam-mê đối với sự từ-bỏ; tùy thuộc vào đam-mê đối với sự từ-bỏ nên khởi sinh một sự tìm-cầu đối với sự từ-bỏ. Do dấn vào một sự tìm-cầu đối với sự từ-bỏ, nên người đệ tử thánh thiện được chỉ dạy mới dẫn dắt bản thân mình một cách đúng đắn theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm. - "Tùy thuộc vào yếu tố không ác-ý (vô-sân giới) ([gồm ý nghĩ không ác-ý và chính sự không ác-ý]) nên khởi sinh nhận-thức về sự không ác- ý;238 tùy thuộc vào nhận-thức về không ác-ý nên khởi sinh ý-định về sự

không ác-ý; tùy thuộc vào ý-định về sự không ác-ý nên khởi sinh tham- muốn [được dẫn dắt bởi sự] không ác-ý; tùy thuộc vào tham muốn [được dẫn dắt bởi sự] không ác-ý nên khởi sinh đam-mê [được dẫn dắt bởi sự] không ác-ý; tùy thuộc vào đam-mê [được dẫn dắt bởi sự] không ác-ý nên khởi sinh một sự tìm-cầu [được dẫn dắt bởi sự] không ác-ý. Do dấn vào một sự tìm-cầu [được dẫn dắt bởi sự] không ác-ý, nên người đệ tử thánh thiện được chỉ dạy mới dẫn dắt bản thân mình một cách đúng đắn theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm. - "Tùy thuộc vào yếu tố không gây-hại (vô hại giới) ([gồm ý nghĩ không gây-hại và sự bi-mẫn]) nên khởi sinh nhận-thức không gây-hại;239 tùy

thuộc vào nhận-thức về sự không gây-hại nên khởi sinh ý-định về sự không gây-hại; tùy thuộc vào ý-định về sự không gây-hại nên khởi sinh tham-muốn đối với sự không gây-hại; tùy thuộc vào tham-muốn đối với sự không gây-hại nên khởi sinh đam-mê đối với sự không gây-hại; tùy thuộc vào đam-mê đối với sự không gây-hại nên khởi sinh một sự tìm-cầu đối với sự không gây-hại. Do dấn vào một sự tìm-cầu đối với sự không gây-hại, nên người đệ tử thánh thiện được chỉ dạy mới dẫn dắt bản thân mình một cách đúng đắn theo ba cách—thân, lời-nói, và tâm. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người quăng cây đuốc đang cháy mạnh vào một bụi cỏ khô. Nếu người đó nhanh chóng dùng tay và chân của mình dập tắt ngọn lửa thì những sinh vật sống trong bụi cỏ và thân cây ở đó sẽ không gặp tai nạn và thảm họa. Cũng giống như vậy, nếu tu sĩ hay bà-la-môn nào nhanh chóng dẹp bỏ, xua tan, xóa bỏ, và tiêu diệt những nhận-thức sai lạc (tà tưởng) đã khởi sinh trong mình thì người đó sống một cách hạnh phúc trong kiếp này, không còn bị sự ưu phiền, sự tuyệt vọng, và sốt não; và khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ tái sinh vào một nơi đến tốt lành.” (SN 14:12)

13 (3) Hội Trường Gạch

Chương 14 Liên Kết CÁC YẾU-TỐ • 157

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Ñātika, trong chỗ (được gọi là) Hội Trường Bằng Gạch. Ở đó đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một yếu-tố ([khuynh hướng, tính khí, nết hạnh]) nên khởi sinh một nhận-thức, nên khởi sinh một cách-nhìn, nên khởi sinh một ý-nghĩ.”240 ([Lưu ý: từ chỗ này trở đi (cho đến hết NHÓM 2 và NHÓM 3, tức từ kinh SN 14:13 cho đến SN 14:29): chữ “yếu-tố” lại có nghĩa là: khuynh-hướng, tính-khí, hay nết-hạnh của người.]) Sau khi điều này được nói ra, Ngài Saddha Kaccāyana đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đối với những người chưa giác-ngộ toàn thiện, (trong họ) khởi sinh cách-nhìn này: ‘Đây là những bậc Toàn Giác’, thì do tùy thuộc vào điều gì mà có cách-nhìn như vậy?”241 “Này Kaccāyana, yếu-tố này lấn mạnh, đó là yếu-tố vô-minh. Này Kaccāyana, tùy thuộc vào yếu-tố thấp kém nên khởi sinh nhận-thức thấp kém, cách-nhìn thấp kém, ý-nghĩ thấp kém, sự cố-ý thấp kém, mong- muốn thấp kém, ước-muốn thấp kém, một con-người thấp kém với lời-nói thấp kém. Người đó sẽ giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm sáng tỏ những điều thấp kém. Sự tái sinh của người đó là thấp kém, ta nói như vậy. “Này Kaccāyana, tùy thuộc vào yếu-tố trung bình nên khởi sinh nhận- thức trung bình, cách-nhìn trung bình, ý-nghĩ trung bình, sự cố-ý trung bình, mong-muốn trung bình, ước-muốn trung bình, một con-người trung bình với lời-nói trung bình. Người đó sẽ giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm sáng tỏ những điều trung bình. Sự tái sinh của người đó là trung bình, ta nói như vậy. “Này Kaccāyana, tùy thuộc vào yếu-tố cao thượng nên khởi sinh nhận-thức cao thượng, cách-nhìn cao thượng, ý-nghĩ cao thượng, sự cố-ý cao thượng, mong-muốn cao thượng, ước-muốn cao thượng, một con-

người cao thượng với lời-nói cao thượng. Người đó sẽ giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm sáng tỏ những điều cao thượng. Sự tái sinh của người đó là cao thượng, ta nói như vậy." (SN 14:13)

14 (4) Tính Khí Thấp Kém Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, khuynh hướng, nết hạnh) nên những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có tính khí thấp hèn đến với nhau và kết hội với người có tính khí thấp hèn; những người có tính khí tốt lành đến với nhau và kết hội với người có tính khí tốt lành.242 Trong quá khứ cũng vậy, theo cách những yếu-tố, những chúng sinh đã đến với nhau và kết hội với nhau.... Trong tương lai cũng vậy, theo cách những yếu-tố, những chúng sinh sẽ đến với nhau và kết hội với nhau.... Giờ trong hiện tại cũng vậy, theo cách các yếu-tố, những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có tính khí thấp hèn đến với nhau và kết hội với người có tính khí thấp hèn; những người có tính khí tốt lành đến với nhau và kết hội với người có tính khí tốt lành." (SN 14:14)

15 (5) Đi Tới Đi Lui Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền. Bấy giờ, vào lúc đó, không xa chỗ đức Thế Tôn, Ngài Xá-lợi-phất đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo; Ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahāmoggallāna) ... Ngài Đại Ca-diếp (Mahākassapa) ... Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) ... Ngài Phú-lâu-na (Puṇṇa Mantāniputta) ... Ngài Upāli (Ưu-ba-ly) ... Ngài Ānanda đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo. Và không xa chỗ đức Thế Tôn, thầy

Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) cũng đang bước tới bước lui cùng một nhóm Tỳ kheo. Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy Xá-lợi-phất (đệ nhất trí-tuệ) đang bước tới bước lui với một nhóm Tỳ kheo?"243 "Dạ có, thưa Thế Tôn." "Tất cả các Tỳ kheo đó đều có trí-tuệ lớn (đại trí). Các thầy có thấy Mục-kiền-liên (đệ nhất thần thông) đang bước tới bước lui với một nhóm Tỳ kheo?" "Dạ có, thưa Thế Tôn." "Tất cả những Tỳ kheo đó đều có năng-lực tâm-linh lớn (đại thần thông). Các thầy có thấy Ca-diếp (đệ nhất hạnh đầu-đà/ 13 giới tu khổ hạnh) đang bước tới bước lui với một nhóm Tỳ kheo?" "Dạ có, thưa Thế Tôn." "Tất cả những Tỳ kheo đó là đều chủ trương tu theo (mười ba) giới tu khổ hạnh (hạnh đầu-đà). Các thầy có thấy A-nậu-lâu-đà (đệ nhất thiên nhãn) đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo?" "Dạ có, thưa Thế Tôn." "Tất cả những Tỳ kheo đó đều là có được mắt thiên thánh (thiên nhãn thông). Các thầy có thấy Phú-lâu-na (đệ nhất thuyết Pháp) đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo không?" "Dạ có, thưa Thế Tôn." "Tất cả những Tỳ kheo đó đều là những người giỏi thuyết Pháp. Các thầy có thấy Upāli (đệ nhất trì giới/ luật tạng) đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo không?" "Dạ có, thưa Thế Tôn."

“Tất cả những Tỳ kheo đó đều là những người nghiêm giữ Giới Luật?. Các thầy có thấy Ānanda (đệ nhất đa văn) đang bước tới bước lui cùng với một nhóm Tỳ kheo?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Tất cả những Tỳ kheo đó đều là những người đa văn học rộng. Các thầy có thấy Đề-bà-đạt-đa đang bước tới bước lui với một nhóm Tỳ kheo không?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Tất cả họ đều có ước muốn xấu ác.” “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, khuynh hướng, nết hạnh), những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có tính khí thấp hèn đến với nhau và kết hội với người có tính khí thấp hèn; những người có tính khí tốt lành đến với nhau và kết hội với người có tính khí tốt lành. Trong quá khứ họ đã làm như vậy; trong tương lai họ sẽ làm như vậy; và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy.” (SN 14:15)

16 (6) Có Thêm Bài Kệ Ở Sāvatthī.244

“Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nết hạnh, khuynh hướng) mà các chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau: những người có tính khí thấp hèn thì đến với nhau và kết hội với những người có tính khí thấp hèn. Trong quá khứ họ làm như vậy; trong tương lai họ sẽ làm như vậy; và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy. “Giống như phân thì đến với phân và kết hợp với phân; nước tiểu với nước tiểu; nước miếng với nước miếng; mủ đờm với mủ đờm; và máu với máu; chính do những yếu-tố mà các chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau: những người có tính khí thấp hèn thì đến với nhau và kết hội với

những người có tính khí thấp hèn. Trong quá khứ, họ làm như vậy, trong tương lai họ sẽ làm như vậy, và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy. “Này các Tỳ kheo, chính theo cách những yếu-tố (tính khí, nết hạnh, khuynh hướng) mà các chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau: những người có tính khí tốt lành thì đến với nhau và kết hội với những người có tính khí tốt. Trong quá khứ họ làm như vậy; trong tương lai họ sẽ làm như vậy; và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy. “Giống như sữa thì đến với sữa và kết hợp với sữa; dầu với dầu; bơ với bơ; mật ong với mật ong; mật đường với mật đường; tương tự như vậy, chính do những yếu-tố mà các chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau: những người có tính khí tốt lành thì đến với nhau và kết hội với những người có tính khí tốt lành. Trong quá khứ họ làm như vậy; trong tương lai họ sẽ làm như vậy; và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy.” Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, đức Thế Tôn nói thêm như vầy:

“Từ gặp gỡ (nhìn, nghe, tiếp xúc) nên rừng nhục-dục được sinh ra,245
Nhờ không gặp gỡ nên rừng bị chặt đứt.
Như những người leo lên tấm ván,
Sẽ bị chìm trong biển sóng,
Người đức-hạnh cũng sống như chết chìm,
Khi giao lưu với kẻ lơi tâm lười biếng.
“Do vậy người sống nên tránh gặp loại người đó:
Người lười biếng, không nỗ lực tinh tấn.

Hãy gặp gỡ bậc trí hiền:
Những người thiền tập kiên định,
Những thánh nhân sống tách ly ẩn dật,
Thì sự tinh tấn sẽ luôn được phát khởi trong mình.”
(SN 14:16)

17 (7) Thiếu Niềm-Tin… Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nết hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người thiếu niềm-tin thì đến với nhau và kết hội với những người thiếu niềm-tin, những người không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức) với những người không biết xấu-hổ, những người không biết sợ-hãi việc làm sai trái với những người không biết sợ-hãi việc làm sai trái, những người không học-hiểu với những người không học-hiểu, những người lười-biếng với những người lười-biếng, những người có tâm lăng-xăng (thiếu chánh niệm, thất niệm) với những người có tâm lăng-xăng, những người vô-trí với những người vô-trí. Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy. “Này các Tỳ kheo, chính theo cách những yếu-tố (tính khí, nết hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có niềm-tin đến với nhau và kết hội với những người có niềm-tin, những người biết xấu-hổ (về mặt đạo đức) với những người biết xấu-hổ, những người biết sợ-hãi việc làm sai trái với những người biết sợ-hãi việc làm sai trái, những người có học-hiểu với những người có học-hiểu (coi chú thích 244 kế trên), những người siêng-năng với những người siêng-năng, những người có tâm chánh-niệm với những người có tâm chánh-niệm, những người có-trí với những người có-trí. Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy. (SN 14:17)

18 (8) Bắt Rễ Từ Những Người Thiếu Niềm-Tin (i) “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nết hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với

nhau. Những người thiếu niềm-tin đến với nhau và kết hội với những người thiếu niềm-tin; những người không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức) với những người không biết xấu-hổ; những người vô-trí với những người vô-trí. “Những người có niềm-tin đến với nhau và kết hội với những người có niềm-tin, những người biết xấu-hổ với những người biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), những người biết sợ-hãi việc làm sai trái với những người biết sợ-hãi việc làm sai trái, những người có-trí với những người có-trí. Trong quá khứ là như vậy, trong tương lai sẽ như vậy, và giờ trong hiện tại cũng như vậy.” [04 phần tiếp theo của bài kinh này là giống hệt như trên, chỉ khác nhau ở chỗ: những cặp phẩm chất ghi sau đây sẽ tương ứng thay thế cặp phẩm chất “những người không biết xấu-hổ”; “những người biết xấu-hổ” ở hai đoạn trên:] (ii) những người không sợ-hãi việc làm sai trái; những người biết sợ- hãi việc làm sai trái; (iii) những người không học-hiểu; những người có học-hiểu; (iv) những người lười-biếng; những

người siêng-năng; (v) những người có tâm lăng-xăng; những người có tâm chánh-niệm. (SN 14:18)

19 (9) Bắt Rễ Từ Những Người Không Biết Xấu-Hổ (i) “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nết hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức) đến với nhau và kết hội với những người không biết xấu-hổ, những người không sợ-hãi việc làm sai trái với những người không sợ-hãi việc làm sai trái, những người vô-trí với những người vô-trí.

“Những người biết xấu-hổ (về mặt đạo đức) đến với nhau và kết hội với những người biết xấu-hổ, những người biết sợ-hãi việc làm sai trái với những người biết sợ-hãi việc làm sai trái, những người có-trí với những người có-trí. [Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ là như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.]” [03 phần tiếp theo của bài kinh này là giống hệt như trên, chỉ khác nhau ở chỗ: những cặp phẩm chất ghi sau đây sẽ tương ứng thay thế cặp phẩm chất “những người không sợ-hãi việc làm sai trái”; “những người biết sợ-hãi việc làm sai trái”:] (ii) những người không học-hiểu; những người có học-hiểu; (iii) những người lười-biếng; những người siêng-năng; (iv) những người có tâm lăng-xăng; những người có tâm chánh-niệm. (SN 14:19)

20 (10) Bắt Rễ Từ Những Người Không Sợ-Hãi Việc Làm Sai Trái (i) “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nết hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người không sợ-hãi việc làm sai trái với những người không sợ-hãi việc làm sai trái, những người không học-hiểu với những người không học-hiểu, những người vô-trí với những người vô-trí. “Những người biết sợ-hãi việc làm sai trái với những người biết sợ- hãi việc làm sai trái, những người có học-hiểu với những người có học- hiểu, những người có-trí với những người có-trí. [Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ là như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.]” [02 phần tiếp theo của bài kinh này là giống hệt như trên, chỉ khác nhau ở chỗ: những cặp phẩm chất ghi sau đây sẽ tương ứng thay thế cặp phẩm chất “những người không học-hiểu”; “những người có học-hiểu”:] (i) những người lười-biếng; những người siêng năng;

(ii) những người có tâm lăng-xăng; những người có tâm chánh-niệm. (SN 14:20)

21 (11) Bắt Rễ Từ Những Người Không Học-Hiểu (i) “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính nết, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người không học-hiểu với những người không học-hiểu, những người lười-biếng với những người lười-biếng, những người vô-trí với những người vô-trí. “Những người có học-hiểu với những người có học-hiểu, những người siêng năng tinh tấn với những người siêng năng tinh tấn, những người có-trí với những người có-trí. Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ là như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.” (ii) “Những người không học-hiểu đến với nhau và kết hội với

những người không học-hiểu, những người có tâm lăng-xăng với những người có tâm lăng-xăng, những người vô-trí với những người vô-trí. “Những người có học-hiểu với những người có học-hiểu, những người có tâm chánh-niệm với những người có tâm chánh-niệm, những người có-trí với những người có. Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ là như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.” (SN 14:21)

22 (12) Bắt Rễ Từ Những Người Lười-biếng “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nết hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người lười-biếng đến với nhau và kết hội những người lười-biếng, những người có tâm lăng-xăng với những người có tâm lăng-xăng, những người vô-trí với những người vô-trí.

“Những người nỗ-lực (tinh tấn) đến với nhau và kết hội với những người nỗ-lực, những người có chánh-niệm với những người có chánh- niệm, những người có-trí với những người có-trí. Trong quá khứ là như vậy; trong tương lai sẽ là như vậy; và giờ trong hiện tại cũng như vậy.” (SN 14:22)

NHÓM 3. NHÓM ‘ĐƯỜNG NGHIỆP’ (Kammapatha-vagga)

23 (1) Những Người Không Định-Tâm Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nết hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người thiếu niềm-tin đến với nhau và kết hội với những người thiếu niềm-tin, những người không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức) với những người không biết xấu-hổ, những người không sợ-hãi việc làm sai trái với những người không sợ-hãi việc làm sai trái, những người không định-tâm với những người không định-tâm, những người vô-trí với những người vô-trí. “Những người có niềm-tin đến với nhau và kết hội với những người có niềm-tin, những người biết xấu-hổ (về mặt đạo đức) với những người biết xấu-hổ, những người biết sợ-hãi việc làm sai trái với những người biết sợ-hãi việc làm sai trái, những người đạt-định với những người đạt-định, những người có-trí với những người có-trí.” (SN 14:23)

24 (2) Những Người Thất Đức [Giống hệt kinh kế trên, ngoại trừ chữ “những người không định-tâm” và “những người có định-tâm” được thay thế tương ứng bởi chữ “những người thất-đức” (thiếu giới-hạnh) và “những người có đức-hạnh” (có giới-hạnh).]

(SN 14:24)

25 (3) Năm Giới Tu Tập

Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nết hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người sát- sinh; những người gian-cắp …

những người có tà-dâm tà dục … những người nói-dối nói láo … những người uống rượu nhẹ, rượu nặng hay dùng những chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật … đến với nhau và kết hội với nhau. “Những người kiêng cữ sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người kiêng cữ sát-sinh; những người kiêng cữ gian-cắp … kiêng cữ tà- dâm tà dục … kiêng cữ sự nói-dối nói áo … kiêng cữ sự uống rượu nhẹ, rượu nặng và dùng những chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật … đến với nhau và kết hội với những người cũng kiêng cữ như vậy.” (SN 14:25)

26 (4) Bảy Đường Nghiệp Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nết hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người sát- sinh; những người gian-cắp … những người tà-dâm tà dục … những người nói-dối nói láo … những người nói lời gây chia-rẽ … những người nói lời gắt-gỏng nạt nộ … những người nói chuyện tầm-phào tán dóc … đến với nhau và kết hội với nhau. “Những người kiêng cữ sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người kiêng cữ sát-sinh; những người kiêng cữ gian-cắp … kiêng cữ tà- dâm tà dục … kiêng cữ sự nói-dối nói láo … kiêng cữ sự nói lời gây chia- rẽ … kiêng cữ sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ … kiêng cữ sự nói chuyện tầm-

phào tán dóc … đến với nhau và kết hội với những người cũng kiêng cữ như vậy.” (SN 14:26)

27 (5) Mười Đường Nghiệp Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nết hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người sát- sinh; những người … [giống hệt đoạn này trong kinh SN 14:26 kế trên, và thêm:] … những người thèm-khát … những người mang ác-ý … những người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) đến với nhau và kết hội với những người có cách-nhìn sai lạc. “Những người kiêng cữ sát-sinh đến với nhau và kết hội với những người kiêng cữ sát-sinh; những người kiêng cữ … [giống hệt đoạn này trong bài kinh kế trên, và thêm:] … những người không thèm-khát … những người không ác-ý … những người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) đến với nhau và kết hội với những người có cách-nhìn đúng đắn.” (SN 14:27)

28 (6) Con Đường Tám Phần Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nết hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) đến với nhau và kết hội với những người có cách-nhìn sai lạc; những người có ý-định sai lạc (tà tư duy) … lời-nói sai trái (tà ngữ) … hành-động sai trái (tà nghiệp) … sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) … nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) … tâm-niệm sai

lạc (tà niệm) … định-tâm sai lạc (tà định) đến với nhau và kết hội với nhau. “Những người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) đến với nhau và kết hội với những người có cách-nhìn đúng đắn; những người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) … lời-nói đúng

đắn (chánh ngữ) … hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) … sự mưu-sinh đúng đắn (chánh hạnh) … nỗ- lực đúng đắn (chánh tinh tấn) … tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) … định-tâm đúng đắn (chánh định) đến với nhau và kết hội với nhau.” (SN 14:28)

29 (7) Mười Yếu-Tố Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, chính do cách những yếu-tố (tính khí, nết hạnh, khuynh hướng) nên có những chúng sinh đến với nhau và kết hội với nhau. Những người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) … [giống hệt như kinh SN 14:28 kế trên, và thêm:] … sự-biết sai lạc (tà trí) … sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) đến với nhau và kết hội với nhau. “Những người có cách-nhìn đúng đắn … [giống hệt như kinh kế trên, và thêm:] … sự-biết đúng đắn (chánh trí) … sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) đến với nhau và kết hội với nhau.”246 (SN 14:29)

Chương 14 Liên Kết CÁC YẾU-TỐ • 171

NHÓM 4. ‘NHÓM THỨ TƯ” (Catuttha-vagga)

[Bốn Yếu-Tố]

30 (1) Bốn Yếu-Tố Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc … “Này các Tỳ kheo, có bốn yếu-tố này. Bốn đó là gì? Yếu-tố đất (cứng), yếu-tố nước (lỏng), yếu-tố nhiệt (lửa), yếu-tố khí (gió). Đây là bốn yếu-tố.”247

(SN 14:30)

31 (2) Trước Khi Ta Giác Ngộ Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ [trước khi sự giác-ngộ của ta], khi ta còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, điều này đã xảy đến với ta: ‘Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi trong trường hợp (khi xem xét, khi xét theo) yếu-tố đất? Cái gì là sự thỏa- thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi trong trường hợp yếu-tố nước … yếu-tố nhiệt (lửa) … yếu-tố khí (gió)?’ “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Sự sướng khoái và vui thích khởi sinh tùy thuộc vào yếu-tố đất: đây chính là sự thỏa-thích trong yếu-tố đất. Mà yếu-tố đất là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: nên đây chính là sự nguy-hại trong yếu-tố đất. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với yếu-tố đất: đây chính là sự thoát-khỏi khỏi yếu- tố đất.248

172 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

“‘Sự sướng khoái và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào yếu-tố nước … yếu-tố nhiệt … yếu-tố khí: đây chính là sự thỏa-thích trong yếu-tố khí. Mà yếu-tố nước … nhiệt … khí là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: nên đây chính là sự nguy-hại trong yếu-tố nước … nhiệt … khí. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với yếu-tố khí: đây chính là sự thoát- khỏi khỏi yếu-tố khí.’249

“Này các Tỳ kheo, khi ta chưa trực tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy- hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là, thì ta đã không tuyên bố mình đã thức tỉnh tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ (quần thể) chúng sinh này có

những tu sĩ và bà-la- môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực tiếp biết những điều này, đúng như chúng thực là, thì ta mới tuyên bố rằng mình đã thức tỉnh tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có các thiên thần … những thiên thần và loài người. “Sự-biết và sự-thấy (trí-biết và tầm-nhìn) đã khởi sinh trong ta như vầy: ‘Sự giải-thoát của-tâm của ta ([bằng thánh quả A-la-hán]) là không thể lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta. Từ đây không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’”250

(SN 14:31)

32 (3) Ta Đã Quyết Tâm Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong yếu-tố đất. Mọi sự thỏa thích trong yếu-tố đất— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thỏa-thích trong yếu-tố đất với xa tới mức nào. “Ta đã quyết tâm đi tìm sự nguy-hại trong yếu-tố đất. Mọi sự nguy hại trong yếu-tố đất— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự nguy-hại trong yếu-tố đất với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố đất. Mọi sự thoát- khỏi khỏi yếu-tố đất— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố đất với xa tới mức nào.” “Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm thỏa-thích trong … sự nguy- hại trong … sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố nước … yếu-tố nhiệt … yếu-tố khí. Mọi sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố khí— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã rõ ràng nhìn thấy sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố khí với xa tới mức nào. “Này các Tỳ kheo, khi ta chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy- hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là, ta đã không tuyên bố … [giống hệt đoạn này ở bài kinh kế trên] … Nhưng khi ta đã trực tiếp biết điều này, đúng như nó thực là, thì ta mới tuyên bố rằng ta đã thức tỉnh tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có các thiên thần … những thiên thần và loài người. “Sự-biết và sự-thấy đã khởi sinh trong ta như vầy: ‘Sự giải-thoát của- tâm của ta ([bằng thánh quả A-la-hán]) là không thể lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta. Từ đây không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’” (SN 14:32)

33 (4) Nếu Mà Không Có… Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong yếu-tố đất, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong yếu-tố đất, nên chúng sinh bị say-mê với nó. Nếu mà không có sự nguy- hại trong yếu-tố đất, thì chúng sinh sẽ không ghê-sợ với nó; nhưng vì có sự nguy-hại trong yếu-tố đất, nên chúng sinh ghê-sợ với nó. Nếu không có sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố đất, thì chúng sinh sẽ không thoát-khỏi nó; nhưng vì có sự thoát-khỏi khỏi, nên chúng sinh có thể thoát-khỏi nó. “Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong yếu-tố nước … yếu-tố nhiệt … yếu-tố khí, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó;

nhưng vì có sự thỏa-thích trong yếu-tố khí, nên chúng sinh bị say-mê với nó … nhưng vì có sự thoát-khỏi khỏi yếu-tố khí, nên chúng sinh có thể thoát-khỏi nó. “Này các Tỳ

kheo, do chúng sinh chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp bốn yếu tố này, đúng như chúng thực là, nên họ chưa thoát-khỏi thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, thoát-khỏi thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người; họ chưa được thoát ly khỏi nó, chưa được giải thoát khỏi nó, và họ cũng chưa được sống với một cái tâm không còn những rào-cản.251 Nhưng khi họ đã trực-tiếp biết tất cả điều này, đúng như chúng thực là, thì họ đã thoát-khỏi thế giới này … có những thiên thần và loài người; họ đã được thoát ly khỏi nó, đã được giải thoát khỏi nó, và họ sống với một cái tâm không còn những rào-cản." (SN 14:33)

34 (5) Chỉ Toàn Khổ Ở Sāvatthī. (1) "Này các Tỳ kheo, nếu yếu-tố đất này chỉ (có) toàn khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự sướng, thì chúng sinh đâu bị say-mê với nó. Nhưng bởi vì yếu-tố đất là (có) sướng,252 chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, và nó không phải chỉ chìm ngập trong sự khổ, nên chúng sinh mới bị say- mê với nó. "Này các Tỳ kheo, nếu yếu-tố nước này chỉ toàn khổ … nếu yếu-tố nhiệt này chỉ toàn khổ … nếu yếu-tố khí này chỉ toàn khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự sướng, thì chúng sinh đâu bị say-mê với nó. Nhưng bởi vì yếu-tố khí là (có) sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, và nó không phải chỉ chìm ngập trong sự khổ, nên chúng sinh mới bị say-mê với nó.

(2) "Này các Tỳ kheo, nếu yếu-tố đất này chỉ toàn sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự khổ, thì chúng sinh đâu nhận thấy [trải nghiệm] sự ghê-sợ đối với nó. Nhưng bởi vì yếu-tố đất là (có) khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nó không phải chỉ chìm ngập trong sự sướng, nên chúng sinh mới nhận thấy sự ghê-sợ đối với nó. "Này các Tỳ kheo, nếu yếu-tố nước này chỉ toàn sướng … nếu yếu-tố nhiệt này chỉ toàn sướng … nếu yếu-tố khí này chỉ toàn sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự khổ, thì chúng sinh đâu nhận thấy sự ghê-sợ đối với nó. Nhưng bởi vì yếu-tố nước … nhiệt … khí là (có) khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nó không phải chỉ chìm ngập trong sự sướng, nên chúng sinh mới nhận thấy sự ghê-sợ đối với nó." (SN 14:34)

35 (6) Khoái Lạc Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ai tìm kiếm khoái-lạc trong yếu-tố đất là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau thì (người đó) không thoát khỏi khổ đau, ta nói vậy. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong yếu-tố nước … trong yếu-tố nhiệt … trong yếu-tố khí là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau thì (người đó) không thoát khỏi khổ đau, ta nói vậy. "Ai không tìm kiếm khoái-lạc trong yếu-tố đất … trong yếu-tố khí là không tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai không tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau thì (người đó) thoát khỏi khổ đau, ta nói vậy." (SN 14:35)

36 (7) Khởi Sinh

Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của yếu-tố đất là sự khởi sinh của sự khổ đau, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.253 Sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của yếu-tố nước … yếu-tố nhiệt … yếu-tố khí là sự khởi- sinh của sự khổ đau, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. “Này các Tỳ kheo, sự chấm dứt, sự lặn mất, và sự phai biến của yếu- tố đất … yếu-tố khí là sự chấm dứt của khổ đau, sự lặn mất của căn bệnh, sự phai biến của sự già-chết.” (SN 14:36)

37 (8) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn yếu-tố này. Bốn đó là gì? Yếu-tố đất, yếu- tố nước, yếu-tố nhiệt, yếu-tố khí. “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp (khi xem xét, khi xét theo) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, trong kiếp này, do chưa tự mình chứng ngộ điều (sự thật) này nên chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ (sa-môn hạnh) hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn (bà-la-môn hạnh). “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp (khi xem xét, khi xét theo) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ những điều (sự thật) này,

ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.” (SN 14:37)

38 (9) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn yếu-tố này. Bốn đó là gì? Yếu-tố đất, yếu- tố nước, yếu-tố nhiệt, yếu-tố khí. “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp (khi xem xét, khi xét theo) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn … “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong trường hợp (khi xem xét, khi xét theo) bốn yếu-tố này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ những điều (sự thật) này, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la- môn.” (SN 14:38)

39 (10) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (3) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được yếu-tố đất, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó; ai không hiểu được yếu-tố nước … yếu-tố nhiệt … yếu-tố

khí, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số những bà-la-môn … “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ những điều (sự thật) này, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la- môn.” (SN 14:39)

Chương 15.

Liên Kết VÔ-THỦY (15 Anamatagga-saṃyutta) (15 Tương ưng Vô-Thỉ)

NHÓM 1.
‘NHÓM THỨ NHẤT’
(Paṭhama-vagga)
[Cỏ Cây]
1 (1) Cỏ Cây Ở Sāvatthī. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi [saṁsāra] là không có điểm khởi đầu (vô thủy) có thể nhận biết được (là không thể khám phá, không thể nhận thấy, không thể nghĩ bàn).254 Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô- minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. “Này các Tỳ kheo, giả sử một người đi chặt hết các cỏ, cây, cành, lá ở trong cõi Diêm-phù-nề [Jambudipa] này, và gom chất tất cả chúng lại thành một đống. Sau đó, người đó ngồi lấy từng cái ra đếm, và nói: ‘Đây là mẹ ta, đây là mẹ của mẹ ta.’ Chuỗi số những người mẹ và mẹ của mẹ của người đó sẽ như là bất tận; cũng như số cỏ, cây, cành, lá là vô tận, không bao giờ dùng hết được. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỳ kheo, từ biết bao lâu các người đã luôn nếm trải (vô vàn) khổ sở, và đau đớn, và tai ương, và bị sình thối trong nghĩa (vô vàn lần). Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ [nếm trải sự ghê-sợ] đối

với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.” (SN 15:01)

2 (2) Trái Đất Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi [saṁsāra] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. “Này các Tỳ kheo, giả sử một người có thể lấy hết đất của đại địa cầu này để nặn thành những hòn đất bằng cỡ hột táo tàu, mỗi lần nặn xong một viên rồi bỏ xuống và nói: ‘Đây là cha tôi, đây là cha của cha tôi.’ Chuỗi số của những người cha và cha của cha của người đó sẽ như là bất tận, cũng như (đất của) đại địa cầu này là vô tận, không bao giờ dùng hết được. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỳ kheo, từ biết bao lâu các người đã luôn nếm trải (vô vàn) khổ sở, và đau đớn, và tai ương, và bị sình thối trong nghĩa (vô vàn lần). Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ [nếm trải sự ghê-sợ] đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.” (SN 15:02)

3 (3) Nước Mắt Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi [saṃsāra] này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô- minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo, cái nào là nhiều hơn: nước mắt mà các người đã khóc trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong đó; khóc và than khóc bởi do gặp phải những thứ mình không ưa và chia cách với những thứ mình yêu thích— nước mắt này hay nước trong bốn biển?”255 “Thưa Thế Tôn, theo chúng con hiểu được Giáo Pháp do đức Thế Tôn chỉ dạy thì nước mắt mà mọi người đã khóc trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân-hồi; khóc và than khóc bởi do gặp phải những thứ mình không ưa và chia cách với những thứ mình yêu thích— chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển.” “Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Tốt thay, các thầy đã hiểu được Giáo Pháp ta đã dạy theo cách như vậy. Nước mắt mà các người đã khóc trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân-hồi; khóc và than khóc bởi do gặp phải những thứ mình không ưa và chia cách với những thứ mình yêu thích— chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển. Này các Tỳ kheo, đã từ lâu các người đã từng nếm trải cái chết của mẹ mình; khi nếm trải điều đó, các người đã khóc than và ai oán bởi do gặp phải những thứ mình không ưa và chia cách với những thứ mình yêu thích— dòng nước mắt mà các người đã khóc còn nhiều hơn nước trong bốn biển. “Này các Tỳ kheo, đã từ lâu các người đã nếm trải cái chết của cha … cái chết của anh em … cái chết của chị em … cái chết của con trai … cái chết của con gái … sự mất đi người thân họ hàng … sự mất mát tài sản … sự mất mát do đau bệnh; khi nếm trải điều đó, các người đã khóc than và ai oán bởi do gặp phải những thứ mình không ưa và chia cách với những thứ mình yêu thích— dòng nước mắt mà các người đã khóc còn nhiều hơn nước trong bốn biển. Vì lý do gì? Bởi vì vòng luân-hồi

(sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá

đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải- thoát khỏi chúng.” (SN 15:03)

4 (4) Sữa Mẹ Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi [saṃsāra] này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô- minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: sữa mẹ mà các người đã uống trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu (trong đó)— sữa đó hay nước trong bốn biển?” “Thưa Thế Tôn, theo chúng con hiểu được Giáo Pháp do đức Thế Tôn chỉ dạy thì sữa mẹ mà mọi người đã uống trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân-hồi— chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển.” “Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Tốt thay, các thầy đã hiểu được Giáo Pháp ta đã dạy theo cách như vậy. Sữa mẹ mà mọi người đã uống trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân-hồi— chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển.” Vì lý do gì? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.” (SN 15:04)

5 (5) Núi

Ở Sāvatthī. Một Tỳ kheo tới gặp đức Thế Tôn, kính lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, một đại kiếp là bao lâu?” 256 “Này Tỳ kheo, một đại kiếp là dài. Không dễ gì đếm nó và nói nó là rất nhiều năm, hay nhiều trăm năm, hay nhiều ngàn năm, hay nhiều trăm ngàn năm .” “Vậy có thể cho ví dụ được không, thưa Thế Tôn?” “Được, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói. “Này Tỳ kheo, giả sử có một khối núi đá lớn kéo dài một do-tuần (yojana, dặm Ấn), ngang một do-tuần, một khối núi đá liền đặc, không có lỗ hoặc khe nứt. Cứ sau mỗi một trăm năm có một người dùng một miếng vải lụa Kāsi mềm chùi một cái lên khối núi.257 Dù khối núi to nhưng cứ một trăm năm chùi một cái cũng tới lúc mòn hết khối núi đó, nhưng khoảng thời gian (dài thăm thẳm) đó cũng chưa dài bằng một đại kiếp. Này Tỳ kheo, một đại kiếp là rất dài. Và với những đại kiếp dài vô vàn như vậy, chúng ta đã lang thang trôi giạt trong suốt nhiều đại kiếp, rất nhiều trăm đại kiếp, rất nhiều ngàn đại kiếp, rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.” (SN 15:05)

6 (6) Hạt Cải Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, một đại kiếp dài

bao nhiêu?”

“Này Tỳ kheo, một đại kiếp là dài. Không dễ gì đếm nó và nói nó là rất nhiều năm, hay rất nhiều trăm năm, hay rất nhiều ngàn năm, hay rất nhiều trăm ngàn năm.” “Vậy có thể cho ví dụ được không, thưa Thế Tôn?” “Được, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói. “Này Tỳ kheo, giả sử có một khu thành với các tường thành bằng sắt dài một do-tuần (dặm Ấn), rộng một do-tuần, và cao một do-tuần, chứa đầy hạt cải được nêm chặt. Cứ hết một trăm năm một người tới lấy đi một hạt cải. Đống hạt cải rất to nhưng cứ lấy như vậy cũng tới lúc cũng cạn đi và hết đi, nhưng khoảng thời gian (dài thăm thẳm) đó cũng chưa dài bằng một đại kiếp. Này Tỳ kheo, một đại kiếp là rất dài. Và với những đại kiếp dài vô vàn như vậy, chúng ta đã lang thang trôi giạt trong suốt nhiều đại kiếp, rất nhiều trăm đại kiếp, rất nhiều ngàn đại kiếp, rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.” (SN 15:06)

7 (7) Các Đệ Tử Ở Sāvatthī. Lúc đó có một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, có bao nhiêu đại kiếp đã qua đi?” “Này các Tỳ kheo, nhiều đại kiếp đã qua đi. Không dễ gì đếm chúng và nói chúng là rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp.”

“Vậy có thể cho ví dụ được không, thưa Thế Tôn?” “Được, này các Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói. “Này các Tỳ kheo, giả sử có bốn người đệ tử ở đây, mỗi người có tuổi thọ là một trăm năm, sống được một trăm năm, và mỗi ngày mỗi người trong họ nhớ lại được một trăm ngàn đại kiếp. Cho dù mỗi người có tuổi thọ một trăm năm, sống được một trăm năm nhưng cho tới khi chết tất cả họ (cộng lại) cũng không nhớ hết được số lượng đại kiếp đã qua đi.258 Không dễ gì đếm chúng và nói chúng là rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.” (SN 15:07)

8 (8) Sông Hằng Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Rồi có một bà-la-môn đến gặp và chào hỏi đức Thế Tôn. Sau khi đã xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, có bao nhiêu đại kiếp đã qua đi?” “Này bà-la-môn, nhiều đại kiếp đã qua đi. Không dễ gì đếm chúng và nói chúng là rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp.” “Vậy có thể cho ví dụ được

không, Thầy Cồ-đàm?" "Được, này bà-la-môn", đức Thế Tôn nói.

"Này bà-la-môn, giả sử như số hạt cát nằm từ chỗ sông Hằng bắt nguồn cho tới chỗ nó đổ ra biển (Hằng Hà sa số): không dễ gì đếm được số hạt cát đó và nói nó là rất nhiều hạt cát, hay rất nhiều trăm hạt cát, hay rất nhiều ngàn hạt cát, hay rất nhiều trăm ngàn hạt cát. Này bà-la-môn, số đại kiếp đã trôi qua đi thậm chí còn nhiều hơn số hạt cát đó. Không dễ gì đếm chúng và nói chúng là rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng." Khi điều này được nói ra, bà-la-môn đó đã thưa với đức Thế Tôn: Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! … Kể từ hôm nay xin Thầy Cồ-đàm hãy nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời." (SN 15:08)

9 (9) Khúc Cây Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi [saṁsāra] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm đầu tiên, từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Giống như một khúc cây bị quăng lên, có lúc thì gốc nó rớt xuống trước, có lúc cạnh thân rớt xuống trước, có lúc đầu rớt xuống trước (không thể nào đoán biết được); cũng giống như vậy, khi chúng sinh lang thang và trôi giạt trong vòng luân-hồi do còn bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, lúc thì họ (chết) từ thế giới này (sinh) đến thế giới khác, lúc từ thế giới khác đến thế giới này.259 Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta)

thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng." (SN 15:09)

10 (10) Người Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo,!"260 "Dạ, thưa Thế Tôn!", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói như vầy: "Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi [saṁsāra] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm đầu tiên, từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Một người, lang thang và trôi giạt do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, có thể để lại một khối xương, một đống xương, một núi xương bằng Núi Vepulla này, nếu có ai gom chúng lại để tiêu hủy thì cũng không thể tiêu hủy hết chúng được.261 Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng." Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, đức Thế

Tôn đã nói thêm như vầy: “Đống xương một người để lại, Chỉ sau một đại kiếp, Cũng chất cao bằng núi: Bậc Đại Sa-Môn (Phật) đã nói vậy. Tuyên bố đống xương đó là rất lớn,

190 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

Lớn như Núi Vepulla,
Nằm ở hướng bắc Núi Kền Kền,
Trong dãy núi Magadha (Ma-kiệt-đà).
“Nhưng khi ai nhìn-thấy bằng trí-tuệ chánh đúng,
Những điều chân-lý của bậc thánh nhân—
Đó là, khổ và nguồn-gốc khổ,
Sự vượt-thoát khổ,
Và Con-đường Tám phần (Bát Thánh Đạo),
Dẫn tới sự phai biến khổ—
Thì người đó, còn lang thang chỉ trong bảy kiếp nữa,
Rồi sẽ chấm dứt mọi khổ đau,
Bằng cách tiêu-diệt mọi gông-cùm trói buộc.”
(SN 15:10)
Chương 15 Liên Kết VÔ-THỦY • 191

NHÓM 2.
‘NHÓM THỨ HAI’
(Dutiya-vagga)
[Bất Hạnh]
11 (1) Bất Hạnh Trong một lần, khi đang ở Sāvatthī, đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi [saṁsāra] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu, từ khi chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc trong bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Mỗi khi các thầy nhìn thấy ai gặp sự bất-hạnh, sự khốn-khổ, thì các thầy có thể kết luận: ‘Chúng ta cũng vậy, cũng đã nếm trải muôn vàn sự (khốn khổ) như vậy trong cái đường (luân-hồi) dài thăm thẳm này.’ Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.” (SN 15:11)

12 (2) Hạnh Phúc Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi [saṁsāra] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Mỗi khi các thầy nhìn thấy ai hạnh-phúc và may-mắn, thì các thầy có thể kết luận: ‘Chúng ta cũng vậy, cũng đã nếm trải muôn vàn sự (hạnh phúc) như vậy trong cái đường (luân-hồi) dài thăm thẳm này.’ Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở

nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng." (SN 15:12)

13 (3) Ba Mươi Vị Tỳ Kheo Ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre. Lúc đó có ba mươi vị Tỳ kheo từ Pāvā đã đến gặp đức Thế Tôn— tất cả họ đều là những người sống tu trong rừng, người ăn thức ăn khất thực, người mặc y-phục làm từ giẻ rách, người chỉ có ba bộ y, nhưng tất cả họ đều vẫn còn những gông-cùm trói buộc.262 Sau khi đến gặp, họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi ý này đã xảy đến với đức Thế Tôn: "Ba mươi vị Tỳ kheo này đều là những người sống tu trong rừng, người ăn thức ăn khất thực, người mặc y-phục làm từ giẻ rách, người chỉ có ba bộ y, nhưng tất cả họ đều vẫn còn những gông-cùm trói buộc. Vậy ta sẽ dạy cho họ Giáo Pháp theo cách để ngay trong khi họ đang ngồi nghe tâm của họ được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp." Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo đó như vầy: "Này các Tỳ kheo!" "Dạ, thưa Thế Tôn!", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi [saṁsāra] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu, từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc trong bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: dòng máu chảy mà các người đã đổ ra những khi bị chặt đầu trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong (vòng luân-hồi) đó— dòng máu này hay nước trong bốn biển?" "Thưa Thế Tôn, theo chúng con hiểu được Giáo Pháp do đức Thế Tôn giảng dạy thì dòng máu chảy mà chúng con đã đổ những khi bị chặt đầu

trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân-hồi— chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển." "Tốt, tốt này các Tỳ kheo! Tốt thay, các thầy đã hiểu được Giáo Pháp ta đã dạy theo cách như vậy. Dòng máu chảy mà các thầy đã đổ những khi bị chặt đầu trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân-hồi— chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển. Này các Tỳ kheo, đã từ lâu các người đã từng là bò, và những khi bò bị chặt đầu, dòng máu chảy mà các người đã đổ còn nhiều hơn cả nước trong bốn biển. Đã từ lâu các người đã từng là trâu, là cừu, dê, nai, gà, heo … Đã từ lâu các người đã từng bị bắt là kẻ ăn trộm, kẻ cướp đường, kẻ phạm tội tà dâm, và những khi đó các người bị chặt đầu, dòng máu chảy mà các người đã đổ còn nhiều hơn nước trong bốn biển. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng." Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn. Và trong khi những lời thuyết giảng này được nói ra, tâm của ba mươi Tỳ kheo đến từ xứ Pāvā đã được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp. (SN 15:13)

14 (4) Mẹ

15 (5) Cha
16 (6) Anh
17 (7) Chị
18 (8) Con Trai
19 (9) Con Gái
194 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi [saṁsāra] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Này các Tỳ kheo, không dễ gì tìm ra một người trong cái đường (luân-hồi) thăm thẳm này chưa từng là mẹ của mình … chưa từng là cha của mình … chưa từng là anh của mình … chưa từng là chị của mình … chưa từng là con trai của mình … chưa từng là con gái của mình. Bởi vì sao? Bởi vì vòng luân-hồi (sinh tử) này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng.” (SN 15:1419)

20 (10) Núi Vepulla Ở Sāvatthī. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha, trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (i) “Này các Tỳ kheo, vòng luân-hồi [saṁsāra] là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu, từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc trong bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỳ kheo, trong quá khứ, Núi Vepulla này được gọi là núi Pācīnavaṁsa, và thuở đó những người ở đây được gọi là người Tivara. Tuổi thọ của người Tivara là 40.000 năm.263 Họ có thể leo lên núi Pācīnavaṁsa trong bốn ngày và leo xuống trong bốn ngày. Vào thời đó có đức Thế Tôn Kakusandha (Phật Câu-lưu-tôn), là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã khởi sinh trong thế gian. Hai người đệ tử của bậc ấy có tên là Vidhura and Sañjīva, một đôi xuất sắc. Này các Tỳ kheo, thấy không! Cái tên núi đó đã biến mất, những

vị đó đã chết, và bậc Thế Tôn đó đã chứng ngộ Niết-bàn cuối-cùng (bát- niết-bàn). Này các Tỳ kheo, những sự tạo-tác cố ý (các hành) thật là vô thường, thật bất ổn, thật không đáng tin cậy. Này các Tỳ kheo, điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng. (ii) “Này các Tỳ kheo, [một thuở khác] trong quá khứ, Núi Vepulla này được gọi tên là núi Vaṅkaka, và thuở đó những người ở đây được gọi là người Rohitassa. Tuổi thọ của người Rohitassa là 30.000 năm.264 Họ có thể leo lên Núi Vaṅkaka trong ba ngày và leo xuống trong ba ngày. Vào thời đó có bậc Thế Tôn Koṇāgamana (Phật Câu-na-hàm), là một bậc A-la- hán, bậc Toàn Giác, đã khởi sinh trong thế gian. Hai người đệ tử của bậc ấy có tên là Bhiyyosa và Uttara, một đôi xuất sắc. Này các Tỳ kheo, thấy không! Cái tên núi đó đã biến mất, những vị đó đã chết, và bậc Thế Tôn đó đã chứng ngộ Niết-bàn cuối-cùng (bát-niết-bàn). Này các Tỳ kheo,

những sự tạo-tác cố ý (các hành) thật là vô thường … quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải thoát khỏi chúng. (iii) “Này các Tỳ kheo, [một thuở khác nữa] trong quá khứ, Núi Vepulla này được gọi tên là núi Supassa, và thuở đó những người ở đây được gọi là người Suppiya. Tuổi thọ của người Suppiya là 20.000 năm. Họ có thể leo lên núi Supassa trong hai ngày và leo xuống trong hai ngày. Vào thời đó có bậc Thế Tôn Kassapa (Phật Ca-diếp), là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã khởi sinh trong thế gian. Hai người đệ tử của bậc ấy là Tissa và Bhāradvāja, một đôi xuất sắc. Này các Tỳ kheo, thấy không! Cái tên núi đó đã biến mất, những người đó đã chết, và bậc Thế Tôn đó đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (Bát-niết-bàn). Này các Tỳ kheo, những sự tạo-tác cố ý (các hành) thật là vô thường … quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải thoát khỏi chúng. (iv) “Này các Tỳ kheo, hiện tại, Núi Vepulla này được gọi tên là núi Vepulla, và trong thời hiện tại những người ở đây được gọi là người Magadha (Ma-kiệt-đà). Tuổi thọ của người Magadha chỉ là ngắn ngủi, hạn

hữu, như thoáng qua; ai sống thọ nhất cũng chỉ được 100 tuổi hay ít hơn. Những người Magadha leo lên Núi Vepulla trong một giờ và leo xuống trong một giờ. Trong thời này Ta đã khởi sinh trong thế gian này, là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Hai người đệ tử của ta tên là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, một cặp xuất sắc. Rồi cũng sẽ đến thời, này các Tỳ kheo, cái tên núi này rồi sẽ biến mất, những người này rồi sẽ chết đi, và Ta rồi sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối-cùng (bát-niết-bàn). Này các Tỳ kheo, những sự tạo-tác cố ý (các hành) thật là vô thường, thật bất ổn, thật không đáng tin cậy. Này các Tỳ kheo, điều này là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác cố ý (các hành), quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng. Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy, đã nói thêm như vầy: “Đây từng được gọi, Là núi Pācīnavaṁsa bởi những người Tivara Là núi Vaṅkaka bởi người những người Rohitassa, Là núi Supassa bởi những người Suppiya, Là núi Vepulla bởi những người Magadha. “Chao ôi, những sự tạo-tác cố ý (hành) đúng thực là vô-thường, Bản chất chúng là khởi-sinh và biến-diệt. Sau khi sinh là diệt: Sự lắng-lặn của chúng mới là chân hạnh phúc.”265 (SN 15:20)

Chương 16.

Liên Kết CA-DIẾP (16 Kassapa-saṃyutta) (16 Tương ưng Ca-diếp)

1 Sự Biết Hài Lòng Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp (Kassapa) này hài lòng với mọi thứ y-phục, và thầy nói đề cao về sự biết hài-lòng với mọi thứ y-phục, và thầy không tìm kiếm bất chính hay làm điều gì bất chính vì vấn đề y-phục.266 Nếu thầy ấy không có được y-phục thầy ấy cũng không bị khích động, và nếu có được y-phục thầy ấy dùng nó mà không bị dính chấp vào nó, không mê thích nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng vào nó; mà nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu biết sự giải-thoát.267 “Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp này hài lòng với mọi thứ thức ăn khất được … mọi thứ

chỗ ở … mọi thứ thuốc-thang và chu cấp cho người bệnh … và nếu có được chúng thầy ấy dùng nó mà không bị dính chấp vào chúng, không mê thích nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng vào chúng; mà nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng, hiểu biết sự giải-thoát. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: “Chúng ta sẽ hài-lòng với mọi thứ y-phục, và chúng ta sẽ nói đề cao về sự biết hài-lòng với mọi thứ y-phục, và chúng ta không tìm kiếm bất chính hay làm điều gì bất chính vì vấn đề y-phục. Nếu chúng ta không có được y-phục thì chúng ta cũng không bị khích động, và nếu có được y-phục chúng ta dùng nó mà không bị dính chấp vào nó, không mê thích nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng vào nó; mà nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu biết sự giải-thoát. “‘Chúng ta sẽ hài-lòng với mọi thứ thức-ăn khất được … mọi thứ chỗ- ở … mọi thứ thuốc-thang và chu cấp cho người bệnh … và nếu chúng ta có được chúng, chúng ta sẽ dùng chúng mà không bị dính chấp vào chúng, không mê thích chúng, không bị cuốn hút một cách mù quáng vào chúng; mà nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng, hiểu biết sự giải-thoát.’ Các thầy nên tu tập bản thân mình như vậy.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ khởi xướng cho các thầy bằng tấm gương thầy Ca-diếp hoặc người giống thầy Ca-diếp.268 Sau khi được đề xướng, các thầy nên tu tập theo như vậy.”269

(SN 16:01)

2 Không Sợ-Hãi Việc Làm Sai Trái… Tôi nghe như vầy. Trong một lần Ngài Đại Ca-diếp và Ngài Xá-lợi- phất đang sống tại Bārāṇasī (Ba-la-nại), trong khu Vườn Nai ở vùng Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi các thiên thần hạ thế). Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Đại Ca-diếp. Thầy ấy chào hỏi với thầy Đại Ca-diếp, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Ca-diếp: (1) “Này đạo hữu, nghe nói rằng ai không nhiệt-thành và ai không biết sợ-hãi việc làm sai trái thì không thể nào giác ngộ được, không thể nào Niết-bàn, không thể nào đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói- buộc’ (bởi tham-dục, sự hiện-hữu, tà-kiến, vô-minh); nhưng ai nhiệt-thành và biết sợ-hãi việc làm sai trái thì có thể giác ngộ, có thể Niết-bàn, có thể đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’.270 Này đạo hữu, theo cách nào có điều như vậy?” (i) “Này đạo hữu, ở đây một Tỳ kheo không phát khởi sự nhiệt-thành vì không biết suy nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái tâm xấu ác bất thiện khởi sinh trong ta, điều này dẫn tới nguy-hại cho ta’; hoặc không biết nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái tâm xấu ác bất thiện đã khởi sinh trong ta mà chưa bị loại bỏ, điều này dẫn tới nguy-hại cho ta’; hoặc không biết nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái tâm thiện lành không khởi sinh trong ta, điều này dẫn tới nguy-hại cho ta’; hoặc không biết nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái thiện lành đã khởi sinh trong ta giờ không còn, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta.’ Như vậy người đó là không nhiệt-thành.271

(ii) “Và, này đạo hữu, theo cách nào người đó là không biết sợ-hãi việc làm sai trái? Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo không sợ-hãi với ý nghĩ: ‘Nếu những trạng thái tâm xấu ác bất thiện khởi sinh trong ta, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta’ … hoặc không sợ-hãi với ý nghĩ: ‘Nếu những trạng thái tâm thiện lành đã khởi sinh trong ta giờ không còn, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta.’ Như vậy người đó là không biết sợ-hãi với việc làm sai trái. “Này đạo hữu, theo cách như vậy là người không nhiệt-thành và người không biết sợ-hãi việc làm sai trái, không thể nào giác ngộ, không thể nào Niết-bàn, không thể đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’. (2) (i) “Và, này đạo hữu, theo cách nào một người là nhiệt-thành? Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo phát khởi sự nhiệt-thành bằng cách biết suy nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái tâm xấu ác bất thiện khởi sinh trong ta, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta’ … và biết nghĩ rằng: ‘Nếu những trạng thái tâm thiện lành đã khởi sinh trong ta không còn, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta.’ Như vậy người đó là nhiệt-thành. (ii) “Và, này đạo hữu, theo cách nào người đó là biết sợ-hãi việc làm sai trái? Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo biết sợ-hãi với ý nghĩ: ‘Nếu những trạng thái tâm xấu ác bất thiện khởi sinh trong ta, điều này dẫn tới sự nguy-hại cho ta’ … và biết sợ-hãi với ý nghĩ: ‘Nếu những trạng thái tâm thiện lành đã khởi sinh trong ta không còn, điều này dẫn tới sự nguy- hại cho ta.’ Như vậy người đó là biết sợ-hãi việc làm sai trái. “Này đạo hữu, theo cách như vậy là người nhiệt-thành và người biết sợ-hãi việc làm sai trái, có thể giác ngộ được, có thể Niết-bàn, có thể đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi trói-buộc’.” (SN 16:02)

3 Như Mặt Trăng

202 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

Ở Sāvatthī. (1) “Này các Tỳ kheo, các thầy phải như mặt trăng khi đến gặp các gia đình—thu mình (thân) và thu tâm (phải dè dặt, không xông xáo nghênh ngang), luôn hành vi như người mới đến, không khinh xuất đối với các gia đình.272 Giống như một người đang nhìn xuống một cái giếng cũ, một vực núi, hay một vực sông sâu; cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên đến gặp các gia đình (với phong cách) như vậy. “Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp như mặt trăng khi đến gặp các gia đình— thu mình và thu tâm, luôn hành vi như một người mới đến, không khinh xuất đối với các gia đình. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, loại Tỳ kheo nào xứng đáng đến gặp các gia đình?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nhờ dựa vào đức Thế Tôn. Thật tốt lành nếu Thế Tôn giảng giải cho chúng con ý nghĩa của điều đó. Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

Rồi, đức Thế Tôn đã vẫy tay trong không gian273 và nói: “Này các Tỳ kheo, giống như bàn tay này không bị mắc kẹt trong không trung, không bị dính giữ bởi không trung, không bị ràng buộc bởi không trung; cũng giống như vậy một Tỳ kheo đến gặp các gia đình với tâm không bị mắc kẹt, không bị dính giữ, không bị ràng buộc với các gia đình, biết nghĩ (mong) rằng: ‘Ai (các Tỳ kheo) muốn được lợi sẽ được lợi; ai (những người tại gia) muốn làm công đức sẽ làm được công đức!’274 Tỳ kheo đó luôn vui mừng và hạnh phúc (tùy hỷ) khi thấy ai được lợi cũng như khi mình được lợi. (2) “Này các Tỳ kheo, các

thầy nghĩ sao, theo cách nào sự thuyết pháp của một Tỳ kheo là không trong sạch, và theo cách nào sự thuyết pháp của một Tỳ kheo là trong sạch?" "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng đều bắt rễ từ đức Thế Tôn …"

"Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác với ý nghĩ: 'Mong họ biết lắng nghe Giáo Pháp từ ta! Sau khi đã lắng nghe, mong họ đạt được niềm tin vào Giáo Pháp! Khi đã tin (Giáo Pháp), thì họ sẽ tin vào ta!'.275 Sự chỉ dạy Giáo Pháp của của một Tỳ kheo như vậy là không trong sạch. "Nhưng một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác với ý nghĩ: 'Giáo Pháp được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, là có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được chứng ngộ bởi những người hiền trí. Ôi, mong họ biết lắng nghe Giáo Pháp từ ta! Sau khi đã lắng nghe, mong họ thực hành theo đúng như vậy!' Như vậy là người đó chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác vì tính siêu-việt thực chất của Giáo Pháp; người đó chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác vì lòng bi-mẫn và tha-thương, vì sự quan- tâm hiền từ (dành cho họ).276 Sự chỉ dạy Giáo Pháp của của một Tỳ kheo như vậy là trong sạch. "Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác với ý nghĩ: 'Giáo Pháp được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn … Ôi, mong họ biết lắng nghe Giáo Pháp! Sau khi đã lắng nghe, mong họ thực hành theo đúng như vậy!' Thầy ấy chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác vì tính siêu-việt thực chất của Giáo Pháp; thầy ấy chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác vì lòng bi-mẫn và tha-thương, vì sự quan-tâm hiền từ (dành cho họ). "Này các Tỳ kheo, ta sẽ khởi xướng cho các thầy bằng tấm gương thầy Ca-diếp hoặc người giống thầy Ca-diếp. Sau khi được đề xướng, các thầy nên tu tập theo như vậy." (SN 16:03)

4 Khách Của Gia Đình Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, loại Tỳ kheo nào không xứng đáng là khách của các gia đình277 và loại Tỳ kheo nào xứng đáng là khách của các gia đình? "Dạ, thưa Thế Tôn, giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn …" … Đức Thế Tôn nói điều này: (i) "Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể đến gặp các gia đình với ý nghĩ: 'Mong họ bố thí cho ta, chứ không giữ lại! Mong họ bố thí cho ta nhiều, chứ không ít! Mong họ bố thí cho ta thứ tốt, chứ không phải thứ xấu! Mong họ nhanh bố thí cho ta, chứ không chậm! Mong họ bố thí cho ta một cách chu đáo, chứ không phải qua loa!' Khi một Tỳ kheo đến gặp các gia đình với ý nghĩ như vậy, nếu họ không bố thí thì người đó sẽ thấy bị tổn thương; vì chuyện đó nên người đó nếm trải sự khổ đau và ưu phiền. Nếu họ bố thí ít chứ không nhiều … Nếu họ bố thí thứ xấu chứ không tốt … Nếu họ chậm bố thí chậm chứ không nhanh … Nếu họ bố thí một cách qua loa chứ không chu đáo, thì người đó sẽ thấy bị tổn thương; vì chuyện đó nên người đó nếm trải sự khổ đau và ưu phiền. Tỳ kheo như vậy không xứng đáng là khách của các gia đình. (ii) "Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể đến gặp các gia đình với ý nghĩ: 'Khi đang ở chỗ các gia đình của người khác, làm sao ta có thể nghĩ rằng: "Mong họ bố thí cho ta, chứ không giữ lại! … Mong họ bố thí cho ta một cách kính trọng, chứ không qua

loa!?’ Khi một Tỳ kheo đến gặp các gia đình với ý nghĩ như vậy, nếu họ không bố thí …. nếu họ bố thí một cách qua loa chứ không chu đáo, thì người đó cũng không bị tổn thương; người đó không vì chuyện đó mà nếm trải sự khổ đau và ưu phiền. Tỳ kheo như vậy xứng đáng là khách của các gia đình. “Này các Tỳ kheo, thầy Ca-diếp đến gặp các gia đình với ý nghĩ như vậy … Như vậy nếu họ không bố thí … nếu họ bố thí một cách qua loa

chứ không chu đáo, thì thầy ấy cũng không bị tổn thương; thầy ấy không vì chuyện ấy mà nếm trải sự khổ đau và ưu phiền. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ khởi xướng cho các thầy bằng tấm gương thầy Ca-diếp hoặc người giống thầy Ca-diếp. Sau khi được đề xướng, các thầy nên tu tập theo như vậy.” (SN 16:04)

5 Tuổi Già Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre, ở chỗ được gọi là Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó Ngài Đại Ca-diếp đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Này Ca-diếp, thầy nay đã già, và mấy bộ y-phục cũ tàn làm từ giẻ rách bao bố nay đã thành nặng nề đối với thầy. Do vậy, này Ca-diếp, thầy nên mặc y-phục của những người tại gia cúng dường, chấp nhận những bữa ăn họ mời tới ăn (tức không nhất thiết phải đi khất thực để ăn thức ăn khất được), và sống ở nơi gần ta.”278 “Thưa Thế Tôn, đã từ lâu con đã là người sống tu trong rừng và đã nói lời đề cao việc sống tu trong rừng; con đã là người ăn thức ăn (tự mình đi) khất thực và đã nói lời đề cao sự ăn thức ăn khất thực; con đã là người mặc y-phục làm từ giẻ rách và đã nói lời đề cao sự mặc y-phục làm từ giẻ rách; con là người chỉ dùng ba bộ y và đã nói lời đề cao sự chỉ có ba bộ y; con đã có ít mong-cầu và đã nói lời đề cao sự sống ít mong-cầu (thiểu dục); con đã biết hài-lòng và đã nói lời đề cao về sự biết hài-lòng (tri túc); con đã sống ẩn-dật và đã nói lời đề cao về sự sống ẩn-dật; con đã tách-ly khỏi xã hội và đã nói lời đề cao về sự sống tách-ly khỏi xã hội; con đã nỗ- lực và đã nói lời đề cao về sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn).”279

“Này Ca-diếp, do suy xét những lợi ích nào mà từ lâu thầy đã là một người sống tu trong rừng … và đã nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn)?” “Thưa Thế Tôn, do suy xét hai ích lợi. (i) Đối với con, con thấy một sự sống vui-sướng ngay trong kiếp này, và (ii) con có lòng bi-mẫn cho những thế hệ sau, với ý nghĩ rằng: ‘Cầu mong những người thế hệ sau noi theo tấm gương của con!’280 Vì sau khi họ nghe được rằng: ‘Những đệ tử đã giác-ngộ của Đức Phật đx từ lâu là những người sống tu trong rừng và đã nói lời đề cao sự sống tu ở trong rừng … đã nỗ-lực và đã nói lời đề cao về sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn)’, thì họ sẽ tu tập theo như vậy, và điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Do suy xét về hai ích lợi này, thưa Thế Tôn, nên con từ lâu đã là người sống tu trong rừng … và đã nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn).” “Lành thay, lành thay, này Ca-diếp! Thầy đang thực hành vì phúc lợi và hạnh phúc của nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của

những thiên thần và loài người. Nếu vậy, này Ca-diếp, thầy cứ mặc y-phục làm từ giẻ rách bao bố, đi xin ăn, và sống tu trong rừng.” (SN 16:05)

6 Sự Khởi Xướng (1) Ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre. Lúc đó Ngài Đại Ca-diếp đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói điều này với thầy ấy: “Này Ca-diếp, hãy khởi xướng (giáo giới) cho các Tỳ kheo, hãy nói cho họ Giáo Pháp. Hoặc ta nên khởi xướng cho các Tỳ kheo, hoặc thầy cũng nên, này Ca-diếp.”281

“Thưa Thế Tôn, các Tỳ kheo giờ là khó khuyên bảo được, và họ có những phẩm tính làm cho họ khó khuyên bảo được. 282 Họ không kiên nhẫn và không chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng. “Ở đây, thưa Thế Tôn, con thấy Tỳ kheo tên Bhaṇḍa, là một học trò của thầy Ānanda, và Tỳ kheo tên Abhiñjika, là một học trò của thầy Anuruddha (A-nậu-lâu-đà), đã tranh chấp nhau về vấn đề học-hiểu của họ, họ nói qua nói lại: ‘Này, Tỳ kheo, ai có thể nói thêm? Ai có thể nói đúng hơn? Ai có thể nói lâu hơn?’” Rồi đức Thế Tôn nói với một Tỳ kheo: “Này Tỳ kheo, hãy nhân danh ta đến nói cho Tỳ kheo Bhaṇḍa và Tỳ kheo Abhiñjika rằng Sư Thầy (tức Phật) cho gọi họ tới.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại, và thầy đó đi tới các Tỳ kheo kia và nói với họ: “Sư Thầy mới cho gọi các thầy.” “Được, thưa đạo hữu”, hai Tỳ kheo đó đáp lại, và họ đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với họ: “Này hai Tỳ kheo, có thật là hai thầy đã tranh chấp nhau về vấn đề học-hiểu, như để coi ai có thể nói thêm, ai có thể nói hay hơn, ai có thể nói lâu hơn?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Bộ mấy thầy đã từng nghe ta chỉ dạy Giáo Pháp như vầy: ‘Này, các Tỳ kheo, hãy tranh chấp lẫn nhau về vấn đề học-hiểu, và coi ai có thể nói thêm, ai có thể nói hay hơn, ai có thể nói lâu hơn’ hay sao?” “Dạ không có, thưa Thế Tôn.” “Vậy, nếu các thầy chưa bao giờ nghe ta dạy Giáo Pháp như vậy, thì tại sao các thầy lại làm như những kẻ vô tri rồ dại; do thấy và biết cái gì mà sau khi đã xuất gia theo Giáo Pháp và Giới Luật đã được giảng bày hay khéo như vậy mà lại đi tranh chấp lẫn nhau về vấn đề học-hiểu của

mình, để coi ai là người có thể nói thêm, ai có thể nói hay hơn, ai có thể nói lâu hơn, như vậy?” Rồi hai Tỳ kheo đó đã quỳ xuống với đầu dưới chân đức Thế Tôn và nói: “Thưa Thế Tôn, chúng con đã vi phạm một tội—thật ngu ngốc, ngu mờ, và sai bậy—sau khi đã xuất gia theo Giáo Pháp và Giới Luật đã được giảng bày hay khéo như vậy mà chúng con lại đi tranh chấp với nhau về vấn đề học-hiểu của mình, để coi ai là người có thể nói thêm, ai có thể nói nhiều hơn, ai có thể nói lâu hơn, như vậy. Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn tha thứ cho tội này của chúng con đã được nhìn thấy là một tội, coi đó là điều để chúng con giữ giới sau này.” “Được rồi, này các Tỳ kheo, các thầy đã vi phạm một tội—thật ngu ngốc, ngu mờ, và sai bậy—trong đó sau khi đã xuất gia theo Giáo Pháp và Giới Luật đã được giảng bày hay khéo mà các thầy lại đi tranh chấp với nhau về vấn đề học-hiểu của mình … như vậy. Nhưng vì các thầy đã nhìn thấy tội của mình là một tội và biết tu sửa đúng theo Giáo Pháp, chúng ta tha thứ tội đó cho các thầy. Vì

điều đó (cho thấy) là có sự tăng trưởng trong Giới Luật của Thánh Nhân (tức: Giới luật Tỳ kheo) khi người tu biết nhìn thấy tội của mình là tội, biết tu sửa nó theo đúng Giáo Pháp, và đảm nhận sự giữ giới trong tương lai." (SN 16:06)

7 Sự Khởi Xướng (2) Ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre. Lúc đó Ngài Đại Ca-diếp đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói điều này với thầy ấy: "Này Ca-diếp, hãy khởi xướng cho các Tỳ kheo, hãy nói cho họ Giáo Pháp. Hoặc ta nên khởi xướng cho các Tỳ kheo, hoặc thầy cũng nên, này Ca-diếp."

(i) "Thưa Thế Tôn, các Tỳ kheo giờ là khó khuyên bảo được, và họ có những phẩm tính làm cho họ khó khuyên bảo được. Họ không kiên nhẫn và không chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng. Thưa Thế Tôn,283 đối với người không có niềm-tin vào những trạng thái thiện lành, không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, không biết sợ-hãi việc làm sai trái, không nỗ-lực tinh tấn, và không trí-tuệ, thì dù ngày hay đêm những trạng thái thiện lành (của người đó) chỉ sa-sút, chứ không tăng trưởng. Giống như, suốt hai tuần tối trời (trăng khuyết dần), dù ngày hay đêm mặt trăng cũng sa-sút về màu sắc, về độ tròn đầy, và về độ sáng tỏ, về đường kính và chu vi; cũng giống như vậy, đối với người không có niềm-tin vào những trạng thái thiện lành, không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, không sợ-hãi việc làm sai trái, không nỗ-lực tinh tấn, và không trí-tuệ, thì dù ngày hay đêm những trạng thái thiện lành chỉ sa-sút, chứ không tăng trưởng. "Thưa Thế Tôn, một người không có niềm-tin: đây là một trường hợp sa-sút. Một người không biết xấu-hổ về mặt đạo đức … không biết sợ-hãi việc làm sai trái … lười-biếng … vô-trí … sân-giận … xấu-ác: đây là một trường hợp sa-sút. Khi không có các Tỳ kheo là những người khởi xướng (giáo giới, chỉ dạy việc tu tập cho họ): đây là một trường hợp sa-sút.
(ii) "Thưa Thế Tôn, đối với người có niềm-tin vào những trạng thái thiện lành, biết xấu-hổ về mặt đạo đức, biết sợ-hãi việc làm sai trái, có nỗ- lực tinh tấn, và có trí-tuệ, thì dù ngày hay đêm những trạng thái thiện lành (của người đó) chỉ tăng trưởng, chứ không sa-sút. Giống như, suốt hai tuần sáng trời (trăng đầy dần), dù ngày hay đêm mặt trăng cũng tăng trưởng về màu sắc, về độ tròn đầy, và về độ sáng tỏ, về đường kính và chu vi; cũng giống như vậy, đối với người có niềm-tin vào những trạng thái thiện lành, biết xấu-hổ về mặt đạo đức, biết sợ-hãi việc làm sai trái, có nỗ- lực tinh tấn, và có trí-tuệ, thì dù ngày hay đêm những trạng thái thiện lành chỉ tăng trưởng, chứ không sa-sút. "Thưa Thế Tôn, một người có niềm-tin: đây là một trường hợp không sa-sút. Một người biết xấu-hổ về mặt đạo đức… biết sợ-hãi việc làm sai trái … có nỗ-lực tinh tấn … có trí-tuệ … không sân-giận … không xấu-ác:

đây là một trường hợp không sa-sút. Khi có các Tỳ kheo là những người khởi xướng (giáo giới, chỉ dạy việc tu tập cho họ): đây là một trường hợp không sa-sút. "Lành thay, lành thay, này Ca-diếp!" [Rồi Đức Phật lặp lại toàn bộ lời tuyên thuyết trên của thầy Đại Cadiếp.] (SN 16:07)

8 Sự Khởi Xướng (3) Ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre. Lúc đó Ngài Đại Ca-diếp đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói điều này với thầy ấy: "Này Ca-diếp, hãy khởi xướng cho các Tỳ kheo, hãy nói cho họ Giáo Pháp. Hoặc ta nên khởi xướng cho các Tỳ kheo, hoặc thầy cũng nên, này Ca-diếp." "Thưa Thế Tôn, các Tỳ kheo giờ là khó khuyên bảo được, và họ có những phẩm tính làm cho họ khó khuyên bảo được. Họ không kiên nhẫn và không chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng." (i) "Chỉ vậy sao, này Ca-diếp, trong quá khứ những Tỳ kheo trưởng lão là những người sống tu trong rừng và nói lời đề cao sự sống tu trong rừng; họ là những người ăn thức ăn khất thực và nói lời đề cao sự ăn thức ăn khất thực; họ là những người mặc y-phục làm từ giẻ rách và nói lời đề cao sự mặc y-phục làm từ giẻ rách; họ là những người chỉ có ba bộ y và nói lời đề cao sự chỉ có ba bộ y; họ có ít mong-cầu và đề cao sự sống có ít mong-cầu (thiểu dục); họ biết hài-lòng và nói lời đề cao sự biết hài-lòng (tri túc); họ sống ẩn-dật và nói lời đề cao sự sống ẩn-dật; họ tách-ly khỏi xã hội và nói lời đề cao về sự tách-ly khỏi xã hội; họ nỗ-lực và nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn).

"Lúc đó, có một Tỳ kheo là người sống tu trong rừng và đề cao sự sống tu trong rừng … người đó nỗ-lực và nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), các Tỳ kheo trưởng lão đã mời người đó chỗ ngồi, và nói: 'Đến đây, này Tỳ kheo. Gọi tên Tỳ kheo này là gì? Đây là một Tỳ kheo xuất sắc. Tỳ kheo này nhiệt thành tu tập. Đến đây, này Tỳ kheo, đây là chỗ ngồi, mời ngồi.' Lúc đó ý nghĩ này xảy đến với những Tỳ kheo mới thụ giới: 'Hình như mỗi khi có một Tỳ kheo là người sống tu trong rừng và nói lời đề cao sự sống tu trong rừng … người đó nỗ-lực và nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), thì các Tỳ kheo trưởng lão liền mời người đó chỗ ngồi …' Rồi những Tỳ kheo mới thụ giới đó cũng thực hành theo như vậy, và điều đó sẽ dẫn tới phúc-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. (ii) "Nhưng, này Ca-diếp, thời bây giờ các Tỳ kheo trưởng lão không còn là những người sống tu trong rừng và nói lời đề cao sự sống tu trong rừng … họ không còn nỗ-lực và nói lời đề cao sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn). Thời bây giờ Tỳ kheo nào có danh và nổi tiếng, thì người có được nhiều y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang, thì các Tỳ kheo trưởng lão mời chỗ ngồi, và nói: 'Đến đây, này Tỳ kheo. Gọi tên Tỳ kheo này là gì? Đây là một Tỳ kheo xuất sắc. Tỳ kheo này nhiệt tình kết giao với các huynh đệ của mình trong đời sống tu hành. Đến đây, này Tỳ kheo, đây là chỗ ngồi, mời ngồi.' Rồi ý nghĩ này xảy đến với những Tỳ kheo mới thụ giới: 'Hình như mỗi khi có một Tỳ kheo có danh và nổi tiếng, là người có được nhiều y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang, thì các Tỳ kheo trưởng lão liền mời người đó chỗ ngồi … ' Rồi những Tỳ kheo mới thụ giới đó cũng thực hành theo kiểu như vậy, và điều đó dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho họ. "Này Ca-diếp, ai nói một cách đúng đắn có thể nói (một sự thật) rằng: 'Những người sống đời sống tu hành [thánh thiện] đã bị làm hư bởi sự hư- hỏng của những người đang sống đời tu hành [thánh thiện]; người sống đời sống tu hành đã bị phá hoại bởi sự phá-hoại của những người đang sống đời sống tu hành',284 đơn giản là như vậy, người nói một cách đúng đắn có thể nói điều này."

(SN 16:08)

9 Những Tầng Thiền Định & Những Trí-Biết Trực Tiếp Ở Sāvatthī. (1) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh- phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất này. (2) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (tầm và tứ nói trên), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai này. (3) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Với sự phai biến luôn của sự hoan-hỷ, ta an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), ta trải nghiệm sự hạnh-phúc với thân này; ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân tả là: “Người đó an trú buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh phúc.”’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba này. (4) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Với sự dẹp bỏ sướng và khổ, và với sự phai biến trước đó của sự vui (hỷ) và sự buồn (ưu), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sự sướng hay sự khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy

muốn (thầy ấy có thể) … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư này. (5) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Với sự vượt trên mọi nhận-thức về thể sắc (thuộc sắc giới), với sự phai biến những nhận- thức về tiếp-xúc giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự khác-biệt này nọ, (chỉ) ý thức rằng: ‘không gian là vô biên’, ta chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ (cảnh xứ không gian vô biên). Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) … chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ này. (6) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Bằng sự vượt trên không vô biên xứ, ý thức rằng: ‘thức là vô biên’, ta chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ (cảnh xứ thức vô biên).’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) … chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ này. (7) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Bằng sự vượt trên thức vô biên xứ, ý thức rõ: ‘sự không-có-gì’, ta chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ (cảnh xứ không-có-gì).’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) … chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ này. (8) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Bằng sự vượt- trên vô sở hữu xứ, ta chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ (cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn

nhận-thức).’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) … chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ này. (9) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Bằng sự vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, ta chứng nhập và an trú trong sự diệt thọ tưởng (sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác). Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) … chứng nhập và an trú trong sự diệt thọ tưởng này.

(10) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau (thần thông biến hóa, biến hóa thông) như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; tôi hiện hình và biến hình; tôi đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi tréo chân; tôi có thể dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): ‘Vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau như vậy.’ (11) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Với yếu-tố tai thiên thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh ở cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): ‘Với yếu-tố mắt thiên thánh, có thể nghe cả hai loại âm thanh như vậy.’ (12) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (tha tâm thông). Tôi hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm được khuếch đại [bao la, mở rộng, cao vời] là được khuếch đại và tâm không được khuếch đại là không được khuếch đại; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất, chưa vô thượng) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất, vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định, và một tâm không đạt định là không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát.’ Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn

(thầy ấy có thể): ‘Hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ bằng tâm của thầy ấy.’ (13) “Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): ‘Nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình (túc mạng minh); đó là: đó là, một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh; nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (ta nhớ rõ) “Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức

ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây. " Như vậy đó, ta đã nhớ lại những phương diện và những đặc điểm của những cõi kiếp quá khứ của ta.' Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): 'Nhớ lại nhiều kiếp quá khứ với những cách thức và chi tiết của chúng.' (14) "Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): 'Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vầy: 'Những chúng sinh này hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh

kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những nghiệp của họ như vậy.' Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể): 'Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, thầy ấy có thể nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy.' (15) "Này các Tỳ kheo: 'Bằng sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ta chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải- thoát nhờ trí-tuệ'. Thầy Ca-diếp cũng vậy: 'Bằng sự (đã) tiêu diệt mọi ô- nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, thầy Ca-diếp chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch-nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ." 285 (SN 16:09)

10 Khu Ở Của Các Tỳ Kheo Ni Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Ngài Đại Ca-diếp đang sống tại Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, và mang theo bình bát và cà-sa, thầy ấy đến gặp thầy Đại Ca-diếp và nói: "Đi nào, Ngài Ca- diếp, chúng ta hãy đến mấy khu ở (tịnh xá) của các Tỳ kheo ni."286

“Thầy đi đi, đạo hữu Ānanda, thầy là người bận bịu với nhiều phận sự.”287

Lần thứ hai thầy Ānanda nói với thầy Đại Ca-diếp: “Đi nào, Ngài Ca- diếp, chúng ta hãy đến mấy khu ở của các Tỳ kheo ni.” “Thầy đi đi, đạo hữu Ānanda, thầy là người bận bịu với nhiều phận sự.” Lần thứ ba thầy Ānanda nói với thầy Đại Ca-diếp: “Đi nào, Ngài Ca-diếp, chúng ta hãy đến mấy khu ở của các Tỳ kheo ni.” Rồi, vào buổi sáng, thầy Đại Ca-diếp mặc y phục, và mang theo bình bát và cà-sa, đã cùng với thầy Ānanda đi đến mấy khu ở của các Tỳ kheo ni. Sau khi đến nơi, thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã chọn sẵn. Rồi một số Tỳ kheo ni đến gặp thầy Đại Ca-diếp, kính lễ thầy, và ngồi xuống một bên. Trong khi họ đang ngồi, thầy Đại Ca-diếp đã khởi xướng, chỉ dạy, truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo ni bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, sau đó thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Rồi Tỳ kheo ni tên Thullatissā, cảm thấy không bằng lòng, đã diễn đạt sự không bằng lòng của mình như vầy: “Làm sao Sư Thầy Đại Ca-diếp nghĩ tới việc thuyết Pháp trước mặt Sư Thầy Ānanda, bậc trí giả xứ Videha?288 Đối với việc Sư Thầy Đại Ca- diếp nghĩ tới việc thuyết Pháp trước mặt Sư Thầy Ānanda, bậc trí giả xứ Videha— điều này giống như một người bán kim dạo nghĩ tới việc bán cây kim cho người làm kim vậy!” Thầy Đại Ca-diếp có nghe được Tỳ kheo ni Thullatissā tuyên bố như vậy, và thầy nói với thầy Ānanda: “Là sao, này đạo hữu Ānanda, tôi là người bán kim dạo và thầy là người làm kim, hay tôi là người làm kim và thầy là người bán kim dạo?” “Xin hãy nhẫn nhịn, Ngài Kassapa, phụ nữ là ngu xuẩn.” (nguyên văn kinh gốc)289

“Khoan đã, đạo hữu Ānanda! Đừng để Tăng Đoàn có dịp điều tra (tìm hiểu) thêm về thầy.290 Thầy nghĩ sao, này đạo hữu, đức Thế Tôn có từng đưa thầy ra trước Tăng đoàn Tỳ kheo, và nói: (1) ‘Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): “Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan … ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) …” Thầy Ānanda cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất này’, hay không?” “Không có, thưa Ngài.” “Này đạo hữu, còn tôi là người đức Thế Tôn đã đưa ra trước Tăng đoàn Tỳ kheo, và nói: ‘Này các Tỳ kheo, tùy theo ta muốn (ta có thể): “Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan … ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) …” Thầy Ca-diếp cũng vậy, tùy theo thầy ấy muốn (thầy ấy có thể) … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất này.’ [Tiếp tục giống như kinh SN 16:09 kế trên: lần lượt các giai đoạn chứng-đắc thiền định và sáu trí-biết trực tiếp từ (2)(14) …] (15) … “Còn tôi là người đức Thế Tôn đã đưa ra trước Tăng đoàn Tỳ kheo, và nói: ‘Này các Tỳ kheo: “Bằng sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ta chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải- thoát nhờ trí-tuệ. ” Thầy Ca-diếp cũng vậy: “Bằng sự (đã) tiêu diệt mọi ô- nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, thầy Ca-diếp chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch-nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ.” “Này đạo hữu, ai nghĩ có thể che đậy sáu trí-biết trực tiếp (sáu trí) của tôi thì chẳng khác nào như nghĩ tới việc dùng một lá cọ để che giấu một

con voi đực cao bảy hoặc bảy rưỡi cubit (1 cubit = 45.72cm) vậy.”291 Nhưng Tỳ kheo ni Thullatissā đã rớt ra khỏi đời sống tâm linh.292 (SN 16:10)

Chương 16 Liên Kết CA-DIẾP • 219

11 Áo Cà-Sa Trong một lần Ngài Đại Ca-diếp đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre, ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn Của Bầy Sóc. Bấy giờ, vào lúc đó, Ngài Ānanda đang đi du hành ở vùng Dakkhiṇāgiri cùng với một đoàn tăng nhiều Tỳ kheo.293 Bấy giờ, vào lúc đó, có ba mươi Tỳ kheo—là các học trò của thầy Ānanda—hầu hết đều trẻ tuổi, đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Sau khi thầy Ānanda đã đi xong chuyến du hành ở Dakkhiṇāgiri theo ý thầy ấy, thầy đã trở về Rājagaha, ở khu Rừng Tre, Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Thầy ấy đến gặp thầy Đại Ca-diếp, kính lễ và ngồi xuống một bên, và thầy Đại Ca-diếp đã nói với thầy ấy: “Này đạo hữu Ānanda, có bao nhiêu lý do mà đức Thế Tôn đã đề ra giới-luật rằng khi ăn với các gia đình, các Tỳ kheo không được ăn theo nhóm quá ba người? (tức không tụ tập thành nhóm đông)”294

“Thưa Ngài Ca-diếp, Đức Thế Tôn đề ra giới luật này vì ba lý do: (1) để kiềm-chế những người không hành xử tốt (tăng xấu) và vì sự an-ổn của các Tỳ kheo hành xử tốt (tăng tốt); (2) [với chủ ý] ‘Cầu cho những tâm nguyện xấu ác đó, tức sự lập phe lập nhóm, không thể gây chia rẽ trong Tăng Đoàn!’; và (3) vì lòng bi-mẫn đối với các gia đình.295 Ngài Ca-diếp, đây là ba lý do đức Thế Tôn đã đề ra giới luật này.” “Đạo hữu Ānanda, vậy mà thầy lại đi du hành cùng với đoàn Tỳ kheo trẻ là những người không phòng hộ các căn cảm-nhận, không tiết độ trong ăn uống, và không hết mình vì sự tỉnh-thức? Người ta có thể nghĩ các thầy đang đi du hành như để đạp phá mùa màng; người ta có thể nghĩ các thầy đang đi du hành như để phá hoại các gia đình. Đoàn môn đệ của thầy đã tan rã, này thầy Ānanda, những đệ tử trẻ tuổi của thầy đã tuột dốc mất rồi. Chỉ còn lại người trẻ con này không biết lượng sức bản thân mình!” “Ngài Ca-diếp, tóc bạc đang mọc trên đầu tôi đây. Liệu chúng tôi có thể thoát khỏi cái sự bị Ngài Đại Ca-diếp gọi là một đứa trẻ con hay không?”296

220 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

“Đạo hữu Ānanda, chỉ là do thầy đi du hành với những Tỳ kheo trẻ, những người không phòng hộ các căn cảm-nhận … Chỉ còn lại người trẻ con này không biết lượng sức bản thân mình!” Tỳ kheo ni tên Thullanandā đã nghe rằng:297 “Sư Thầy Đại Ca-diếp đã chê bai Sư Thầy Ānanda, bậc trí giả xứ Videha, bằng cách gọi thầy là một người trẻ con.” Rồi, do không bằng lòng với việc đó, ni đã diễn đạt sự không bằng lòng của mình như vầy: “Làm sao Sư Thầy Đại Ca-diếp, trước kia là một người theo giáo phái khác,298 nghĩ tới việc chê bai Thầy Ānanda, bậc trí giả xứ Videha, bằng cách gọi thầy là một người trẻ con, như vậy?” Thầy Đại Ca-diếp lại nghe được Tỳ kheo ni Thullanandā tuyên bố điều này, và thầy đã nói với thầy Ānanda: “Này đạo hữu Ānanda, Tỳ kheo ni Thullanandā đã tuyên bố một cách cẩu thả, thiếu suy xét. Bởi vì ngày trước tôi đã tự mình cạo bỏ râu tóc, khoát y cà-sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, tôi không nhớ mình đã từng thừa nhận một vị sư thầy

nào khác ngoài đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (tức thầy Ca-diếp chưa từng theo giáo phái hay đạo sư ngoại đạo nào khác) “Ngày xưa, khi tôi còn là một gia chủ, điều này đã xảy đến với tôi: ‘Đời sống tại gia là chật chội, là một con đường đầy bụi bẩn, còn (đời sống) xuất gia thì như một bầu không khí rộng mở. Không dễ gì ở nhà mà sống một đời sống hoàn toàn thánh thiện, một đời sống trong sạch toàn thiện như một vỏ sò được chà trắng. Vậy nên tôi đã cạo bỏ râu tóc, khoát áo cà sa vàng úa (màu đất sét vàng tái), và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Một thời gian sau đó, tôi có một áo cà-sa được làm từ giẻ rách;299 rồi, do nhận biết được những người là bậc A-la-hán trong thế gian [là những tấm gương để noi theo], tôi đã cạo bỏ râu tóc, khoát y cà-sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

“Sau khi tôi đã xuất gia như vậy, tôi cứ bước đi, dọc đường tôi đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi trong Ngôi Đền nằm ở đoạn giữa Rājagaha và Nālandā.300 Sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn, tôi nghĩ rằng: ‘Nếu tôi có gặp Vị Thầy, thì tôi sẽ gặp đúng ngay đức Thế Tôn. Nếu tôi có gặp bậc Phúc Lành, thì tôi sẽ gặp đúng ngay đức Thế Tôn. Nếu tôi có gặp bậc Toàn Giác, thì tôi sẽ gặp đúng ngay đức Thế Tôn.’ Rồi tôi quỳ xuống dưới chân đức Thế Tôn và thưa: ‘Thưa ngài, đức Thế Tôn là Vị Thầy của tôi, tôi là đệ tử của vị ấy. Thưa ngài, đức Thế Tôn là Vị Thầy của tôi. Tôi là đệ tử của vị ấy.’301

“Khi tôi nói ra điều này, đức Thế Tôn đã nói với tôi: ‘Này Ca-diếp, nếu ai không biết và không thấy mà lại nói, thì cái đầu người nói sẽ bị bể tan. Nhưng này Ca-diếp, do ta biết ta nói “Ta biết”; do ta thấy ta nói “Ta thấy”.302

(i) “‘Do vậy, này Ca-diếp, thầy nên tu tập bản thân như vầy: “Tôi sẽ phát khởi một cách nhiệt thành ‘sự biết xấu-hổ (về mặt đạo đức)’ và ‘sự biết sợ-hãi việc làm sai trái’ đối với những vị trưởng lão, đối với những người mới thụ giới (tuổi hạ nhỏ), và đối với những vị trung niên (tuổi hạ vừa).” Thầy nên tu tập bản thân mình như vậy. (ii) “‘Do vậy, này Ca-diếp, thầy nên tu tập bản thân như vầy: “Mỗi khi tôi lắng nghe Giáo Pháp nào nối kết với điều thiện lành, tôi sẽ lắng-nghe nó với hai tai nhiệt tình, chú-tâm vào nó như một vấn đề sống-còn, vận- dụng cả tâm trí vào nó.”303 Thầy nên tu tập bản thân như vậy.

(iii) “‘Do vậy, này Ca-diếp, thầy nên tu tập bản thân như vầy: “Tôi sẽ không bao giờ bỏ quên [từ bỏ] ‘sự chánh-niệm hướng vào thân’ kết nối với sự hoan-hỷ”304 Thầy nên tu tập bản thân như vậy.’ “Rồi, sau khi đã nói cho tôi lời khởi xướng đó, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và bước đi. Này đạo hữu, trong suốt bảy ngày sau đó tôi đã ăn đồ cúng dường của xứ sở này như một con nợ (hàm ý: người tu được cúng dường mà tu không kết quả chẳng khác nào mắc nợ những thí chủ), nhưng đến ngày thứ tám thì trí-biết cuối cùng đã khởi sinh.305

“Rồi sau đó, này đạo hữu, đức Thế Tôn đã từ trên đường bước xuống và đi đến một gốc cây.306 Tôi gấp tư áo cà-sa của tôi đã may từ nhiều mảnh vải cắt vụn, và thưa với Thế Tôn: ‘Thưa Thế Tôn, Thế Tôn hãy ngồi xuống đây. Điều này sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh

phúc dài lâu cho con.’ Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn và nói với tôi: ‘Này Ca-diếp, áo cà-sa của thầy làm bằng vải cắt vụn nên mềm mại.’—‘Thưa Thế Tôn, Thế Tôn hãy nhận cà-sa làm bằng vải cắt này, vì lòng bi-mẫn đối với con.’—‘Còn thầy sẽ mặc được mấy y phục cà-sa làm từ giẻ rách bao bố đã sờn cũ của ta?’—‘Thưa Thế Tôn, con sẽ mặc được vậy.’ Vậy đó, ta đã cúng dường cho đức Thế Tôn áo cà-sa làm bằng vải cắt và nhận lãnh từ đức Thế Tôn áo cà-sa đã sờn cũ của đức Thế Tôn được làm từ giẻ rách bao bố.307 “Này đạo hữu, nếu ai nói một cách đúng đắn mà nói về ai kiểu như: ‘Người đó là con của đức Thế Tôn, được sinh ra từ ngực của đức Thế Tôn, được sinh ra từ miệng của đức Thế Tôn, được sinh ra từ Giáo Pháp, được tạo ra bởi Giáo Pháp, là một người thừa tự của Giáo Pháp, một người nhận lãnh mấy y phục cà-sa làm từ giẻ rách bao bố đã sờn cũ của đức Thế Tôn’, thì đó là nói về tôi nếu người nói một cách đúng đắn đó muốn nói điều như vậy.308 (1) “Này đạo hữu, tùy theo tôi muốn (tôi có thể): ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ … [Tiếp tục như kinh SN 16:09 ở trên, lần lượt những chứng-đắc thiền định và sáu trí-biết trực tiếp từ (2)–(14) …] (15) “Này đạo hữu, bằng sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, tôi chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch-nhiễm, và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ.

“Này đạo hữu, ai nghĩ có thể che đậy sáu trí-biết trực tiếp (sáu trí) của ta thì chẳng khác nào như nghĩ tới việc dùng một lá cọ để che giấu một con voi đực cao bảy hoặc bảy rưỡi cubit.”309

Nhưng Tỳ kheo ni Thullanandā đã rớt ra khỏi đời sống tâm linh. (bị quả báo, phải cởi bỏ y cà-sa và hoàn tục, như ni Tissa trong kinh kế trên) (SN 16:11)

12 Sau Khi Chết Trong một lần Ngài Đại Ca-diếp và Ngài Xá-lợi-phất đang sống tại Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở vùng Isipatana (Isipatana có nghĩa là: nơi các thiên thần hạ thế). Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá- lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Đại Ca-diếp. Thầy chào hỏi với thầy Đại Ca-diếp, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Ca-diếp: “Là sao, này đạo hữu Ca-diếp, Như Lai có tồn tại sau khi chết hay không?”310 “Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã không tuyên bố: ‘Như Lai tồn tại sau khi chết.’” “Này đạo hữu, vậy Như Lai không tồn tại sau khi chết phải không?” “Này đạo hữu, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố: ‘Như Lai không tồn tại sau khi chết.’” “Này đạo hữu, vậy là sao, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết phải không?” “Này đạo hữu, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố: ‘Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết.’” “Này đạo hữu, vậy là Như Lai không tồn tại cũng không phải không tồn tại sau khi chết phải không?”

“Này đạo hữu, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố: ‘Như Lai không tồn tại cũng không phải không tồn tại sau khi chết.’” “Này đạo hữu, tại sao đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này?” “Bởi vì điều đó là không ích lợi, không liên quan đến những căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm- dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Vì vậy nên đức Thế Tôn đã không tuyên bố về điều đó.” “Này đạo hữu, vậy đức Thế Tôn đã tuyên bố điều gì?” “Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã tuyên bố điều này: ‘Đây là khổ’, và ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, và ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con- đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.’” “Này đạo hữu, tại sao đức Thế Tôn đã tuyên bố điều này?” “Này đạo hữu, bởi vì điều đó là ích lợi, liên hệ đến những căn bản của đời sống tâm linh, và dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình- an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Vì vậy nên đức Thế Tôn đã tuyên bố điều đó.” (SN 16:12)

13 Sự Giả Mạo Giáo Pháp Đích Thực Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó Ngài Đại Ca-diếp đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, lý do gì, nguyên nhân gì, tại sao trước kia có ít giới- luật tu hành mà có nhiều Tỳ kheo được thiết lập trong trí-biết cuối cùng (tức giác-ngộ), trong khi bây giờ có thêm nhiều giới-luật tu hành nhưng lại có ít Tỳ kheo được thiết lập trong trí-biết cuối cùng?”311

“Đường lối nó là như vậy, này Ca-diếp. Khi chúng sinh đang suy đồi và Giáo Pháp đích thực (chân Pháp) đang biến mất thì có thêm nhiều giới- luật tu hành nhưng càng có ít số Tỳ kheo được thiết lập trong trí-biết cuối cùng. Này Ca-diếp, chân Pháp không biến mất khi chưa có sự giả-mạo chân Pháp khởi sinh trong thế gian. Nhưng khi sự giả mạo chân Pháp khởi sinh trong thế gian, lúc đó chân Pháp sẽ biến mất.312 “Này Ca-diếp, giống như vàng không biến mất khi chưa có vàng giả phát sinh trong thế gian, nhưng khi có vàng giả phát sinh, thì vàng thật biến mất; cũng giống như vậy, chân Pháp không biến mất khi chưa có sự giả-mạo chân Pháp khởi sinh trong thế gian, nhưng khi có sự giả-mạo chân Pháp, thì lúc đó chân Pháp biến mất. “Này Ca-diếp, đó không phải do yếu-tố đất làm cho chân Pháp biến mất, cũng không phải do yếu-tố nước, hay yếu-tố nhiệt, hay yếu-tố khí. Đó là do những kẻ vô tri vô giác đã sinh ra ở đây là những kẻ làm cho chân Pháp biến mất. (1) “Chân Pháp không biến mất một cái rụp như kiểu một con tàu chìm mất.313 Mà này Ca-diếp, có năm điều tệ-hại dẫn tới sự suy-tàn và sự biến-mất của chân Pháp.314 Năm đó là gì? Ở đây, những Tỳ kheo, (i) Tỳ kheo ni, nam đệ tử tại gia, và nữ đệ tử tại gia sống không có sự tôn-trọng và tôn-kính đối với vị Sư Thầy; (ii) họ sống không có sự tôn-trọng và tôn- kính đối với Giáo Pháp; (iii) họ sống không có sự tôn-trọng và tôn-kính đối với Tăng Đoàn; (iv) họ sống không có sự tôn-trọng và tôn-kính đối với sự tu-tập; (v) họ sống không có sự tôn-trọng và tôn-kính đối với sự định- tâm ([tức: không chứng đắc hay nỗ lực tu để chứng đắc tám tầng thiền định]).315 Này Ca-diếp, đó là năm điều tệ-hại dẫn tới sự suy-tàn và sự biến-mất của chân Pháp. (2) “Này Ca-diếp, có năm điều dẫn tới sự trường-tồn của chân Pháp, sự không suy-tàn của

nó, và sự không biến-mất của nó. Năm đó là gì? Ở đây, những Tỳ kheo, (i) Tỳ kheo ni, năm đệ tử tại gia, và nữ đệ tử tại gia sống có sự tôn-trọng và tôn-kính đối với vị Sư Thầy; (ii) họ sống có sự

tôn-trọng và tôn-kính đối với Giáo Pháp; (iii) họ sống có sự tôn-trọng và tôn-kính đối với Tăng Đoàn; (iv) họ sống có sự tôn-trọng và tôn-kính đối với sự tu tập; (v) họ sống có sự tôn-trọng và tôn-kính đối với sự định-tâm (có tu tập sự định-tâm và chứng đắc các tầng thiền định). Này Ca-diếp, đó là năm điều dẫn tới sự không suy-tàn và sự không biến-mất của chân Pháp.” (SN 16:13)

Chương 17.

Liên Kết LỢI-DANH (17 Lābhasakkāra-saṃyutta) (17 Tương ưng Lợi-Danh)

NHÓM 1.
‘NHÓM THỨ NHẤT’
(Paṭhama-vagga)
[Tai Hại]
1 (1) Tai Hại (chết chóc) Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), đắng cay, tệ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’ ([bởi sự hiện-hữu, tham dục]).316 Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ dẹp bỏ sự “lợi, danh, vinh” đã khởi sinh, và chúng ta sẽ không để cho sự “lợi, danh, vinh” đã khởi sinh còn tồn tại và ám muội tâm trí của chúng ta.’ Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 17:01)

2 (2) Lưỡi Câu Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại, đắng cay, tệ bạc, cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’. Ví dụ có một ngư dân thả một lưỡi câu có mồi xuống một hồ sâu, và một con cá đang đi tìm thức ăn nuốc nó. Con cá đó, sau khi đã nuốt lưỡi câu của ngư dân, coi như đã gặp tai nạn và thảm họa, rồi ngư dân đó muốn làm gì nó cũng được.

“Này các Tỳ kheo, ‘Ngư dân’: là chữ để chỉ Ma Vương Ác Ma. ‘Lưỡi câu có mồi’: là chữ để chỉ sự ‘lợi, danh, vinh’. Tỳ kheo nào thích thú và hưởng thụ ‘lợi, danh, vinh’ đã khởi sinh thì được gọi là một Tỳ kheo đã nuốt mồi câu, đã gặp tai nạn và thảm họa trong tay Ác Ma. Này các Tỳ kheo, sự ‘lợi, danh, vinh’ thật là tai hại, đắng cay, tệ bạc, cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ dẹp bỏ sự “lợi, danh, vinh” đã khởi sinh, và

chúng ta không để cho sự "lợi, danh, vinh" đã khởi sinh còn tồn tại và ám muội tâm trí của chúng ta.' Như vậy các thầy nên tu tập bản thân." (SN 17:02)

3 (3) Con Rùa Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, 'lợi, danh, vinh' là tai hại ... Thuở xưa có một đại gia đình rùa đã sống từ rất lâu trong một hồ nước.317 Lúc đó một con rùa đã nói với một con rùa khác: 'Này bạn rùa thân mến, đừng có đi tới vùng đó.' Nhưng con rùa (nghe) vẫn cứ đi tới vùng đó, và một thợ săn đã phóng trúng nó bằng cây lao móc có buộc dây.318 Rồi con rùa đó đi về gặp con rùa thứ nhất. Khi con rùa thứ nhất thấy nó đang đi đến từ xa, con rùa thứ nhất nói: 'Này anh bạn, tôi hy vọng anh đã không tới vùng đó.' – 'Có, tôi đã tới vùng đó.' – 'Vậy tôi hy vọng bạn đã không bị đập hay bị đánh.' – 'Tôi không bị đập hay bị đánh; nhưng có một sợi dây cứ liên tục theo sau tôi.' – 'Bạn đúng thiệt đã bị đập rồi, bạn rùa thân mến; bạn đúng thiệt đã bị đánh rồi! Cha của bạn và ông của bạn cũng đã gặp tại nạn và thảm họa bởi cái dây đó rồi. Giờ thì bạn đi mất rồi, bạn rùa thân mến, bạn không còn là rùa trong đàn ở đây nữa.' (tức sẽ bị thợ săn kéo dây bắt đi và chết) "Này các Tỳ kheo, 'Thợ săn': là chữ để chỉ Ma Vương Ác Ma. 'Lao móc có buộc dây': là chữ để chỉ sự 'lợi, danh, vinh'. 'Sợi dây': là chữ để chỉ sự khoái-lạc và nhục-dục (năm dây ngũ dục). Tỳ kheo nào thích thú và

thụ hưởng sự 'lợi, danh, vinh' thì được gọi là một Tỳ kheo đã bị phóng trúng bởi lao móc có buộc dây,319 là người đã gặp tai nạn và thảm họa trong tay của Ác Ma. Này các Tỳ kheo, sự 'lợi, danh, vinh' là tai hại ... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân." (SN 17:03)

4 (4) Con Dê Lông Dày Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, 'lợi, danh, vinh' là tai hại ... Ví dụ có một con dê cái có lông dày chui vào khóm cây gai (như cây thạch nam, cây tầm xuân) thì chỗ này chỗ kia nó bị dính vướng, chỗ này chỗ kia nó bị dính kẹt, chỗ này chỗ kia nó bị dính mắc, và coi như chỗ này chỗ kia nó cứ gặp tai nạn và thảm họa. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi sự 'lợi, danh, vinh', buổi sáng mặc y phục, và mang theo bình bát và cà-sa, đi vô làng hay phố thị để khất thực. Chỗ này chỗ kia người đó bị dính vướng, chỗ này chỗ kia người đó bị dính kẹt, chỗ này chỗ kia người đó bị dính mắc, và coi như chỗ này chỗ kia người đó cứ gặp tai nạn và thảm họa. 'Lợi, danh, vinh' là tai hại ... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân." (SN 17:04)

5 (5) Con Bọ Trong Phân Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, 'lợi, danh, vinh' là tai hại ... Giả sử có một con bọ, là con ăn phân, nhồi nhét đầy phân, bụng đầy phân, và trước mặt nó là một đống phân lớn. Do được như vậy nên nó khinh rẻ những con bọ khác, nó nghĩ: 'Ta là con ăn phân, nhồi nhét đầy phân, bụng đầy phân, và trước mặt ta có một đống phân lớn.' Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ

kheo có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi sự 'lợi, danh, vinh', buổi sáng mặc ý áo, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô làng hay phố thị khất thực. Người đó ăn uống thả sức mình muốn, người đó được mời tới bữa cơm ngày mai, và thức ăn khất thực của

người đó rất nhiều. Khi người đó trở về tịnh xá (tu viện, chùa), người đó khoe khoan với nhóm Tỳ kheo rằng: 'Tôi đã ăn uống thả sức tôi muốn, tôi được mời tới bữa cơm ngày mai, và thức ăn khất thực của tôt rất nhiều. Tôi là người có được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang, nhưng những Tỳ kheo khác có ít phước đức và ảnh hưởng (uy thế) nên họ không có được nhiều y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang.' Như vậy là, do tâm của người đó bị chế ngự và ám muội bởi sự 'lợi, danh, vinh', nên người đó khinh rẻ những Tỳ kheo thiện-hành (hành xử thiện khéo) khác. Điều đó dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho thứ người vô tri ngu dại đó. Này các Tỳ kheo, 'lợi, danh, vinh' là tai hại ... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân." (SN 17:05)

6 (6) Sét Đánh Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, 'lợi, danh, vinh' là tai hại ... Này các Tỳ kheo, ai bị sét đánh? Một người tu học mà sự 'lợi, danh, vinh' cứ ập tới trong khi người đó chưa đạt tới lý-tưởng của tâm.320 "Này các Tỳ kheo, 'Sét đánh': là chữ để chỉ sự 'lợi, danh, vinh'. Này các Tỳ kheo, 'lợi, danh, vinh' là tai hại ... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân." (SN 17:06)

7 (7) Mũi Tên Tẩm Độc Ở Sāvatthī.

"Này các Tỳ kheo, 'lợi, danh, vinh' là tai hại ... Này các Tỳ kheo, ai bị đâm bởi một mũi tên tẩm độc? Một người tu học mà sự 'lợi, danh, vinh' cứ ập tới trong khi người đó chưa đạt tới lý-tưởng của tâm.321

"Này các Tỳ kheo, 'Mũi tên': là chữ để chỉ sự 'lợi, danh, vinh'. Này các Tỳ kheo, 'lợi, danh, vinh' là tai hại ... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân." (SN 17:07)

8 (8) Chó Rừng
Ở Sāvatthī.
"Này các Tỳ kheo, 'lợi, danh, vinh' là tai hại ... Các thầy có nghe một con chó rừng (giả can) già rú tiếng khi đêm sắp tàn không?"
"Dạ có, thưa Thế Tôn."
"Con chó già đó bị mắc một căn bệnh gọi là bệnh ghẻ lở.322 Nó không thấy dễ chịu cho dù nó có chui vào hang, hoặc chạy tới chỗ gốc cây hay chỗ thoáng gió. Dù nó đi đâu, đứng đâu, ngồi đâu, nằm đâu, nó luôn gặp phải tai nạn và thảm họa như vậy. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, tâm của ai bị chế ngự và bị ám muội bởi sự 'lợi, danh, vinh' thì không cảm thấy dễ chịu (với sự sống tách ly, thanh bần) cho dù có đang ở trong chòi trống, hoặc chỗ gốc cây, hay chỗ thoáng đãng. Dù người đó đi đâu, đứng đâu, ngồi đâu, nằm đâu, người đó cứ luôn như gặp phải tai nạn và thảm họa như vậy. Này các Tỳ kheo, 'lợi, danh, vinh' là tai hại ... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân." (SN 17:08)

9 (9) Cuồng Phong Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Này các Tỳ kheo, trên trời cao những cơn gió mạnh được gọi là cuồng phong đang thổi.323 Nếu một con chim bay lên đó, những cơn gió mạnh sẽ thổi tung nó, và khi nó bị thổi tung bởi gió mạnh như vậy, chân nó quăng một hướng, cánh quăng hướng khác, đầu quăng hướng khác, và thân quăng hướng khác (như tan tác). Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’, buổi sáng mặc y-phục, và mang bình bát và cà-sa, đi vô làng hoặc phố thị để khất thực với thân, lời-nói, và tâm không được phòng hộ, không được thiết lập trong sự chánh-niệm, không được kiềm-chế ở các giác-quan. Người đó nhìn thấy phụ nữ ăn mặc mỏng mảnh hoặc không che kín, rồi nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Rồi người khác lấy cà-sa của người đó, người nọ thì lấy bình bát, người kia lấy gối ngồi thiền, và người nữa lấy hộp đựng kim chỉ của người đó, nên giờ (người đó và đời sống tu hành của mình) đã bị tan tác, giống như chim đã bị những cuồng phong thổi bay. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 17:09)

10 (10) Có Thêm Bài Kệ Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), là đắng cay, tệ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’. Này các Tỳ kheo, ta nhìn thấy một số người ở đây có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi sự vinh-hạnh (vinh; được tôn vinh và tiếp đón, được cung kính bởi những người tại gia hay người khác), khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

“Rồi, ta nhìn thấy một số người ở đây có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi sự không-được vinh-hạnh (không được tôn vinh và tiếp đón, không được cung kính), khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. “Rồi, ta nhìn thấy một số người ở đây có tâm bị chế ngự và bị ám muội bởi cả sự vinh-hạnh và sự không được vinh-hạnh, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), là đắng cay, tệ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’. Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy, đã nói thêm điều này: “Dù có được tắm trong sự vinh-hạnh, Hay sự không được vinh-hạnh, hay cả hai, Sự định-tâm của người đó là không lay chuyển, Khi người đó an trú trong trạng thái (định) vô-lượng.324

Khi người hành thiền với sự kiên-định,
Là người tuệ-thấy được sự-thấy vi tế,
Vui thích sự phá bỏ sự dính-chấp (phá thủ),
Người ta gọi vị đó là một bậc thượng nhân.”325
(SN 17:10)

NHÓM 2.
‘NHÓM THỨ HAI’
(Dutiya-vagga)
[Bình Bát]

11 (1) Bình Bát Vàng Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), đắng cay, tệ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’ (với thế gian). Này các Tỳ kheo, ta đã biết một người ở đây khi tâm người đó được bao trùm bằng tâm của ta: ‘Vị này không nói một lời nói-dối cố ý cho dù để có được một bình bát bằng vàng đựng đầy bột bằng bạc.’ Nhưng một thời gian sau đó ta nhìn thấy người này, tâm người này lại bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’ nên đã có nói lời nói- dối cố ý. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 17:11)

12 (2) Bình Bát Bạc Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Này các Tỳ kheo, ta đã biết một người ở đây khi tâm người đó được bao trùm bằng tâm của ta: ‘Vị này không nói một lời nói-dối cố ý cho dù để có được một bình bát bằng bạc đựng đầy bột bằng vàng.’ Nhưng một thời gian sau đó ta nhìn thấy người này, tâm người này lại bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’ nên có nói lời nói-dối cố ý. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 17:12)

13 (3) Một Đồng Tiền Vàng Suvaṇṇa 14 (4) Một Trăm Đồng Tiền Vàng Suvaṇṇa 15 (5) Một Đồng Tiền Vàng Siṅgi 16 (6) Một Trăm Đồng Tiền Vàng Siṅgi 17 (7) Trái Đất Chứa Toàn Vàng 18 (8) Mọi Phần Thưởng Vật Chất 19 (9) Mạng Sống 20 (10) Người Phụ Nữ Đẹp Nhất Vùng Đất Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Này các Tỳ kheo, ta đã biết một người ở đây khi tâm người đó được bao trùm bằng tâm của ta: ‘Vị này không nói lời nói-dối cố ý cho dù để có được một đồng tiền vàng suvaṇṇa … cho dù để có được một trăm đồng tiền vàng suvaṇṇa … cho dù để có được một đồng tiền vàng siṅgi 326 … cho dù để có được một trăm đồng tiền vàng siṅgi … cho dù để có được cả trái đất chứa toàn vàng … cho dù để có được mọi phần thưởng vật chất … cho dù để có được (vì) mạng sống … cho dù để có được người phụ nữ đẹp nhất (hoa hậu) của vùng đất.327 Nhưng thời gian sau ta nhìn thấy người này, tâm người này lại bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’ nên có nói lời nói-dối cố ý. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 17:1320)

NHÓM 3.
‘NHÓM THỨ BA’
(Tatiya-vagga)
[Phụ Nữ]

21 (1) Một Phụ Nữ Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), là đắng cay, tệ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’ (với thế gian). Này các Tỳ kheo, cho dù một người đang ở riêng với một phụ nữ, người phụ nữ đó có thể không ám muội tâm trí người đó, nhưng sự ‘lợi, danh, vinh’ vẫn ám muội tâm trí người đó. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 17:21)

22 (2) Người Phụ Nữ Đẹp Nhất Vùng Đất Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Này các Tỳ kheo, cho dù một người đang ở riêng với một phụ nữ đẹp nhất vùng đất (hoa hậu), người phụ nữ đó có thể không ám muội tâm trí người đó, nhưng sự ‘lợi, danh, vinh’ vẫn ám muội tâm trí người đó. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 17:22)

23 (3) Con Trai Duy Nhất Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Một nữ đệ tử thành tín (với Tam Bảo) nếu cầu ước một cách đúng đắn cho con trai duy nhất của mình, đứa con yêu dấu và thân thương, thì nên cầu ước cho con trai như vầy: ‘Này con yêu dấu, cầu mong con trở thành người như gia chủ Citta và gia chủ Hatthaka của xứ Āḷavaka’— vì đây là tiêu chuẩn và tiêu chí cho những nam đệ tử của ta là người tại-gia, đó là, gia chủ Citta và gia chủ Hatthaka của xứ Āḷavaka.328 ‘Nhưng, này con yêu dấu, nếu con từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, cầu mong con trở thành người như ngài Xá-lợi-phất và ngài Mục-kiền-liên’— vì đây là tiêu chuẩn và tiêu chí cho các đệ tử nam của ta là người xuất-gia [các Tỳ kheo], đó là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. ‘Trong khi, này con yêu dấu, con là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý-tưởng của tâm mình (chưa chứng A-la-hán), thì cầu mong cho sự ‘lợi, danh, vinh’ không xảy đến với con!’ “Này các Tỳ kheo, nếu sự ‘lợi, danh, vinh’ xảy đến với một Tỳ kheo khi người đó là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý-tưởng của tâm mình, thì đó là một chướng-ngại đối với người đó. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 17:23)

24 (3) Con Gái Duy Nhất Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Một nữ đệ tử thành tín (với Tam Bảo) nếu cầu ước một cách đúng đắn cho con gái duy nhất của mình, đứa con yêu dấu và thân thương, thì nên cầu ước cho con gái như vầy: ‘Này con yêu dấu, cầu mong con trở thành người như cô Khujjuttarā, nữ đệ tử tại gia và cô Veḷukaṇḍakiyā (tức Uttarā), mẹ của Nanda’— vì đây là tiêu chuẩn và tiêu chí cho các nữ đệ tử của ta là người tại-gia, đó là Khujjuttarā, nữ đệ tử tại gia và Veḷukaṇḍakiyā, mẹ của Nanda.329 ‘Nhưng, này con yêu dấu, nếu con từ bỏ đời sống tại gia để đi

vào đời sống xuất gia tu hành, cầu mong con trở thành người như Tỳ kheo ni Khemā và Tỳ kheo ni Uppalavaṇṇā’— vì đây là tiêu chuẩn và tiêu chí cho những nữ đệ tử của ta là người xuất-gia [các Tỳ kheo ni], đó là, Khemā và Uppalavaṇṇā. ‘Trong khi, này con yêu dấu, con là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý-tưởng của tâm mình (chưa

chứng A-la- hán), thì cầu mong cho sự 'lợi, danh, vinh' không xảy đến với con!' "Này các Tỳ kheo, nếu sự 'lợi, danh, vinh' xảy đến với một Tỳ kheo ni khi người đó là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý-tưởng của tâm mình, thì đó là một chướng-ngại đối với người ni đó. Này các Tỳ kheo, 'lợi, danh, vinh' là tai hại ... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân." (SN 17:24)

25 (5) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sự 'lợi, danh, vinh',330 đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số các tu sĩ hay bà-la-môn trong số bà-la-môn, và những vị đó, do chưa tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự-biết trực-tiếp, trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn. "Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sự 'lợi, danh, vinh', đúng như chúng thực là: thì những người đó ta ta coi là tu sĩ trong số Những Tu Sĩ và Bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách đã tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự-biết trực-tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn." (SN 17:25)

26 (6) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được nguồn-gốc và sự chấm-dứt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sự 'lợi, danh, vinh', đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ ... "Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được nguồn-gốc và sự chấm-dứt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sự 'lợi, danh, vinh', đúng như chúng thực là: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách đã tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự-biết trực-tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn." (SN 17:26)

27 (7) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (3) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được sự 'lợi, danh, vinh', nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì những người đó ta không coi là tu sĩ ...331 "Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số Những Tu Sĩ và Bà-la-môn trong số những bà-la-môn, và những vị đó, và những vị đó, bằng cách đã tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự-biết trực-tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn." (SN 17:27)

28 (8) Da Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, 'lợi, danh, vinh' là tai hại ... Sự 'lợi, danh, vinh' cắt xuyên qua lớp da ngoài, rồi cắt xuyên qua lớp da trong, rồi xuyên qua thịt, rồi xuyên qua gân, rồi xuyên qua xương. Sau khi cắt xuyên qua xương, chúng cắt tới tủy sống. Này các Tỳ kheo, 'lợi, danh, vinh' là tai hại ... Như vậy các thầy nên tu tập bản

thân.” (SN 17:28)

29 (9) Sợi Dây Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Sự ‘lợi, danh, vinh’ cắt qua lớp da ngoài, rồi cắt qua lớp da trong, rồi cắt qua lớp thịt, rồi cắt qua gân, rồi cắt qua xương. Sau khi cắt qua xương, chúng cắt tới tủy sống. Này các Tỳ kheo, ví dụ có một lực sĩ quấn chặt chân của một người bằng sợi dây làm từ lông ngựa và cứ xiết chặt nó. Nó có thể cắt qua lớp da ngoài, rồi cắt qua lớp da trong, rồi cắt qua lớp thịt, rồi cắt qua gân, rồi cắt qua xương. Sau khi cắt qua xương, nó có thể cắt tới tủy sống. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự ‘lợi, danh, vinh’ cắt qua lớp da ngoài … cắt tới tủy sống. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 17:29)

30 (10) Một Tỳ Kheo Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, sự ‘lợi, danh, vinh’, ta nói, là chướng-ngại đối với ngay cả một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm.” Khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda liền hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, tại sao sự ‘lợi, danh, vinh’ vẫn còn là một chướng-ngại đối với một Tỳ kheo đã diệt sạch ô-nhiễm?” “Này Ānanda, ta không nói rằng sự ‘lợi, danh, vinh’ là một chướng- ngại đối với ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ của người đó. Nhưng ta nói chúng là một chướng-ngại đối với [sự chứng đắc] những trạng thái an trú lạc trú của người đó ngay trong kiếp này— đó là những sự an trú an lạc đạt được bởi một người tu sống chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.332 Này Ānanda, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), cay đắng, tệ bạc (nghiệt ngã), cản trở cho sự đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’. Do vậy, này Ānanda, thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ dẹp bỏ sự ‘lợi, danh, vinh’ đã khởi sinh, và chúng ta sẽ không để cho sự ‘lợi, danh, vinh’ đã khởi sinh còn tồn tại và ám muội tâm trí của chúng ta.’ Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 17:30)

NHÓM 4.
‘NHÓM THỨ TƯ”
(Catuttha-vagga)
[Sự Chia Rẽ Trong Tăng Đoàn]
31 (1) Sự Chia Rẽ Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), là đắng cay, tệ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’. Vì tâm của ông ấy đã bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’, nên Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) mới gây ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 17:31)

32 (2) Gốc Rễ Thiện … “Vì tâm của ông ấy đã bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’, nên gốc rễ thiện lành của Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bị cắt đứt.333 Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 17:32)

33 (3) Bản Chất Thiện … “Vì tâm của ông ấy đã bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’, nên bản chất thiện của Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bị cắt đứt … (SN 17:33)

34 (4) Bản Chất Sáng … “Vì tâm của ông ấy đã bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’, nên bản chất sáng của Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bị cắt đứt … (SN 17:34)

35 (5) Không Lâu Sau Khi Ông Ấy Bỏ Đi … Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền, không lâu sau khi Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bỏ đi (khỏi giáo đoàn của Phật). Ở đó, khi đề cập tới Đề-bà-đạt-đa, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy:334

“Này các Tỳ kheo, cái sự ‘lợi, danh, vinh’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh dẫn tới sự suy-đồi và sự hủy-hoại của chính ông ấy. Giống như (1) cây chuối lá, (2) cây tre, hay (3) cây sậy khi nó ra hoa kết quả là dẫn tới sự suy-tàn và sự hủy-hoại của chính nó; (như cây chuối ra hoa ra trái rồi chết luôn, không như những cây khác vẫn sống và tiếp tục ra hoa trái); tương tự vậy, sự ‘lợi, danh, vinh’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh là dẫn tới sự suy-đồi và sự hủy-hoại của chính ông ấy. (4) Giống như một con la khi nó mang thai là dẫn tới sự suy-tàn và hủy-hoại của chính nó; ([vì con la thường không sinh con nổi, nó sẽ bị mổ bụng khi sinh con, và sẽ bị chết]); tương tự vậy, cái sự ‘lợi, danh, vinh’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh là dẫn tới sự suy-đồi và sự hủy-hoại của chính thầy ấy. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy, đã nói như vầy: “Như chính trái quả của mình hủy diệt mình, Đó là cây chuối, cây tre, và cây sậy, Như chính bào thai của mình hủy diệt con la, Cũng như cái danh hủy diệt kẻ vô lại.” (SN 17:35)

36 (6) Năm Trăm Cỗ Xe Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, lúc đó có Hoàng tử A-xà-thế (Ajātasattu) đang tới gặp Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) vào buổi sáng và buổi chiều với năm trăm cỗ xe, và phần thức ăn được chuyển tới trong năm trăm cái nồi cho thầy ấy. Rồi một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại chuyện đó cho đức Thế Tôn. [Đức Thế Tôn đã nói:] “Này các Tỳ kheo, đừng ghen tỵ với sự ‘lợi, danh, vinh’ của Đề-bà-đạt-đa. Chừng nào Hoàng tử A-xà-thế còn đến gặp Đề-bà-đạt-đa buổi sáng và chiều với năm trăm cỗ xe, và phần thức ăn được chuyển tới trong năm trăm cái nồi cho ‘ông ấy’ như vậy, thì có thể biết trước rằng: đối với Đề- bà-đạt-đa những trạng thái thiện lành chỉ càng suy giảm, chứ không tăng trưởng. “Giống như một con chó hoang càng thêm hoang dại khi người ta rắc mật đắng tanh lên mũi của nó;335 cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, chừng nào Hoàng tử A-xà-thế còn đến gặp Đề-bà-đạt-đa … thì có thể biết trước rằng: đối với Đề-bà-đạt-đa những trạng thái thiện lành chỉ càng suy giảm, chứ không tăng trưởng. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 17:16)

37 (7) Mẹ
38 (8) Cha
39 (9) Anh
40 (10) Chị
Chương 17 Liên Kết LỢI-DANH • 247

41 (11) Con Trai 42 (12) Con Gái 43 (13) Vợ Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại (chết chóc), là cay đắng, tệ bạc (nghiệt ngã), cản trở cho sự đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’. Này các Tỳ kheo, ta đã biết một người khi tâm người đó được bao trùm bằng tâm của ta: ‘Vị này không nói một lời nói-dối cố ý cho dù ngay cả vì mẹ mình … cho dù ngay cả vì cha mình … cho dù ngay cả vì anh mình … chị mình … con trai mình … con gái mình … vợ mình.’336 Nhưng một thời gian sau ta nhìn thấy người đó, tâm của người đó lại bị chế ngự và bị ám muội bởi sự ‘lợi, danh, vinh’, nên có nói lời nói-dối cố ý. “Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại, cay đắng, tệ bạc, cản trở cho sự đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ dẹp bỏ sự ‘lợi, danh, vinh’ đã khởi sinh, và chúng ta sẽ không để cho sự ‘lợi, danh, vinh’ đã khởi sinh còn tồn tại và ám muội tâm trí chúng ta.’ Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 17:1643)

248 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

Chương 18.

Liên Kết RĀHULA (18 Rāhula-saṃyutta) (18 Tương ưng La-Hầu-La)

250 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

Chương 18 Liên Kết RĀHULA • 251

NHÓM 1. ‘NHÓM THỨ NHẤT’ (Paṭhama-vagga)

1 (1) Mắt… Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó Ngài Rāhula (La-hầu-la) đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:337 “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.” “Này Rāhula, thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Là khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã’ của ta’?” – “Không, thưa Thế Tôn.” “Tai … lưỡi … thân … tâm là thường hằng hay vô thường?” – “Là vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Là khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã’ của ta’?” – “Không, thưa Thế Tôn.” “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với mắt, sự ghê-sợ đối với tai, sự ghê- sợ đối với mũi, sự ghê-sợ đối với

lưỡi, sự ghê-sợ đối với thân, sự ghê-sợ đối với tâm. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát.338 Khi tâm được giải thoát thì có sự-biết: 'Nó được giải thoát.' Người đó hiểu rằng: 'Sinh

đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 18:01)

2 (2) Những Hình-sắc… … "Này Rāhula, thầy nghĩ sao, những hình-sắc … những âm-thanh … những mùi-hương … những mùi-vị … những đối-tượng chạm xúc … những hiện-tượng thuộc tâm (pháp) là thường hằng hay vô thường?" – "Là vô thường, thưa Thế Tôn." … "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với những hình-sắc … sự ghê-sợ đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ … Người đó hiểu rằng: '… không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 18:02)

3 (3) Thức … "Này Rāhula, thầy nghĩ sao, thức mắt … thức tai … thức mũi … thức lưỡi … thức thân … thức tâm là thường hằng hay vô thường?" – "Là vô thường, thưa Thế Tôn." … "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với thức mắt … thức tâm. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ …. Người đó hiểu rằng: '… không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 18:03)

4 (4) Sự Tiếp Xúc (xúc)

… "Này Rāhula, thầy nghĩ sao, sự tiếp-xúc ở mắt … tiếp-xúc ở tai … tiếp-xúc ở mũi … tiếp-xúc ở lưỡi … tiếp-xúc ở thân … tiếp-xúc ở tâm là thường hằng hay vô thường?" – "Là vô thường, thưa Thế Tôn." … "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với sự tiếp-xúc ở mắt … sự tiếp-xúc ở tâm. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ … Người đó hiểu rằng: '… không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 18:04)

5 (5) Cảm-giác (thọ) … "Này Rāhula, thầy nghĩ sao, cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt … cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc ở tai … cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc mũi … cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc lưỡi … cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc thân … cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc tâm là thường hằng hay vô thường?" – "Là vô thường, thưa Thế Tôn." … "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt … cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc tâm. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ … Người đó hiểu rằng: '… không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 18:05)

6 (6) Nhận Thức (tưởng) … "Này Rāhula, thầy nghĩ sao, sự nhận-thức về những hình-sắc … nhận-thức về những âm-thanh … nhận-thức về những mùi-hương … nhận-thức về những mùi-vị … nhận-thức về những đối-tượng chạm xúc … nhận-thức về những

hiện-tượng thuộc tâm (pháp) là thường hằng hay vô thường?" – "Là vô thường, thưa Thế Tôn." ...

"Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với nhận-thức về những hình-sắc ... nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê- sợ, người đó trở nên chán-bỏ ... Người đó hiểu rằng: '... không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 18:06)

7 (7) Sự Cố Ý (tư) ... "Này Rāhula, thầy nghĩ sao, sự cố-ý đối với những hình-sắc ... sự cố-ý đối với những âm-thanh ... sự cố-ý đối với những mùi-hương ... sự cố-ý đối với những mùi vị ... sự cố-ý đối với những đối tượng chạm xúc ... sự cố-ý đối với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp) là thường hằng hay vô thường?" – "Là vô thường, thưa Thế Tôn." ... "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với sự cố-ý đối với những hình-sắc ... sự cố-ý đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ ... Người đó hiểu rằng: '... không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 18:07)

8 (8) Dục Vọng (ái) ... "Này Rāhula, thầy nghĩ sao, dục-vọng đối với những hình-sắc ... dục-vọng đối với những âm-thanh ... dục-vọng đối với những mùi-hương ... dục-vọng đối với những mùi-vị ... dục-vọng đối với những đối-tượng chạm xúc ... dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm là thường hằng hay vô thường?" – "Là vô thường, thưa Thế Tôn." .... "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với dục-vọng đối với những hình-sắc ... dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi đã trải nghiệm

sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ ... Người đó hiểu rằng: '... không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 18:08)

9 (9) Các Yếu Tố (giới) ... "Này Rāhula, thầy nghĩ sao, yếu-tố đất ... yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí ... yếu-tố không gian ... yếu-tố thức là thường hằng hay vô thường?"339 – "Là vô thường, thưa Thế Tôn." ....

"Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với yếu-tố đất ... yếu-tố nước ... yếu- tố nhiệt ... yếu-tố khí ... yếu-tố không gian ... yếu-tố thức. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ ... Người đó hiểu rằng: '... không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 18:09)

10 (10) Các Uẩn (tập hợp, đống) ... "Này Rāhula, thầy nghĩ sao, sắc-thân ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), là thường hằng hay vô thường?" – "Là vô thường, thưa Thế Tôn." .... "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy nếm trải sự ghê-sợ đối với sắc-thân ...

thức. Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ … Người đó hiểu rằng: '… không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" (SN 18:10)

NHÓM 2. 'NHÓM THỨ HAI' (Dutiya-vagga)

11 (1) Mắt…
12 (2) Những Hình-sắc…
13 (3) Thức
14 (4) Sự Tiếp-Xúc (xúc)
15 (5) Cảm-giác (thọ)
16 (6) Nhận-Thức (tưởng)
17 (7) Sự Cố-Ý (tư)
18 (8) Dục-Vọng (ái)
19 (9) Những Yếu-Tố (xứ)
20 (10) Các Uẩn (tập hợp, đống) [10 bài kinh này là giống hệt như 10 bài kinh kế trên (SN
18:0110), tức NHÓM 1, chỉ khác là trong những bài kinh này Đức
Phật đã tự đặt câu hỏi cho Rāhula chứ không phải do Rāhula đến hỏi
Phật giảng giải về những giáo lý này.]
21 (11) Khuynh Hướng Tiềm Ẩn (tùy miên) Ở Sāvatthī. Lúc đó Ngài Rāhula đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, làm sao một người biết, làm sao một người thấy để mà: đối với thân có-thức này (tức thân có-thức của mình) và đối với tất

cả những dấu-hiệu (hình tướng) ở bên ngoài (tức thân có-thức của chúng sinh khác), thì cái sự tạo-nên (đặt nên, đặt điều, chấp có) cái 'ta' (chức năng của ngã-kiến), sự tạo-nên cái 'của-ta' (chức năng của dục- vọng), và cái khuynh-hướng tiềm-ẩn của (tạo ra) sự 'tự-ta' (tùy miên ngã mạn) không còn xảy ra ở bên-trong (tâm) nữa?"340 "Này Rāhula, mọi sắc-thân dù là loại gì: thuộc quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần—341 một người nhìn thấy tất cả mọi sắc-thân, đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải là 'bản ngã' của ta.' "Mọi loại cảm-giác … Mọi loại nhận-thức … Mọi loại sự tạo-tác cố ý … Mọi loại thức dù là loại gì: thuộc quá khứ, hay tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần— một người nhìn thấy mọi cảm-giác … thức, đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải là cái 'bản ngã' của ta.' "Khi một người biết và thấy như vậy, này Rāhula, thì đối với thân có-thức này và đối với tất cả những dấu-hiệu bên ngoài, thì sự tạo-nên cái 'ta', sự tạo-nên cái 'của-ta', và khuynh-hướng tiềm-ẩn của (tạo ra) sự tự-ta (tùy-miên ngã mạn) không còn xảy ra ở

bên-trong (tâm) nữa” (SN 18:21)

22 (12) Không Còn Ở Sāvatthī. Lúc đó Ngài Rāhula đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, làm sao một người biết, làm sao một người thấy, để cho: đối với thân có-thức này và đối với tất cả những dấu-hiệu ở bên ngoài, tâm không-còn (đã loại bỏ được) cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo- nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn của (tạo ra) sự tự-ta (tùy- miên ngã mạn), (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo?”342 “Này Rāhula, mọi sắc-thân dù là loại gì: thuộc quá khứ, hay tương lai hay hiện tại, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần— sau khi đã nhìn thấy mọi sắc-thân đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là cái ‘bản ngã’ của ta’, thì người đó được giải- thoát nhờ sự không-còn dính-chấp. “Mọi loại cảm-giác … Mọi loại nhận-thức … Mọi loại sự tạo-tác cố ý … Mọi loại thức dù là loại gì: dù là quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xa hay gần— sau khi đã nhìn thấy mọi cảm-giác … mọi thức đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là cái ‘bản ngã’ của ta’, thì người đó được giải- thoát nhờ sự không-còn dính-chấp. “Này Rāhula, khi một người biết và thấy như vậy, thì đối với thân có-thức này và đối với tất cả những dấu-hiệu ở bên ngoài, tâm không- còn sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn của sự tự-ta, (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo.” (SN 18:22)

Chương 19.

Liên Kết LAKKHAṆA (19 Lakkhaṇa-saṃyutta) (19 Tương ưng Lakkhaṇa)

NHÓM 1. ‘NHÓM THỨ NHẤT’ (Paṭhama-vagga)

1 (1) Bộ Xương Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Lakkhaṇa và Ngài Đại Mục-kiền-liên đang ở trên Đỉnh Núi Kền Kền.343 Lúc đó, vào buổi sáng, thầy Đại Mục-kiền-liên mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, thầy đến gặp thầy Lakkhaṇa và nói với thầy ấy: “Đi nào, đạo hữu Lakkhaṇa, chúng ta cùng đi vô thành Rājagaha để khất thực.” “Được rồi, này đạo hữu”, thầy Lakkhaṇa đáp lại. Rồi, khi đang đi xuống từ Đỉnh Núi Kền Kền, thầy Đại Mục-kiền-liên có lúc thể hiện một nụ cười trên đường đi.344 Thầy Lakkhaṇa liền nói với thầy: “Này đạo hữu, vì lý do gì mà thầy thể hiện một nụ cười?” “Lúc này không hợp để hỏi, này đạo hữu Lakkhaṇa. Hãy hỏi câu hỏi này khi chúng ta có mặt đức Thế Tôn.” Rồi, sau khi thầy Lakkhaṇa và thầy Đại Mục-kiền-liên đã đi khất thực trong thành

Rājagaha và trở về sau một vòng đi khất thực, sau khi ăn trưa, họ đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thầy Lakkhaṇa nói với thầy Đại Mục-kiền-liên: "Ở đây, khi đang đi xuống từ Đỉnh Núi Kền Kền, thầy Đại Mục-kiền-liên có lúc đã thể hiện một nụ cười trên đường đi. Này đạo hữu Mục-kiền-liên, vì lý do gì mà thầy đã thể hiện một nụ cười như vậy?" "Đó là, này đạo hữu, khi tôi đang đi xuống từ Đỉnh Núi Kền Kền, tôi đã nhìn thấy một bộ xương đang bay trong không trung. Những con kền kền, quạ, và diều hâu bay đuổi sát theo nó, mổ cắn chỗ giữa các xương

sườn, đâm mổ nó, và cắn xé nó ra trong khi nó phát ra những tiếng kêu đau đớn.345 Điều này đã xảy đến với tôi: 'Thật kỳ diệu, thật vậy! Thật đáng ngạc nhiên, thật vậy! Rằng có thể có một chúng sinh như vậy, rằng có thể có một 'hồn ma' như vậy, rằng có thể có một dạng hiện-hữu cá thể như vậy!'"346 Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, có những đệ tử sống sau khi đã trở thành sự-thấy (tầm nhìn), đã trở thành sự-biết (trí biết), trong đó một đệ tử có thể biết, thấy, và chứng kiến một cảnh tượng như vậy. Này các Tỳ kheo, trước đây ta cũng nhìn thấy chúng sinh đó, nhưng ta đã không nói về điều đó, vì nếu ta nói những người khác có thể sẽ không tin ta, và nếu họ không tin ta, điều đó sẽ dẫn sự nguy-hại và sự khổ-đau dài lâu cho họ. "Này các Tỳ kheo, (kiếp trước) chúng sinh đó đã từng là người giết thịt gia-súc (trâu, bò, heo…) cũng ở vùng Rājagaha này. Sau khi đã bị đày đọa trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm vì quả báo của nghiệp (ác) đó, do quả báo của nghiệp (ác) đó vẫn còn sót lại, nên hiện tại chúng sinh đó đang nếm trải một dạng hiện-hữu cá thể như vậy."347 (SN 19:01)

[Những bài kinh sau giống theo khuôn-mẫu của kinh đầu tiên này. Đúng theo bản gốc Pāli chỉ ghi lại phần câu chữ khác-nhau trong các bài kinh mà thôi.]

2 (2) Miếng Thịt … "Đó là, này đạo hữu, khi tôi đang đi xuống từ Đỉnh Núi Kền Kền, tôi đã nhìn thấy một miếng thịt đang bay trong không trung. Những con kền kền, quạ, và diều hâu bay đuổi sát theo nó, đâm mổ nó, và cắn xé nó ra trong khi nó phát ra những tiếng kêu đau đớn." …

"Chúng sinh đó đã từng là người giết thịt gia-súc cũng ở vùng Rājagaha này …"348 (SN 19:02)

3 (3) Cục Thịt

… "Tôi đã nhìn thấy một cục thịt đang bay…."

"Chúng sinh đó đã từng là người giết thịt gia-cầm (gà, vịt …) cũng ở vùng Rājagaha này …"

(SN 19:03)

4 (4) Người Bị Lột Da

… "Tôi đã thấy một người bị lột da đang bay …"

“Chúng sinh đó đã từng là người giết thịt cừu cũng ở vùng Rājagaha này …”
(SN 19:04)

5 (5) Lông Bằng Lưỡi Kiếm … “Tôi đã nhìn thấy một người với thân có lông bằng lưỡi kiếm đang bay trong không trung. Những lưỡi kiếm cứ mọc lên và đâm vào thân thể người đó trong khi người đó phát ra những tiếng kêu đau đớn …” “Chúng sinh đó đã từng là người giết thịt heo cũng ở vùng Rājagaha này …” (SN 19:05)

6 (6) Lông Bằng Lưỡi Giáo … “Tôi đã nhìn thấy một người với thân có lông bằng lưỡi giáo đang bay trong không trung. Những lưỡi giáo cứ mọc lên và đâm vào thân thể người đó trong khi người đó phát ra những tiếng kêu đau đớn …”

“Chúng sinh đó đã từng là người săn bắn hươu nai cũng ở vùng Rājagaha này …” (SN 19:06)

7 (7) Lông Bằng Mũi Tên … “Tôi đã nhìn thấy một người với thân có lông bằng mũi tên đang bay trong không trung. Những mũi tên cứ mọc lên và đâm vào thân thể người đó trong khi người đó phát ra tiếng kêu đau đớn …” “Chúng sinh đó đã từng là người tra tấn (người khác) cũng ở vùng Rājagaha này …”349 (SN 19:07)

8 (8) Lông Bằng Kim (1)350 … “Tôi đã nhìn thấy một người có thân với lông bằng kim nhọn đang bay trong không trung. Những cây kim cứ mọc lên và đâm vào thân thể người đó trong khi người đó phát ra tiếng kêu đau đớn …” “Chúng sinh đó đã từng là người huấn luyện ngựa (thường đánh đập ngựa) cũng ở vùng Rājagaha này …” (SN 19:08)

9 (9) Lông Bằng Kim (2) … “Tôi đã nhìn thấy một người có thân với lông bằng kim nhọn đang bay trong không trung. Những cây kim đó chui vô đầu người đó rồi đâm ra ở miệng; chúng chui vô miệng rồi đâm ra ở ngực; chúng chui vô ngực rồi đâm ra ở bụng; chúng chui vô bụng rồi đâm ra ở đùi; chúng chui vô đùi rồi đâm ra ở bắp chân; chúng chui vô bắp chân rồi đâm ra ở bàn chân, trong khi người đó phát ra những tiếng kêu đau đớn …” “Chúng sinh đó đã từng là kẻ vu khống vu oan cũng ở vùng Rājagaha này …”351

(SN 19:09)

10 (10) Tinh Hoàn Bằng Cái Nồi … “Tôi đã nhìn thấy một người có hai tinh hoàn giống như hai cái nồi đang bay trong không trung. Những con kền kền, quạ, và diều hâu bay đuổi theo sát, cắn mổ ông ta và xé xác ông ta ra trong khi ông ta phát ra những tiếng kêu đau đớn …” “Chúng sinh đó đã từng là một quan tòa tham nhũng cũng ở vùng Rājagaha này …”352 (SN 19:10)

NHÓM 2. ‘NHÓM THỨ HAI’ (Dutiya-vagga)

11 (1) Đầu Bị Dìm … “Tôi nhìn thấy một người đàn ông với cái đầu bị dìm ngập trong đống phân …” “Chúng sinh đó (kiếp trước) đã từng là một kẻ dâm phu (với vợ người khác) cũng ở trong vùng Rājagaha này …”353

(SN 19:11)

12 (2) Người Ăn Phân … “Tôi đã nhìn thấy một người đàn ông với cái đầu bị dìm ngập trong đống phân, đang hốt phân ăn bằng cả hai tay …” “Này các Tỳ kheo, chúng sinh đó đã từng là một bà-la-môn tàn ác cũng ở trong vùng Rājagaha này. Vào thời kiếp của Đức Phật Ca-Diếp đang giáo hóa (thế gian), ông đã mời Tăng Đoàn các Tỳ kheo bữa cơm. Nhưng ông bỏ phân vào các nồi đựng cơm và nói với các Tỳ kheo: ‘Này các ngài, các ngài muốn bao nhiêu cứ ăn cho đã và mang luôn phần còn lại đi về.’…”354 (SN 19:12)

13 (3) Người Phụ Nữ Bị Lột Da … “Tôi đã nhìn thấy một phụ nữ bị lột da đang bay trong không trung. Những con kền kền, quạ, và diều hâu bay đuổi theo sát, cắn mổ bà ta và xé xác bà ta ra trong khi bà phát ra những tiếng kêu đau đớn …” “Người phụ nữ đó từng là kẻ dâm phụ (ngoại tình với đàn ông khác) cũng ở trong vùng Rājagaha này …”355

(SN 19:13)

14 (4) Người Đàn Bà Xấu Xí … “Tôi nhìn thấy một phụ nữ, bốc mùi hôi thúi và xấu xí, đang bay trong không trung. Những con kền kền, quạ, và diều hâu bay đuổi theo sát, cắn mổ và xé xác bà ra trong khi bà phát ra những tiếng kêu đau đớn …” “Người phụ nữ đó từng là một thầy bói cũng ở trong vùng Rājagaha này …”356 (SN 19:14)

15 (5) Người Đàn Bà Cháy Bốc Khói … “Tôi đã nhìn thấy một phụ nữ, với thân đang cháy nướng, cháy bốc khói, dính đầy mụi than đen, đang bay trong không trung, trong khi bà ta đang phát ra những tiếng kêu đau đớn …”357

“Người phụ nữ đó từng là hoàng hậu chánh cung của vua xứ Kaliṅga. Do tính ghen tỵ, bà ta đã đổ một nồi than cháy lên người một trong những thê thiếp của nhà vua …” (SN 19:15)

16 (6) Thân Không Đầu … “Tôi nhìn thấy một cái thân người không đầu đang bay trong không trung; mắt và miệng nằm ở trên ngực. Những con kền kền, quạ, và diều hâu bay đuổi theo sát, cắn mổ vào nó và xé xác nó ra, trong khi nó phát ra những tiếng kêu đau đớn …” “Chúng sinh đó từng là một kẻ hành quyết (đồ tể) tên là Hārika cũng ở trong vùng Rājagaha này …” (SN 19:16)

17 (7) Tỳ Kheo Xấu Ác

… “Tôi nhìn thấy một Tỳ kheo đang bay trong không trung. Áo cà-sa, bình bát, dây thắt lưng, và thân đang bốc cháy, phụt cháy, và bùng cháy trong khi người đó phát ra những tiếng kêu đau đớn …” “Tỳ kheo đó từng là Tỳ kheo xấu ác vào thời của Đức Phật

Ca-Diếp đang giáo hóa….”358 (SN 19:17)

18 (8) Tỳ Kheo Ni Xấu Ác … “Tôi đã nhìn thấy một Tỳ kheo ni đang bay trong không trung. Áo cà-sa, bình bát, dây thắt lưng, và thân đang bốc cháy, phụt cháy, và bùng cháy trong khi người đó phát ra những tiếng kêu đau đớn …” “Tỳ kheo ni đó từng là Tỳ kheo ni xấu ác vào thời của Đức Phật Ca- Diếp đang giáo hóa….” (SN 19:18)

19 (9) Một Nữ Tu Tập Sự Xấu Ác 20 (10) Một Sa-Di Xấu Ác 21 (11) Một Sa-Di Ni Xấu Ác … “Đó là, này đạo hữu, khi tôi đang đi xuống từ Đỉnh Núi Kền Kền, tôi đã nhìn thấy một nữ tu tập sự … một sa-di … một sa-di ni đang bay trong không trung. Áo cà-sa, bình bát, dây thắt lưng, và thân đang bốc cháy, phụt cháy, và bùng cháy trong khi người đó phát ra những tiếng kêu đau đớn. Điều này đã xảy đến với tôi: ‘Thật kỳ diệu, thật vậy! Thật đáng ngạc nhiên, thật vậy! Rằng có thể có một chúng sinh như vậy, rằng có thể có một ‘hồn ma’ như vậy, rằng có thể có một dạng hiện-hữu cá thể như vậy!’” Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, có những đệ tử sống sau khi đã trở thành sự-thấy (tầm), đã trở thành sự- biết (trí biết), trong đó một đệ tử có thể biết, thấy, và chứng kiến một cảnh

Chương 19 Liên Kết LAKKHAṆA • 269

tượng như vậy. Này các Tỳ kheo, trước đây ta cũng nhìn thấy chúng sinh đó, nhưng ta đã không nói về điều đó, vì nếu ta nói những người khác có thể sẽ không tin ta, và nếu họ không tin ta, điều đó sẽ dẫn sự nguy-hại và sự khổ-đau dài lâu cho họ. “Này các Tỳ kheo, (kiếp trước) nữ tu tập sự đó … sa-di đó … sa-di ni đó đã từng là một nữ tu tập sự xấu ác … một sa-di xấu ác … một sa-di ni xấu ác trong thời của Đức Phật Ca-Diếp đang giáo hóa. Sau khi đã bị đày đọa trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm vì quả báo của nghiệp (ác) đó, do quả báo của nghiệp (ác) đó vẫn còn sót lại, nên hiện tại chúng sinh đó đang nếm trải một dạng hiện-hữu cá thể như vậy.” (SN 19:1921)

270 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

Chương 20.

Liên Kết VÍ DỤ (20 Opamma-saṃyutta) (20 Tương ưng Thí Dụ)

272 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

Chương 20 Liên Kết VÍ DỤ • 273

1 Đỉnh Chóp Mái Nhà Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, ví dụ những thanh xà dọc của một căn nhà có mái chóp thì đều dẫn lên đỉnh chóp và hội tụ nơi đỉnh chóp, và tất cả chúng sẽ bị dỡ bung khi đỉnh chóp bị gỡ đi; cũng giống như vậy, tất cả những trạng thái bất thiện được bắt rễ từ vô-minh và hội tụ chỗ vô-minh, và tất cả chúng sẽ được bứng bỏ khi vô-minh được bứng bỏ. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ sống (an trú) một cách chuyên chú.’ Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” 359 (SN

20:01)

2 Móng Tay Ở Sāvatthī. Lúc đó đức Thế Tôn khươi chút đất trong móng tay của mình và nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: chút đất lấy trong móng tay của ta hay đại địa cầu?” “Thưa Thế Tôn, đại địa cầu là nhiều hơn. Một chút đất được lấy trong móng tay của Thế Tôn chỉ là nhỏ nhặt. So với đại địa cầu, nó chẳng đáng để tính, chẳng đáng để so, thậm chí chẳng được một phân nào.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh tái sinh trong loài người ([và trong giới thiên thần]) thì rất ít. Nhưng những chúng sinh tái sinh ở những nơi khác loài người thì nhiều hơn. 360 Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ sống (an trú) một cách chuyên chú.’ Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 20:02)

3 Các Gia Đình Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ví dụ những kẻ trộm cướp dễ dàng tấn công những gia đình có nhiều nữ và ít nam; cũng giống như vậy, những chúng sinh phi-nhân (ác quỷ, ác ma) dễ dàng tấn công một Tỳ kheo là người không tu tập và tu dưỡng ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ’.361

“Ví dụ những kẻ trộm cướp khó tấn công những gia đình có nhiều nam và ít nữ; cũng giống như vậy, những chúng sinh phi-nhân khó mà tấn công một Tỳ kheo là người đã phát triển và tu tập ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ’. “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và tu dưỡng ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ’, làm cho nó trở thành một cỗ xe (tu thừa), làm cho nó thành một căn bản, ổn định nó, thực hành bản thân mình trong nó, và hoàn thiện nó một cách tròn đầy.’ Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 20:03)

4 Những Nồi Thức Ăn Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai cho đi (bố thí) một trăm nồi thức ăn362 từ thiện vào buổi sáng, một trăm nồi thức ăn từ thiện vào buổi trưa, và một trăm nồi thức ăn từ thiện vào buổi cuối chiều; và, có người khác thì tu tập tâm-từ trong chỉ một chút thời gian thậm chí chỉ đủ để kéo một núm vú con bò (để vắt sữa), dù là lúc buổi sáng, hay buổi trưa, hay buổi chiều, thì việc (tu tập tâm-từ) đó còn mang lại nhiều phước quả hơn việc (bố thí nhiều) kia.363

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và tu dưỡng ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ’, làm

cho nó trở thành một cỗ xe (tu thừa), làm cho nó thành một căn bản, ổn định nó, thực hành bản thân mình trong nó, và hoàn thiện nó một cách tròn đầy.’ Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 20:04)

5 Ngọn Giáo Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ví dụ như có một cây giáo lưỡi nhọn, và một người đến nghĩ rằng: ‘Ta sẽ bẻ gập cây giáo nhọn này bằng tay hoặc nắm tay của ta,

vặn xoắn nó, và cuộn nó lại.’364 Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, người đó có làm được vậy không?” “Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì không dễ dàng bẻ được cây giáo lưỡi nhọn đó bằng tay hoặc nắm tay của một người, rồi vặn xoắn nó, và cuộn nó lại. Người đó chỉ nếm trải sự mệt mỏi và bực tức mà thôi.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã phát triển và tu tập ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ’, đã làm nó thành một cỗ xe (tu thừa), đã làm nó thành một căn bản, đã ổn định nó, đã thực hành chính bản thân mình trong nó, đã hoàn thiện nó một cách tròn đầy, nếu có chúng sinh phi-nhân nào nghĩ tới việc làm khuynh đảo tâm trí của Tỳ kheo đó, thì họ chỉ nếm trải sự mệt mỏi và bực tức mà thôi. “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và tu dưỡng ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ’, làm cho nó trở thành một cỗ xe (tu thừa), làm cho nó thành một căn bản, ổn định nó, thực hành chính bản thân mình trong nó, và hoàn thiện nó một cách tròn đầy.’ Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 20:05)

6 Cung Thủ

Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có bốn cung thủ với thanh cung chắc cứng, được thao luyện, thiện thạo, đầy kinh nghiệm, bốn người đang đứng bốn hướng.365 Rồi một người đến và nghĩ rằng: ‘Ta sẽ bắt được những mũi tên bốn cung thủ này bắn ra từ bốn hướng trước khi chúng rơi xuống đất, rồi mang chúng về lại (cho họ).’ Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo, nếu là như vậy thì có đủ để chúng ta nói: ‘Đó là người chạy nhanh với tốc độ siêu phàm’?” “Thưa Thế Tôn, ngay cả khi người đó chỉ bắt được một mũi tên bắn ra bởi một cung thủ trước khi nó rơi xuống đất và mang nó về lại (cho cung thủ đó) thì chỉ vậy cũng đủ để chúng ta nói: ‘Đó là người chạy nhanh với tốc độ siêu phàm.’ Huống chi phải nói tới việc bắt cả bốn mũi tên bắn ra bởi bốn cung thủ!” “Này các Tỳ kheo, người đó là quá nhanh, nhưng mặt trăng và mặt trời còn nhanh hơn. Quá nhanh như người đó, và quá nhanh như mặt trăng và mặt trời, và quá nhanh như các thiên-thần chạy trước mặt trăng và mặt trời, nhưng những sự tạo-tác sự sống (hành sinh-mạng)366 thậm chí còn nhanh hơn nữa. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ sống (an trú) một cách chuyên chú.’ Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 20:06)

7 Cái Chốt Trống Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, thời xưa những người Dasāraha có một cái trống làng được gọi tên là Trống Triệu Tập. Mỗi khi trống triệu tập bị nứt (chỗ chốt), những người Dasāraha đóng chêm vào đó bằng một cái chốt khác.367 Rồi dần dà về sau, cái mặt (da) trống cũng biến mất (rớt ra), chỉ còn lại một mớ chốt (vô dụng).

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, các Tỳ kheo trong thời tương lai cũng giống như vậy. Khi những bài thuyết giảng (kinh) được nói bởi Như Lai là thâm sâu, sâu sắc về ý nghĩa, vượt trên thế gian, liên hệ đến tánh-không, đang được tụng giảng,368 thì họ sẽ không muốn lắng nghe chúng, không lóng tai nghe chúng, và cũng không ứng dụng vào tâm để hiểu chúng; và họ không cho rằng những giáo lý đó nên cần được học- hiểu

và nắm-vững. Nhưng khi những bài thuyết giảng chỉ là những bài thơ ca của các thi sĩ, với câu chữ mỹ miều, được sáng tạo bởi người những người ngoài đạo, được nói ra bởi những đệ tử [của họ],369 đang được ngâm đọc, thì họ lại muốn lắng nghe chúng, lóng tai nghe chúng, và ứng dụng tâm để hiểu chúng, và họ cho rằng những giáo lý đó mới cần được học-hiểu và nắm-vững. Theo cách như vậy, này các Tỳ kheo, thì những bài thuyết giảng được nói bởi Như Lai là thâm sâu, sâu sắc về ý nghĩa, vượt trên thế gian, liên hệ đến tính-không, sẽ dần dà biến mất (giống như cái mặt trống làng biến mất, chỉ còn lại mớ chốt vô dụng). “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Khi những bài thuyết giảng được nói bởi Như Lai là thâm sâu, sâu sắc về ý nghĩa, vượt trên thế gian, liên hệ đến tánh-không, đang được tụng giảng thì chúng ta sẽ luôn lắng nghe chúng, lóng tai nghe chúng, và ứng dụng tâm để hiểu chúng; và chúng ta sẽ cho rằng những giáo lý đó mới cần được học-hiểu và nắm-vững.’ Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 20:07)

8 Những Khối Gỗ Tôi nghe như vầy, trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm), ở chỗ Ngôi Đền Mái Nhọn. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, thời bây giờ những người Licchavi (= người Bạt- kỳ) sống dùng những gỗ súc để làm nệm gối; họ siêng năng và nhiệt thành trong thao tác. Vua A-xà-thế (Ajātasattu) của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha), người con vùng Videha, thì không thể tiếp cận được (tấn công) họ; ông không thể nắm (điều khiển) được họ. Nhưng trong thời tương lai những người Licchavi sẽ trở nên mỏng manh, với tay và chân mềm mại và mảnh mai; họ sẽ ngủ dài cho tới khi mặt trời mọc trên giường nệm mềm đầy gối bông. Lúc đó Vua A-xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà sẽ tiếp cận được họ; rồi ông sẽ nắm được họ. “Này các Tỳ kheo, thời bây giờ các Tỳ kheo dùng những gỗ súc để làm nệm gối; họ chuyên cần và nhiệt thành trong nỗ lực tinh tấn. Ma Vương Ác Ma không thể tiếp cận được họ; hắn không nắm (điều khiển, phá hoại) được họ. Nhưng trong thời tương lai các Tỳ kheo sẽ trở nên mỏng manh, với tay chân mềm mại và mảnh mai; họ sẽ ngủ dài tới khi mặt trời mọc trên giường nệm mềm với đầy gối bông. Lúc đó Ma Vương Ác Ma sẽ tiếp cận được họ; hắn sẽ nắm được họ. “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Dùng gỗ súc làm nệm gối, chúng ta sẽ sống (an trú) một cách chuyên chú và nhiệt thành trong sự phấn-đấu (tinh cần).’ Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” 370 (SN 20:08)

9 Con Voi Đực Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có một Tỳ kheo vừa mới thụ giới đang đến gặp các gia đình quá nhiều (gặp lâu, gặp nhiều lần). Các Tỳ kheo khác mới nói với thầy ấy: “Quý thầy chớ nên đến gặp các gia đình quá nhiều”, nhưng khi được họ khuyên bảo như vậy thầy ấy nói lại: “Những vị Tỳ kheo trưởng lão nghĩ họ có thể đến gặp các gia đình, sao tôi lại không được?” Rồi một số Tỳ

kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại chuyện đó. [Đức Thế Tôn đã nói:] (i) “Này các Tỳ kheo, thời xưa có một hồ nước lớn trong một khu rừng, nơi có những con voi đực sống lân cận ở đó.371 Những con voi thường lội xuống hồ nước, kéo nhổ những cây sen lên, và giũ rửa chúng kỹ càng (trong nước), sau đó nhai ăn và nuốt chúng, đã sạch bùn. Điều đó làm tăng thêm sắc đẹp và sức mạnh (của voi), và nhờ vào điều đó chúng không gặp phải chết chóc hay đau khổ như chết. (ii) “Những con cháu của chúng sau này, theo gương những con voi đực, cũng lội xuống hồ và kéo nhổ những cây sen lên, nhưng không giũ rửa chúng kỹ càng, không nhai kỹ chúng, chỉ nuốt trọng chúng, còn dính bùn. Điều đó không làm tăng sắc đẹp và sức mạnh, và do bị điều đó chúng gặp phải chết chóc hay khổ đau như chết. (i’) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, thời bây giờ các Tỳ kheo trưởng lão sáng mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô làng hay phố thị để khất thực. Ở đó họ nói giảng Giáo Pháp, và những người tại gia thể hiện niềm-tin vào các thầy.372 Các thầy sử dụng những lợi lộc (đồ cúng dường) mà không bị dính-chấp vào chúng, không mê thích chúng, không bị cuốn hút mù quáng vào chúng; mà nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng, hiểu được sự thoát-khỏi khỏi chúng. Điều này làm tăng vẻ đẹp và sự mạnh mẽ của họ, và nhờ vào điều đó họ không gặp phải chết chóc hay khổ đau như chết. (ii’) “Những Tỳ kheo mới thụ giới, theo gương những Tỳ kheo trưởng lão, sáng mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô làng hay phố thị để khất thực. Ở đó họ nói về Giáo Pháp và những người tại gia thể hiện niềm-tin vào họ. Họ dùng những lợi lộc (đồ cúng dường) mà bị dính-chấp vào chúng, mê thích chúng, bị cuốn hút một cách mù quáng vào chúng, chứ không nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng và không hiểu được sự thoát-khỏi khỏi chúng. Điều này không làm tăng vẻ đẹp và sự mạnh mẽ của họ, và do bị điều đó họ gặp phải chết chóc hay khổ đau như chết.373

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ dùng những thứ lợi lộc (đồ cúng dường) mà không bị dính- chấp vào chúng, không mê thích chúng, không bị cuốn hút một cách mù quáng vào chúng, mà nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng và hiểu được sự thoát-khỏi khỏi chúng.’ Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” (SN 20:09)

10 Con Mèo Ở Sāvatthī. Bấy giờ, vào lúc đó có một Tỳ kheo đang gặp gỡ giao lưu quá nhiều với các gia đình. Các trưởng lão khác mới nói với thầy ấy: “Quý thầy không nên gặp gỡ giao lưu quá nhiều với các gia đình”, nhưng khi được khuyên bảo như vậy, thầy ấy vẫn không chừa bỏ. Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại chuyện đó. [Đức Thế Tôn đã nói:] (i) “Này các Tỳ kheo, thời xưa có một con mèo đứng chờ nơi một con hẻm (ngỏ hẹp), hay một rãnh cống, hay một thùng rác374 để canh bắt con chuột nhỏ, nó nghĩ rằng: ‘Khi con chuột nhắt chạy ra kiếm ăn, ngay lúc đó ta bắt nó và ăn thịt nó.’ Rồi con chuột nhắt chạy ra kiếm ăn, và con mèo đã bắt nó và nuốt trọng nó ngay, không nhai nó. Rồi con chuột nhắt (còn sống) đã ăn ruột và mỡ sa trong bụng con mèo, và do bởi điều đó nên con

mèo gặp phải chết chóc hay khổ đau như chết. (i') "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có Tỳ kheo sáng mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô làng hoặc phố thị để khất thực với thân, lời-nói, và tâm không được phòng hộ, không được thiết lập trong sự chánh-niệm, không kiềm chế các giác-quan. Người đó nhìn thấy phụ nữ ăn mặc mỏng mảnh hoặc không che kín, rồi nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó gặp phải chết chóc hoặc khổ đau như chết. Này các Tỳ kheo, 'chết chóc' ở đây theo

Thánh Giới Luật là: Tỳ kheo đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Còn 'khổ đau như chết' ở đây là: người đó vi phạm một tội do ô-nhiễm (ở đây, do nhục-dục) thuộc loại tội cho phép có thể (chịu hình phạt, xám hối) để khôi phục.375 "Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân mình như vầy: 'Chúng ta sẽ đi vô làng hoặc phố thị để khất thực với thân, lời-nói, và tâm được phòng hộ, với sự chánh-niệm được thiết lập, kiềm chế các giác- quan.' Như vậy các thầy nên tu tập bản thân." (SN 20:10)

11 Con Chó Rừng (1) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, các thầy đã nghe tiếng một con chó rừng già (giả can) tru trước lúc trời rạng sáng không?" "Dạ có, thưa Thế Tôn." "Con chó già đó bị mắc một căn bệnh gọi là bệnh ghẻ lở. Nhưng nó vẫn đi đâu nó muốn, đứng đâu nó muốn, ngồi đâu nó muốn, nằm đâu nó muốn, và thậm chí còn bị gió lạnh thổi vào nó. Sẽ tốt lành cho 'một người nào đó' ở đây thà tuyên bố mình là một tu sĩ [sa-môn] đi theo 'người con của dân tộc Thích-Ca' (tức Phật) hơn là nếm trải một dạng hiện-hữu cá thể (đày đọa, khổ đau) như vậy. 376 "Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ sống (an trú) một cách chuyên chú.' Như vậy các thầy nên tu tập bản thân." (SN 20:11)

12 Con Chó Rừng (2)

Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, các thầy đã nghe tiếng một con chó rừng già tru trước lúc trời rạng sáng không?" "Dạ có, thưa Thế Tôn." "Có thể còn có một chút lòng biết ơn và cảm ơn trong (tâm) con chó già đó, nhưng không có chút sự biết ơn và cảm ơn nào trong 'người nào đó' ở đây trong khi tuyên bố mình là một đệ tử đi theo 'người con của dân tộc Thích-Ca'.377 "Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ biết ơn và cảm ơn, và chúng ta sẽ không bỏ quên dù một chút xíu công ơn (người khác) đã làm cho chúng ta.' Như vậy các thầy nên tu tập bản thân." (SN 20:12)

Chương 21.

Liên Kết CÁC TỲ KHEO (21 Bhikkhu-saṃyutta) (21 Tương ưng Tỳ Kheo)

1 Kolita (Kolita là tên gọi của Ngài Mục-kiền-liên; Mục-kiền-liên là họ.)378 Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta,

trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó Ngài Đại Mục-kiền-liên đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các đạo hữu!” “Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Mục-kiền-liên nói điều này: “Ở đây, này các đạo hữu, khi tôi đang ở một mình ở nơi ẩn cư, một sự quán chiếu (suy xét) đã khởi sinh trong tôi tâm tôi như vầy: ‘Từng nghe nói, “sự im lặng thánh thiện, sự im lặng thánh thiện.” Giờ cái gì là sự im lặng thánh thiện?’379 “Này các đạo hữu, rồi điều này đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), và có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm. Đây được gọi là sự im lặng thánh thiện.’ “Sau đó, này các đạo hữu, với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai, trạng thái … có niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm. Trong khi tôi an trú trong đó, sự nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) có đi kèm ý-nghĩ (tầm) đã tấn công tôi. “Rồi, này các đạo hữu, đức Thế Tôn bằng thần thông đã đến với tôi và nói điều này: ‘Này Mục-kiền-liên, này Mục-kiền-liên, không được lơi tâm (xao lãng) đối với ‘sự im lặng thánh thiện’, này bà-la-môn. Ổn định tâm thầy bằng ‘sự im lặng thánh thiện’, hợp nhất tâm thầy bằng ‘sự im lặng thánh thiện’, định tâm thầy bằng ‘sự im lặng thánh thiện’.’ Rồi, này các đạo hữu, một lúc sau đó, với sự lắng lặn của ý-nghĩ và sự soi-xét, tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai, trạng thái có sự tự-tin

bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, có niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm. “Này các đạo hữu, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai như vầy: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp (đại tự trí) với sự trợ giúp của Vị Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó có thể nói điều này.” 380 (SN 21:01)

2 Upatissa (Upatissa là tên gọi của Ngài Xá-lợi-phất; Xá-lợi-phất là họ.)381

Ở Sāvatthī. Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!” “Thưa đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này: “Ở đây, này các đạo hữu, khi đang ở một mình ở nơi ẩn cư, một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm tôi như vầy: ‘Có thứ gì trong thế gian mà sự thay đổi và sự biến đổi của nó làm khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng trong tôi?’ Rồi điều này đã xảy đến với tôi: ‘Không thứ gì trong thế gian mà sự thay đổi và sự biến đổi của nó làm khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng trong tôi?’” Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda nói với thầy Xá-lợi-phất: “Đạo hữu Xá-lợi-phất, ngay cả khi Vị Thầy (tức Phật) có trải qua sự thay đổi và sự biến đổi (chết), thì sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng cũng không khởi sinh trong đạo hữu đúng không?” “Này đạo hữu,382 ngay cả khi vị Sư Thầy có trải qua sự thay đổi và sự biến đổi, thì sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng cũng không khởi sinh trong tôi. Tuy nhiên, có điều này sẽ xảy đến với tôi: ‘Vị Thầy, thật ảnh hưởng (lỗi lạc), thật uy lực và uy dũng, đã qua đời. Nếu đức Thế Tôn sống lâu thêm

nữa, thì điều đó sẽ là vì phúc lợi và hạnh phúc

của nhiều người, vì lòng bi mẫn dành cho thế gian, vì phúc lợi và hạnh phúc của những thiên thần và loài người.'" "Chắc bởi vì cái sự tạo-nên cái 'ta' (ngã chấp), sự tạo-nên cái 'của-ta' (thân kiến) và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta (tùy-miên ngã mạn) đã được bứng bỏ sạch sẽ trong (tâm của) Ngài Xá-lợi-phất từ lâu,383 cho nên ngay cả khi Vị Thầy trải qua sự thay đổi và sự biến đổi, thì sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng cũng không khởi sinh trong thầy ấy." (SN 21:02)

3 Cái Thùng Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó thì Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Mục-kiền-liên đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong một khu trú ngụ duy nhất trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn cư và đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Thầy ấy chào hỏi thầy Đại Mục-kiền-liên, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Mục-kiền-liên: "Này đạo hữu Mục-kiền-liên, các căn của thầy tĩnh lặng, sắc diện của thầy trong và sáng. Có phải Ngài Đại Mục-kiền-liên mới trải qua một ngày trong sự an trú bình an không?" "Này đạo hữu, tôi trải qua một ngày trong sự an trú thô tế,384 nhưng tôi có nói chuyện Giáo Pháp." "Ngài Đại Mục-kiền-liên nói chuyện Giáo Pháp với ai?" "Này đạo hữu, tôi nói chuyện Giáo Pháp với đức Thế Tôn." "Nhưng đức Thế Tôn đang đi xa mà, đạo hữu. Đức Thế Tôn hiện đang ở tại Sāvatthī, trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá Cấp

Cô Độc. Có phải Ngài Đại Mục-kiền-liên tiếp cận đức Thế Tôn qua phương tiện thần-thông (năng lực tâm linh), hay đức Thế Tôn đã tiếp cận Ngài Đại Mục-kiền-liên qua phương tiện thần-thông?" "Này đạo hữu, tôi không tiếp cận đức Thế Tôn qua phương tiện thần- thông, và đức Thế Tôn cũng không tiếp cận tôi qua phương tiện thần- thông. Thay vì vậy, đức Thế Tôn đã để (mở) yếu-tố mắt thiên thánh (thiên nhãn thông) và tai thiên thánh (thiên nhĩ thông) để liên lạc với tôi, và tôi đã để (mở) yếu-tố mắt thiên thánh và tai thiên thánh để liên lạc với đức Thế Tôn."385 "Loại Giáo Pháp nào Ngài Đại Mục-kiền-liên đã mới đàm thoại với đức Thế Tôn?" "Ở đây, này đạo hữu, tôi đã nói với đức Thế Tôn: 'Thưa Thế Tôn, từng nghe nói "người có sự nỗ-lực được phát khởi, người có sự nỗ-lực được phát khởi." Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người có sự nỗ-lực được phát khởi?' Rồi đức Thế Tôn đã nói với tôi rằng: 'Ở đây, này Mục-kiền-liên, một Tỳ kheo có sự nỗ-lực (tinh tấn) được phát khởi sẽ an trú như vầy: "Quyết tâm rằng, cho dù chỉ còn da, gân, xương, và cho dù thịt- máu khô cạn trong thân này của ta, ta cũng không xao lãng sự nỗ-lực (tinh tấn) cho tới khi nào ta chưa chứng ngộ điều có thể chứng ngộ bằng sức người, bằng sự nỗ-lực của con người, bằng sự phấn-đấu của con người."386 Này Mục-kiền-liên, theo cách như vậy là người đó đã phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn).' Này đạo hữu, đó là Pháp thoại mà tôi đã nói với đức Thế

Tôn.” (Thầy Xá-lợi-phất nói:) “Này đạo hữu, so với Ngài Đại Mục-kiền-liên chúng tôi chỉ giống như vài hột sỏi đem so với dãy núi Himalaya, vua của những ngọn núi. Bởi vì Ngài Đại Mục-kiền-liên có uy lực và uy dũng của đại thần-thông nên nếu thầy ấy muốn thầy ấy có thể sống được (ở đây) một đại-kiếp.”387 (Thầy Mục-kiền-liên nói:) “Này đạo hữu, so với Ngài Xá-lợi-phất, chúng tôi chỉ giống như vài hột muối đem so với một thùng muối. Bởi vì

Ngài Xá-lợi-phất đã được tuyên dương, được ca ngợi, được khen ngợi theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn như vầy: “Vì Xá-lợi-phất là cao nhất, Về trí-tuệ, đức-hạnh, và bình-an, Nên một Tỳ kheo có hơn bao nhiêu, Thì cao nhất cũng chỉ bằng thầy ấy.” Theo cách này cả hai con rồng lớn mỗi vị đều thấy hoan-hỷ với những lời được khẳng định và tuyên bố bởi người kia.388 (SN 21:03)

4 Tỳ Kheo Mới Thụ Giới Ở Sāvatthī. Bấy giờ, vào lúc đó có một Tỳ kheo mới thụ giới, sau khi trở về sau một vòng khất thực, thầy đó lánh về chỗ ở của mình sau bữa ăn trưa, và bỏ qua thời gian sống thư thái, và thầy đó cứ im lặng. Thầy đó không phụ giúp các Tỳ kheo vào giờ may vá các y phục. Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại chuyện đó cho đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn đã nói với một Tỳ kheo như vầy: “Này Tỳ kheo, hãy đến nhân danh ta nói với Tỳ kheo đó rằng Sư Thầy cho gọi thầy ấy.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại, và thầy đi đến chỗ Tỳ kheo đó và nói: “Sư Thầy mới cho gọi thầy, này đạo hữu.” “Được, đạo hữu”, Tỳ kheo đó đáp lại, và thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn nói với thầy ấy: “Này Tỳ kheo, có đúng vậy không, rằng sau khi trở về sau một vòng khất thực thầy đã lánh về chỗ ở của mình sau bữa ăn trưa, và bỏ qua thời gian sống thư thái, và thầy không phụ giúp các Tỳ kheo trong giờ may vá những y phục?”

“Thưa Thế Tôn, con bận làm phận sự của mình.” Rồi đức Thế Tôn, sau khi bằng tâm mình quán chiếu thấy tâm của vị Tỳ kheo đó, đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, đừng bắt lỗi Tỳ kheo này. Tỳ kheo này là người: ‘tùy theo mình muốn, không bị khó khăn hay rắc rối gì, có thể đạt tới bốn tầng thiền định tạo nên cái tâm bậc-cao và tạo ra một sự an-trú lạc trú ngay trong kiếp này’. Và vị này là người, ‘bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành’.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vầy: “Không phải bằng sự phấn-đấu (tinh cần) lơi lỏng, Không phải bằng sự nỗ-lực (tinh tấn) yếu ớt, Mà thành tựu tới Niết-bàn, Thoát khỏi mọi sự khổ. “Vị Tỳ kheo trẻ này [bên cạnh ta] Thực là người tối thượng: Người chỉ còn mang thân này cuối cùng, Đã chinh phục Ma Vương và yên cương của hắn.389 (SN 21:04)

5 Sujāta Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Sujāta đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy ấy đi đến từ xa và đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, người họ tộc này đẹp đẽ về cả hai phương diện. Thầy ấy đẹp người, dễ nhìn, dễ ưa mến, có được vẻ đẹp bậc nhất của làn

da. Và thầy ấy là người, ‘bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành’.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vầy: “Tỳ kheo này chiếu sáng với vẻ đẹp siêu phàm, Có một cái tâm đích thực chánh-trực. Người đã tách-ly, thoát khỏi những gông-cùm, Đã chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự không còn dính-chấp. Người chỉ còn mang thân này cuối cùng, Đã chinh phục Ma Vương và yên cương của hắn.” (SN 21:05)

6 Lakuṇṭaka Bhaddiya Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Lakuṇṭaka Bhaddiya ([chú lùn Bhaddiya]) đến gặp đức Thế Tôn.390 Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy ấy đi đến từ xa và đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy Tỳ kheo đó đang đi đến, xấu xí, không dễ nhìn, tật vẹo, bị khinh thường trong số các Tỳ kheo, hay không?” “Dạ thấy, thưa Thế Tôn.” “Tỳ kheo đó có uy lực và uy dũng của đại thần-thông. Không dễ gì có được sự chứng đắc mà vị Tỳ kheo này đã đạt tới. Và thầy ấy là người, ‘bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành’.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vầy:
“Ngỗng, cò, và công,
Voi, và nai lông đốm,
Tất cả đều nể sợ sư tử,
Dù là sư tử lùn sư tử nhỏ.
“Trong chúng sinh loài người cũng vậy,
Người nhỏ lùn được phú cho trí-tuệ—
Đó mới thực là bậc đại vĩ,
Chứ không phải kẻ to xác mà ngu si.”
(SN 21:06)
7 Visākha Tôi nghe như vầy, trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Visākha Pañcāliputta đang chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo trong hội trường (chỗ tụ họp của các Tỳ kheo, chỗ hội chúng, sảnh đường) bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, [được nói] bằng lời nói được trau chuốt, rõ ràng, rõ tiếng, giảng bày hay khéo ý nghĩa, sâu rộng, và không dính-chấp.391 Rồi, vào buổi cuối chiều, đức

Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến hội đường. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dành sẵn, và nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, (lúc nãy) ai đã đang chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo trong hội đường này bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, [được nói] bằng lời nói được trau chuốt, rõ ràng, rõ tiếng, giảng bày một cách hay khéo ý nghĩa, sâu rộng, và không dính chấp, như vậy?”

“Đó là Ngài Visākha Pañcāliputta, thưa Thế Tôn.” Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Visākha Pañcāliputta như vầy: “Tốt, tốt, này Visākha! Tốt thay thầy đã chỉ dạy các Tỳ kheo bằng một cuộc nói chuyện Giáo Pháp như vậy.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vầy: “Khi người trí ở giữa những người ngu, Họ không biết vị đó nếu vị đó không thuyết giảng.392 Nhưng họ sẽ biết vị đó nếu vị đó thuyết giảng, (Và) chỉ ra trạng thái bất-tử (sự giải thoát). “Vị đó nên nói và giảng giải Giáo Pháp Vị đó giương cao ngọn cờ của bậc nhìn-thấy. Những lời thuyết hay khéo là ngọn cờ của bậc nhìn-thấy: Bởi Giáo Pháp là ngọn cờ của những bậc nhìn-thấy.” (SN 21:07)

8 Nanda Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Nanda, người em trai họ phía mẹ (con của dì ruột Kiều-đàm-di; cũng là anh em bạn dì và cùng cha) của đức Thế Tôn, ăn mặc chải chuốt, với y-phục thẳng thóm, tô hai mắt, mang bình bát sáng bóng, và đến gặp đức Thế Tôn.393 Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Này Nanda, kiểu đó không phù hợp cho thầy, một người họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, khi thầy ăn mặc chải chuốt, với y-phục thẳng thóm, tô hai mắt, mang bình bát sáng bóng như vậy. Kiểu này mới phù hợp cho thầy, này Nanda, một người họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, rằng thầy nên là người sống tu trong rừng, ăn thức ăn khất thực, mặc y-phục

làm từ giẻ rách, và thầy sống bàng quan (vô tư, tách ly) đối với những khoái-lạc giác-quan (dục lạc).” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vầy: “Biết khi nào ta mới nhìn thấy Nanda, Thành người sống tu trong rừng, Mặc y-phục được làm từ giẻ rách, Sống nhờ những đồ ăn thừa của những người lạ,394 Và sống bàng quan với dục-lạc?” Rồi, một thời gian sau đó, thầy Nanda đã trở thành một người sống tu trong rừng, người ăn thức ăn khất thực, người mặc y-phục làm từ giẻ rách, và sống bàng quan đối với những khoái-lạc giác-quan. (SN 21:08)

9 Tissa Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Tissa, người em trai họ phía cha của đức Thế Tôn (con của cô ruột Amitā; tức anh em cô cậu của Phật),395 đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên— khổ sở, buồn bã, nước mắt chảy dài. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Này Tissa, tại sao thầy ngồi đó, khổ sở, buồn bã, nước mắt chảy dài như vậy?” “Thưa Thế Tôn, bởi vì các Tỳ kheo đã công kích con từ mọi phía

bằng những lời lẽ đâm chọt.”396 “Này Tissa, đó là do thầy trách người khác nhưng không chịu được người khác trách mình. Này Tissa, kiểu đó không phù hợp với thầy, một người họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, rằng thầy khiển trách người khác nhưng không thể chấp nhận sự khiển

trách từ người khác. Này Tissa, kiểu này mới phù hợp với thầy, một người họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, rằng thầy khiển trách người khác và biết chấp nhận sự khiển trách từ người khác. Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vầy: “Vì sao thầy tức giận? Đừng tức giận! Vô-sân là tốt hơn cho thầy, này Tissa. Đó là dẹp bỏ sân giận, tự đại, và khinh miệt, Đó mới là sống đời sống tâm linh, ôi Tissa.” (SN 21:09)

10 Tỳ Kheo Tên Là Trưởng Lão (Thera) Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, lúc đó một Tỳ kheo có tên là Trưởng Lão [theranāmako]397 là người sống một-mình và nói lời đề cao sự sống một- mình. Thầy ấy đi một mình vô làng khất thực, thầy trở về một mình, thầy ấy ngồi một mình riêng tư, thầy ấy đi-thiền một mình. Rồi một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Ở đây, thưa đức Thế Tôn, có một Tỳ kheo tên là Trưởng Lão là người sống một-mình và nói lời đề cao sự sống một-mình.” Rồi đức Thế Tôn nói với một Tỳ kheo như vầy: “Này Tỳ kheo, hãy đến nhân danh ta nói với Tỳ kheo Trưởng Lão rằng Sư Thầy cho gọi thầy ấy.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại, và thầy ấy đến chỗ thầy Trưởng Lão và nói: “Này đạo hữu Trưởng Lão, Sư Thầy mới cho gọi thầy.”

“Được, đạo hữu”, thầy Trưởng Lão đáp lại, và đi đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Này Trưởng Lão, thật không, rằng thầy là một người sống một-mình và nói lời đề cao sự sống một-mình?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn” “Nhưng, này Trưởng Lão, theo cách nào thầy là người sống một-mình và nói lời đề cao sự sống một-mình?” “Ở đây, thưa Thế Tôn, con đi một mình vô làng khất thực, con trở về một mình, con ngồi một mình riêng tư, và con đi-thiền một mình. Theo cách như vậy con là người sống một mình và đề cao sự sống một-mình.” “Đó là một cách sống một-mình, này Trưởng Lão, ta không chối cãi điều này. Nhưng theo cách nào là sự sống một-mình được hoàn thiện một cách chi tiết, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn.” “Và, này Trưởng Lão, theo cách nào là sự sống một-mình được hoàn thiện một cách chi tiết? Ở đây, này Trưởng Lão, cái gì thuộc quá khứ đã được dẹp bỏ, cái gì thuộc tương lai đã được từ bỏ, và tham-muốn nhục- dục đối với những sắc-thân hiện tại cho sự hiện-hữu cá thể đã được loại bỏ một cách triệt để.398 Này Trưởng Lão, theo cách như vậy là sự sống một-mình được hoàn thiện một cách chi tiết.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vầy: “Bậc hiền trí, người chinh

phục tất cả, Người hiểu biết tất cả, Giữa tất cả không bị dính nhiễm, Với tất cả đều đã bỏ đi, Được giải-thoát nhờ tiêu diệt dục-vọng: Ta gọi người đó là 'người sống một-mình'."399

Chương 21 Liên Kết CÁC TỲ KHEO • 297

(SN 21:10)

11 Đại Kappina Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Đại Kappina (Mahākappina) đến gặp đức Thế Tôn.400 Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy ấy đi đến từ xa và đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy Tỳ kheo đó, da trắng, người mảnh khảnh, mũi cao, đang đi đến không?" "Dạ có, thưa Thế Tôn." "Tỳ kheo đó có uy lực và uy dũng của đại thần-thông. Không dễ gì có được sự chứng đắc mà vị Tỳ kheo này đã đạt tới. Và thầy ấy, 'bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành'." Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vầy: "Người giai cấp chiến-sĩ là tốt nhất trong thiên hạ Vì đối với họ chuẩn mực là họ tộc. Nhưng người thành tựu về trí-biết và đức-hạnh, Là người tốt nhất trong những thiên thần và loài người. "Mặt trời sáng ban ngày, trăng sáng ban đêm, Áo giáp làm sáng người giai cấp chiến-sĩ, Thiền định làm sáng bà-la-môn. Nhưng suốt cả ngày và đêm, Phật tỏa sáng bằng hào quang." (SN 21:11)

298 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

12 Những Người Đồng Hành Ở Sāvatthī. Lúc đó có hai Tỳ kheo là hai người đồng hành (đồng môn, đồng đạo), là những học trò của Ngài Đại Kappina, đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nhìn thấy họ đi đến từ xa và đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy hai Tỳ kheo, là những học trò của thầy Kappina, đang đi đến, hay không?" "Dạ có, thưa Thế Tôn." "Những Tỳ kheo đó có uy lực và uy dũng của đại thần-thông. Không dễ gì có được sự chứng đắc mà hai vị Tỳ kheo này đã đạt tới. Và các thầy ấy, 'bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành'." Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vầy: "Các [hai] vị Tỳ kheo đồng hành này, Đã thân kết từ lâu đời;401 Giáo Pháp chân thực đã kết hợp họ với nhau, Trong Giáo Pháp Phật đã tuyên thuyết. "Họ đã được Kappina kèm dạy kỹ càng Trong Giáo Pháp bậc Thánh Nhân đã tuyên thuyết. Họ mang thân này lần cuối cùng, Sau khi đã chinh phục Ma Vương và yên cương của hắn." (SN 21:12)

Chương 21 Liên Kết CÁC TỲ KHEO • 299

HẾT QUYỂN 2 (QUYỂN NHÂN-DUYÊN)

300 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH & CHÚ GIẢI CHÍNH: Be: phiên bản Miến Điện của SN

Ee: phiên bản tiếng Anh của SN (ấn bản PTS) Se: phiên bản Sinhala (Tích Lan cổ) của SN

* SN= Saṃyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ưng Kinh Bộ)

Spk (Be) = Sāratthappakāsinī: Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)

Spk (Se) = Sāratthappakāsinī: Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala). Spk-pṭ = Sāratthappakāsinī-purāṇa-ṭīkā: Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)

SS = Sinhala-script: Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala)

CDB = Connected Discourses of Buddha: bản dịch Pāli-Anh SN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh của các bộ kinh Nikaya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

Lưu Ý: trong bản dịch Việt này dụa theo bản dịch của TKBĐ, các chú giải Spk thì mặc nhiên là của phiên bản Miến Điện (Be). Chỗ nào ghi Spk (Be) và Spk (Se) chỉ khi có sự khác nhau về về câu chữ được ghi trong hai phiên bản.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC: Abhi = Abhidhamma Pitaka: Vi Diệu Pháp Tạng * AN = Aṇguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs

Dhp = Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN) Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: Bộ Pháp Tụ (thuộc Abhi)

* DN = Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: tập Kinh Phật Tự Thuyết (thuộc KN) It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: Chú Giải tập It

Ja: = Jātaka: tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN)

Khp = Khuddakapāṭha: tập Kinh Tiểu Tụng (thuộc KN)

* KN = Khuddaka Nikaya: Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ) Mil = Milindapanha: tập kinh Milinda Vấn Đáp (thuộc KN)

* MN = Majjhima Nikāya: Bộ Kinh Vừa (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: Chú Giải bộ AN

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc KN) Nidd I = Mahā-niddesa: tập Đại Diễn Giải (Đại Nghĩa Tích) (thuộc KN)

Nidd II = Cūḷa-niddesa: tập Tiểu Diễn Giải (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc KN)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: tập Con Đường Phân Biệt (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc KN) Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Patis

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc KN)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Sn

Pp = Puggalapannatti: bộ Phân Định Cá Nhân (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc Abhi)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Pp

Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ MN

Bảng Viết Tắt • 303

Pv = Petavatthu: tập Chuyện Quỷ Đói (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc KN) ∗ SN = Saṃyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ưng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): Chú Giải Luật Tạng

Sv = Sumaogalavilāsinī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ kinh DN Sv-pṭ = Sumaogalavilāsinī-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): Tiểu Chú Giải bộ kinh DN (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ (thuộc KN)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Th Thī = Therīgāthā: tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ (thuộc KN)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): Chú Giải tập Thī (bản 1998)

Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Ud Vibh = Vibhaṅga: Bộ Phân Tích (thuộc Abhi)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): Chú Giải bộ Vibh

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): Tiểu Chú Giải tập Vbh (phiên bản Miến Điện) Vin = Vinaya: Luật Tạng (Rỗ Luật)

Vism = Visuddhimagga: Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH: BL= Buddhist Legends: Những Huyền Thoại Phật Giáo (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: Cẩm Nang Vi Diệu Pháp (của Tỳ Kheo Bồ-Đề)

304 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

EV I = Elders' Verses I: Trưởng Lão Thi Kệ I (của Norman) EV II = Elders' Verses II: Trưởng Lão Thi Kệ II (của Norman)

GD = Group of Discourse: tập Kinh Tập II (của Norman)

Germ Tr = Bản dịch SN tiếng Đức (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: Bản dịch tiếng Anh của SN (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của DN (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của MN (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: bản dịch Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = "Saṃyutta Nikāya: An Anthology": Tuyển tập các kinh thuộc SN (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC: CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch) CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ưng A-hàm Hán Tạng (của Enomoto)

DPPN: Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: Tự Điển Phạn-Anh (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: Tự Điển Pāli-Anh (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

Bảng Viết Tắt • 305

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: Chữ Lai Phạn trong Phật giáo BPS = Buddhist Publication Society: Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiến sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society: Hội Kinh Điển Pali

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn VĀT = Vanarata Ānanda Thera: Trưởng Lão Vanarata Ānanda

Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBĐ) là ghi số quyển và số trang của ấn bản PTS. Còn các số hiệu kinh DN, MN, và Ja kèm theo số kinh sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới Vism cũng được ghi kèm theo bằng số chương và số đoạn của Ppn. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các luận giảng cũng theo số quyển và số trang của ấn bản PTS, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ Be hay Ce thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables)

306 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

CHÚ THÍCH

1 [Luận giảng Spk chú giải rằng: Khi nói: “Do có vô-minh là điều-kiện (duyên) nên có những sự tạo-tác cố ý (hành)” thì nghĩa của nó nên được hiểu theo phương pháp như vầy: “Chính là vô-minh và nó là một điều-kiện (duyên), nghĩa là ‘vô-minh-là-điều-kiện’ (avijjā ca sā paccayo cā ti avijjāpaccayo). Thông qua ‘vô-minh-là-điều-kiện’ nên những sự tạo-tác cố ý (hành) đi đến hiện thành (tasmā avijjāpaccayā saṇkhārā sambhavanti).” Sự chú giải này cho thấy rằng động từ sambhavanti, chỉ nằm ở cuối cùng của toàn bộ vòng duyên-khởi, nên được dùng để kết nối với những phần nhân- duyên nối tiếp nhau. 12 yếu tố nhân-duyên của công thức này sẽ được phân tích kỹ hơn trong kinh tiếp theo. Cuối đoạn này, Ee ghi là ayaṃ vuccati bhikkhave samuppādo, nhưng đây chắc hẳn là lỗi ghi chép, vì cả Be và Se đều ghi là paṭicca-samuppādo.] (1)

2 [Spk giải thích: khi dùng chữ “sự qua đời” hay “sự hết thời gian” là chỉ cái

chết theo nghĩa thế tục (lokasammutiyā); khi dùng chữ “sự tan rã của các uẩn” và “sự đặt xuống xác thân” là nói theo nghĩa tột cùng (paramattha). Vì theo nghĩa tột cùng, chỉ có các uẩn tan rã, chứ không có ‘người’ nào chết cả. Khi các uẩn đang tan rã, người ta nói ‘chúng sinh đang chết’, và khi chúng đã tan rã, người ta nói ‘chúng sinh đã chết’.] (2)

3 [Spk giải thích: Từ ‘sinh … sự sản sinh’ là giáo lý thuộc quy ước truyền

thống (vohāradesanā); còn ‘sự hiện thân của năm-uẩn, sự có được sáu cơ-sở cảm nhận’ là giáo lý tột cùng (paramatthadesanā). Bởi vì trong ý nghĩa tột cùng, chỉ có các uẩn hiện thị, không có ‘người’ nào cả.] (3)

4 [Về nghĩa của chữ bhava, mời coi thêm phần Giới Thiệu Chung của bộ kinh

bởi TKBĐ (trang 52–53 bản dịch tiếng Anh). Spk giải thích: Khi giảng về sự hiện-hữu: sự hiện-hữu trong cõi dục-giới là gồm cả sự hiện-hữu do nghiệp (kammabhava) và sự hiện-hữu do tái-sinh (upapattibhava). Trong 02 dạng này, sự hiện-hữu do nghiệp là chỉ do nghiệp dẫn tới sự hiện-hữu trong cõi dục-giới, vì nghiệp [là nguyên nhân tạo ra ‘sự tái sinh-hiện hữu’ trong cõi đó] được gọi là ‘sự hiện-hữu’ bằng cách gán tên quả cho nhân. Còn sự hiện-hữu

do tái-sinh là bộ năm-uẩn tích nghiệp được sản sinh từ nghiệp đó; vì đây được gọi là ‘sự hiện-hữu’ theo cái nghĩa ‘nó sẽ trở thành ở đó’.

- Cách giải thích tương tự như vậy đối với sự hiện-hữu trong cõi sắc-giới và sự hiện-hữu trong cõi vô-sắc giới [ngoại trừ trong cõi vô-sắc giới thì sự hiện- hữu do tái-sinh chỉ có 04-uẩn thuộc tâm.] (4)

5 [Spk định nghĩa sự dính-chấp (chấp thủ, thủ) là sự chấp, nắm giữ, giữ chặt,

bám chặt, sự dính theo (upādānan ti daḷhaggahaṇaṃ vuccati). Định nghĩa 04 loại sự dính-chấp có ghi trong Dhs 1214–17. Nói ngắn gọn: (1) sự dính-chấp khoái-lạc giác-quan (kāmupādāna; dục thủ) là đồng nghĩa tham dục, nhục dục, dục vọng khoái-lạc giác-quan (dục ái). (2) Sự dính-chấp những tà-kiến (diṭṭhupādāna; kiến thủ) là

sự dính vào, sự cố chấp, sự bám vào những quan- điểm này nọ; Dhs 1215 có đưa ví dụ cả quan điểm tự-diệt nữa [coi thêm kinh SN 24:05 (Quyển 3)]. (3) Sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm ky, cúng bái, và những thệ nguyện' (sīlabbatupādāna; giới-cấm thủ). Thông thường chữ này được dịch là 'sự dính-chấp những nghi luật và tập tục', nhưng không có kinh hay giảng luận nào ủng hộ cách dịch này. Tôi [TKBĐ] diễn dịch chữ sīla như những nghi luật và chữ vata như những lời thệ nguyện. Dhs 1222 thì ghi là: "Sự dính-chấp vào các luật lệ (như nghi luật, nghi lễ cúng tế, tục lệ) và những lời thệ nguyện là quan điểm của những tu sĩ và bà-la-môn ngoài đạo Phật cho rằng sự thanh-lọc có thể đạt được thông qua (sự tuân thủ) những nghi luật nghi lễ, thông qua những lời thệ nguyện, hoặc thông qua những nghi luật và thệ nguyện" [rút gọn]. (4) Sự dính-chấp vào giáo lý có cái 'ta' (ngã-kiến thủ; attavādupādāna) được định nghĩa bởi 20 loại quan-điểm có cái 'ta' hay danh-tính (thân kiến; sakkāyadiṭṭhi); coi thêm kinh SN 22:07 ...] (5)

6 [Về sự dịch nghĩa chữ phần danh-sắc (nāma-rūpa), coi phần Giới Thiệu

Chung của tôi ở trang 47–49 (bản dịch tiếng Anh). Vism 558,23–28 (Ppn 17:187) giải thích rằng: phần nāma là chỉ ba uẩn—cảm-giác, nhận-thức, và những sự tạo-tác cố ý (thọ, tưởng, hành)—chúng được gọi vậy vì sự "uốn cong" (namana) của chúng vào một đối-tượng [trong hành vi nhận biết nó]. Sự cố-ý (tư), sự tiếp-xúc (xúc), và sự chú-tâm (tác ý) đều thuộc đống những sự tạo-tác (hành uẩn), và, theo Spk, chúng được chọn để đại diện cho hành uẩn bởi vì chúng hoạt động ở những tầng thấp nhất của (tâm) thức.] (6)

7 [Về cách dịch chữ saṇkhārā, mời đọc lại phần Giới Thiệu Chung của bộ

kinh này bởi TKBĐ (trang 44-47 bản dịch tiếng Anh). Spk nói: những sự tạo-tác cố ý (hành) có đặc tính tạo tác (abhisaṇkharaṇa). (i) Sự tạo-tác cố ý thuộc/của thân (thân hành) là một sự tạo-tác cố ý xảy ra thông qua thân; thuật ngữ thân-hành là chỉ chung cho 20 loại sự cố-ý của thân (kāyasancetanā, thân tư)—gồm 8 thứ thiện và 12 thứ bất thiện thuộc dục-giới—thúc đẩy hành vi hoạt động trong của thân [coi CMA 1:4–7, 13]. (ii) Sự tạo-tác cố ý thuộc/của lời-nói (khẩu hành) là một sự tạo-tác cố ý xảy ra thông qua lời-nói; thuật ngữ khẩu-hành là chỉ chung cho 20 loại sự cố-ý của lời-nói (vacīsancetanā, khẩu tư)—thúc đẩy hành vi hoạt động của sự nói ra lời. (iii) Sự tạo-tác cố ý thuộc/của tâm (tâm hành) là một sự tạo-tác cố ý xảy ra thông qua cái tâm; thuật ngữ tâm-hành là chỉ 29 loại sự cố-ý của tâm (manosancetanā, tâm tư) thiện và bất thiện thuộc thế tục xảy ra một cách riêng phần trong tâm-ý chứ không thúc đẩy thành hành-động ở cửa thân và cửa lời-nói. [Thêm 09 sự cố-ý (tâm tư) gồm: 05 thuộc những tâm (citta) sắc- giới và 04 thuộc những tâm vô-sắc giới, là những trạng thái của thiền-định mà thôi; coi thêm CMA 1:18, 22.]

- Ba loại hành (saṇkhārā) này không nên được hiểu nhầm với ba loại hành được nói trong kinh SN 41:06 (Quyển 4) hay trong kinh MN Ī 301, 17-29.(*) Tôi đã thêm vào chữ "cố-ý" để tạo nên sự khác biệt của 02 bộ 03-hành này, mặc dù trong tiếng Pāli thì hai

loại thuật ngữ được ghi giống nhau. Bộ 03- hành sau luôn luôn được nói liên quan tới sự chấm-dứt nhận-thức và cảm- giác (diệt thọ thưởng) và không bao giờ được đưa vào hay liên quan tới 'sự khởi-sinh tùy thuộc'.] (7)

- (*) ([1] Những số hiệu kinh AN đã được so chiếu và trích dẫn trong những chú thích trong bản dịch của thầy TKBĐ đều là các số hiệu theo bản dịch tiếng Anh của PTS. Do vậy, nên người dịch Việt phải dùng máy tính để tra lại với bản dịch Việt của AN, nếu tìm thấy sẽ dẫn ra cho quý vị đối chiếu. [2] Và những số hiệu kinh DN được so chiếu và trích dẫn cũng là các số hiệu theo bản dịch tiếng Anh của PTS, và bộ kinh DN này chưa được dịch Việt trong khi đang dịch bộ kinh SN, AN, và MN nên người dịch Việt không thể tra chiếu, tuy nhiên vẫn giữ nguyên những số hiệu mà thầy TKBĐ đã dẫn ra. [3] Còn những số hiệu kinh MN được so chiếu và trích dẫn cũng là các số hiệu theo bản dịch tiếng Anh của PTS, và do vậy khó có thể truy tìm nó

thuộc kinh nào, dòng nào nếu máy tính không dò ra được, và do vậy vẫn giữ nguyên những số hiệu mà thầy TKBĐ đã dẫn ra. Đây là một sự áy náy không thỏa mãn của người dịch Việt khi dịch những chú thích trong bộ kinh AN và bộ kinh SN này!)

8 [Định nghĩa này cho thấy vô-minh là nguyên nhân gốc rễ nhất của vòng

luân-hồi (sinh tử), đó là sự không hiểu biết về Bốn Diệu Đế. Mặc dù vô-minh cũng thường được biết là tư tưởng (sai lầm) về cái 'ta' (ngã kiến), nhưng các định nghĩa lại cho quan-điểm về cái 'ta' (ngã kiến) là một phương diện của sự dính-chấp (thủ); sự dính-chấp (thủ) là do bị điều-kiện (duyên) bởi dục- vọng (ái) và dục-vọng (ái) thì do bị điều-kiện bởi vô-minh; [coi thêm AN 4:199 về dục-vọng].] (8)

9 [Spk giải thích: bằng chữ "sự chấm-dứt" chỗ này là tuyên bố về Niết-bàn.

Bởi vì tất cả những hiện-tượng đó đều chấm dứt tùy thuộc vào Niết-bàn, và do vậy Niết-bàn được nói là sự chấm-dứt của chúng. Như vậy trong kinh này đức Thế Tôn đã chỉ dạy về vòng luân-hồi hiện-hữu (vaṭṭa) và sự chấm-dứt của vòng đó (vivaṭṭa) theo cách diễn đạt bằng "12 thuật ngữ nhân-duyên" và đưa bài kinh đến đỉnh cao là thánh quả A-la-hán.] (9)

10 [10 bài kinh kế tiếp này, với những câu chữ giống nhau, cho thấy sự giác-

ngộ của 06 vị Phật quá khứ và Phật Thích-Ca hiện tại chính là sự khám-phá ra 'sự khởi-sinh tùy thuộc' và sự chấm-dứt của 'sự khởi-sinh tùy thuộc'. Tôi chỉ dịch đầy đủ lời cho kinh cuối, trong đó Phật Thích-Ca nói về sự chứng đắc sự giác-ngộ của mình.] (10)

11 [Từ cách giải thích của Spk về bồ-tát (bodhisatta) cho thấy có vẻ truyền

thống luận giảng Pāli công nhận chữ này có 02 từ nguyên khác nhau có nghĩa là: (i) bồ-tát có nghĩa như chữ (tiếng Phạn) một bodhisattva [một chúng sinh giác-ngộ] hoặc (ii) có nghĩa như chữ *bodhisakta [người tận tâm hướng tới tới sự giác-ngộ]; coi PED, về s.v. satta (1).

- Spk chú giải: Bodhi (Bồ-đề) là sự hiểu-biết; một chúng sinh được phú cho bodhi là một vị bồ-tát, một người biết, một người trí, một bậc trí hiền. Vì từ lúc người đó đã xác lập tâm-nguyện dưới chân những vị Phật trước kia, người đó luôn luôn có trí, không bao giờ là người ngu mờ. Hoặc nói cách khác, giống như hoa sen trưởng thành đã ngoi lên khỏi nước và sắp nở khi

được tiếp xúc tia nắng mặt trời, thì được gọi là "một hoa sen đang thức dậy", tương tự một người đã có được sự dự-báo (thọ ký) từ những vị Phật (để đạt tới quả vị Phật trong tương lai) và người đó sẽ tất nhiên hoàn thiện những sự hoàn-thiện (ba-la-mật, pāramī) và chứng đắc sự giác-ngộ, thì được gọi là "một chúng sinh đang thức tỉnh" (bujjhanasatta); người đó là một bồ-tát. Người sống khao khát sự giác-ngộ—đó là trí-biết của bốn thánh đạo—thì người đó tận tâm hết mình vì sự giác-ngộ, hướng tới sự giác-ngộ (bodhiyaṃ satto āsatto); bậc ấy là một vị bồ-tát.] (11)

12 [Phật Vipassī vị Phật thứ sáu trong những thời kiếp cổ xưa nếu đếm ngược

từ Phật Cồ-đàm Thích-Ca. Kinh DN II 11–51 có nói về cả sự nghiệp của vị Phật này. Vị Phật này khởi sinh trong thế gian cách đây 91 đại kiếp. Phật Sikhī và Phật Vessabhū khởi sinh cách đây 31 đại kiếp; Phật Kakusandha, Koṇāgamana, Kassapa, và Phật Thích-Ca đều khởi sinh trong đại kiếp tuyệt vời (bhaddakappa) này.] (12)

13 [Nguyên văn mệnh đề này: Yoniso manasikārā ahu paññāya abhisamayo.

Các luận giảng cứ một mực giải nghĩa chữ yoniso manasikāra = upāyamanasikāra, pathamanasikāra (sự chú-tâm đó là phương tiện đúng đắn, sự chú-tâm về đường lối [đúng đắn]). Còn cụm chữ '[trong ta] đã xảy ra một sự đột-phá bằng trí-tuệ' thì (Spk đã giải thích một cách rất khó hiểu, bất khả dĩ, và không thỏa đáng, theo TKBĐ, nên người dịch Việt tạm bỏ qua).

- Nói chung, cách dùng trong các kinh là yoniso manasikāra (sự chú-tâm kỹ càng, như lý tác ý) là thứ dẫn trước paññā (trí-tuệ), còn paññā là nguyên nhân tác động tạo ra abhisamaya (sự đột-phá). Chữ abhisamaya là một thuật ngữ, nó xuất hiện trong các bộ kinh Nikāya trong 02 ngữ cảnh chính: (1) Để chỉ sự đột-phá khởi đầu vào Giáo Pháp (dhammābhisamaya), đồng nghĩa với việc đạt-được sự-thấy của Giáo Pháp (dhammacakkhupaṭilābha), và như vậy đồng nghĩa với việc chứng thánh quả Nhập-lưu; coi thêm kinh SN 13:01 (Quyển 2 này). (2) Để chỉ sự xuyên-phá sự tự-ta (ngã mạn) (sammā mānābhisamaya) đồng nghĩa với việc chứng thánh quả A-la-hán; coi kinh SN 36:05 (Quyển 4). Thêm nữa, (3) một cách dùng thứ ba trong các kinh là để chỉ sự khám-phá của Phật về Giáo Pháp, như chữ này và động từ của nó là abhisameti đã được dùng trong kinh SN 12:20 bên dưới.

- Trong những luận giảng thì chữ abhisamaya là đồng nghĩa với chữ paṭivedha (sự thâm nhập, sự xuyên thấu), hai chữ này được dùng hoán đổi thay thế lẫn nhau để mô tả bốn chức năng của thánh đạo siêu-thế; coi Vism 689–91 (Ppn 22:92–97).] (13)

14 [Hai mệnh đề này nói về nguồn-gốc của sự già-chết là sự sinh-ra, chúng

tương ứng với hai dạng của nguyên-lý trừu tượng về 'sự khởi-sinh tùy thuộc'. Công thức trừu tượng xảy ra ở kinh 12:21, 22, 49, 50, 61, and 62, với chút biến thể ở kinh 12:41. Coi thêm chú thích số 59 trong kinh 12:21 bên dưới.] (14)

15 [Trong câu chuyện về sự giác-ngộ của Phật ở kinh 12:65 bên dưới, Phật đã

lần truy ngược chuỗi các điều-kiện chỉ xa đến thức, rồi Phật chỉ ra nó khởi- sinh tùy thuộc vào phần danh-sắc. Sự khác nhau này cũng xảy ra trong cách xử lý trong đoạn tương ứng về sự chấm-dứt.] (15)

16 [Tiếng Pāli 05 chữ này là cakkhu, ñāṇa, paññā, vijjā, và āloka.

Chữ vijjā (minh, hữu minh) đích thực xuất thân từ chữ vindati, nhưng Spk ở đây lại giải nghĩa nó là paṭivedha (sự thâm nhập, sự xuyên thấu) theo kiểu như nó xuất thân từ chữ vijjhati (đâm xuyên) vậy.] (16)

17 [Nguyên văn câu này: Bhūtānaṃ vā sattānaṃ ṭhitiyā sambhavesīnaṃ vā

anuggahāya. Về chữ sambhavesin, là phân từ chủ động tương lai được hình thành từ đuôi chữ -esi(n), mời coi thêm quyển Văn Phạm Pali (Pāli Grammar) của Geiger, §193A, EV Ī, n. to 527, và CPD, s.v.-esi(n) (2). Những nhà giảng luận thời xưa rõ ràng đã không thông thuộc với hình thức văn phạm này [vì rất ít có trường hợp như vầy trong tiếng Pāli] cho nên họ đã giải thích chữ sambhavesin như thể nó là một chữ kết hợp bahubbīhi được tạo nên từ danh từ sambhava và đuôi tính từ -esin. Do vậy nên Spk đã chú giải cụm chữ "những chúng sinh đã đi đến hiện thành" ở trên là những chúng sinh đã được sinh ra, đã được sản sinh. Cụm chữ "những chúng sinh sắp đi đến hiện thành" [hoặc, theo cách diễn dịch của Spk, là 'những người tìm sự hiện-hữu mới'] là những chúng sinh đang tìm kiếm, đang tìm cầu một sự hiện-hữu mới, sự sinh mới, sự sản sinh mới (sambhavesino ti ye sambhavaṃ jātiṃ nibbattiṃ esanti gavesanti)."

- (Do vậy, trước kia thường dịch là: "những chúng sinh đã được sinh ra và những chúng sinh sắp được sinh ra", nhưng sau khi tham khảo lại chú thích này nên dịch là "những chúng sinh đã đi đến hiện thành và những chúng sinh sắp đi đến hiện thành". Nếu quý vị muốn nhớ nghĩa lời kinh theo cách dịch trước thì có lẽ cũng không sao.) (17)

18 [Spk: Bốn loại dưỡng-chất ở đây có nghĩa là những điều-kiện (paccayā,

duyên); những điều-kiện được gọi là những dưỡng-chất (āhārā) bởi vì chúng nuôi dưỡng [hay mang đến (āharanti)] những tác-động (quả) của chúng. Mặc dù cũng còn có những điều-kiện khác để tạo ra những 'chúng sinh', nhưng riêng 04 điều-kiện này được gọi là 04 dưỡng-chất bởi vì chúng có vai trò là những điều-kiện đặc biệt để duy trì sự liên tục sự sống của một cá thể (ajjhattikasantatiyā visesapaccayattā). Bởi vì dưỡng chất thức-ăn (kabaliṅkāra āhāra) là một điều-kiện đặc biệt đối với thân thể của những loại chúng sinh sống nhờ thức-ăn. Còn đối với thân (thuộc) tâm thì sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện đặc biệt tạo ra cảm-giác (thọ); sự cố-ý của tâm (tâm tư) là điều-kiện đặc biệt

tạo ra thức, và thức là điều-kiện đặc biệt tạo ra phần danh- sắc.

- Trong bộ kinh SN này, những loại dưỡng-chất (āhārā) cũng được thảo luận thêm trong các kinh 12:12, 31, 63, và 64. Về những đặc điểm chung của 04 loại dưỡng-chất, mời coi thêm Vism 341,7–18 (Ppn 11:1–3). Nhà sư trưởng lão Nyanaponika Thera trong quyển Bốn Dưỡng Chất Của Sự Sống (The Four Nutriments of Life) cũng giới thiệu các bài kinh liên quan tới những dưỡng-chất cộng với những luận giải của thầy. Bản thân chữ āhāra cũng được dùng với nghĩa rộng hơn là có nghĩa là "điều-kiện đặc biệt" mà không liên quan gì đến những dưỡng-chất được nói ở đây, ví dụ như trong kinh SN 46:51 và 55:31 (Quyển 5).] (18)

19 [Bốn loại dưỡng-chất này có dục-vọng là nguồn gốc của chúng. Spk giải

thích: bắt đầu bằng lúc tái-sinh, những loại dưỡng-chất này đã có trong sự hiện-hữu cá thể (attabhāva, cơ chế hữu tình, tức trong một 'người') nên được hiểu là phát sinh theo cách của dục-vọng trước đó [purimataṇhā; tức dục- vọng (ái) từ kiếp trước tạo ra sự tái-sinh]. Theo cách nào? Ngay thời khắc tái- sinh, trước tiên, ngay đó có tinh-cốt dưỡng chất (ojā) được tạo ra bên trong (thân) sắc đã khởi sinh; đây là dưỡng-chất thức-ăn được tích lũy theo nghiệp

bắt nguồn từ dục-vọng trước đó. Rồi (i) sự tiếp-xúc (ái) và (ii) sự cố-ý (tư) liên kết với thức tái-sinh, và (iii) bản thân cái thức đó, lần lượt là những dưỡng-chất: sự tiếp-xúc, sự cố-ý của tâm, và thức bắt nguồn từ dục-vọng trước đó. Như vậy, ngay khi tái-sinh, những dưỡng-chất đó đã có nguồn gốc của chúng là dục-vọng trước đó. Và ngay lúc tái sinh, những dưỡng-chất đó lại kế tiếp được sản xuất vào thời khắc của bhavaṅgacitta thứ nhất cũng nên được hiểu theo một cách tương tự (như những loại dưỡng-chất nói trên). (bhavaṅgacitta thường được dịch là: tâm hữu phần hay tâm hộ kiếp)

- Về vai trò tác-động (duyên) của những dưỡng-chất, coi thêm CMA 8:23.

- Giải thích theo luận giảng về cách dục-vọng là nguyên-nhân của 04 dưỡng- chất đó có vẻ cứ lòng vòng. Cách giải thích đơn giản hơn, phù hợp hơn với tinh thần của những bài kinh, có lẽ như vầy: chính dục-vọng luôn thúc đẩy chúng sinh vào trong một cuộc tranh đấu bất tận để đạt được dưỡng-chất của thân và của tâm trong kiếp này và cả những kiếp sau.] (19)

20 [Spk: Đức Thế Tôn đã dừng lời dạy ngay chỗ này bởi vì Phật biết có một

người kiến thuyết (diṭṭhigatika; người duy lý thuyết) đang ngồi trong hội chúng và Phật muốn cho người đó một cơ hội để đặt câu hỏi.] (20)

21 [Spk giải thích nhà lý thuyết đó tên là Moḷiya (tóc búi) đây là tên tại gia

của người đó, vì người đó để búi tóc (moḷi) lớn trên đỉnh đầu, và đó trở thành biệt danh mang theo sau khi đã xuất gia. Kinh MN Ī 122–24 người đó đã bị quở trách vì thân thiện quá mức đối với những Tỳ kheo ni; trong kinh 12:32 ben dưới chúng ta thấy người đó đã bỏ tu và quay lại đời sống tại gia.] (21)

22 [Câu hỏi của Tỳ kheo Moḷiya Phagguna “Ai tiêu thụ …?” là đã thai nghén

(dính chung, hàm nghĩa) với quan-điểm có cái ‘ta’ (ngã kiến). Thầy ấy nhìn thấy như có ‘ai’—một bản ngã—đứng sau thức trong vai trò của một chủ-thể thực chất. Do đó Phật phải từ chối ngay rằng đó là câu hỏi không hợp lệ, dựa trên một giả định không đúng pháp. Spk chú giải cả câu là: “Ta không nói ‘Ai tiêu thụ’.” có nghĩa là: “Ta không nói có ai—một chúng sinh hay một người (koci satto vā puggalo vā)—tiêu thụ.”.] (22)

23 [Trong câu hỏi hợp lệ này, Phật đã thay chữ ko [là đại từ chỉ nhân cách, nó

hàm chứa những ý nghĩa hữu thể hữu ngã] bằng dạng phi nhân cách là chữ

kissa, đây là chữ số ít có gốc từ đầu chữ ki- [coi thêm quyển Văn Phạm Pali (Pāli Grammar) của học giả Geiger, §111.1]. Mặc dù tất cả các phiên bản đều ghi là kissa nu kho bhante vinnāṇāhāro, nhưng nghĩa ở đây hình như cần có thêm chữ paccayo ở cuối câu. Spk giải nghĩa là: Bhante ayaṃ vinnāṇāhāro katamassa dhammassa paccayo? Đúng là chữ paccayo phải có ở cuối câu trả lời.] (23)

24 [Spk: dưỡng-chất thức: là (tâm) thức tái-sinh (paṭisandhicitta). Sự sản sinh

ra sự tái hiện-hữu trong tương lai (āyatiṃ punabbhavābhinibbatti): là phần danh-sắc đã khởi sinh cùng với loại thức tái-sinh này. Trong AN Ī 223–24 (?) có nói: “Nghiệp là đồng ruộng, thức là hạt giống, và dục-vọng là độ ẩm, để thức … được lập thành trong một cảnh giới thấp (trung, cao); như vậy là có sự sản sinh ra sự tái hiện-hữu trong tương lai” (kammaṃ khettaṃ vinñāṇaṃ bījaṃ taṇhā sineho … hīnāya (majjhimāya, paṇitāya) dhātuyā vinñāṇaṃ patiṭṭhitaṃ; evaṃ āyatiṃ punabbhavābhinibbatti hoti). Điều này hàm nghĩa rằng, chính dòng thức đi từ kiếp trước làm chức năng là dưỡng-chất thức bằng cách tạo ra [vào lúc nhập thai] thức tái-sinh khởi đầu, và đến lượt thức này mang lại và nuôi dưỡng phần danh-sắc.] (24)

25 [Câu này là: Tasmiṃ bhūte sati saḷāyatanaṃ. Spk giải thích: khi phần

danh-sắc đó, được gọi là “sự sản sinh ra sự tái-hiện hữu”, được tạo ra, khi nó có mặt, thì sáu cơ-sở (để) cảm-nhận (sáu xứ) đi đến hiện thành. Chữ kết nối bhūte sati ở đây là bất thường và sự dư thừa này chỉ được tránh bỏ nếu phân từ quá khứ bhūte ở đây được hiểu là có chức năng là một danh từ để mô tả chúng sinh đó đã đi đến hiện thành.] (25)

26 [Spk chú giải: Tại sao người duy lý thuyết đó đã không hỏi câu ‘Ai đi đến

hiện thành?”? Bởi do người đó đã nắm giữ niềm tin có ‘một chúng sinh’ đi đến hiện thành, nhưng câu trả lời của Phật đã trực tiếp mâu thuẫn với niềm tin đó rồi. Thêm nữa, sau khi đã bị mâu thuẫn nhiều lần, thầy ấy đã được thuyết phục, và do vậy Vị Thầy (Phật) đã tiếp tục bài thuyết giảng một cách liên tục không dừng để cho thầy ấy không còn hỏi thêm những câu hỏi vô ích như vậy.] (26)

27 [Spk chú giải là: Họ không hiểu được sự già-chết theo cách của Diệu-đế về

khổ (khổ đế); không hiểu được nguồn-gốc của nó theo cách của Diệu-đế về

nguồn-gốc khổ (tập đế); không hiểu được [tức không hiểu được sự già-chết khởi sinh từ sự sinh-ra và dục-vọng]; không hiểu được chấm-dứt của nó theo cách của Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ (diệt đế); không hiểu được phương pháp dẫn tới sự chấm-dứt của nó theo cách của Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ (đạo đế). Tương tự ở các đoạn kế tiếp, ý nghĩa lời kinh nên được hiểu theo cách của Bốn Diệu Đế như vậy.

- Sự vô-minh đã không được đề cập trong chuỗi nhân-duyên này bởi vì nó đã được hàm chỉ trong cụm chữ 'nguồn-gốc của những sự tạo-tác cố ý' rồi; (nguồn gốc của hành chính là vô minh).] (27)

28 [Sāmannatthaṃ vā brahmannatthaṃ vā (trong mục tiêu của đời sống sa-

môn hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn). Spk chú giải rằng: Ở đây thánh đạo chính là đời sống sa-môn và đời sống bà-la-môn (đích thực), và trong cả hai trường hợp, mục-tiêu đều nên được hiểu là thánh-quả. Coi thêm các kinh SN 45:35–38 (Quyển 5).] (28)

29 [Nguyên văn câu này là: Dvayanissito khvāyaṃ Kaccāna loko yebhuyyena

atthitan c' eva natthitan ca. Spk giải thích: "Hầu hết" (yebhuyyena) có nghĩa là phần lớn đại chúng, ngoại trừ những thánh nhân (ariyapuggala). Ý-niệm về sự hiện-hữu (atthitā) là tư tưởng trường tồn (sassata), thường kiến; ý-niệm về sự không hiện-hữu (natthitā) là tư tưởng tự diệt hay diệt vong (uccheda), đoạn kiến. Spk-pṭ giải thích: ý-niệm (quan niệm, khái niệm) hiện-hữu là tư tưởng trường tồn bởi vì nó cho rằng toàn thể thế giới [của sự hiện-hữu cá thể] (như 'chúng sinh', 'con người') là tồn tại mãi mãi. Còn ý-niệm không hiện- hữu là tư tưởng tự diệt hay diệt vong bởi vì nó cho rằng toàn thể thế giới không tồn tại [mãi mãi] mà sẽ bị phá hủy. Dựa theo quan điểm của những giải thích này thì sẽ sai lệch nếu chỉ dịch hai chữ atthitā và natthitā đơn giản là "sự hiện-hữu" và "sự không hiện-hữu" rồi cứ mặc nhiên [như chuyện đã rồi] rằng Đức Phật đã từ chối tất cả những quan-niệm mang tính bản thể này như vốn dĩ là không hợp lệ và không đúng. Ví dụ, lời Phật nói trong kinh 22:94 cho thấy Phật đã không ngần ngại nói những lời tuyên bố với những thông tin rõ ràng về tính bản thể nếu được yêu cầu tuyên bố. Trong đoạn kinh chúng ta đang đọc thì chữ atthitā và natthitā là những danh từ trừu tượng được tạo từ những động từ là atthi và natthi. Như vậy những giả định siêu hình hàm chứa trong những sự trừu tượng đó mới là vấn đề đúng sai, chứ

không phải những sự mô tả về sự hiện-hữu hay sự không hiện-hữu. Tôi đã cố gắng chuyển tải nghĩa của sự trừu tượng siêu hình đó, được chuyển tải trong tiếng Pāli bằng đuôi chữ -tā, bằng cách diễn dịch hai chữ lần lượt là "ý-niệm về sự hiện-hữu" và "ý niệm về sự không hiện-hữu". Về hai cực đoan đã bị Đức Phật từ chối trong kinh SN 12:48 và bởi giáo lý của Phật về 'sự khởi- sinh và biến-diệt của thế giới' trong kinh SN 12:44. Không may, chữ atthitā và bhava đều phải được dịch là "sự hiện-hữu", chỗ này cần chỉ ra rõ sự thật rằng trong tiếng Pāli chúng bắt nguồn từ những gốc từ khác nhau.

Chữ atthitā là ý-niệm về sự hiện-hữu theo nghĩa trừu tượng, còn chữ bhava là sự hiện-hữu cá thể cụ thể (theo nghĩa hữu sinh, có mặt, có sống) trong một trong 03 cõi hiện-hữu. Để đánh dấu sự khác biệt của 02 chữ này, chữ bhava đã được dịch là "sự sống, sự có mặt, hay sự hữu sinh".] (29)

30 [Spk: Nguồn-gốc của thế giới: là sự sản sinh của thế giới của những sự

tạo-tác. Không còn tư tưởng (ý niệm) về sự 'không-hiện-hữu' đối với thế giới: là không xảy ra trong người đó quan-điểm diệt-vong (đoạn kiến) có thể khởi sinh đối với những hiện-tượng được sản sinh và được làm cho hiện thị trong thế giới của những sự tạo-tác, họ cứ chấp rằng "chúng không hiện hữu". Spk- pṭ: Quan-điểm diệt vong (đoạn kiến) có thể khởi sinh đối với thế giới của những sự tạo-tác như vầy: 'Do có sự diệt vong và hủy diệt của những chúng sinh ngay tại nơi chúng có mặt, nên sẽ không có sự hiện-hữu trường tồn hay những hiện-tượng trường tồn.' Điều này gồm cả cách-nhìn sai lạc (tà kiến), sau khi những sự tạo-tác đó là đối-tượng của nó, cách-nhìn đó chấp rằng: 'Không có chúng sinh nào là (chúng sinh) được tái sinh.' Cách-nhìn đó không xảy ra trong người đó; bởi người đó đang nhìn thấy bằng sự hiểu đúng đắn rằng (Ī) có sự sản sinh và sự bắt nguồn của thế giới của những sự tạo-tác tùy thuộc vào những điều-kiện đủ loại đủ kiểu như: nghiệp, sự vô-minh, dục- vọng ..., do vậy quan-điểm diệt-vong đó không còn xảy ra, vì người đó nhìn thấy sự sản sinh liên tục không gián đoạn của những sự tạo-tác.

- Spk: Sự chấm-dứt của thế giới: là sự tan hoại (bhaoga) của thế giới. Không còn tư tưởng (ý niệm) về sự hiện-hữu đối với thế giới: là không xảy ra trong người đó quan-điểm bất-diệt (thường kiến) có thể khởi sinh đối với những hiện-tượng đã được sản sinh và được làm cho hiện thị trong thế giới của những sự tạo-tác, họ cứ chấp rằng "chúng luôn hiện hữu mọi lúc mọi thời". Spk-pṭ: Quan-điểm bất-diệt (thường kiến) có thể khởi sinh đối với thế giới

của những sự tạo-tác, coi nó là tồn tại mãi mãi, từ sự sợ-hãi rằng cái 'danh- tính' trong sự liên-tục không gián đoạn (như dạng 'linh hồn') sẽ bị tác động bởi quy luật nhân-quả. Nhưng cái quan-điểm đó không còn xảy ra trong người đó; bởi người đó nhìn thấy (II) có sự chấm-dứt của những hiện-tượng khởi sinh liên tục và sự khởi-sinh liên tục của những hiện-tượng mới, do vậy quan-điểm bất-diệt đó không còn xảy ra trong người đó.

- Spk: Thêm nữa, "nguồn-gốc của thế giới" là tính điều-kiện (nhân duyên) theo trình tự trực tiếp (anuloma-paccayākāra); còn "sự chấm-dứt của thế giới" là tính điều-kiện (nhân duyên) theo trình tự đảo ngược (paṭiloma- paccayākāra). [Spk-pṭ: "Tính nhân duyên theo trình tự trực tiếp" (chiều khởi sinh) là sự tác động nhân duyên của những điều-kiện tạo ra hệ quả; còn "tính nhân duyên theo trình tự đảo ngược" (chiều hoàn diệt) là sự chấm-dứt những hệ quả đó bằng cách chấm dứt những nguyên-nhân.] (Ī) Vì nhìn thấy 'sự tùy- thuộc mà-có' (duyên sinh, duyên khởi) của thế giới, người nhìn thấy sự không kết-thúc của những hiện-tượng đã khởi-sinh tùy duyên (những pháp duyên khởi) bởi do sự không kết-thúc của những điều-kiện của chúng, cho nên cái quan-điểm

diệt-vong đó, vốn từng khởi sinh trong người đó, giờ không còn xảy ra nữa. Và, (II) vì nhìn thấy có sự chấm-dứt của những điều- kiện (duyên diệt), khi người nhìn thấy sự chấm-dứt của những hiện-tượng đã khởi-sinh tùy duyên (những pháp duyên khởi) bởi do có sự chấm-dứt của những điều-kiện của chúng, nên cái quan-điểm bất-diệt đó, vốn từng khởi sinh trong người đó, giờ không còn xảy ra nữa.

- (Những cách nhìn nhận như (Ī) và (II) là khoa học, đúng đắn, và hiện thực, nhờ đó người hiểu và thấy hai lẽ-thực này sẽ không bị rớt vào cực đoan đoạn- kiến (trước sau gì cũng diệt vọng, chết là hết) và cực đoan thường-kiến (có 'linh hồn' cố định của 'ta' là bất diệt, chỉ di chuyển từ kiếp này sang kiếp khác).] (30)

31 [Tôi chọn câu này theo cách ghi phối ghép của Be và Se là: upayupādān-

ābhinivesavinibaddho. Tôi chọn đuôi chữ upay- từ Be [Se và Ee ghi: upāy-] và chọn đuôi chữ -vinibaddho từ Se [Be và Ee ghi: -vinibandho]... Spk giải thích: mỗi trong 03 danh từ—sự dính-líu, sự dính-chấp, và sự cố-chấp—đều xảy ra theo cách của (do) dục-vọng và những tà-kiến (taṇhā, diṭṭhi), vì thông qua những dục-vọng và tà-kiến này nọ một người mới dính líu, dính chấp, và

cố chấp theo những hiện-tượng của 03 cõi là (có) cái 'ta' (ngã) và 'của-ta' (ngã sở).] (31)

32 [Nguyên văn cả cầu này: Tan cāyaṃ upayupādānaṃ cetaso adhiṭṭhānaṃ

abhinivesānusayaṃ na upeti na upādiyati nādhiṭṭhāti "attā me" ti. Tôi đã được giải tỏa khỏi sự khó khăn về cú pháp của câu này nhờ sự trợ giúp của luận giảng Spk; Spk đã giải nghĩa chữ ayaṃ là "người thánh đệ tử này" (ayaṃ ariyasāvako, thánh thinh văn này). Spk nói dục-vọng (ái) và những quan-điểm này nọ (tà kiến) cũng được gọi là những quan-điểm này nọ của tâm (adhiṭṭhāna) bởi chúng là nền tảng cho cái tâm [bất thiện] và cũng được gọi là "những sự cố-chấp và những khuynh-hướng tiềm ẩn" (abhinivesānusaya) bởi chúng cố chấp theo cái tâm và nằm tiềm ẩn trong cái tâm. Spk kết nối động từ adhiṭṭhāti với chữ theo sau là "attā me" và tôi cũng làm theo cách diễn dịch này trong bản dịch của tôi.] (32)

33 [Spk giải thích sự khổ (dukkha) ở đây đơn giản là chỉ "năm-uẩn bị dính

chấp" (năm-uẩn chấp thủ, năm thủ uẩn); (pancupādānakkhandhamattam eva). Như vậy cái mà thánh đệ tử nhìn thấy, khi người đó quán chiếu về sự hiện-hữu cá thể của mình, không phải là cái 'ta' hay 'bản ngã' của ta hay 'một người có thực chất tự tính' mà chỉ là một sự lắp-ráp của những hiện- tượng có điều-kiện (sự kết hợp của những thứ hữu-vi) khởi sinh và biến diệt thông qua tiến trình tùy-duyên được chi phối bởi (lý) 'sự khởi-sinh tùy thuộc' Ý này có trong những thi kệ của Tỳ kheo ni Vajirā (trong SN, Quyển 1): "Chỉ bấy nhiêu vầy—sự dẹp bỏ cái tư tưởng có một 'chúng sinh' (sattasannā)—là có sự nhìn-thấy đúng đắn (chánh kiến)." - Sự hiểu-biết không phụ thuộc vào người khác (aparappaccayā ñāṇaṃ) được giải thích bởi Spk là sự hiểu-biết trực tiếp của cá nhân không tùy thuộc vào người khác (annassa apattiyāyetvā attapaccakkhanāṇaṃ). Điều này là do người thánh đệ tử, từ bậc Nhập-lưu trở lên, đã

nhìn thấy chân-lý cốt lõi của Giáo Pháp, và do vậy không cần dựa vào người khác, ngay cả đó là Phật, để minh sát nhìn thấu Giáo Pháp. Tuy nhiên, khi chưa chứng A-la-hán, một thánh đệ tử như vậy vẫn đến gặp Phật (hay một Tỳ kheo khác đã giác-ngộ) để được chỉ dẫn về phần thiền tập.] (33)

34 [Nguyên văn câu này: Dhammānudhammapaṭipanno. Spk giải nghĩa là:

Lokuttarassa nibbānadhammassa anudhammabhūtaṃ paṭipadaṃ paṭipanno (người thực hành phương cách đúng theo pháp-Niết-bàn siêu thế). Spk-pṭ

320 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

giải nghĩa chữ nibbānadhamma (pháp-Niết-bàn) là = "thánh đạo đưa đến Niết-bàn" và giải thích "[phương cách] đúng theo/với" pháp-Niết-bàn có nghĩa là "[phương cách] có bản chất phù hợp để thành tựu Niết-bàn" (nibbānādhigamassa anucchavikasabhāvabhūtaṃ). Câu tuyên bố này là chỉ một bậc học-nhân (sekha). So sánh với chú thích số 51 ở kinh SN 22:39 (Quyển 3).]

35 [Nguyên văn câu này: Diṭṭhadhammanibbānappatto. Câu tuyên bố này chỉ

một bạc A-la-hán, tức vô-học-nhân (asekha), là người đã hoàn thành sự tu tập.]

36 (Ở đầu kinh: Vương Xá là Hán dịch theo nghĩa, không phải do phiên âm,

nên không ghi có dấu gạch nối. (Rājagaha: Rāja là vua, thuộc vua, vương triều; gaha là chỗ, nơi, chỗ ở, xá ...). Tương tự như chữ Cấp Cô Độc cũng là dịch nghĩa. Các chữ do phiên âm thì được ghi có dấu gạch ngang như: Tỳ-xá- ly, Ma-kiệt-đà, hay Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Thích-ca ...)

[Spk diễn dịch: Vì sao đức Thế Tôn từ chối ba lần? Là để những người hỏi lý thuyết khởi sinh sự kính trọng; vì nếu trả lời họ ngay họ sẽ không kính trọng. Rồi họ sẽ muốn lắng nghe và phát sinh niềm-tin. Cũng vây, Phật từ chối để tạo cơ hội cho căn hiểu-biết của người đó được chín muồi.] (36)

37 [Trong 04 trường hợp vừa hỏi, trường hợp thứ nhất và thứ hai, như sẽ được

chỉ ra, lần lượt là câu công thức hàm nghĩa là tư tưởng trường tồn bất-diệt (thường kiến) và tư tưởng diệt-vong (đoạn kiến). Trường hợp thứ ba là giải pháp hỗn hợp, có lẽ là một dạng tư tưởng bất-diệt bán phần (ekaccasassatavāda; coi thêm kinh DN I 17–21). Trường hợp thứ tư là thuyết khởi-sinh ngẫu nhiên tình cờ (adhiccasamuppannavāda; coi DN I 28–29).] (37)

38 [Spk chỉ ra sự thay đổi trong cách xưng hô của ông Ca-diếp, từ "Thầy Cồ-

Đàm" (bhū Gotama) chuyển sang sự xưng hô kính trọng là "bậc Thế Tôn" (bhante bhagavā) cho thấy ông đã có được sự kính trọng đối với Vị Thầy.] (38)

39 [Spk giải nghĩa chữ ādito sato = ādimhi yeva, và giải thích nó có nghĩa là

"[nếu] từ khởi đầu [một người nghĩ] ..." Theo tôi có lẽ cụm chữ này tự nó là

Chú Thích • 321

một phần của quan điểm bất-diệt (thường kiến) và nó có nghĩa là "của người hiện-hữu từ lúc khởi thủy", tức như một chúng sinh đã luôn luôn hiện-hữu. Sự diễn dịch này có thể bơm thêm sự ủng hộ từ cái sự là cụm chữ này đã được bỏ đi ngay bên dưới trong câu khẳng định tương ứng sau về quan điểm đoạn-diệt (đoạn kiến), vốn cũng được lập theo cùng cách lập luận, và do vậy, nếu Spk là đúng, nên gồm có cụm chữ ādito sato. Spk nói rằng "cụm chữ đó nên được đưa vào", nhưng sự thật là 'lời kinh đã thay thế nó bằng một cụm chữ khác' là bằng chứng mạnh mẽ rằng nó vốn không thuộc về chỗ đó; mời coi thêm chú thích (40) kế bên dưới.

- Spk ghi rằng: "Nếu từ khởi đầu [người nghĩ rằng] "Cái người hành động là một với người nếm trải [quả]" thì trong trường hợp đó niềm-tin (laddhi) theo sau đó sẽ là "Khổ là do chính mình tạo ra." Và ở đây, sự khổ có nghĩa chính là sự khổ của vòng luân-hồi (vaṭṭadukkha). (Nghĩa nôm na là: có cái 'người' đã hiện hữu từ vô thủy đã tạo nghiệp và chính mình nếm trải nghiệp đó. Và như vậy đã hàm nghĩa có một 'linh hồn bất diệt' truyền kiếp từ khởi thủy, và đây là tư tưởng bất-diệt). Sau khi đã chấp như vậy, ngay từ khởi đầu người đó tuyên bố tư tưởng bất-diệt, người đó nắm giữ quan điểm bất-diệt (thường kiến). Vì sao? Bởi vì quan điểm của người đó đã dẫn tới tư tưởng đó. Tư tưởng bất-diệt xảy đến với một người nhìn nhận 'tác-nhân và người nếm-trải chỉ là một' (do mình gây ra do mình nếm trải).

- Spk-pṭ thì chú giải rằng: Trước khi có niềm tin rằng 'khổ là do chính mình tạo ra' đã có những sự đảo-điên của nhận-thức và của tâm (sannācittavipallāsā) trong ý niệm "Người hành động là một với người nếm trải [quả]" và rồi một sự cố-chấp sai trái theo những sự điên-đảo đó đã phát triển, được gọi là, "Khổ do chính mình tạo ra" [đây là một sự đảo-điên của những quan-điểm, diṭṭhivipallāsa]. Về 03 mức độ của sự đảo-điên cùng với 04 loại sự đảo-điên, mời coi thêm kinh AN II 52 (?) (người dịch thấy đó là kinh AN 4:49) và những chú thích trong đó.] (39)

40 [Trong đoạn này thì cụm chữ ādito sato được thấy trong câu khẳng định

trước về quan tư tưởng bất-diệt (thường kiến) giờ đã được thay thế bởi cụm chữ vedanābhitunnassa sato, như vầy là phản bác lại đề nghị của Spk trong chú thích kế trên rằng cụm chữ ādito sato nên được đưa vào ở đây. Spk đã diễn dịch câu này là khẳng định rằng: quan điểm đoạn-diệt (đoạn kiến) được

nắm giữ bởi người nếm-trải cái cảm-giác liên đới (câu hữu) với quan điểm đó, nhưng tôi thì hiểu ý kinh chỗ này là: quan điểm đó được nắm giữ với sự tham chiếu tới cái người "bị tác động bởi cảm-giác", có lẽ là bởi cảm-giác khổ đau.

- Spk chú giải chỗ này là: Nếu ngay từ khởi thủy [người nghĩ] "Người hành- động là một, người nếm-trái [quả] là người khác", thì trong trường hợp đó theo sau sẽ là niềm-tin "Khổ là do người khác tạo ra" được nắm giữ bởi người bị tác động bởi—tức bị làm khổ, bị thấm thấu bởi—cái cảm-giác câu hữu với tư tưởng đoạn-diệt sẽ khởi sinh như vầy: "Tác-nhân sẽ bị hủy diệt ngay tại đây và người khác nếm-trải [những quả] của nghiệp mà tác-nhân đã gây ra." Sau khi đã khẳng định như vậy, từ khởi đầu người

đó tuyên bố tư tưởng đoạn-diệt, người đó nắm giữ tư tưởng đoạn-diệt (đoạn kiến). Vì sao? Bởi vì quan điểm người đó nắm giữ dẫn tới tư tưởng này. Tư tưởng đoạn-diệt (sẽ bị diệt vong, hủy diệt; chết là hết) đã xảy đến với người đó.] (40)

41 [Spk giải thích: Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo không ngã theo cực

đoan nào—sự bất-diệt hay sự đoạn-diệt—sau khi đã dứt khoát dẹp bỏ 02 tư tưởng cực đoan đó. Giáo Pháp trung-đạo đó là gì? Đó là bằng công thức "sự khởi-sinh tùy thuộc" (lý nhân duyên): mọi sự xảy ra do có nhân và chấm dứt khi nhân chấm dứt, chứ không có tác-nhân (kāraka) hay người nếm-trải (vedaka) nào được mô tả trong đó.] (41)

42 ["Thụ giới xuất gia" (pabbajjā) là nghi thức thụ giới đầu tiên trở thành sa-

di (sāmaṇera); chữ "thụ giới cao hơn" hay "thụ toàn-bộ giới" hay "đại thọ giới" (upasampadā) là sự chấp nhận một sa-di thụ lãnh toàn-bộ giới-bổn Tỳ kheo để trở thành một Tỳ Kheo trong Tăng Đoàn.] (42)

43 [Để biết thêm chi tiết về sự thụ giới cho một du sĩ trước đó thuộc đạo giáo

khác, mời coi Luật Tạng Vin Ī 69–71. Spk: Ứng viên thực sự được ban cho sự xuất-gia và sống như một sa-di trong thời gian tập sự, sau thời gian đó những Tỳ kheo sẽ xem xét và ban cho người đó sự thụ giới toàn-bộ giới (thụ lãnh giới toàn-bộ giới bổn Tỳ kheo, trở thành một Tỳ kheo) nếu họ thấy hài lòng với người đó. Tuy nhiên, riêng Phật có quyền bỏ qua thủ tục thông thường này sau khi Phật nhận thấy ứng viên là có đủ năng lực và không cần phải qua thời gian thử thách hay tập sự. Như trong trường hợp của tu sĩ lõa

thể Ca-diếp này, ông ấy đã được Phật ban cho giới xuất-gia, rồi ngay sau đó Phật nói với hội đồng các Tỳ kheo ban luôn cho ông đại thọ giới để trở thành một Tỳ kheo.] (43)

44 [Về câu cuối này, mời coi thêm chú thích số 376 ở kinh SN 6:03 (Quyển

1).]

45 [Spk: Trong kinh này cảm-giác sướng và khổ (vedanāsukhadukkha) đã

được thảo luận; cũng có thể cho rằng chủ-đề của kinh này là: sự sướng và khổ là (nghiệp) quả (vipākasukhadukkha).] (45)

46 [Spk chú giải: Nếu từ lúc khởi đầu [người nghĩ rằng:] "Cảm-giác và người cảm-giác là một", thì sẽ đi đến niềm-tin "Sướng và khổ do chính mình tạo ra". Bởi vì trong trường hợp này cảm-giác được bởi chính cảm-giác, và sau khi đã khẳng định như vậy người đó thừa nhận sự có mặt của cảm-giác này đã từ lâu trong quá khứ. Người đó tuyên bố tư tưởng bất-diệt, người đó nắm giữ tư tưởng bất-diệt (thường kiến).] (46)

47 [Spk chú giải: Nếu ngay từ lúc khởi đầu [người nghĩ rằng:] "Cảm-giác là

một, người cảm-giác nó là khác" thì sẽ đi đến niềm-tin "Sướng và khổ là do người khác tạo ra" được nắm giữ bởi người bị tác-động bởi cảm-giác đó câu hữu với tư tưởng

đoạn-diệt khởi sinh như vầy: “Cảm-giác của tác-nhân (kārakavedanā) trong quá khứ đã bị hủy diệt, và người khác nếm-trải [quả] của nghiệp mà tác-nhân đã tạo ra.” Sau khi đã khẳng định như vậy, người đó tuyên bố và nắm giữ quan điểm đoạn-diệt rằng tác-nhân đã bị hủy diệt và sự tái-sinh được làm bởi một người khác.] (47)

48 [Spk: Thân này đã khởi sinh từ đó (evam ayaṃ kāyo samudāgato): là thân

này đã được tạo ra như vậy bởi do người đó đã bị cản trở bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng. Vì vậy nên có thân này: là ‘thân có-thức’ của một người. Và phần danh-sắc ở bên ngoài (bahiddhā ca nāmarūpaṃ): là ‘thân có-thức’ của người khác. Ý nghĩa này nên được giải thích theo thuật ngữ của năm-uẩn và sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) của mình và của người khác.

- Sự diễn dịch cụm chữ bahiddhā nāmarūpa như vậy có lẽ là đáng ngờ và không chắc. Thay vì vậy, ở đây chúng ta có thể có ví dụ hiếm có về thuật ngữ danh-sắc (nāmarūpa) được dùng để trình bày toàn bộ lĩnh vực của sự trải

nghiệm dành cho thức, phần “danh bên ngoài” là những khái niệm được dùng để chỉ những đối-tượng được nhận biết. Coi lại câu diễn đạt này thường được dùng chung trong nhiều kinh: imasmiṃ savinñāṇake kāye bahiddhā ca sabbanimittesu (đối với thân có-thức này và đối với tất cả những dấu-hiệu ở bên ngoài), ví dụ trong các kinh 18:21, 22; 22:71, 72 … và đã được chú giải trong chú thích đầu tiên của kinh 18:21 trong Chương 18 bên dưới, chú thích số 164 . Spk giải nghĩa: bộ-đôi này (etaṃ dvayaṃ) là = sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong (sáu nội xứ) và sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài (sáu ngoại xứ), đó gọi là “bộ-đôi lớn” (mahādvaya). Tuy nhiên, trong khi sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) thường được nói là điều-kiện (duyên) cho sự tiếp-xúc (xúc) [như trong các kinh 12:43, 12:44] và cũng được gọi là một bộ-đôi [như trong các kinh 35:92, 35: 93 (Quyển 4)], cho nên có lẽ ý lời kinh ở đây nói chữ bộ-đôi để chỉ thân có-thức của một người và phần danh-sắc ở bên ngoài. Còn sáu cơ-sở cảm nhận chỉ được đưa vào trong câu tiếp theo, sau khi sự tiếp-xúc đã được nói là khởi sinh từ một bộ-đôi. Trong kinh dài DN II 62,12–37 Đức Phật cũng chứng minh phần danh-sắc có thể là một điều-kiện (duyên) trực tiếp tạo ra sự tiếp-xúc mà không đề cập đến (trung gian là) sáu cơ-sở cảm- nhận (sáu xứ).] (48)

49 [Nguyên văn câu này: Bhagavantaṃ yeva paṭibhātu etassa bhāsitassa. Nghĩ chữ là: “Hãy làm cho ý nghĩa của lời khẳng định này xảy đến với đức Thế Tôn.” Tôi đã dịch câu thành ngữ Pāli này một cách tự do cho đúng theo nghĩa của nó muốn nói. Coi thêm chú thích số 227, kinh SN 03:12 (Quyển 1).] (49)

50 [Trong bài kinh này chúng ta thấy rõ sơ đồ giảng dạy đã được phát họa về “bốn nhóm” (catusaṅkhepa) và “hai mươi phương thức” (vīsatākāra), như đã được giảng giải trong luận giảng Paṭis Ī 51–52; trong Vism 579–81 (Ppn 17:288–98); và trong CMA 8:07.

- Những nhân quá khứ là vô-minh và dục-vọng đều đưa cả người-ngu và người-trí tới sự hiện-hữu hiện tại (kiếp hiện tại); những quả hiện tại—gồm: thân có-thức, phần

danh-sắc, sáu cơ-sở cảm-nhận, sự tiếp-xúc, và cảm-giác. Những nhân hiện tại—gồm vô-minh và dục-vọng mà người-ngu không dẹp bỏ; những nhân tương lai—gồm sự sinh, già, chết mà người-ngu phải bị nếm trải trong sự hiện-hữu tiếp theo (những kiếp sau). Điều này cũng giúp thiết

lập sự hiệu lực xác đáng rằng: sự diễn dịch vòng 12 nhân-duyên (paṭicca- samuppāda) theo "ba đời" đã được thuyết giảng bởi Đức Phật chứ không phải là sự đổi mới hay sáng kiến sau này của các luận giảng.] (50)

51 [Nguyên văn cả câu này: Thitā va sā dhātu dhammaṭṭhitatā dhammaniyāmatā idappaccayatā. Spk giải thích: Yếu-tố đó (sā dhātu), là bản chất cố hữu của những điều-kiện (paccayasabhāva), vẫn luôn tồn tại; không bao giờ có chuyện sự sinh-ra không phải một là điều-kiện (duyên) dẫn tới sự già-chết (vì không sinh ra thì đâu có già đi và chết). Hai thuật ngữ kế tiếp cũng hàm chỉ cái tính nhân-duyên như vậy. Bởi vì, những hiện tượng đã khởi-sinh tùy thuộc (paccayena hi paccayupppannā dhammā tiṭṭhanti) có mặt là do có điều-kiện (duyên), cho nên bản thân tính điều-kiện (lý nhân-duyên) đó được gọi là sự chắc-chắn của Giáo Pháp (dhammaṭṭhitatā). Điều-kiện cố định [hay quyết định] những hiện-tượng tùy thuộc (paccayo dhammeniyameti); do vậy nó được gọi là đường lối cố-định của Giáo Pháp (dhammaniyāmatā). Tính điều-kiện (nhân duyên) rõ ràng cụ thể là chỉ một những điều-kiện rõ rệt cụ thể dẫn tới sự già-chết ...

- Spk-pṭ nói thêm (đại ý như vầy): ... đây là nguyên lý (chân lý, lẽ thực, sự thật) cho dù có Như lai khởi sinh hay không, Như Lai không tạo ra điều đó, sự già-chết hiển nhiên sẽ xảy ra sau khi có sự sinh-ra là điều-kiện (duyên) của nó. Như Lai chỉ là người khám phá ra nguyên lý này, và đi tuyên thuyết cho chúng sinh biết, chứ Như Lai không chế tạo ra nó ...] (51)

52 [Cụm chữ cuối tỉnh thức (giác ngộ) tới điều này và đột phá tới điều này (abhisambujjhati abhisameti). Động từ trước, được dành cho sự giác-ngộ của Phật, là động từ tha cách. Như vậy tôi dịch là "tỉnh thức tới (đối tượng)", mặc dù có thể theo cách khác mà tôi thường dịch các chữ từ động từ bujjhati để diễn tả nghĩa "sự giác-ngộ". Abhisameti là động từ tương ứng với chữ abhisamaya, mời coi lại trong chú thích đầu tiên của kinh 12:10 ở trên, chú thích số 13 .] (52)

53 [Ngay chỗ này, Se có ghi chú cuối trang để giải thích rằng: (i) câu này

["Vậy đó, này các Tỳ kheo, tính thực-tại trong điều này ..."] nên được đưa vào mỗi đoạn (mắc xích) nói về những mối liên-hệ nhân-duyên; và (ii) mỗi

đoạn (mắc xích) tiếp theo nên bắt đầu bằng câu ["cho dù có sự khởi sinh của những Như Lai hay không ..."].

54 [Tính thực-tại (tathatā), sự không sai-lầm (avitathatā), sự không-thể khác

(anannathatā).] (54)

55 [Bằng trí-tuệ chánh đúng (sammappaññāya). Spk giải nghĩa đó là: bằng

trí-tuệ của đạo cùng với sự minh-sát (savipassanāya maggapaññāya).] (55)

56 [16 sự nghi-ngờ đã được đề cập trong kinh MN Ī 8,4–15 (?) (người dịch thấy là kinh MN 2, mục 7). Thảo luận chi tiết về sự dẹp-bỏ chúng, mời coi Vism 599 (Ppn 19:5–6) và Vism 603–605 (Ppn 19:21–27) ...]

- (Hai đoạn kết này có nghĩa là: khi người tu đã nhìn thấy rõ 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi) trong tất cả mọi sự, thì người đó nhìn thấy không có một cái 'ta' hay 'ngã' hay 'linh hồn' cố định hay độc lập nào trong quá khứ và chuyển kiếp từ kiếp quá khứ tới hiện tại và tương lai. Như vậy thì đâu còn những câu hỏi hay nghi vấn như vậy nữa.) (56)

57 [10 năng-lực, tức là năng lực hiểu-biết (nāṇabala; trí lực), đã được giảng

giải trong kinh MN 12 [từ mục 9 trở đi], trong đó chúng cũng được gọi là 10 năng lực của Như-Lai (tathāgatabala). Mười loại trí-biết này cũng được tuyên bố bởi Ngài Anuruddha (A-nậu-lâu-đà) trong các kinh SN 52:15–24, nhưng chỉ mới được một phần, theo Spk. Trong Vibh 335–44 có phân tích chi tiết. 04 nền tảng của sự tự-tin (vesārajja) đã được giảng giải trong kinh MN [từ mục 22 trở đi]. Tóm gọn là: chúng là sự tự-tin rằng: (i) không ai có thể thách đố sự tuyên bố của Phật về sự đã giác-ngộ về tất cả mọi hiện-tượng (mọi pháp); (ii) không ai có thể thách đố tuyên bố của Phật về sự đã diệt-trừ mọi ô-nhiễm (lậu tận); (iii) không ai thách đố sự tuyên bố của Phật về những trạng thái vốn là những chướng-ngại (đối với sự tu tập); (iv) không ai có thể thách đố sự tuyên bố của Phật về Giáo Pháp của Phật dẫn dắt người thực hành theo nó sẽ đi tới sự thoát-khổ.

- Spk giải nghĩa chữ brahma là = seṭṭha, uttama (bậc nhất, cao nhất) và giải thích "bánh xe của vị trời Brahma" là = Bánh Xe Giáo Pháp đã được thanh lọc (visuddhadhammacakka). Điều này gồm có 02 phần: (i) trí-biết của sự thâm nhập (paṭivedhañāṇa) và (ii) trí-biết về sự truyền-dạy (desanāñāṇa).

Trí-biết của sự thâm nhập phát sinh từ trí-tuệ và đưa đến sự chứng đắc những thánh quả của Đức Phật; trí-biết về sự truyền-dạy phát sinh từ sự bi-mẫn và giúp cho Phật có thể chỉ dạy con-đường (đạo) theo cách để cho những đệ tử chứng đắc những thánh quả đó. Trí-biết của sự thâm nhập là thuộc siêu thế (lokuttara), trí-biết về sự chỉ-dạy là thuộc thế tục (lokiya). Cả 02 đều là loại trí-biết tự mình đạt được (tự trí) chỉ thuộc về những vị Phật toàn-giác mới có, không phải là trí chung của những vị khác.] (57)

58 [Đây là đoạn kinh công thức mẫu để 'thiền quán về năm uẩn', nó cũng

được thấy ghi trong các kinh SN 12:23, 22:78, 89, 101. Nó cũng có ghi trong 02 phiên bản của kinh Các Nền-Tảng Chánh-Niệm (kinh Niệm Xứ) thuộc bộ kinh dài DN II 301,29–302,13 (?) (tức DN 22) và MN Ī 61,3–8 (?) (tức MN 10). Sự khởi-sinh (samudaya) và sự biến-diệt hay biến-qua (atthaogama) của năm uẩn đã được giảng giải (i) theo

luận điểm là tính điều-kiện (nhân duyên) trong ba thời khác nhau, như trong kinh SN 22:5 (Quyển 3) và (ii) theo luận điểm là tính điều-kiện (nhân duyên) trong một thời như nhau, như trong kinh SN 22:56, 57 (Quyển 1). Mời coi thêm chú thích số 123 ở kinh 12:43 ở bên dưới.] (58)

59 [Đây là công thức trừu tượng của "sự khởi sinh tùy thuộc" (lý duyên khởi),

nguyên văn câu này là: imasmiṃ sati idaṃ hoti, imass' uppādā idaṃ uppajjati; imasmiṃ asati idaṃ na hoti, imassa nirodhā idaṃ nirujjhati. Spk- pṭ đã chú giải rằng: cái có nghĩa là sự có mặt trong phần đầu của công thức không phải thực sự là sự có-mặt (hiện diện) như vậy mà đó là "trạng thái của sự chưa được đưa đến chấm-dứt bằng thánh đạo" (trạng thái còn trụ); tương tự vậy, cái có nghĩa là sự không có mặt trong phần thứ hai của công thức không phải thực sự chỉ là sự vắng-mặt như vậy mà đó là "trạng thái đã được đưa đến chấm-dứt bằng thánh đạo." (trạng thái đã diệt)

- Một chú-giải rất dài dòng và phức tạp về công thức này [đã được trích dẫn trong Spk-pṭ] được đọc thấy trong Ud-a 38–42 [được dịch bởi học giả Masefield, có tên là "Luận Giảng về tập kinh Udāna (Kinh Phật Tự Thuyết)", 1:66–72). Mời coi luôn chú thích số 14 ở kinh 12:10 ở trên, chỗ đoạn (1).

- Cách dùng công thức này ở đây, lập tức theo sau là lời tuyên thuyết về năm uẩn, nối kết với 'sự khởi-sinh và sự biến-diệt của năm uẩn' với 'sự khởi-sinh

tùy thuộc' (lý duyên khởi), chỉ ra rằng sự đầu (sự sinh diệt của năm uẩn) nên được hiểu theo cách diễn đạt của sự sau (lý duyên khởi). (59)

60 [Chữ gốc là chinnapilotika, tạm dịch là: không bị chấp vá, không có những

chấp vá. Ví dụ, được chấp vá từ những miếng vải khác nhau là y phục được chấp vá, (giống như y phục được may từ giẻ rách của những người sống tu trong rừng (theo hạnh đầu-đà), như trong kinh SN 16:11 bên dưới có ghi sự diễn tả paṭapilotikānaṃ saūghāti (áo cà sa được làm từ giẻ rách). Nghĩa ở đây là Giáo Pháp này không phải được chấp vá bằng những ngụy thuyết và những điều giả dối ...

- Lời đề cao về Giáo Pháp như vầy cũng có ghi trong kinh MN 22, mục 42. Trong kinh SN 16:11 (Quyển 2 này) cũng có ghi cụm chữ liên quan là paṭapilotikānaṃ saoghāti (cà sa được chấp vá từ giẻ rách bao bố)".] (60)

61 [Spk gọi đây là sự nỗ-lực bốn yếu-tố (caturaogasamannāgataṃ viriyaṃ);

04 yếu tố ở đây được hiểu theo cách diễn đạt bằng da, gân, xương, và thịt- máu. Thời thệ nguyện này cũng có ghi trong kinh SN 21:3 bên dưới và trong kinh MN 70 (Quyển 2), mục 27. Trong Chuyện Tiền Thân Ja Ī 71,24–27 vị Bồ-tát (Phật) cũng đã làm sự thệ nguyện như vầy khi đang ngồi dưới gốc Cây Bồ-Đề trước khi giác-ngộ.] (61)

62 [Spk giải nghĩa chữ sadatthaṃ là: sobhanaṃ vā atthaṃ sakaṃ vā atthaṃ

(sự tốt đẹp đẽ hoặc sự tốt cho bản thân). Nghĩa thứ hai có lẽ đúng hơn. Cách dịch phổ biến cho chữ này là "sự tốt đích thực"; việc coi chữ sad là đại diện cho chữ sant dường như không có sự ủng hộ của các luận giảng.] (62)

63 [Spk giải thích nghĩa câu này là: Không phải bằng niềm-tin thấp kém, sự

nỗ-lực, sự chánh-niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ thấp kém mà chứng đắc được điều (trạng thái) tối thượng (cao nhất)—tức thánh quả A-la-hán. Trạng thái tối thượng đó phải được chứng đắc bằng loại niềm-tin cao nhất, sự nỗ-lực, sự chánh-niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ cao nhất.] (63)

64 [Spk giải thích chữ maṇḍapeyya là một chữ ghép, trong đó maṇḍa với

nghĩa trong sáng, trong sạch (pasanna) và chữ eyya với nghĩa là thứ được uống (pātabba). Có lẽ chữ maṇḍa nguyên gốc có nghĩa là phần tốt nhất ngon nhất của sữa hay bơ [tức phần kem sữa, ván sữa], và giống như trong ngôn

ngữ khác cũng có chữ để chỉ phần tinh túy nhất hay ngôn tốt nhất của một thứ nào đó. Ở kinh SN 34:01 ... vân vân, chúng ta thấy có chữ sappimaṇḍa (kem sữa, ván sữa) là phần tốt nhất ngon nhất của sữa.

- Spk diễn dịch: Có 03 loại ván kem: (i) kem sữa là những giáo-lý (desanāmaṇḍa), như Bốn Diệu Đế và 37 phần-tu trợ giúp giác-ngộ; (ii) kem sữa là những người nhận được (paṭiggahamaṇḍa), như những đệ tử có khả năng hiểu được những giáo-lý đó; và (iii) kem sữa là những đời sống tâm linh (brahmacariyamaṇḍa; kem sữa phạm hạnh), chẳng hạn như Bát Thánh Đạo.

- Cụm chữ "trong khi Vị Thầy đang có mặt" (satthā sammukhībhūto) chỉ ra lý do: vì Vị Thầy đang có mặt, nên sau khi đã thực hiện sự nỗ-lực (tinh tấn) tốt, các vị nên uống kem sữa này.] (64)

65 [Chỗ này chúng ta nên đọc theo Be và Se là: tesaṃ te kārā amhesu mahapphalā bhavissanti, thay vì tesaṃ vo kārā như Ee đã ghi. Nghĩa của hàng chữ này đã bị bỏ quên bởi nữ tiến sĩ C.Rh.D trong KS 2:24, và dịch giả Walshe đã làm theo bà như trong SN-Anth 3:20. So sánh với kinh MN Ī 140,23–24, 31–32 (?) có ghi: Yaṃ kho idaṃ pubbe parinnātaṃ tattha me (no) evarūpā kārā karīyanti. PED nhận biết chữ kāra theo nghĩa là "sự phục vụ, hành động từ bi hoặc tôn sùng" nhưng không tham chiếu theo những nghĩa này.]

66 [Nguyên văn câu này: Alam eva appamādena sampādetuṃ. Lời kinh này

như dự báo trước chỉ thị cuối cùng của Đức Phật được nói ở kinh SN 6:15 (Quyển 1).]

67 [TKBĐ có viết một bài tham luận về bài kinh quan trọng này tên là "Lý

Duyên Khởi Siêu Việt" (Transcendental Dependent Arising, coi tuyển tập coi Bodhi.

- Toàn bộ đoạn đầu của kinh này cũng được ghi lại y hệt ở kinh SN 22:101 (Quyển 3). Về cái 'đoạn kinh mẫu nói về sự sinh-diệt của năm uẩn' dùng cho thiền quán, mời coi

thêm chú thích số 58 ở kinh đoạn đầu kinh 12:21 ở trên.

- Spk khẳng định rằng ở đây sự tiêu diệt những ô-nhiễm (āsavakkhaya) là = thánh quả A-la-hán, nó được gọi tên như vậy bởi vì nó khởi sinh vào lúc cuối cùng của sự tiêu diệt những ô-nhiễm (āsavānaṃ khayante jātattā).] (67)

68 [Spk chú giải: Sau khi đã thiết lập Giáo Pháp với đỉnh cao của nó là thánh

quả A-la-hán, kế tiếp Đức Phật đã chỉ sự tu-tập từ sơ cấp mà dọc theo đó một A-la-hán đã từng bước đi. Trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt (khayasmiṃ khaye ñāṇaṃ) là loại trí-biết quán chiếu lại (paccavekkhaṇañāṇa) vốn xảy ra khi sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận)—được gọi là thánh quả A-la-hán—đã được chứng đắc [mời coi thêm chú thích số 376 ở kinh 20:11 và trong Vism 676; Ppn 22:19–21]. Sự giải-thoát là sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán (arahattaphalavimutti), đó là một điều-kiện (duyên) cho trí-biết do quán chiếu lại theo cách là 'một điều-kiện quyết định và chính trợ' (upanissayapaccaya). Trước là thánh quả A-la-hán khởi sinh, sau đó trí-biết về sự (đã) tiêu diệt (ô-nhiễm) [lậu tận minh] khởi sinh.

- Spk giải nghĩa cụm chữ sa-upanisā là = sakāraṇa, sappacayya (với nhân, với duyên". Spk-pṭ bổ sung thêm rằng: nhân được gọi là nguyên nhân kế trước bởi vì quả dựa trên đó mà có (upanisīdati phalaṃ etthā ti kāraṇaṃ upanisā). Như vậy các luận giảng đã coi chữ upanisā là đồng nghĩa chữ upani˝ad trong tiếng Phạn, chứ không phải là sự viết gọn của chữ upanissaya. Mặc dù, như CPD đã chỉ ra, đó là "một sự pha trộn ngữ nghĩa" với cụm chữ upanissayapaccaya đã xảy ra, nhưng 02 chữ nên được phân biệt riêng bởi vì không phải mọi thứ hễ là một upanisā (nhân kế trước) cho những thứ khác thì là một upanissayapaccaya (duyên quyết định và chính trợ) cho những thứ đó. Cụm chữ sau này chỉ đề cập tới thứ gì đóng vai trò nhân duyên mạnh mẽ mà thôi.] (68)

69 [Spk giải thích những thuật ngữ [theo thứ tự từ cuối lên đầu] như vầy: Sự

khổ là sự khổ của vòng luân-hồi (vaṭṭadukkha). Niềm-tin là niềm tin khởi sinh bồi đắp liên tục (aparāparaṃ uppajjanasaddhā; lúc này chỉ là niềm-tin dự kiến, chưa phải là niềm-tin bất lay chuyển của một thánh đệ tử). Niềm-vui (pāmojja, sự vui vẻ, phấn khởi) là một dạng "yếu hơn" của sự hoan-hỷ, sự hoan-hỷ (pīti) là niềm hân hoan vui mừng mạnh mẽ. Sự tĩnh-lặng (passaddhi, khinh an) là sự lắng lặn phiền khổ, là điều-kiện (duyên) cho sự hạnh-phúc (lạc), đó là sự hạnh phúc trong những tầng thiền định thấp. Tầng thiền định là

trạng thái định-tâm của tầng thiền định được dùng để làm cơ-sở [cho thiền quán minh-sát; pādakajjhānasamādhi]. Sự-thấy và sự-biết về mọi sự đúng như chúng thực là (yathābhutañāṇadassana) là một dạng "yếu hơn" của minh-sát tuệ, đó là: những sự-biết để nhận thấy những sự tạo-tác (các hành), để vượt qua sự nghi-ngờ, và để biết cái gì là đạo và cái gì không phải là đạo [coi thêm Thanh Tịnh Đạo, chương 18–20]. Sự ghê-sợ (nibbidā) là một loại sự-biết minh-sát mạnh, đó là: sự-biết về sự tái-hiện (tái

sinh, tái hữu) đáng sợ hãi, là sự suy-xét về sự nguy-hại, về sự quán-chiếu, và về sự buông-bỏ đối với những sự tạo-tác [coi Thanh Tịnh đạo, Vism 645–57; Ppn 21:29–66]. Sự chán-bỏ (virāga) là đạo, làm khởi sinh sự bứng tẩy những ô-nhiễm.

- Lưu ý: trong đoạn kế tiếp thì sự khổ thay thế sự già-chết vốn thường thấy trong công thức thông thường.] (69)

70 [Ví dụ này cũng có ở kinh SN 55:38 (Quyển 5) và kinh AN 10:61, 10:62.]

(70)

71 [Về 04 trường hợp này, mời coi lại chú thích số 37 trong kinh 22:17 ở

trên.] (71)

72 [Cách diễn đạt của đoạn này được coi như đoạn "mẫu" được dùng trong các bộ kinh Nikāya, thường có thể được lặp lại hơi khác nhau chút xíu tùy theo ngữ cảnh của mỗi bài kinh, ví dụ trong các kinh SN 12:25, 12:26, 22:02, 22:86, 35:81, 42:13, 44:02, và 45:05, (và trong mấy kinh thuộc AN).] (72)

73 [Spk giải thích "cùng ý nghĩa đó" (es' ev' attho) tức là cùng ý nghĩa của

'sự khởi-sinh tùy thuộc' hàm chứa trong mệnh đề "Khổ là tùy thuộc vào sự tiếp-xúc".] (74)

74 [Ngài Bhūmija là người có tên là tên bài kinh Bhūmija Sutta (MN 126)

thuộc Trung Kinh Bộ, trong đó thầy ấy đã trả lời mấy câu hỏi của Hoàng tử Jayasena và tham gia vào cuộc pháp thoại với Phật. Phần đầu [i] của kinh này trình bày như phần đầu [i] của kinh kế trước, chỉ khác là kinh này nói về sự "sướng và khổ", còn kinh trước chỉ nói về sự "khổ".] (75)

75 [Thật khó hiểu những tu sĩ này được cho là những người chủ trương thuyết

nghiệp (kammavādā) mà họ lại chấp rằng sự sướng và khổ khởi sinh một cách tự ngẫu nhiên (không do nghiệp). Chỗ này cả luận giảng Spk và Spk-pṭ đều không giải thích gì.] (76)

76 (Phần [iii] này giống hệt kinh AN 4:171. Mời coi thêm các chú thích trong

kinh đó.)

77 [Spk nói rằng: Phật đã thêm phần này để chỉ ra rằng sướng và khổ không

khởi sinh với một mình sự tiếp-xúc là điều-kiện (duyên), mà phải có những điều-kiện khác. Trong trường hợp này, những sự cố-ý của thân (thân tư, kāya-sancetanā), sự cố-ý của lời-nói (khẩu tư, vacī-sancetanā), sự cố-ý của tâm (tâm tư, mano-sancetanā) là những sự cố-ý mang hiệu quả của nghiệp, chúng có chức năng là những điều-kiện tạo ra quả là sự sướng và khổ (vipākasukhadukkha). Tôi làm theo Be và Se ghi là avijjāpaccayā ca và coi mệnh đề này là nằm ở cuối của đoạn này. Điều này cũng được

ủng hộ bởi Spk, nó giải thích rằng điều này được Phật nói ra để cho thấy những sự cố-ý (tư) này là bị tác-động (do duyên) bởi vô-minh. Ee ghi chữ va thay vì ca, và không để mệnh đề này ở cuối đoạn này mà đưa nó qua làm câu bắt đầu đoạn kế tiếp.

- (Lưu ý: Trong nguyên bản Pali, ở đây sự cố-ý (tư) đã không được ghi bằng chữ cetanā như thông thường, mà được ghi bằng chữ sancetanā. Chữ này hầu như là đồng nghĩa với chữ saṇkhāra (hành, sự tạo-tác cố ý). Và nghĩa lời kinh chỗ này là: "Khi có thân, bởi do (nhân) sự cố-ý nối kết với thân (kāya- sancetanā-hetu), nên khởi sinh sự sướng và sự khổ chủ quan." Nghĩa này cũng tương tự đối với lời-nói và tâm).] (77)

78 [Spk nhận dạng 03 loại sự tạo-tác cố ý (hành) này là—kāyasaṇkhāra (thân

hành), vacīsaṇkhāra (khẩu hành), manosaṇkhāra (tâm hành)—chính là 03 loại sự cố-ý (tư) mới được nói ở đoạn kế trên (và chú thích kế trên). (i) Một người tạo ra các hành "do tự-phát" (sāmao) là khi người đó làm khi không có sự xúi giục bởi người khác, với cái tâm không bị kích-giục (asaṅkhārikacitta); (ii) một người tạo ra các hành "do bị kích giục bởi người khác" là khi người đó làm với một cái tâm bị kích-giục (sasaṅkhārikacitta). (iii) Một người tạo ra các hành một cách cố-tình, biết-rõ (sampajāno) là khi

người đó làm với sự biết rõ về nghiệp và nghiệp quả; và (iv) một người tạo ra các hành một cách vô-tình, không-biết (asampajāno) là khi người đó làm không có sự hiểu biết về nghiệp và nghiệp quả.

- Lời đoạn kinh này có thể đã là cơ-sở gốc dẫn tới sự phân-biệt trong Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) về 02 chữ sasaṅkhārikacitta và asaṅkhārikacitta. Về vấn đề này mời coi thêm CMA 1:04.] (78)

79 [Chữ gốc được dùng ở đây mano-saṇkhāra (tâm hành) nhưng từ ngữ cảnh

này cho thấy chữ này rõ ràng là đồng nghĩa với chữ citta-saṇkhāra được ghi trong kinh 12:02. (Về sự khác-nhau giữa chữ mano và citta: mời coi lại chú thích rất quan trọng về những chữ này trong kinh 12:61, chú thích số 154 .) Tuy nhiên trong các bộ kinh không có chỗ nào để biện chứng cho sự nhận dạng chữ mano-saṇkhāra là đồng nghĩa với chữ citta-saṇkhāra; chữ citta- saṇkhāra đã được ghi trong kinh SN 41:06 (Quyển 4) và trong kinh MN Ī 301,28–29 (?) và nhận dạng (định nghĩa) là nhận-thức (sannā) và thức (vedanā).] (79)

80 [Tôi đọc theo cách ghi của Be và Se là: imesu finanda dhammesu avijjā

anupatitā. Chữ chasu được ghi trong Ee có vẻ dư thừa. Spk chú giải nghĩa câu này : Vô-minh là nằm trong số những trạng thái bên dưới tiêu đề "sự trợ giúp quyết định" (upanissaya); bơi vì tất cả chúng đều được hiểu dưới câu "Với vô-minh là điều-kiện (duyên), nên có những sự tạo-tác cố-ý (hành)."

- [Về sự diễn dịch cụm chữ paṭicca-samuppāda theo cách diễn đạt bằng 24 mối quan-hệ nhân duyên của bộ Paṭṭhāna (Quan Hệ Nhân Duyên), mời coi Vism, chương 17, được

giảng giải rõ ràng trưởng lão Nyanatiloka Thera trong quyển Hướng Dẫn qua Vi Diệu Pháp Tạng (Guide through the Abhidhamma Piṭaka), trang 159–73.)] (80)

81 [Spk: (i) Thân không còn tồn tại, vì nếu nó còn tồn tại thì sẽ có sự sướng

và khổ khởi sinh do tác động (duyên) bởi sự cố-ý (tư) của thân (thân tư); cách giải thích tương tự cho trường hợp khi (ii) lời-nói không còn tồn tại và (ii) tâm không còn tồn tại. [Câu hỏi:] Nhưng một A-la-hán cũng hành động, nói, và nghĩ, vậy sao nói là thân, lời-nói, và tâm không còn tồn tại? [Trả lời] Theo cái nghĩa là họ không còn tạo nghiệp quả. Vì những hành-động được làm bởi một A-la-hán là không còn là nghiệp thiện hay nghiệp bất thiện, mà chỉ đơn

giản là (hành vi thuộc) chức năng (kiriyamatta) mà thôi; do vậy đối với bậc A-la-hán người ta thường nói rằng “thân, lời-nói … không còn tồn tại”. Về thức chức năng của một A-la-hán, mời đọc thêm ở CMA 1:15. Một cách giải thích khác đơn giản hơn là: sự loại bỏ vô-minh sẽ không còn khởi sinh năm- uẩn, là cơ sở của mọi sự trải nghiệm, và do đó không còn nếm trải sự sướng và khổ nào nữa.] (81)

82 [Spk giải thích: ruộng-đất (khetta) theo nghĩa là nơi để phát triển; căn-cứ

(vatthu) theo nghĩa là sự trợ giúp; cơ-sở (āyatana, xứ) theo nghĩa là một điều- kiện; chỗ-nơi (adhikaraṇa) theo nghĩa là một nguyên nhân. (So sánh với chú thích tương tự nhưng hơi khác bởi luận giảng Mp ở cuối kinh AN 4:171).] (82)

83 [Ngài Upavāṇa là ngươi hầu cận của Phật như được nói trong kinh SN 7:13

(Quyển 1). Kinh này hầu như giống hệt với phần đầu [i] của kinh 12:24.] (83)

84 [Spk: Người đó hiểu được điều-kiện (duyên) theo cách của ‘Bốn Diệu Đế’

như ‘sự thật về khổ’, ‘sự thật về nguồn-gốc khổ’ …] (84)

85 [Toàn bộ đoạn này cũng được lặp lại trong các kinh 12:28, 33, 49, và 50.

Spk giải thích nghĩa là: Người đó được phú cho cách-nhìn của đạo (maggadiṭṭhi), sự-thấy của đạo … Chữ sekha được dùng ở đây như một tính từ để bổ nghĩa cho chữ ñāṇa (sự-biết) và vijjā (trí-biết đích thực, minh). Sekha [bậc học-nhân] là người đã đạt tới thánh đạo siêu-thế và đang tu tập trong đó nhưng chưa chứng tới quả A-la-hán [vẫn còn là những bậc Nhập- lưu, Nhất-lai, Bất-lai]; khi chứng A-la-hán thì người đó trở thành asekha [bậc vô-học nhân], là người đã vượt qua sự tu-học (đã tu xong, đã tu thành, không còn tu học nữa).] (85)

86 [Kinh này hầu như giống hệt kinh 12:13; chỉ khác nhau chỗ động từ chính, trong kinh đó là hiểu (pajānāti) và trong kinh này là hoàn-toàn hiểu (parijānāti).] (86)

87 [Chương Pārāyana (Đáo Bỉ Ngạn) là chương cuối cùng của tập Kinh Tập

(Sn). Chương này gồm 16 phần (cộng với phần lời mở đầu và lời kết thúc) trong mỗi phần Đức Phật trả lời những câu hỏi được hỏi bởi một trong 16

môn sinh bà-la-môn. Phần “Những Câu Hỏi Của Ajita” là phần thứ nhất của 16 phần đó.] (87)

88 [Spk-pṭ: Những người đã thấu hiểu Giáo Pháp (saṅkhātadhammā): là những A-la-hán, người đã thâm nhập [bốn] diệu-đế. Những học-nhân (sekhā) là 07 loại người đang ở trong giai đoạn 04 thánh đạo và 03 thánh quả (tức trừ thánh quả A-la-hán là loại thứ 8). Chữ saṅkhātadhammā có thể được hiểu theo 02 nghĩa là: (i) Những người đã thấu hiểu Giáo Pháp [như: về những giáo lý] hoặc (ii) Những người đã thấu hiểu mọi thứ [như: những hiện-tượng (các pháp) và những nguyên-lý của chúng]. Còn Nidd II 34–35 (của Be) cũng diễn dịch theo cả 02 nghĩa là: (i) những người đã biết Giáo Pháp (nātadhammā), bằng cách biết tất cả mọi sự tạo-tác là vô thường, khổ … và (ii) những người đã hiểu thấu các uẩn, các yếu-tố (giới), các cơ-sở cảm-nhận (xứ) … Những học-nhân (sekhā) được gọi như vậy vì họ đang tu học phần giới-hạnh bậc cao (giới), phần tâm bậc cao (định, thiền định), và phần trí-tuệ bậc cao (tuệ).] (88)

89 [Spk: Thầy Xá-lợi-phất không phải bị ngập ngừng bởi câu hỏi mà bởi

muốn biết ý của Phật. Vì câu hỏi đó có thể trả lời thông qua nhiều cách: theo cách năm-uẩn, theo cách các yếu-tố (giới) hay theo sáu cơ-sở cảm nhận (xứ), hay theo cách của ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên-khởi). Và Phật cũng nhận ra điều đó nên đã mở ý ngay bằng câu “Này Xá-lợi-phất, thầy có nhìn thấy …”.] (89)

90 [Spk: Điều này (đã) ắt sẽ xảy ra (bhutam idaṃ): ngay chỗ này chính là năm-uẩn (tức thân năm-uẩn là điều đã ắt sẽ xảy ra, ắt sẽ được tái sinh, theo nghiệp và lý nhân-duyên). Như vậy Phật đã nói luôn cái phương-pháp cho vị trưởng lão Xá-lợi-phất, hàm nghĩa là: “Hãy trả lời câu hỏi của ta theo cách của năm-uẩn!”. Rồi, giống như đại dương rộng lớn ở một bên với một người đứng một bên bờ có thể nhìn thấy rõ đại dương, ngay sau khi được nói cho cái phương-pháp để trả lời câu hỏi thì đối với vị trưởng lão có luôn cả trăm và cả ngàn phương pháp. - Bằng trí-tuệ chánh đúng (sammā paññāya): người tu nhìn thấy bằng trí-tuệ của đạo cùng với sự minh-sát. - Người đang tu-tập: ‘từ giai đoạn tu giới-hạnh cho đến thánh đạo A-la-hán’ được cho là đang tu- tập để dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ … Phần này được cho là phần tu-tập của những học-nhân.]

91 [Coi lại các dưỡng-chất trong kinh SN 12:11, SN 12:12 ở trên.]

92 [Anupādā vimutto (được giải-thoát nhờ không còn dính-chấp). Spk nói:

Một người được giải-thoát nhờ sự không còn nắm giữ thứ gì điều gì bằng 04 loại sự dính-chấp (thủ; upādāna). Đoạn này chỉ một A-la-hán.] (92)

93 [Chúng ta chỉ gặp được Tỳ kheo Kaḷāra người từ giai cấp Chiến-Sĩ (quý-

tộc; Khattiya, Sát-đế-lợi) duy nhất trong kinh này. Còn Moḷiyaphagguna có xuất hiện trong kinh 12:12; coi lại chú thích số 21 ở đó. “Đã quay lại đời sống thấp tục”

(hīnāyāvatto) có nghĩa là đã bỏ tu hoàn tục, trở lại thành một người tại gia.

- Spk và Spk-pṭ đã cùng nhau giúp làm sáng tỏ lời đối thoại khó hiểu chỗ này như vầy: "Thầy đó không tìm thấy sự yên-ủi (assāsa)" nghĩa là = thầy đó đã c không chứng ngộ 03 thánh đạo đầu tiên (Nhập-lưu, Nhất-lai, Bất-lai); bởi vì nếu thầy ấy đã chứng đắc thì thầy ấy không còn có thể bỏ tu hoàn tục vì đâu còn bị hấp dẫn bởi những khoái-lạc giác quan (dục lạc) [dục-lạc chính là lý do để một người bỏ tu hoàn tục].

- Thầy Xá-lợi-phất đã nói: "Tôi không có sự lờ-mờ" (na kaokhāmi) về việc mình đã đạt được sự yên-ủi bởi vì chỗ-dựa chắc chắn là trí-biết của sự hoàn- thiện (ba-la-mật) của một đệ tử (sāvaka-pāramī-ñāṇa). "Còn trong tương lai (āyatiṃ) thì sao?" là đề cập tới sự tái-sinh trong tương lai; như vậy câu hỏi này là một cách hỏi gián tiếp rằng thầy Xá-lợi-phất đã chứng đắc quả A-la- hán hay chưa.] (93)

94 [Thực ra thầy Xá-lợi-phất đã không tuyên bố trí-biết cuối cùng (aññā) [tức

thánh quả A-la-hán] bằng nguyên văn như vậy.] (94)

95 [Spk giải thích ý như vầy: (Do thầy Xá-lợi-phất không muốn nói về sự

chứng ngộ của mình) Phật ví hỏi câu hỏi để cho thầy Xá-lợi-phất trả lời (theo Giáo Pháp).] (95)

96 [Spk: Ở đây cũng vậy [cũng giống trong kinh 12:31 ở trên] thầy Xá-lợi-

phất không phải bị bối rối bởi câu hỏi của Phật mà do thầy chưa hiểu ý Phật; thầy ấy chưa biết chắc Phật muốn thầy ấy tuyên bố thánh quả A-la-hán theo cách nào (vì có nhiều cách theo Giáo Pháp để tuyên bố về sự chứng ngộ của

Chú Thích • 337

mình). (Phật đã hiểu nên Phật ngay câu kế tiếp Phật đã bắt đầu bằng câu hỏi "… cái gì là nguồn gốc của sự sinh-ra…?" thì thầy ấy đã hiểu ý Phật, và thầy đã bắt đầu trả lời theo cách của 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên-khởi, vòng nhân-duyên). Rồi ngay sau đó thầy nhận ra mình cũng có thể trả lời theo một trăm hay một ngàn cách khác nhau.

- Tôi (TKBĐ) đã dịch câu trả lời trước ở trên của thầy Xá-lợi-phất theo nghĩa mà Spk đã chú giải như vầy: "Với sự tiêu diệt điều-kiện (duyên) cụ thể tạo ra sự sinh-ra, tôi đã hiểu rằng 'Khi cái điều-kiện tạo ra sự sinh-ra bị tiêu diệt, thì quả của nó, là sự sinh-ra, cũng bị tiêu diệt'." (nôm na: nguồn-gốc sinh đã diệt thì sinh cũng không còn).] (96)

97 [Spk chú giải như vầy: Đức Phật đã hỏi như vậy để cho thầy Xá-lợi-phất

trả lời, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong lĩnh vực (trú xứ) thích hợp của mình. Vì thầy Xá-lợi-phất đã đạt tới trí-biết của sự hoàn-thiện (ba-la-mật) của một đệ tử (sāvaka-pāramī-ñāṇa) sau khi thầy ấy đã nhìn-thấy (liễu ngộ, giác ngộ) về 03 loại cảm-giác trong khi Đức Phật đang nói "Bài Kinh về Sự Nhận-Biết Những Cảm-Giác" cho du sĩ Dīghanakha (là cháu cậu của thầy Xá-lợi-phất), và do vậy cái chủ đề "cảm-giác" này trở thành lĩnh vực trội (trú xứ, savisaya) của thầy ấy. Ở đây Spk muốn nói tới kinh Dīghanakha Sutta (MN 74), và dường như Spk đã tự đổi tên kinh thành

“Vedanāpariggaha Sutta” (Bài Kinh về Sự Nhận-Biết Những Cảm-Giác).] (97)

98 [Nguyên văn câu tuyên thuyết này: Yaṃ kinci vedayitaṃ taṃ dukkhasmiṃ.

Câu này cũng có trong kinh SN 36:11 (Quyển 4), ở đoạn đầu kinh.] (98)

99 [Sự giải-thoát bên-trong (ajjhattaṃ vimokkho): thầy ấy chứng ngộ A-la-

hán khi thấu hiểu (ngộ) những sự tạo-tác (hành) ở bên trong. Những ô-nhiễm không còn chảy ở bên trong tôi (āsavānānussavanti): tức 03 loại ô-nhiễm chính không còn chảy qua sáu cửa giác-quan tới những đối-tượng giác quan, tức là: chúng không còn khởi sinh trong thầy ấy. Tôi không coi thường chính mình (attānan ca nāvajānāmi): tức dẹp bỏ sự coi thường chính mình, dẹp bỏ sự tự ti (omāna).] (99)

- (Cuối đoạn này có chữ “Bậc Phúc Lành”: đây là dịch chữ Pāli “Sugata” theo một cách của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề [là Fortunate One]; nghĩa chữ của “Sugata” là “đã đi qua một cách thiện khéo”, hay “đã đi tới trạng thái thiện

lành”, cho nên nó còn được dịch (HV) là bậc Thiện Thệ (thiện: thiện khéo, thệ: đi qua).)

100 [Nguyên văn cụm chữ chỗ này: Pubbe appaṭisaṃviditaṃ. Spk giải nghĩa

là: “Trước đây tôi đã chưa biết hay hiểu ‘Phật sẽ hỏi tôi điều này’. Và sự do dự của thầy ấy có mục đích để tìm ra ý của Vị Thầy là gì’.” Phân từ quá khứ appaṭisaṃvidita đã gợi ý danh từ tiếng Phạn pratisaṃvid, là chứng đối ứng với chữ paṭisambhidā tiếng Pāli, đó là những trí-biết mang tính phân-tích (vô ngại giải trí) mà thầy Xá-lợi-phất rất giỏi về chúng.] (100)

101 [Spk giải thích: Ở đây, ‘yếu-tố của Giáo Pháp’ (sā dhammadhātu) chính

là trí-biết của sự hoàn-thiện (ba-la-mật) của một đệ tử, (trí-biết đó) có khả năng nhìn thấy ‘lý duyên-khởi’ một cách không bị che khuất (paccayā- kārassa vivaṭabhāvadassanasamatthaṃ sāvakapāramīñāṇaṃ).] (101)

102 [Sự-biết về nguyên-lý: nguyên văn là Dhamme-ñāṇa (sự-biết về Giáo Pháp). Spk giải thích chữ Dhamma (Giáp Pháp, nguyên lý, chân lý) ở đây chính là Bốn Diệu Đế (catusaccadhamma), tức cũng chính là = giáo pháp về sự-biết của đạo (magga-ñāṇa-dhamma).] (102)

103 [Nguyên văn cả đoạn chữ này: Īminā dhammena diṭṭhena viditena akālikena pattena pariyogāḷhena. Lưu ý, một loạt các phân từ ở đây là tương ứng chính xác với công thức mô tả về một người đã đạt tới “sự-thấy của Giáo Pháp” (dhammacakkhu), đó là: diṭṭhadhammo, pattadhammo, viditadhammo, pariyogāḷhadhammo (đã nhìn thấy Giáo Pháp, đã chứng đắc Giáo Pháp, đã hiểu được Giáo Pháp, đã thông thấu Giáo Pháp”; ví dụ này cũng được ghi trong kinh DN I 110,14–15). Điều này hàm ý rằng Giáo Pháp mà bậc thánh Nhập-lưu đã nhìn thấy chính là “sự khởi-sinh tùy thuộc” (lý duyên-khởi). Suy luận này cũng được xác nhận thêm bởi đoạn kết thúc của bài kinh này.

- Spk ở đây coi chữ akālikena là một tính từ độc lập bổ nghĩa cho chữ dhammena và giải thích điều đó có nghĩa con-đường đạo tạo ra đạo quả tức thì ngay sau khi người tu thâm nhập được nguyên-lý này, không cần phải quá giang thời gian nào nữa (kiñci kālaṁ anatikkamitvā paṭivedhānantaraṁ yeva phaladāyakena). Tuy nhiên, khi luận giải về bài kinh SN 42:11, trong đó cũng có ghi những câu kinh này, thì Spk lại giải thích chữ akālikena là một trạng từ chỉ cách thức được dùng để ghép vào chữ pattena [coi thêm chú

thích thứ hai trong kinh SN 42:11]. Tôi cũng hiểu chữ akālikena trong đoạn kinh hiện tại theo cách y hệt như vậy; nếu không thì rất khó để nhìn thấy tại sao nó lại nằm ở khúc giữa của một dãy các phân từ quá khứ như vậy. Hơn nữa, do chữ này mô tả mối quan hệ giữa các sự kiện theo thời gian như sinh và già, nên cách diễn dịch nó chung chung theo nghĩa "phi thời gian" là hoàn toàn không thỏa đáng. Cái nghĩa đáng có trong ngữ cảnh này là "không liên quan (không cần) một đoạn thời gian nào", tức là "tức thì", để bổ nghĩa rằng đó là sự hiểu biết về cái mối liên-hệ nhân duyên giữa các yếu-tố nhân duyên, chứ không phải hiểu biết về bản thân các yếu-tố nhân duyên đó. Lý ở đây là: sự-biết là vấn đề của một sự trải nghiệm trực tiếp "nhìn thấy được", hay "trực quan", hơn là suy lý hay suy luận.] (103)

104 [Sự-biết về tính kế-thừa: nguyên văn là anvaye ñāṇa. Spk chú giải: sự-biết

về tính kế-thừa này là hệ quả của sự-biết về nguyên-lý; đây là một tên gọi cho loại trí-biết nhờ quán chiếu lại [coi lại chú thích số 68 ở kinh 12:23 ở trên]. Không thể nào áp dụng phương pháp này cho quá-khứ và tương-lai bằng phương tiện giáo-lý (dhamma) Bốn Diệu Đế hay bằng trí-biết của thánh đạo, nhưng khi 04 thánh đạo đã được thâm nhập bởi trí-biết của thánh đạo, thì trí- biết nhờ quán chiếu lại sẽ theo đó xảy ra, và người tu áp dụng phương pháp này bằng phương tiện đó.

- Tuy nhiên, sự chú giải này khó mà tương thích với sự luận giải của Vism 676 và những luận giảng khác về loại trí-biết do quán chiếu lại như sự-biết về thánh đạo và quả đã chứng đắc được, về những ô-nhiễm đã trừ bỏ, những ô-nhiễm còn tồn lại, và Niết-bàn. Thy vì vậy, lời kinh ở đây có nghĩa là một sự suy-luận được áp dụng cho quá khứ và tương lai, dựa trên sự thấy-biết tức thời về tính điều-kiện (nguyên lý nhân duyên) vận hành giữa các cặp yếu-tố (mắc xích nhân duyên).

- Đoạn sau "… thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn … là người đang đứng vững chắc ngay trước cửa bước vào sự Bất Tử" cũng có ghi ở đoạn kết của các kinh 12:27, 28.

- Spk nói rằng: ở đây là đang nói về trú xứ của học-nhân [trước đó] của một A-la-hán (khīṇāsavassa sekhabhūmi) (là học nhân trước khi thành vô-học

nhân), dựa vào đó luận giảng Spk-pṭ đã chỉ ra: khoảng-khắc của thánh đạo cao nhất (aggamaggakhaṇa). (?).] (104)

105 [Spk: Sự-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp (dhammaṭṭhitināṇa) là sự-

biết về nguyên lý duyên-khởi. (Tính chắc-chắn ở đây nghĩa là tính ổn-định, không thể sai khác, tất hữu xảy ra). Vì nguyên lý duyên-khởi được gọi là "tính chắc-chắn của Giáo Pháp" bởi vì nó là nguyên nhân tạo ra sự xảy ra liên tục của những hiện-tượng (pavattiṭṭhitikāraṇattā); sự hiểu-biết về sự xảy ra liên tục của những hiện-tượng được gọi là "sự hiểu-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp". Đây là một cách để gọi 06 cái "sự-biết rằng…" (về yếu-tố mắc xích của vòng nhân duyên) mới được trình bày ở trên.

- Tôi đã dịch chữ dhammaṭṭhitatā [trong kinh SN 12:20] là "sự chắc-chắn của Giáo Pháp" và chữ dhammaṭṭhiti [trong kinh này] là "tính chắc-chắn của Giáo Pháp". Chữ sau cũng thấy có ghi trong kinh SN 12:70, trong phần [iii]. 02 chữ này có lẽ cũng đồng nghĩa như nhau.

- Còn "sự-biết rằng: 'sự-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp' này cũng sẽ bị hoại diệt" được Spk gọi là "sự minh-sát phản chiếu lại vào chính sự minh- sát" (vipassanā-paṭivipassanā), chẳng hạn như sự minh-sát (nhìn vào) sự giải thể của chính cái sự-biết minh-sát vốn đã nhận biết sự giải thể của đối-tượng (thiền) ban đầu. Coi thêm Thanh Tịnh Đạo, Vism 641–42 (Ppn 21:11–13), tuy nhiên trong đó không có giải thích về thuật ngữ vipassanā- paṭivipassanā.] (105)

106 [Nguyên văn câu hỏi: Kassa ca pan' idaṃ jarāmaraṇaṃ. Câu hỏi này, và

những câu hỏi sau, được đúc ra từ một khuôn, coi như đã giả định trước về một thực tại có cái 'ta' (ngã), và do vậy, cũng như những câu hỏi ở kinh SN 12:12, phải bị Phật từ chối là không hợp lệ. Spk giải thích: Mặc dù câu hỏi "Cái gì là sự già-chết?" là hợp lệ nhưng nó được kết hợp với câu hỏi "Đối với ai có sự già-chết?"—nó ngầm khẳng định có một cái 'ai' hay 'người' cố định nên nó thành không hợp lệ.] (106)

107 [Spk giải thích nghĩa các câu này (và người dịch Việt dịch đại ý như vầy):

Sự sống đời sống tâm linh (brahmacariyavāsa) là sự sống của đạo (đời sống tu hành thánh thiên; phạm hạnh). (a) Người nắm giữ quan-điểm "linh hồn và thể xác như nhau" (taṃ jīvaṃ taṃ sarīraṃ) thì tin rằng linh hồn và thể xác

đều bị hủy diệt cùng lúc (khi chết). Người có quan-điểm này thì có tư tưởng tự diệt-vong (đoạn kiến), vì họ cho rằng "một chúng sinh sẽ bị diệt vong mãi mãi". Họ tin rằng 'chết là hết', đằng nào cũng không có luân-hồi tái-sinh gì gì nữa, và do vậy cho dù có sống tu tâm theo đạo cũng chỉ vô ích. (Do vậy lời kinh mới nói ý: nếu vậy thì đâu cần có có đời sống tâm linh để làm gì). (b) Trường hợp thứ hai, người nắm quan-điểm "linh hồn là một thứ, thể xác là thứ khác" (annaṃ jīvaṃ annaṃ sarīraṃ) thì cho rằng riêng thể xác sẽ bị hủy diệt, còn tâm hồn thì trôi giạt đây đó như chim ra khỏi lồng. Quan-điểm này là tư tưởng có linh hồn bất-diệt (thường kiến). Nhưng nếu quan-điểm này đúng, rằng có một 'linh hồn' thường hằng, chắc chắn và bất diệt, thì nếu vậy thánh đạo cũng đâu thể nào làm chấm dứt vòng luân-hồi (vì nếu có 'linh hồn' cố định bất diệt thì đâu có vòng luân-hồi tái sinh nào để mà chặn hay xóa bỏ), và do vậy việc sống tu

theo thánh đạo cũng vô ích, [vì mục tiêu của đời sống tâm linh là chặn và xóa vòng luân-hồi tái sinh]. (Do vậy lời kinh nói ý: nếu vậy thì cũng đâu cần có có đời sống tâm linh để làm gì).] (107)

108 [Tôi đọc theo cách ghi của Be là: yāni 'ssa tāni visūkāyikāni visevitāni

vipphanditā ni kānici kānici. Se cũng ghi hầu như giống vậy, nhưng chánh tả chỗ này trong Ee thì rất là khó thể chấp nhận. Spk chú giải rằng 03 danh từ này đều là đồng-nghĩa dùng để tả cách-nhìn sai lầm (tà kiến). (i) Đó được gọi là sự vặn-vẹo hay cong-vẹo (visūkāyika) vì nó coi (chánh-kiến, điều đúng) là sự cản-trở đối với mình, giống như một ngọn giáo (visūkam iva; Spk-pṭ: = kaṇṭaka, cái gai nhọn) theo cái nghĩa nó đâm chọc chánh-kiến (sammādiṭṭhiyā vinivijjhanaṭṭhena). (ii) Đó là sự manh-động hay động- chuyển (visevita) bởi vì nó không hòa hợp theo chánh-kiến mà cứ sốc ngược với với chánh-kiến; và (iii) đó là sự dao-động hay lắc-lư (vipphandita) bởi do dao động theo này theo nọ, lúc thì chấp theo tư tưởng diệt-vong (đoạn kiến), lúc thì chấp theo tư tưởng bất-diệt (thường kiến).

- Spk coi chữ visūkāyika là có liên hệ với chữ sūci (cái kim), nhưng khó mà chứng minh được sự xuất thân như vậy.

- Cụm 03-chữ đồng nghĩa này cũng có ghi trong kinh SN 4:24 (Quyển 1) và kinh MN 35, mục 23; ở kinh MN 65, mục 34 thì chúng được dùng để mô tả hành-vi của con ngựa chưa được thuần hóa (ở đó dịch cụm chữ 'sự vặn-vẹo, sự manh-động, và sự dao-động' đã được y nghĩa chuyển chữ thành "sự vặn-

mình, sự vùng-vằn, và sự giãy-nảy" cho phù hợp để tả thực về sự hành vi phản ứng của con ngựa ở đó).] (108)

109 [Spk giải nghĩa chữ tālāvatthukatāni = tālavatthu viya katāni (được làm

thành như gốc chết cây cọ) và giải thích rằng: (i) "Được làm thành như gốc chết cây cọ với thân ngọn đã bị chặt đứt [chỉ còn lại gốc trơ] theo cái nghĩa "không bao giờ mọc lại nữa"; và (ii) "được làm thành như một chỗ để nâng đỡ cây cọ sau khi nó được bứng lên cùng gốc rễ" (puna aviruhaṇaṭṭhena matthakacchinnatālo viya samūlaṃ tālaṃ uddharitvā tassa patiṭṭhitaṭṭhānaṃ viya ca katāni) (?) ...] (109)

110 [Spk: Vì thực sự không có cái 'ta' (ngã) nào cả, cho nên cũng không có gì

thuộc cái 'ta' (không thực) đó cả; do vậy Phật mới nói: "Thân này không phải 'của-ta' [của các-thầy] (na tumhākaṃ). Và do cũng không có cái 'ta' nào của 'người' khác, nên Phật mới nói: "Nó cũng không phải 'của-ai' khác" (na pi annesaṃ). Coi thêm kinh 22:33 và 35:101.] (110)

111 [Spk: "Đó là nghiệp cũ" (purāṇam idaṃ kammaṃ): thân này thực chất

không phải là nghiệp cũ, nhưng vì nó được sinh ra bởi nghiệp cũ, nên nói như vậy, tức nói dựa theo cái nhân-duyên của nó. Nó được coi là: "được tạo ra" (abhisaṅkhata), do nó được tạo ra bởi những điều-kiện (duyên); "được tạo tác bởi sự cố-ý"

(abhisancetayita), do nó được dựa trên sự cố-ý (tư), được bắt rễ từ sự cố-ý; và "là thứ để được cảm nhận" (vedaniya), do nó là một cơ-sở cho mọi thứ được cảm nhận, [Spkp-ṭ: bởi vì nó là một cơ-sở và đối-tượng của cảm-giác]. Coi thêm kinh 35:146, trong đó ý tưởng này được giảng rộng thành sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong (sáu nội xứ, sáu giác-quan). Để quán chiếu thân này theo cách của 'lý duyên-khởi', người tu coi rằng thân này có thể được gộp trong phần "sắc" của phần kết hợp là phần "danh-sắc".

- Rồi người tu quán chiếu rằng: phần danh-sắc hình thành cùng với thức, [chẳng hạn: thức tái-sinh] như một điều-kiện đồng-sinh (đồng duyên), và rằng: cả thức và phần danh-sắc đều phát sinh từ những sự tạo-tác cố ý (hành) [ví dụ: những hành vi tạo nghiệp trong kiếp trước]. Như vậy chủ-đề của bài kinh này cũng dính liền chủ-đề của 03 kinh kế tiếp] (111)

112 [Spk chú giải: Ở đây: người ý-định (ceteti) là chỉ bao gồm tất cả sự cố-ý

(tư) thiện và bất thiện trong 03 cõi (hiện hữu); người dự tính (pakappeti) là

chỉ những sự bịa-đặt này nọ trong tâm của dục-vọng (ái) và quan-điểm này nọ (tà-kiến) [taṇhādiṭṭhikappā] trong 08 loại tâm (citta) nối kết với tham-dục [Spk-pṭ thì chú giải là: những sự bịa-đặt của những quan-điểm này nọ (tà kiến) chỉ xảy ra trong 04 tâm (citta) nối kết với tà-kiến]; và bất cứ điều gì người có khuynh-hướng về đó (anuseti) làm hàm nghĩa có những khuynh- hướng tiềm ẩn (tùy miên; anusaya) nằm bên dưới những điều-kiện (duyên) trực tiếp và chính trợ đối với 12 sự cố-ý [bất thiện]. (Về 12 loại tâm bất thiện, coi CMA 1:4–7). Điều này trở thành một cơ sở (ārammaṇam etaṃ hoti): những trạng thí khác nhau như sự cố-ý (tư) trở thành một điều-kiện (duyên); vì ở đây chữ ārammaṇa được nói ra như một điều-kiện (duyên; paccaya) [tức là, chỗ này chữ ārammaṇa không biểu thị một đối-tượng của thức theo nghĩa thông thường trong Vi Diệu Pháp]. Cho sự liên-tục [duy-trì] của thức (vinñāṇassa ṭhitiyā): nghĩa là cho mục đích duy trì thức của nghiệp (nghiệp thức). Khi có điều-kiện này, thì có sự trợ-giúp cho sự lập thành của thức (patiṭṭhā vinñāṇassa hoti), tức là sự lập thành thức của nghiệp (nghiệp thức). [Spk-pṭ nói: nó có một khả năng để tạo ra quả trong sự liên-tục của tâm thức của một người]. Khi thức [của nghiệp] đó được lập thành và đã đi đến tăng-trưởng (tasmiṃ patiṭṭhite vinnāṇe … virūḷhe): khi, sau khi đã thúc đẩy nghiệp, nó đã tăng trưởng, tạo gốc rễ, thông qua năng lực của nó để kết tạo sự tái-sinh, thì có sự sản sinh ra sự tái hiện-hữu tương lai, tức là sự sản sinh thành sự tái hiện-hữu.

- So sánh 12:64 and 22:53–54 below. Kinh AN I 223–24 (?) có giảng giải tiến trình tái hiện-hữu bằng những thuật ngữ giống vậy [mời coi [coi thêm chú thích số 24 ở kinh SN 12:12 ở trên]. Tôi thấy các động từ ceteti và pakappeti là ám chỉ nghĩa là saṇkhārā [chữ này, khi có nghĩa là những hành- vi của nghiệp, thì nó được diễn tả là cetanā— coi thêm kinh AN III 415,7–8 (?).Chữ anuseti (có khuynh-hướng) rõ ràng là đề cập theo nghĩa chữ anusaya (những khuynh-hứng tiềm ẩn, tùy miên), nó gồm có khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra si (tùy miên vô minh, avijjānusaya) [si ở đây là = yếu tố vô-minh trong chuỗi 12 nhân duyên) và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham (rāgānusaya) [tham ở đây

là = yếu tố dục-vọng (ái) trong chuỗi 12 nhân duyên]. Cách mà nó duy trì (sự liên tục của) thức như vậy là khác với cách của những sự tạo- tác cố ý (hành), vốn được bơm nhiên liệu bởi vô-minh và dục-vọng, có vai trò là điều-kiện (duyên) đối với thức: cùng với nhau, chúng nằm bên dưới dòng chảy của thức, bơm vào thức những tiềm-năng của nghiệp để tạo ra sự tái

hiện-hữu, và hoạch định nó thành một sự hiện-hữu mới (hữu), và qua đó kích hoạt tiến trình dẫn tới kết quả là sự sinh-ra (sinh).

- Tôi không hoàn toàn đồng ý với Spk trong việc coi thức (vinñāṇa) là được "duy trì" và được "lập thành" như thức của nghiệp. Tôi chỉ diễn dịch đó đơn giản là một tiến trình tiếp diễn của thức, bao gồm những giai đoạn chủ động theo nghiệp và những giai đoạn do quả. Ở các kinh SN 22:53–54 (Quyển 3) thì 04 uẩn kia (sắc, thọ, tưởng, hành) được nói tới như những ārammaṇa và patiṭṭhā của thức (vinñāṇa) nhưng tôi nghi cách áp dụng này sẽ không đúng. Nếu dùng những sự phân loại của Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) thì hình như trong kinh này những chữ như ārammaṇa và patiṭṭhā có nghĩa là điều-kiện (duyên) trợ giúp quyết định (upanissayapaccaya) cho thức; trong khi trong 02 kinh trong phần Liên-Kết "Năm Uẩn" (Khandhasaṃyutta, Tương ưng uẩn) thì chúng có nghĩa là sự đồng-khởi-sinh và những điều-kiện trợ giúp (sahajātapaccaya, nissayapaccaya). Tôi dùng chữ "sự cố-ý" để dịch chữ cetanā (tư) và chữ "ý-định" để dịch chữ ceteti (tư niệm?). Tôi dùng chữ "sự ý-định" để dịch danh từ không liên quan là saṇkappa. Tôi chứng minh sự không nhất quán (mâu thuẫn) dựa trên cơ sở rằng trong tiếng Pāli động từ saṇkappeti [tương ứng với danh từ saṇkappa] rất hiếm khi được dùng, trong khi đó tiếng Anh để dịch thì thiếu một động từ đơn giản tương tứng với chữ "sự cố-ý". "Một trợ giúp cho sự lập-thành của thức" là dịch cụm chữ patiṭṭhā vinñāṇassa. Tôi thấy chữ "được lập thành" là chữ tốt nghĩa hơn dùng để dịch phân từ patiṭṭhita, nhưng "trợ giúp" thì dùng để dịch danh từ patiṭṭhā: làm như vậy nối cầu hòa hợp phân từ và danh từ đó trong đoạn kinh này [và cả trong kinh SN 22:53, 22:54). Và tôi đã đặt ra (sáng chế) luôn cách diễn đạt kết-hợp này.] (112)

113 [Spk chú giải: Chỗ này đề cập tới một thời-lúc (i) không xảy ra sự cố-ý

(tư) [thiện và bất thiện] của 03 cõi (hiện hữu) và (ii) không có xảy ra những sự bịa-đặt trong tâm của dục-vọng và tà-kiến. Nhưng một người vẫn có khuynh-hướng: đây là có những khuynh-hướng tiềm ẩn [tùy miên] bởi vì chúng chưa được bứng bỏ ở đây trong những hệ quả của 03 cõi hiện-hữu, trong những trạng thái chức năng hữu hạn [là những loại tâm thể hiện năm- cửa và thể hiện cửa-tâm] và trong thân-sắc. Chừng nào những tùy-miên còn, thì chúng còn là điều-kiện (duyên) tạo ra thức của nghiệp, bởi vì không có cách nào để ngăn cản sự khởi sinh của chúng.

- Spk-pṭ thì chú giải: Phần thứ hai này cho thấy rằng (i) nghiệp thiện và bất thiện [có khả năng tạo ra sự tái-sinh] đã tích lũy trong đoạn đầu [của con đường tu tập], và rằng (ii) ngay cả khi không có dự-tính [thông qua dục-vọng và tà-kiến] thì những sự cố-ý (tư)

của thiền minh sát trong người thiền là người đã nhìn thấy những sự nguy-hại trong sự hiện-hữu vẫn còn bị điều-kiện (duyên) bởi những tùy-miên và có khả năng tạo ra sự tái-sinh. Điều này cũng được nói ra để cho thấy rằng (iii) ngay cả khi những trạng thái thiện và bất thiện đang không xảy ra thì vẫn có sự lập-thành của nghiệp thức với những ô- nhiễm tiềm ẩn (lậu miên) là điều-kiện (duyên); bởi vì chừng nào chúng chưa được từ bỏ thì chúng vẫn nằm ẩn trong những hệ quả đang có trong những cõi hiện hữu ... vân vân.] (113)

114 [Spk chú giải: Khi một người không ý-định ... vân vân: (i) Bằng câu đầu

[không ý-định] người đó cho thấy rằng những sự cố-ý (tư) thiện và bất thiện thuộc 03 cõi đã chấm dứt; (ii) bằng câu thứ hai [không dự-tính] người đó cho thấy dục-vọng và tà-kiến trong 08 loại tâm (kết nối tham-dục) đã chấm dứt; (iii) bằng câu thứ ba [không có khuynh-hướng] người đó cho thấy rằng những tùy-miên nằm ẩn trong những trạng thái đã được nói ra ở trên đã chấm dứt. Cái gì đang được thảo luận ở đây? Đó là vai trò của thánh đạo A-la-hán (arahattamaggassa kiccaṃ). Nó có thể được dịch là "sự thực thi trách phận của một A-la-hán" (khīṇāsavassa kiccakaraṇaṃ) và 09 trạng thái siêu thế (navalūkuttaradhammā) [gồm 04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết-bàn].

- Spk-pṭ thì chú giải: Trong phần thứ ba này là thảo luận vai trò của thánh đạo A-la-hán, bởi vì thánh đạo đã hoàn toàn chặn đứng sự tạo ra những tùy- miên. Có thể nói đó là "sự thực thi trách phận của một A-la-hán" bởi nhờ sự đã loại bỏ cảm-giác ... vân vân. [nghĩa không rõ]. Có thể nói đó là 09 trạng thái siêu thế bởi vì những tùy-miên đã được dần triệt tiêu bởi loạt những thánh đạo, và các thánh quả lập tức có sau các thánh đạo, và Niết-bàn là đối- tượng của của cả hai (đạo và quả).

- Tôi [TKBĐ] hiểu chữ "thức không được lập-thành" (appatiṭṭhita vinñāṇa) ở đây có nghĩa là một thức không có triển vọng có sự tái-sinh tương lai thông qua nguồn lực thúc đẩy của vô-minh, dục-vọng, và các hành. Một A-la-hán được cho là đã hết hạn với thức "không được lập-thành", nhưng đã được nói trong kinh SN 4:23 (Quyển 1) và ở cuối kinh SN 22:87 (Quyển 3).] (114)

115 [Gốc-gác sinh ra phần danh-sắc (nāmarūpassa avakkanti). Coi kinh SN

12:12 ở trên, trong đó sự tạo ra (sản sinh) sự tái-sinh (tái hiện-hữu) trong tương lai đã được đặt nằm giữa thức và sáu cơ-sở cảm nhận (sáu cơ-sở cảm nhận). Với mắc xích này, hai bài kinh hàm ý rằng: "một gốc-gác sinh ra phần danh-sắc" và "sự tạo ra ra sự tái-sinh trong tương lai" là có thể hoán đổi cho nhau được... Spk chỉ ra rằng có một mối kết nối (sandhi) nằm giữa thức và phần danh-sắc; như vậy theo cách diễn dịch này thì thức là biểu thị cho 'thức do nghiệp tạo ra' của sự hiện-hữu (kiếp) trước, còn phần danh-sắc là biểu thị cho sự 'bắt đầu' của sự hiện-hữu (kiếp) hiện tại. Tuy nhiên đối với tôi hình như thức (vinñāṇa) đứng hai chân trên cả kiếp trước và kiếp này, như nguyên lý của sự liên-tục cá thể.] (115)

116 ("Có khuynh hướng theo": anuseti: ở đây hàm chỉ những khuynh-hướng

tiềm ẩn (tùy miên; anusaya.)

[Còn chữ "thiên-hướng": nati: ở đây là chỉ dục-vọng, được gọi là "thiên- hướng" theo nghĩa là 'sự hướng thành' hay 'sự ngã hướng' (namanaṭṭhena) tới sắc-thân đẹp đẽ....; "sự đến-đi" hay "sự-đến và sự-đi": āgatigati: tức là, có sự đi của thức qua đường tái sinh (tới chỗ đã thiên hướng tới) [ngay khi chết], nó thể hiện là nghiệp (kamma) hay dấu hiệu của nghiệp hay dấu hiệu nơi-đến (cảnh giới tái sinh) sau đó.] (116)

117 [Lời kinh giống vầy cũng được nói bởi Ngài Mahacunda trong kinh SN

35:87 (Quyển 4), đoạn gần cuối sau (a).] (117)

118 [Kinh này là giống hệt SN 55:28 (Quyển 5) và giống các kinh kinh song

hành là AN 10:92. Spk giải thích "bhayāni verāni" là những sự cố-ý [mang lại] sự sợ-hãi và sự thù-ghét (bhayaveracetanāyo). Spk-pṭ: Sự sát-sinh và hệ quả là đáng sợ và tai hại cho cả người làm và nạn nhân; chúng tạo ra sự sợ- hãi và thù-ghét để người ta thấy sợ.

- Lời tự tuyên bố về thánh quả Nhập-lưu của mình như vầy cũng có trong các kinh SN 55:8–10. Bậc Nhập-lưu không còn bị tái sinh trong những cõi thấp xấu, cõi dưới; người đó "đã định xong vận mệnh" (niyata), tức chắc chắn không còn quá bảy lần tái sinh trong cõi người hay cõi trời; và người đó có "sự giác-ngộ (chánh giác) là đích đến của mình" (sambodhiparāyaṇa), nghĩa là trước sau gì cũng đạt tới giác-ngộ là thánh quả A-la-hán.] (118)

119 [Phiên bản kinh này trong bộ kinh AN [là kinh AN V 183 (?)] thì có thêm

một hàng nữa ở đây là: "Nhưng người biết kiêng cữ sát-sinh (vân vân) thì không gây ra 'sự thù-ghét đáng sợ' thuộc kiếp này [hiện tại] và 'sự thù-ghét đáng sợ' thuộc kiếp sau [tương lai], và người đó không nếm trải sự khổ sở và ưu buồn về tâm" (pāṇātipātā paṭivirato n' eva diṭṭhadhammikaṃ bhayaṃ veraṃpasavati, na samparāyikaṃ bhayaṃ veraṃ pasavati, na cetasikaṃ dukkhaṃ domanassaṃ paṭisaṃvedeti). Dường như lý lẽ lập luận của bài kinh đòi hỏi phải có thêm câu bổ sung này; sự bỏ mất nó trong kinh này có thể là do lỗi ghi chép ngày xưa.] (119)

- (Lưu ý trong kinh SN 12:41 này cụm chữ "sự thù-ghét đáng sợ" là cụm chữ tương ứng với "hiểm-họa và sự thù-ghét" trong phiên bản song hành của nó trong bộ kinh AN.)

120 [Spk: "Bốn yếu-tố Nhập-lưu" (sotāpattiyaṅga) gồm có 02 loại (mặc dù

chúng đều được ghi bằng một chữ như vậy trong tiếng Pali). Loại thứ nhất có thể dịch nghĩa luôn là (i) "bốn yếu tố giúp đạt tới thánh quả Nhập-lưu", bao gồm: (1) giao lưu với bậc thượng nhân; (2) nghe Giáo Pháp chân thực (chân pháp), (3) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), và (4) thực hành đúng theo Giáo Pháp, [coi kinh SN 55:55]. Và loại thứ hai có nghĩa là (ii) "bốn yếu-tố (phẩm hạnh) của một bậc Nhập-lưu". Đó là những yếu tố (phẩm chất) mà một người tu chứng đắc Nhập-lưu có được, bao gồm: (1) niềm-tin xác thực vào Đức Phật; (2) niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp; (3) niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn. Niềm-tin xác-thực là niềm tin không lay chuyển [đạt được] thông

qua điều đã đắc được [Spk-pṭ: điều đã đắc được chính là thánh-đạo] (aveccappasādenā ti adhigatena [maggena] acalappasādena). Công thức niềm-tin vào Phật, Pháp, Tăng (Tam Bảo) được phân tích chi tiết trong Vism 197–221 (Ppn 7:1–100). Cộng thêm một yếu-tố thứ tư là: (4) 'những đức- hạnh (giới hạnh) được những bậc thánh quý trọng" để đủ thành "bốn yếu-tố của bậc Nhập-lưu". Đoạn kinh này đang nói về loại thứ (ii) này.] (120)

121 [Spk: "những đức-hạnh [giới hạnh] được những bậc thánh nhân quý

trọng (ariyakantāni sīlāni) chính là năm giới-hạnh, mà những bậc thánh không bao giờ từ bỏ ngay cả khi họ chuyển qua kiếp sau. Những chữ này được giải thích chi tiết trong Vism 222 (Ppn 7:104). Những giới-hạnh này là "không bị nắm-giữ" (aparāmaṭṭha), tức là chúng không phải để được tôn giữ

chấp giữ vì dục-vọng hay tà-kiến (mà giới-hạnh được tuân giữ với sự buông- bỏ và chánh-kiến).] (121)

122 [Spk luận giải: Ở đây, phương pháp (nāya) là gồm cả 'sự khởi-sinh tùy

thuộc' và 'sự hiểu-biết vững chắc' sau khi người tu đã biết (mọi sự?) đã khởi- sinh một cách tùy thuộc. Như Phật đã nói: "Chính sự 'khởi-sinh tùy thuộc' được gọi là phương pháp; phương pháp cũng chính là Bát Thánh Đạo" [câu này không dẫn nguồn Phật nói ở đâu]. Trí-tuệ ở đây là minh-sát tuệ đã khởi sinh một cách liên tục (aparāparaṃ upppannā vipassanāpaññā). Spk-pṭ nói: 'Khởi-sinh tùy thuộc' được gọi là "phương pháp" đó bởi vì, với sự áp dụng những phương tiện đúng đắn, thì cái được biết (ñāyati) đúng như nó thực là trong thứ đã khởi-sinh tùy thuộc. Nhưng sự-biết (ñāṇa) được gọi là "phương pháp" đó bởi vì nhờ do điều này nên điều sau được biết. Dù các nhà luận giảng có nói sao, chữ nāya không có liên hệ gì với chữ ñāṇa cả; nāya vốn xuất thân từ ni + i.] (122)

- (Lưu ý: Trong đoạn này, khi hết câu "khi chấm dứt thứ này thì thứ kia chấm dứt", người dịch Việt đã xuống hàng để ghi riêng phần "sự khởi-sinh tùy thuộc" (vòng nhân duyên) để cho người đọc dễ đối chiếu với kinh song hành AN 10:92.)

123 [Spk: Sự khổ ở đây là sự khổ đau của vòng luân-hồi (sinh tử) (vaṭṭa-

dukkha). Có 02 loại nguồn-gốc của khổ: (a) nguồn gốc tức thời (khaṇikasamudaya) và nguồn-gốc do những điều-kiện (tùy duyên) (paccayasamudaya). Một Tỳ kheo nhìn thấy một loại là thấy luôn loại kia! Sự phai biến cũng có 02 loại: (a) sự phai-biến cuối cùng (accantatthaogama; [Spk-pṭ: sự không tái diễn, sự chấm dứt, Niết-bàn]) và (b) sự phai-biến do tan rã (bhedatthaogama; [Spk-pṭ: sự chấm dứt tức thời của những sự tạo-tác (hành).). Người tu nhìn thấy một loại là thấy luôn loại kia!] (123)

124 [Spk: Thế giới ở đây là thế giới của những sự tạo-tác (saṅkhāralūka). Về

bản chất của thế giới theo giáo lý của Phật, mời coi lại chú thích số 182 ở cuối kinh SN 1:26 (Quyển 1).]

125 [Lời kinh sau đây cũng được lặp lại trong kinh SN 35:113.] (125)

126 [Coi thêm kinh SN 12:17, 12:18, và chú thích ở đó.] (126)

127 [Bà-la-môn tên Jāṇussoṇi cũng được nói đến trong kinh SN 45:04 và

những chỗ khác trong các bộ kinh. Spk nói ông ta là quan tế lễ hay đại tế quan (mahāpurohita) rất giàu có, ông nổi tiếng vì sự giàu có và chức vị đó. Về chủ-đề tương tự của kinh này, coi kinh SN 12:15.] (127)

128 [Lokāyatika: người luận giải về thế giới. Spk nói rằng ông này rất thông

thạo về môn lokāyata (vitaṇḍasatthe lokāyate kataparicayo), đó là một môn tranh luận biện luận về thế giới …] (128)

129 [Nguyên văn câu này: Jeṭṭhaṃ etaṃ lokāyataṃ. Spk giải nghĩa jeṭṭhaṃ =

paṭhamaṃ, và giải thích rằng: "lokāyata là quan-điểm suy đoán tệ nhược và ô nhiễm nhưng bề ngoài nghe có vẻ lớn lao và sâu sắc" (mahantaṃ gambhīran ti upaṭṭhitaṃ parittaṃ sāsavaṃ diṭṭhigataṃ; lời chú giải này theo cách ghi trong phiên bản Se, có vẻ đáng tin hơn trong Be).] (129)

130 [Nguyên văn chữ này: ekattaṃ. Spk: Ý ông ta hỏi nó có bản tính thường-

hằng (niccasabhāva) hay không; quan-điểm thứ nhất và thứ ba là những dạng của tư tưởng bất-diệt (sassatadiṭṭhi).] (130)

131 [Nguyên văn chữ này: puthuttaṃ. Spk: Ý ông ta hỏi có một bản tính khác

với bản tính trước hay không; quan-điểm thứ hai và thứ tư là những dạng của tư tưởng đoạn-diệt (ucchedadiṭṭhi).] (131)

132 [Những đoạn trong ngoặc vuông [...] là không có trong các phiên bản kinh

Thái, Tích Lan. Phân biệt với kinh kế tiếp.] (132)

133 [NHÓM này có tên là 'NHÓM KHỔ' (Dukkhavagga) trong phiên bản Be

và Se, nhưng trong Ee thì có tên là 'NHÓM CÂY' (Rukkhavagga).] (133)

134 [Nguyên văn cả câu này: Kittāvatā … bhikkhu parivīmaṃsamāno parivīmaṃseyya sabbaso sammā dukkhakkhayāya. Spk giải nghĩa cụm chữ parivīmaṃsamāno là = upaparikkhamāno.] (134)

135 [Nguyên văn: Jarāmaraṇanirodhasāruppagāminī paṭipadā (con-đường dẫn tới sự phù hợp với sự chấm-dứt nó). Spk giải nghĩa là: con-đường dẫn dắt bởi sự phù hợp với sự chấm-dứt sự già-chết, nó giống [với sự chấm-dứt] bởi lý do là tính chất vô-nhiễm của nó, sự thanh-tịnh của nó. Trong loạt câu

lặp lại kế bên dưới thì phiên bản Ee đã bỏ chữ jāti panāyaṃ kinnidānā: rõ ràng đây là sự vô ý khi biên tập.] (135)

136 [Spk chú giải: (hành = sự tạo-tác cố-ý). (i) hành (mang tính) phước đức

(punnaṃ saṅkhāraṃ, phước hành) là 13 loại sự cố-ý (tư) [những sự cố-ý của 08 loại tâm (citta) thiện thuộc dục-giới và 05 loại tâm thiện thuộc sắc-giới; coi lại chú thích số 7 ở kinh 12:03, đoạn (11). (ii) Thức sẽ đi đến chỗ phước đức (punnūpagaṃ hoti vinñāṇaṃ): thức của nghiệp (nghiệp thức) trở nên nối kết với một nghiệp công đức, thì thức của quả (quả thức) có những quả công đức. (iii) hành vô phước (apunnaṃ saṅkhāraṃ; vô-phước hành) là 12 loại sự cố-ý (tư) [trong 12 tâm bất thiện; coi thêm chú thích số 7 mới nói trên). (iv) Một hành bất-lay-động (ānenjaṃ saṅkhāraṃ; bất-động hành) là 04 loại sự cố-ý (tư) [trong 04 tâm thiện thuộc vô-sắc giới]. Và ở đây, bằng cách đề cập 03 loại hành nghiệp (nghiệp hành) là hàm chỉ cái nguyên lý 12 yếu-tố nhân duyên (vòng nhân duyên). Tới mức này là chỉ về cái vòng luân-hồi hiện hữu.

- Một phân tích về 03 loại sự tạo-tác cố-ý (hành) có ở Vibh 135. Kinh MN II 262–63 (?) Phật có giảng giải chi tiết về cách thức (vinñāṇa) trở thành ānenjūpaga. (?).] (136)

- (Trong các kinh MN thì chú giải trạng thái "sự bất-động" là gồm cả trạng thái tầng thiền định sắc giới thứ ba và thứ tư (tam thiền, tứ thiền), và những tầng chứng đắc vô-sắc giới).

137 [Chữ paritassati rõ ràng là tương đương chữ tiếng Phạn paritṛṣyati có

nghĩa là: khát dục, thèm khát, có dục-vọng, và có kết nối về mặt từ nguyên với chữ taṇhā. Tuy nhiên, trong tiếng Pāli [và có lẽ là phương ngữ MIA] gốc động từ này đã được thổi phồng nghĩa bằng chữ tasati = sợ hãi, run rẩy, chao động, động vọng, và do vậy những danh từ phái sinh của nó như paritassanā và paritasita tích thêm nghĩa của các danh từ phái sinh từ chữ tasati. Sự hội tụ các nghĩa như vầy, như đã rõ ràng thấy trong các bộ kinh the Nikāya, đã được làm rõ hơn bởi các luận giảng. Tôi đã cố gắng 'bắt' cho được cả 02 sắc thái bằng cách dịch động từ là "bị khích động, động vọng" và danh từ là "sự khích động, sự động vọng". Ở đây Spk giải nghĩa là na paritassati: "Người đó không bị khích động bởi sự khích động của dục-vọng (taṇhāparitassanā) hay bởi sự khích động của sự sợ-hãi (bhayaparitassanā); nghĩa là, người đó

không khát dục và không sợ hãi." Cả Spk và Spk-pṭ đều không luận giải gì về chữ parinibbāyati, nhưng nghĩa của nó rõ ràng là sự đạt tới trạng thái kilesaparinibbāna (sự hoàn toàn giải-hết những ô-nhiễm). Về trí-biết do quán-chiếu lại, coi chú thích số (376), bộ kinh SN (Quyển 1).] (137)

138 [Đoạn từ câu này, Spk giải thích là: Sau khi đã chỉ ra trí-biết do quán

chiếu lại của một A-la-hán, đoạn này được nói ra để chỉ sự an trú thường xuyên (satatavihāra) của bậc ấy. Đoạn này cũng có ghi trong các kinh 22:88, 36:07, 36: 08, và 54:8 nhưng đi kèm một ví dụ khác.] (138)

139 [Spk: “Một cảm-giác kết liễu cùng với thân” (kāyapariyantikaṃ vedanaṃ)

là cảm-giác bị định hạn bởi thân (kāyaparicchinnaṃ); “Một cảm-giác kết liễu cùng với mạng sống” (jīvitapariyantikaṃ vedanaṃ) là cảm-giác bị định hạn bởi tuổi thọ. Chừng nào thân với năm cửa giác-quan còn, thì những cảm-giác còn xảy ra ở năm cửa giác-quan đó.] (139)

140 [Spk: “Sẽ trở thành nguội tắt ngay tại đây (idh’ eva ... sītibhavissanti):

ngay tại đây, không còn đi đâu theo cách tái-sinh, chúng sẽ trở thành nguội tắt, không còn xảy ra gì nữa, nên không còn động hay nhiễu nào nữa.] (140)

141 [Spk giải nghĩa ví dụ như vầy: “Lò nung nóng rực” chỉ 03 cõi hiện hữu, “người thợ gốm” là người thiền, và “cây kẹp gắp nồi” là trí-biết của thánh đạo A-la-hán. Chỗ “nền đất phẳng” là Niết-bàn. Thời gian người thợ gốm lấy cái nồi đất sét từ trong lò nung ra và đặt lên nền đất là ví như thời gian khi người thiền, sau khi đã chứng đắc thánh quả A-la-hán tối cao, loại bỏ sắc- thân cá nhân ra khỏi 04 cảnh giới thống khổ và đặt nó lên nền phẳng của Niết-bàn, bằng cách chứng đắc thánh quả. Giống như cái nồi đất nung chưa bể tan hết khi mới lấy ra, bậc A-la-hán cũng chưa chứng đắc Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn, parinibbāna) vào ngày mình chứng đắc thánh quả A-la- hán. Vị đó có thể sống thêm 50-60 năm nữa, nỗ lực bảo tồn Phật Pháp. Khi nào vị ấy đạt tới khoảng-khắc tâm (sát-na) cuối cùng của mình, với sự tan rã của thân năm-uẩn, vị ấy chứng Niết-bàn cuối cùng không còn tàn dư hơi hướng (vô dư y bát-Niết-bàn). Rồi, giống như những mảnh xác tan rã của nồi đất sét, bậc giác-ngộ chỉ để lại những mảnh xác thân vô tri vô giác.] (141)

142 [Spk dịch nghĩa là: “Vậy thức tái sinh (paṭisandhivinñāṇa) có còn được

thấy không?”] (142)

143 [Spk dịch nghĩa là: “Đơn giản đây là sự chấm-dứt sự khổ của vòng luân-

hồi, là sự kết-thúc nó, tức là Niết-bàn.”] (143)

144 [Upādāniyesu dhammesu: những thứ có thể bị dính chấp. Spk giải nghĩa

là: trong những hiện-tượng thuộc 03 cõi hiện hữu, đó là những điều-kiện (duyên) tạo ra 04 loại sự dính-chấp (thủ).

- Về chữ upādāniyā dhammā, coi thêm ở các kinh 22:121, 35:110, 123, trong đó sự dính-chấp (upādāna) được giải nghĩa chính là tham-muốn và nhục-dục (chandarāga) đối với những thứ có thể làm mình bị dính-chấp.] (144)

145 [Spk giải nghĩa ví dụ này: Đống lửa lớn là chỉ: 03 cõi hiện hữu; người châm lửa: người phàm phu vô minh bị dính trong vòng luân-hồi. Việc người đó châm thêm nhiên lựu vô lửa giống như người phàm tục cứ suy ngẫm về sự thỏa-thích, tạo những nghiệp thiện và bất thiện thông qua 06 cửa giác-quan theo cách của dục-vọng (ái). Sự gia tăng của lửa giống như người phàm tục đó càng sản xuất thêm sự khổ đau của vòng

luân-hồi bằng cách tích lũy thêm nghiệp.] (145)

146 [Spk đã diễn dịch rất dài dòng về ví dụ từ lời kinh đơn giản dễ hiểu này.

Người dịch Việt chỉ trích dẫn câu cuối cùng: "… Thời gian khi đống lửa được dập tắt là ví như thời gian thân năm-uẩn của một A-la-hán tan rã và người đó qua đời vào Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y Niết-bàn)."] (146)

147 ["Những thứ có thể gông cùm mình" (saṃyojaniyesu dhammesu). Spk: Đó

là những điều-kiện (duyên) tạo ra mười loại gông-cùm (kiết sử). Về "những thứ có thể gông cùm mình", coi thêm kinh SN 22:120, 35:109, 35:122. Chỗ này chữ "gông-cùm" được giải thích đơn giản chính là sự tham-muốn và nhục-dục.] (147)

148 [Spk diễn dịch: Cây to được ví như: vòng luân-hồi hiện hữu trong 03 cõi;

gốc rễ: sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ); sự chuyển nhựa sống từ nhựa sống từ gốc lên cây: sự tạo dựng của nghiệp thông qua 06 cửa cảm-nhận; sự ổn định sống lâu của cây: sự liên tục dai dẳng của người phàm tục trong vòng luân- hồi bất tận do vẫn liên tục tạo nghiệp.] (148)

Chú Thích • 353

149 [Spk đã diễn dịch rất dài dòng về ví dụ từ lời kinh đơn giản dễ hiểu này.

Người dịch Việt chỉ trích dẫn câu cuối cùng: "… Sự hốt tro ví như mạng sống của A-la-hán đã đến lúc Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) của vị đó. Sự quăng tro đi, hay sự bị cuốn đi bởi sông chảy xiết giống như sự làm ngừng lặn vòng luân-hồi sau khi A-la-hán đã bát niết-bàn bằng yếu-tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y Niết-bàn giới).] (149)

150 [Một gốc-gác sinh ra phần danh-sắc (nāmarūpassa avakkanti). Spk không luận giải gì, nhưng dưới ánh sáng của các kinh khác chúng ta có thể coi mệnh đề này hàm nghĩa "có dục-vọng nằm bên dưới sự suy-ngẫm đó", và nó chính là nguyên nhân duy trì chính cho tiến-trình tái-sinh, vốn bắt đầu từ "một gốc-gác sinh ra phần danh-sắc". Sự bắc cầu nối kết này cũng được thấy có trong kinh SN 12:39, 12:64, và mời đọc thêm chú thích số 115 ở kinh SN 12:39.] (150)

151 [Một gốc-gác sinh ra thức (vinñāṇassa avakkanti). Trong kinh dài DN II

63,2–4 có nói rằng: nếu thức không hạ vào trong thai mẹ, thì phần danh-sắc sẽ không thành hình trong thai. Cái "gốc-gác sinh ra phôi thai" (gabbhassāvakkanti)—như đã được nói trong kinh MN 38, mục 26, và MN 93, mục 18, và AN 3:61, giữa cuối đoạn (3)—đã cho rằng sự nhập vào (bụng mẹ) của thức kích hoạt sự thụ-thai.] (151)

152 [Phần mở đầu về bối cảnh và nhập đề [Trong một lần … vòng luân-hồi

(sinh tử)" của kinh này giống kinh dài DN 15.] (152)

153 [Spk định nghĩa: Không được chỉ dạy (assutavā): không có sự học hiểu,

sự vấn hỏi và sự phân biệt đối với các uẩn, các yếu-tố (giới), những cơ-sở cảm nhận (sáu xứ), tính điều-kiện (lý duyên khởi), những nền tảng chánh- niệm (tứ niệm xứ) … Người phàm phu hay phàm tục (puthujjana) là một người trong "quần chúng thế tục", được gọi là người phàm tục bởi vì còn tích tạo đủ thứ ô-nhiễm (puthūnaṃ nānappakārānaṃ kilesādīnaṃ jananādikāraṇehi puthujjano); và cũng bởi vì người đó còn thuộc trong quần chúng thế tục (puthūnaṃ janānaṃ antogadhattā), số đông không thể tính hết, là những người còn dính vào những Giáo Pháp thấp hèn ngược lại với Giáo Pháp của những thánh nhân. Hoặc nói khác, theo chữ puthu có nghĩa là "được coi là tách khỏi", người phàm phu là người tách khỏi hàng thánh nhân

là những người được giới-hạnh, sự học-hiểu … (puthu vā ayaṃ visuṃ yeva saṅkhaṃ gato; visaṃsaṭṭho sīlasutādiguṇayuttehi ariyehi jano ti puthujjano).] (153)

154 [Nguyên văn câu này: Cittaṃ iti pi mano iti pi vinñāṇaṃ iti pi. So sánh

với kinh dài DN 21,21 ghi là: Yaṃ ... idaṃ vuccati cittan ti vā mano ti vā vinñāṇan ti vā. Spk nói: tất cả những chữ này là chỉ cơ-sở tâm (tâm xứ; manāyatana). Thường thì tôi dịch cả hai chữ citta và mano là "tâm" nhưng do tiếng Anh chỉ có 02 chữ dùng chung để chỉ căn nhận-biết—đó là "tâm" và "thức"—nên ở đây tôi bị bắt buộc phải dùng thêm một chữ là "tâm thần" như một chữ dùng tạm bất đắc dĩ cho chữ mano. Trong khi về kỹ thuật thì cả ba chữ này đều biểu thị nghĩa giống nhau, nhưng trong các kinh bộ Nikāya thì chúng được dùng trong những ngữ cảnh khác biệt. Khái quát sơ lược về chúng là:

(1) Vinñāṇa (thức) biểu thị (i) sự ý thức riêng biệt hóa thông qua một căn cảm-nhận [như thức-mắt … thức-tâm, theo khuôn mẫu có sáu thức](*), và cũng biểu thị cho (ii) dòng tiềm thức nó 'duy trì' sự liên tục cá-thể suốt một kiếp sống và 'xâu kết' những kiếp sống kế tiếp nhau [như được nhấn mạnh ở kinh SN 12:38–40].

(2) Mano (tâm thần) làm chức năng (i) là cửa thứ ba của hành-động [tức: tâm cùng với thân và lời-nói], và (ii) là cơ-sở cảm-nhận bên trong thứ sáu (nội xứ thứ sáu, giác-quan thứ sáu) [tức: tâm cùng với 05 cơ-sở cảm nhận bên trong là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân]; (iii) là một cơ-sở cảm-nhận (giác-quan) nên nó phối hợp thông tin dữ liệu của 05 cơ-sở cảm-nhận kia, và nó cũng nhận biết những hiện-tượng thuộc tâm (các pháp, dhammā), đó là những đối-tượng thuộc loại của riêng cơ-sở tâm.

(3) Citta (tâm) thì biểu thị cái tâm là 'trung tâm' của sự trải nghiệm cá thể, là 'chủ-thể' của ý-nghĩ, sự cố-ý, và cảm-xúc. Chính citta mới là cái "tâm" cần phải được hiểu, cần được tu-tập, và cần được giải-thoát. Để hiểu thêm chi tiết, mời quý vị đọc thêm quyển 'Danh-tính và Sự Trải-nghiệm', chương 5, của học giả Hamilton.] (154)

- (*) (Sự ý thức riêng biệt hóa hay sự nhận thức biệt hóa (tạm dịch Việt) là riêng biệt hóa thông tin hay đặc tính của một đối-tượng, là phân biệt nó thành

này nọ. Ví dụ: qua mắt, một người ý thức một hình-sắc thành đẹp hay xấu hay gì đó …). (154)

155 [Spk giải thích: Nó (cái được gọi là tâm) được nắm-giữ (ajjhosita) bởi sự

nuốt chửng bởi dục-vọng (ái); được chấp-hữu (mamāyita) bởi sự bị chấp hữu bởi dục-vọng, và được nắm-chặt (parāmaṭṭha) bởi sự bị nắm chặt bởi những quan-điểm này nọ (tà kiến). (i) "Đây là của-ta" (etaṃ mama): là sự nắm giữ (điều khiển) của dục-vọng (taṇhāgāha); bởi điều này nên gồm có 108 ý-nghĩ của dục-vọng. (ii) "Đây là cái 'ta'" (eso 'ham asmi): là sự nắm giữ của sự tự- ta hay ngã-mạn (mānagāha); bởi điều này nên gồm có 09 loại tự-ngã. (iii) "Đây là 'bản ngã' của ta" (eso me attā): đây là sự nắm giữ của những tà-kiến (diṭṭhigāha); bởi điều này nên gồm có 62 loại tà-kiến (tà kiến) [như đã được liệt kê ra kinh dài DN 01 (kinh Phạm Võng).] (155)

156 [Spk diễn dịch câu này một cách dài dòng bằng những giai đoạn sống và

bằng mấy ví dụ, nhưng người dịch thấy câu này tự nó đã rõ nghĩa cho người đọc.]

157 ["Suốt ngày và suốt đêm" (rattiyā ca divasassa ca) là dịch theo thành ngữ

tiếng Việt để chỉ ra (sự sinh-diệt) xảy ra cả ban ngày và ban đêm. Spk cũng chú giải nghĩa là "suốt trong ban ngày và trong ban đêm" (suốt ngày đêm). Khởi sinh thành này và chấm dứt thành khác (annadeva uppajjati, annaṃ nirujjhati): Spk chú giải dài dòng, nhưng nghĩa là: [tâm] luôn biến đổi bằng cách sinh và diệt khác nhau liên tục trong suốt ngày và đêm (những lần sinh và những lần diệt đều khác nhau, thành này thành nọ …) Nhưng một tâm (citta) không thể trụ lâu nguyên cả ngày hay cả đêm. Thậm chí trong một khoảng-khắc bằng cái búng ngón tay đã có nhiều trăm ngàn koṭi của citta sinh và diệt [1 koṭi = 10 triệu]. Ví dụ con khỉ nên hiểu như vầy: "Rừng những đối-tượng" (trần cảnh) giống như khu rừng rậm. Tâm khởi sinh trong khu rừng những đối-tượng giống như con khỉ chạy nhảy chuyền cành khắp nơi trong rừng. Tâm nắm giữ một đối-tượng giống như khỉ nắm chụp một cành lá. Giống như con khỉ chạy nhảy nắm chụp khắp khu rừng, cứ nắm chụp và bỏ lại cành lá, rồi lập tức nắm chụp cành lá khác và lại bỏ lại … liên tục; tâm cũng vậy, nó chạy nhảy khắp khu rừng những đối-tượng, luôn khởi sinh, lúc thì bắt lấy đối-tượng nhìn thấy được (những hình-sắc), lúc thì đối-tượng nghe thấy được (những âm-thanh) … ; lúc thì đối-tượng quá khứ, lúc thì đối-tượng

hiện tại, lúc thì đối-tượng tương lai … ; lúc thì đối-tượng bên trong, lúc thì đối-tượng bên ngoài … ; Có lúc con khỉ không tìm thấy cành lá [mới], không chạy nhảy nữa, nhưng nó cũng không xuống đất ngồi nghỉ mà cứ nắm lấy một cành lá mà đu đưa với nó (tức luôn luôn động khởi). Cũng giống như vậy, tâm chạy nhảy khắp khu rừng những đối-tượng, không thể nói nó khởi sinh mà không nắm bắt một đối-tượng nào; thay vì vậy, nó khởi sinh nắm bắt một đối-tượng thuộc một mỗi loại nào đó. Lưu ý rằng: không có kinh nào hay luận giảng nào diễn dịch ví dụ con khỉ ở đây bằng cách nói rằng cái tâm không được tu-tập là bất an bất ổn không ngừng nghỉ giống như một

con khỉ vậy; thay vì vậy, luận điểm ở đây ý nói là: cái tâm luôn luôn tùy thuộc vào một đối-tượng nào đó (mà sinh diệt), (giống như con khỉ luôn tùy thuộc vào mỗi cành lá mới mà nắm bắt và chuyền nhảy, nắm và bỏ liên tục).] (157)

158 [Spk đã chú giải về thứ tự của kinh này như vầy: (1) Trước tiên, bởi vì

những Tỳ kheo này đã quá bị ám muội bởi sắc-thân, nên Phật đã nói như thể rằng: "không đúng khi nắm giữ sắc-thân" [vì đã nhìn thấy sự tăng lên và sút xuống (sinh diệt, vô thường) của nó] nhưng không phải là không đúng đắn khi nắm giữ tâm. (2) Kế tiếp [trong đoạn kinh (i) bắt đầu bằng câu "… thì thà nhận cái thân 'tứ đại' này là cái 'Ta'] Phật nói như thể rằng nắm giữ cái thân là đúng hơn nắm giữ cái tâm [do tâm là biến đổi liên tục không ngừng]. (3) Bây giờ, trong đoạn này, Phật nói với mục tiêu loại bỏ cái sự ám muội của họ khỏi cả thân và tâm.] (158)

159 [Tôi đọc theo Se và Ee là nānābhāvā vinikkhepā, khác với Be ghi là

nānākatavinibbhūgā. Ví dụ này cũng có trong kinh SN 36:10 và 48:39; trong cả 02 kinh đó thì Be lại ghi cụm chữ này giống theo Se và Ee trong kinh này. Spk giải thích: Cơ-sở cảm-nhận (nội xứ) giống như que mồi lửa nằm dưới, đối-tượng (ngoại xứ, trần) thì như que mồi lửa nằm trên, sự tiếp-xúc giống như sự cọ xát của 02 que mồi lửa, và cảm-giác giống như nhiệt được sinh ra. (Khi có tiếp-xúc thì sinh ra cảm-giác; khi có xúc là có thọ).] (159)

160 [Một bản dịch kinh này cộng với phần luận giải dài về kinh này bởi nhà sư

trưởng lão Nyanaponika, có tên là Bốn Dưỡng Chất Của Sự Sống. Spk giải thích rằng Phật đã nói bài kinh này bởi vì Tăng Đoàn những Tỳ kheo đang nhận được nhiều thức ăn cúng dường và nhiều thứ thiết yếu khác, và Phật muốn đặt trước họ "một tấm gương của Giáo Pháp để họ biết tự-chủ và kiềm-

chế bản thân, để mà, sau khi suy xét quán chiếu về nó liên tục và thường xuyên, những Tỳ kheo sau này sẽ biết sử dụng những thứ cúng dường chỉ sau khi suy xét quán chiếu về chúng." Đoạn kinh mở đầu trong kinh này giống hệt như ở kinh 12:11.] (160)

161 [Spk: … (nôm na ý nghĩa như vầy:) Giống (giả sử) như "thịt của con

mình" hai người đó ăn đâu phải vì muốn ăn, vì thích thú, vì ngon, để giải trí hay để say sưa. Tương tự, một Tỳ kheo nên dùng thức ăn khất thực theo cách: không tham lam và thèm muốn đồ ăn thức uống; không cố ăn nhiều; không ăn ngốn miếng lớn; không dành ích kỷ; không ngu mờ về những thứ mình ăn (ví dụ: phải biết có hợp với giới luật hay không); không mong/thèm muốn được ăn lại món đó; không để dành tích trữ thức ăn; không thỏa thê tự mãn (vì đã ăn được thức ăn đó); không chê bai thức ăn; và không tranh cãi vì thức ăn.] (161)

162

163 [Spk chú giải: Không còn có gông-cùm trói buộc: giáo lý theo cách dưỡng chất thức-ăn ở đây chỉ được giảng giải tới thánh đạo Bất-lai là xa nhất; nhưng nếu người tu

tu tập sự minh-sát nhìn vào năm-uẩn cũng theo cách minh-sát những thứ thuộc thể-sắc như thức ăn… thì có thể giải thích câu này tới thánh đạo A-la-hán.] (163)

164 [Spk: Ví như một con bò khi nhìn thấy sự nguy-hại bị ăn thịt bởi những

con vật khác ở những nơi nó có mặt, thì nó đâu còn muốn được coi trọng và tôn trọng, hay được cưng chiều, được chải lông, được cho tắm … ở những nơi đó. Một Tỳ kheo sau khi nhìn thấy sự nguy-hại bị ăn bởi những 'con vật' là những sự ô-nhiễm bắt rễ từ/được nuôi từ dưỡng-chất là sự tiếp-xúc, thì người đó trở nên hết tham-muốn đối với những sự tiếp-xúc trong 03 cõi hiện- hữu.] (164)

165 [Spk giải thích sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) sự tiếp-xúc theo cách giải

thích trên về thức-ăn, chỉ khác là ở đây sự tiếp-xúc được coi là điểm bắt đầu cho sự nhận-thấy về năm-uẩn là gì. Khi sự tiếp-xúc được hoàn toàn hiểu thì ba loại cảm-giác được hoàn toàn hiểu vì những cảm-giác bắt rễ từ sự tiếp-xúc và liên hợp với sự tiếp-xúc. Giáo lý theo cách dưỡng chất là sự tiếp-xúc ở đây đã được giảng giải tới thánh quả A-la-hán luôn.] (165)

166 [Spk diễn dịch như vầy: Hố than đang cháy là ví như vòng luân-hồi (sinh

tử) trong 03 cõi hiện-hữu; người muốn sống là người phàm phu vô minh còn bị dính trong vòng luân-hồi (sinh tử); 02 lực sĩ là nghiệp thiện và nghiệp bất thiện. Khi họ nắm lấy người đó và lôi tới hố than, điều này giống như sự tích lũy nghiệp của người phàm phu; bởi nghiệp được lũy sẽ kéo lê tới sự tái-sinh. Sự đau đớn do rớt xuống hố than cháy giống như sự khổ đau trong vòng luân-hồi (sinh tử).] (166)

167 [Spk giải thích: Ba loại dục-vọng được hiểu hoàn toàn: Ba loại dục-vọng

là dục-vọng đối với những khoái-lạc giác-quan (dục ái); dục vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), và dục-vọng không muốn hiện-hữu (phi-hữu ái). Chúng được hiểu hoàn toàn vì dục-vọng (ái) bắt rễ từ sự cố-ý của tâm (tư, tâm tư). Ở đây giáo lý theo cách dưỡng-chất là sự cố-ý của tâm đã được giảng giải để dẫn tới tận thánh quả A-la-hán luôn.] (167)

168 [Spk diễn dịch: Nhà vua là ví như nghiệp; người phạm tội là người phàm

tục; 300 mũi giáo là thức tái-sinh. Thời gian nhà vua ra lệnh giống như thời gian người phàm tục bị lôi tới sự tái-sinh bởi nhà vua = nghiệp. Sự đau khổ do bị đâm bởi những ngọn giáo là quả khổ đau trong tiến trình hiện-hữu ngay sau khi sự tái-sinh xảy ra.] (168)

169 [Spk: Phần danh-sắc được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) khi thức được hoàn-

toàn hiểu bởi vì phần danh-sắc bắt rễ từ thức và khởi sinh cùng với thức. Ở đây giáo lý theo cách dưỡng-chất là thức cũng được giảng giải tới tận thánh quả A-la-hán luôn.] (169)

170 [Spk giải thích tham-dục (rāga), sự khoái-thích (nandī), và dục-vọng (taṇhā) đều đồng nghĩa = (lobha). Thức sẽ được lập-thành ở đó và đi đến sự tăng trưởng (patiṭṭhitaṃ tattha vinñāṇaṃ virūḷhaṃ): sau khi đã thúc đẩy một nghiệp, nó "được lập thành và đi đến sự tăng trưởng" nhờ khả năng của nó kéo tới sự tái-sinh. Về sự lập-thành của thức, coi kinh SN 12:38 ở trên và chủ thích số 112 của nó, và về gốc-gác sinh ra phần danh-sắc, coi kinh SN 12:39 ở trên và chú thích số 115 của nó.] (170)

171 [Spk: Bất cứ ở đâu (yattha) một định vị từ chỉ vòng luân-hồi hiện hữu

trong 03 cõi.] (171)

172 [Atthi tattha saṅkhārānaṃ vuddhi. Spk: Điều này được nói ra là đề cập tới

những sự tạo-tác cố-ý (hành) là nguyên nhân gây ra vòng hiện-hữu tái sinh trong tương lại đối với một người đang sống trong vòng quả hiện tại.

- Sự biến tấu khác đi ở đây so với trình tự thông thường là thú vị. Khi "sự phát tăng của hành" được đặt ở giữa phần danh-sắc và sự tái hiện-hữu, điều này hàm ý đây là sự diễn tả về 03 chữ của công thức tiêu chuẩn—dục-vọng, sự dính-chấp, và sự hiện-hữu [do nghiệp] (ái, thủ, nghiệp hữu)—với câu āyatiṃ punabbhavābhinibbatti diễn tả tiến trình của sự nhập vò sự hiện-hữu mới.] (172)

173 [Spk diễn dịch: Người vẽ biểu thị cho nghiệp với những phụ tính phụ kiện

hệ lụy của nó [Spk-pṭ: biểu thị cho dục-vọng và vô-minh, và thời gian và nơi đến … vân vân.]; ván gỗ, tường, hay-phục bạt biểu thị cho vòng luân-hồi với 03 cõi hiện-hữu. Giống như họa sĩ tạo hình trên mặt ván, nghiệp và những hệ lụy của nó tạo một sắc-thân trong những cõi hiện-hữu. Giống như hình được tạo bởi một họa sĩ không thiện khéo là xấu xí, dị dạng, và khó nhìn, nghiệp thực hiện với một cái tâm xa lìa sự-biết cũng khởi sinh thành hình hài xấu xí, dị dạng, khó ưa. Nhưng giống như hình được tạo bởi một họ sĩ thiện khéo, nghiệp được tạo bởi một cái tâm nối kết với sự-biết khởi sinh thành hình hài đẹp đẽ và thanh nhã.] (173)

174 [Spk chú giải: Nghiệp của một A-la-hán giống như tia nắng. Tia nắng là

có thật, nhưng bởi vì không có chỗ nào cho nó đậu trên đó nên nói rằng nó sẽ không được thành hình (appatiṭṭhitā) ở đâu cả. Nhưng nghiệp của A-la-hán được nói là sẽ không được lập thành bởi vì nó không tồn tại. Mặc dù vị ấy có thân … vân vân, nhưng không có nghiệp thiện hay bất thiện được tạo ra bởi đó. Những hành-động của vị ấy chỉ là thuộc chức năng, không phải là nhân sản sinh ra quả (kiriyamatte ṭhatvā avipākaṃ hoti). Về ý kết nối này, mời coi thêm kinh 12:25 và chú thích 81 trong đó.

- Ở đây quý vị lưu ý rằng: Spk đã giải thích câu 'thức của A-la-hán là không được lập thành' có nghĩa là nghiệp của vị ấy không được lập thành. Cách giải thích này có lẽ là sự diễn dịch quá tự do. Theo tôi nghĩ, sẽ sai lầm nếu diễn dịch bài kinh là có ý nói rằng 'sau khi bát Niết-bàn thức của A-la-hán vẫn có ở một dạng nào đó mà chỉ có thể mô tả là không được lập thành'. Đoạn kinh

này rõ ràng đang nói về thức của A-la-hán khi vị đó đang còn sống. Ý của lời kinh không phải là một cái 'thức không được lập thành' vẫn có sau khi một A-la-hán bát Niết-bàn, mà ý nói rằng 'thức của vị đó không còn dính tham, không còn "được lập thành trong" thành 04 loại dưỡng-chất theo cách nó có thể tạo ra một sự tái hiện-hữu sau đó.'. (174)

175 [Đoạn đầu này giống như trong kinh SN 12:10.] (175)

176 [(a) So sánh với "vòng nhân duyên" (công thức duyên-khởi) là giống hệt

nhau khi nói về sự giác-ngộ của Phật Vipassi (Tỳ-bà-thi) trong kinh DN II 32; (b) Đoạn cuối cho thấy sự tùy-thuộc lẫn nhau của "thức" và "phần danh- sắc": chúng vừa là nhân và vừa là duyên của nhau; Phật có giảng giải chỗ này một cách chi tiết trong kinh DN 15.

- Một bản dịch phần chú giải chi tiết ở Sv II 501–3 cộng với trích dẫn từ Sv- pṭ bởi TKBĐ có thể tìm thấy trong tuyển tập Bodhi, có tên là "Đại Kinh Về Nhân Duyên", trang 84–89. Mời quý vị cũng đọc thêm kinh 12:67 bên dưới.

- Spk đã chú giải: Khi có phần danh-sắc, thì có thức: Ở đây lẽ ra nên nói rằng "Khi có những sự tạo-tác cố ý (hành), thì có thức" và "Khi có vô-minh, thì có những sự tạo tác cố ý (hành)." Nhưng cả 02 câu này đã không được Phật nói ra ở đây. Vì sao vậy? Bởi vì vô-minh và hành là thuộc một thứ hiện-hữu thứ ba và sự minh-sát này là không liên kết với chúng (avijjāsaṅkhārā hi tatiyo bhavo, tehisaddhiṃ ayaṃ vipassanā na ghaṭīyati). Bởi vì bậc Vĩ Nhân (tức Phật khi còn là Bồ-tát) đã thực hiện sự minh-sát theo cách (nhìn vào) sự hiện- hữu hiện tại gồm 05 thành phần (pancavūkārabhava = sự hiện-hữu có mặt năm-uẩn).

- (Hỏi:) Có đúng là người tu không thể giác-ngộ khi chưa nhìn thấy vô-minh và hành? (Đáp:) Đúng vậy, không thể. Nhưng những thứ này được nhìn thấy theo cách của dục-vọng (ái) và sự dính-chấp (thủ), và sự hiện-hữu (hữu). Nếu một người theo bắt một con thằn lằn đã được thấy chui vô một cái hang, người đó nên bước xuống, đào ngay chỗ hang mà nó chui vào, bắt nó, và đi khỏi đó; nếu người đó chỗ khác thì đâu tìm thấy nó. Cũng giống như vậy, vị Bồ-tát đang ngồi thiền trên chỗ ngồi để giác-ngộ, bậc ấy đã truy tìm những điều-kiện (nhân duyên) bắt đầu từ sự già-chết (được thấy rõ rệt giữa thế gian). Sau khi đã truy ngược những điều-kiện làm khởi sinh hiện-tượng (già-

chết) đó ... cho tới phần danh-sắc, bậc ấy tiếp tục truy ngược và nhìn thấy đó là thức. Rồi, sau khi đã nhận ra "phạm vi khám phá theo cách (nhìn vào) 'sự hiện-hữu 5 thành phần như vầy là quá nhiều'", nên bậc ấy đã quay trở lại sự minh-sát của mình (vipassanaṃ paṭinivattesi). Vượt quá chỗ này vẫn còn một cặp nhân duyên là vô-minh và dục-vọng, chúng giống như một vùng chưa được đào bể của cái hang trống nói trên (tức cái hang trống sau khi đã đào bắt được con thằn lằn vẫn còn phần nào đó chưa bị đào lên của cái hang trống đó). Nhưng bởi vì chúng có nằm trong sự minh-sát trước đó

[dưới tiêu đề dục-vọng ... vân vân?] (ví như phần chưa đào vốn đã nằm thuộc trong cái hang đã đào từ ban đầu để tìm bắt con thằn lằn), cho nên chúng không được (đem ra) khám phá một cách riêng biệt; chính vì vậy nên Phật đã không đề cập tới nó ở đây! (và chỉ nói tới thức).] (176)

177 [Thức này quay lại (paccudāvattati kho idaṃ vinnāṇāṃ). Spk giải thích:

Thức nào quay lại? Đó là thức tái-sinh và thức minh-sát. Thức tái-sinh quay lại từ điều-kiện (duyên) của nó; thức minh-sát quay lại từ đối-tượng của nó. Không có thức nào trong đó vượt qua phần danh-sắc, vượt quá phần danh- sắc.

- Spk-pṭ: Từ điều-kiện của nó: nghĩa là, thức tái sinh quay lại từ những sự tạo-tác cố ý (hành)—là nguyên nhân đặc biệt tạo ra thức—chưa được đề cập tới; nó không quay lại từ tất cả các điều-kiện, vì chỉ có phần danh-sắc được cho là điều-kiện của thức, (như vậy là nó quay lại từ phần danh-sắc). Từ đối- tượng của nó: nghĩa là, quay lại từ sự vô-minh và hành là đối-tượng, hoặc từ kiếp-trước là đối tượng của nó.

- Có thể trước đó vị Bồ-tát (tức Phật) đã đang tìm kiếm một 'bản ngã' theo kiểu trong Upanisad (Áo Nghĩa Thư, triết lý về bản ngã của Vệ-đà) như một chủ-thể tự hiện hữu gồm có một cái thức tinh khiết không cần có điều-kiện (duyên) gì để hiện hữu. Nhưng rồi Phật đã khám phá ra rằng thức cũng là tùy thuộc vào phần danh-sắc mà có, nên sự tìm kiếm đó chỉ là việc vô ích, và điều đó cho thấy: ngay cả thức, cơ sở vi tế nhất cho ý-niệm có 'bản ngã' [coi thêm kinh 12:61] cũng là thứ bị điều-kiện (hữu vi) và do vậy cũng mang bản chất 'vô-thường, khổ, và vô-ngã' mà thôi.] (177)

178 [Spk: Tới ngưỡng mức này là một người có thể được sinh-ra ... (ettāvatā

jāyetha vā ...): Với thức là một điều-kiện (duyên) tạo ra phần danh-sắc, và với phần danh-sắc là điều-kiện (duyên) tạo ra thức, tới ngưỡng mức này thì một người có thể được sinh ra và trải qua sự tái-sinh. Thứ gì vượt quá chỗ này mà có thể được sinh ra hay trải qua sự tái-sinh? Chẳng phải 'chỉ chính chỗ này' mới được sinh ra và trải qua sự tái sinh hay sao?

- Spk-pṭ: Tới ngưỡng mức này: nghĩa là, tới chỗ có thức và phần danh-sắc xảy ra một cách hỗ tương với nhau. Một người có thể được sinh-ra và trải qua sự tái-sinh: Mặc dù câu này đã được dùng, nhưng không có nghĩa là có thực một 'con người' hay một 'ai' ngoài thức và phần danh-sắc. Cho nên nhà luận giảng (Spk) đã nói "Thứ gì vượt quá chỗ này?". 'Chỉ chính chỗ này (etadeva) mới được sinh ra: là chỉ chính cặp "thức và danh-sắc".

- Nên lưu ý rằng chữ jāyetha, jīyetha ... vân vân ... được ghi ở thể thứ ba số ít. Trong KS 2:73, tiến sĩ C.Rh.D có lẽ đã nhầm chúng là ngôi thứ hai số nhiều ..., trong khi trong LDB, trang 211, 226, dịch giả Walshe đã dùng cách dịch kiểu bùng binh để tránh nhận dạng đó là phần sắc-thân. Về vấn đề này, thảo luận chi tiết về sự nhân-duyên tương hỗ của thức và phần danh-sắc, mời đọc bài tham luận của TKBĐ trong tuyển tập Bodhi, có tên là "Đại Kinh Về Nhân Duyên", trang 18–22.] (178)

179 [Sự chấm dứt lẫn nhau của thức và danh-sắc cũng được thấy có nói trong

kinh dài DN II 34,21–35,13 (?). Spk không chú giải gì về câu "Ta đã khám phá ra con-đường dẫn tới sự giác-ngộ" (adhigato kho myāyaṃ maggo

bodhāya), nhưng ở câu tương ứng trong kinh DN thì được luận giải trong Sv II 461,5–8 như vầy: "Con-đường [đạo]: là con đường của minh-sát (thiền quán). Dẫn tới sự giác-ngộ: là sự giác ngộ về Bốn Diệu Đế, hay sự giác-ngộ dẫn tới Niết-bàn. Thêm nữa, sự giác-ngộ được gọi như vậy vì nó được giác ngộ (khai sáng) (bujjhatī ti bodhi); đây chính là tên gọi của thánh đạo …] (179)

180 [Từ chỗ này Spk có chú giải rất chi ly về sự tương ứng của những bước

trong ví dụ kinh thành cổ so với những bước trong sự khám phá ra Giáo Pháp và thánh đạo dẫn tới sự giác-ngộ của Đức Phật. (Nhưng lời kinh của Phật đã

tự rất dễ hiểu nên những chú giải quá khai mở và diễn dịch thì không cần).] (180)

181 [Tới đoạn này thì chữ những sự tạo-tác cố ý (hành; saṇkhārā), vốn đã bị

bỏ đi ở phần trên của bài kinh, cuối cùng cũng đã được đưa vào lại; và cả cái điều-kiện (duyên) tạo ra chúng đó là = nguồn gốc của chúng cũng được đưa vào lại: và nguồn gốc của chúng chính là = vô-minh.] (181)

182 [Nội dung/ lời kinh ở đoạn cuối này cũng có trong kinh SN 51:10. (Và

cũng có trong đoạn cuối của mấy phần đoạn mà Ma-vương đã nhắc lại với Phật trong kinh AN 8:70, vì phần đầu của kinh AN 8:70 cho tới hết phần thi kệ là giống hệt kinh SN 51:10).] (182)

183 [Spk diễn dịch và luận giải như vầy: Vì sao Phật nói kinh này cho những

Tỳ kheo? Bởi vì đây là một kinh vi tế về Giáo Pháp, là Giáo Pháp được ấn chứng bởi 03 đặc-tính (vô-thường, khổ, vô-ngã), đã xảy đến cho chính Đức Phật. Ở xứ Kuru này, những người Kuru được điển tích cho là những người có những gốc-rễ tốt (thiện căn) [Spk-pṭ: những thiện căn là = những điều- kiện hỗ trợ (trợ duyên) cho sự thành tựu Giáo Pháp thánh thiện] và họ có trí [Spk-pṭ: có trí-tuệ của 'thức tái-sinh có 03 căn thiện' và trí-tuệ thực dụng (không phải trí văn nghệ hay lý thuyết)]. Họ có năng lực thâm nhập thấu suốt bài giảng thâm sâu về Giáo Pháp được ấn chứng bởi 03 đặc-tính. Vì vậy cho nên cũng tại thị trấn này Phật đã bài kinh quan trọng như: Kinh Những Nền Tảng Chánh-Niệm (kinh Niệm Xứ) [DN 22, MN 10], Đại Kinh về Nhân Duyên [DN 15], kinh Đường Dẫn Tới Sự Bất-Động [MN 106, Āneñjasappāya Sutta], Tiểu Kinh về Nhân Duyên [SN 12:60, Cūḷanidāna Sutta], và các bài kinh sâu sức khác.] (183)

184 [Nguyên văn câu này: Sammasatha no tumhe bhikkhave antaraṃ sammasan ti. Spk giải thích "sự khám-phá hướng nội" là sự khám phá bên trong về những điều-kiện (duyên) (abbhantaraṃ paccayasammasanaṃ). Trong văn chú giải, chữ sammasana-ñāṇa là một chữ thuật ngữ để chỉ sự hiểu-thấu về năm-uẩn theo cách ba

đặc-tính của chúng [coi Paṭis Ī 53–54, được trích dẫn trong Vism607–8; (Ppn 20:6–20). Tuy nhiên, ở đây chữ sammasana được dùng với nghĩa gần hơn với khái niệm là "sự nhận-thấy các điều-kiện" (paccayapariggaha), như trong Vism 598–600; (Ppn 19:1–13).

(Như vậy có thể tạm hiểu "sự khám-phá hướng nội" là sự nhận thấy, nhận ra, nhìn thấy những điều-kiện (nhân duyên).).] (184)

185 [Spk giải thích và kể rằng: Phật đã muốn thấy ấy trả lời theo cách diễn đạt

bằng tính điều-kiện (lý duyên khởi; nhân duyên), nhưng thầy ấy không nắm được ý của Vị Thầy đã trả lời theo cách của 32 phương-diện [của sự không- sạch ô-uế của thân]. (185)

186 [Chỗ này giống trong kinh 12:51, nhưng theo thứ tự khác nhau. Tôi đọc

theo Be chỗ này ghi là idaṃ kho dukkhaṃ kiṃnidānaṃ. Ee chỗ này ghi không thỏa đáng.] (186)

187 [Nguyên văn chỗ này: Īdaṃ kho dukkhaṃ upadhinidānaṃ, vv… Spk chú

giải: Nó có nguồn-gốc trong "những thứ được thu-nạp chính là các uẩn" (khandhupadhinidānaṃ); bởi vì ở đây năm uẩn đã được hàm chỉ bởi chữ "sự thu-nạp" (sanh y).

- Về chữ upadhi (sự thu-nạp, những thứ được thu-nạp), mời coi lại nguyên văn chú giải ở kinh SN 1:12 (Quyển 1), chú thích số 21, như sau:

[["Chữ upadhi [từ gốc āupa + dhā: "dựa trên, nằm trên"] có nghĩa gốc là "thứ để thứ khác dựa/nằm trên đó", chẳng hạn đó như "những nền tảng" hay "những thứ thiết yếu" khác là những thứ để "sự sống" dựa trên đó mà có mặt. Chữ upadhi này có những mở rộng mang tính vừa là chủ-thể và vừa là đối- tượng. (i) Về mặt là đối-tượng: nó chỉ những thứ đã được thu-nạp (đã tích nạp, đã sở hữu, đã thu nhận, nhận lấy), ví dụ về vật chất là những tài sản và của cải của một người; (ii) về mặt là chủ-thể: nó chỉ cái hành-động thu-nạp, sự thu-nạp, sự sở-hữu hay sự nhận-lấy, sự thu-nhận vốn bắt rễ từ dục-vọng (ái). Trong nhiều trường hợp chúng ta thấy 02 nghĩa này nhập lại với nhau để hàm chỉ cả 02 nghĩa. (Do vậy người dịch Việt tạm dịch bằng một nghĩa chung là sự thu-nạp để chỉ (i) thứ đã được thu-nạp (thành tài-sản, của-cải, những thứ đã đắc được) và (ii) hành động thu-nạp (thành sự thu-nạp, sự sở- hữu, sự nhận-lấy, sự thu-nhận).

+ Lưu ý: chữ upadhi này có chức năng gần giống như chữ đối tác của nó là upādāna (thủ, sự dính-chấp, sự chấp-thủ), tuy nhiên về mặt từ nguyên học thì hai chữ này không liên quan nhau. Để coi sự kết-nối (về ý nghĩa giáo lý) của

02 chữ này, mời quý vị đọc kinh SN 12:66 (Quyển 2) và chú thích 187 trong đó, và coi thêm tập kinh Sn, trang 141."

+ Spk [giống theo những luận giảng khác] cũng phân giải chữ upadhi (sự thu-nạp, những thứ được thu-nạp) thành 04 loại, đó là: (i) kāmūpadhi (sự thu- nạp (là) sắc dục; dục sanh y): là những khoái-lạc giác quan (dục lạc) và những sở-hữu vật chất (tài sản, của cải...); (ii) khandhūpadhi (sự thu-nạp (là) các uẩn; uẩn sanh y); (iii) kilesūpadhi (sự thu-nạp (là) những ô-nhiễm; lậu- hoặc sanh y): là nền tảng cho sự khổ đau trong cõi khổ đau; và (iv) abhisaṅkhārūpadhi (sự thu-nạp (là) những sự tạo-tác cố ý (các hành); hành sanh y): chính là những "sự tích lũy nghiệp", là nền tảng cho tất cả mọi sự khổ đau trong vòng luân-hồi (saṃsāra). [Ở đây, trong kinh SN 1:12 này, thì chữ upadhi trong lời kệ của thiên thần này đã được dùng theo nghĩa thứ nhất là (i) kāmūpadhi (sự thu-nạp sắc dục)].

- Trong câu trả lời của mình, Đức Phật đã chuyển đổi câu cuối của vị thiên thần thành "Người không còn những sự-thu nạp" (nirūpadhi, hết sanh y) là "không còn ưu-sầu", là một cách để chỉ một A-la-hán, là người đã hết sạch tất cả 04 loại upadhi (sanh y) mới nói trên.

+ Trong 02 đoạn thi kệ trong kinh SN 4:08 bên dưới, chữ upadhi (sự thu-nạp, sanh y) cũng được nói ra với Ma Vương (Māra) đã đối thoại với Đức Phật.].]

- Theo sự phân tích của chú-giải tiêu chuẩn thì chữ upadhi là thuộc dạng 04 thứ: là những ô-nhiễm (lậu hoặc), là các uẩn (năm uẩn), là những khoái-lạc giác quan (dục lạc), và là những sự tạo-tác cố ý (các hành). Vì upadhi (sự thu-nạp, sanh y) là bị tác động bởi dục-vọng (ái; taṇhā) nên người ta đã biện hộ rằng: ngay chỗ này chữ upadhi (sự thu-nạp, sanh y) là đồng nghĩa với chữ upādāna (sự chấp-thủ, sự dính-chấp, thủ). Tuy nhiên Spk không ủng hộ sự diễn dịch biện hộ như vậy; và sự thật là upadhi (sự thu-nạp) đã được tuyên bố là cơ-sở (nền tảng) cho sự già-chết và những loại khổ đau khác có mặt do dựa trên những upadhi đó.

- Spk giải nghĩa chữ ghép khandhupadhi (sự thu-nạp là các uẩn; uẩn sanh y). Có thể nghĩa kép ở đây muốn chỉ ra rằng: upadhi (sự thu-nạp, những thứ được thu-nạp) chính là năm uẩn: là điều-kiện tức thì (duyên trực tiếp, kế cận) cho sự già-chết; trong khi đó upadhi (sự thu-nạp, những thứ được thu-nạp) là

tương đồng với upādāna (sự dính-chấp, những thứ bị dính-chấp): là điều-kiện từ xa (duyên gián tiếp) cho sự hiện-hữu và sự tái-sinh, và đến lượt sự hiện- hữu và sự tái-sinh là điều-kiện từ xa (duyên gián tiếp) cho sự già-chết.

- Về chữ upadhi (sự thu-nạp, những thứ được thu-nạp; sanh-y), mời coi thêm tập kinh Sn, trang 141,7–8 [theo bản dịch của TKBĐ] có ghi câu: yaṃ kinci dukkhaṃ sambhoti sabbaṃ upadhipaccayā.] (187)

188 [Upadhinirodhasāruppagāminī paṭipadā (con-đường dẫn dắt bởi sự phù

hợp với sự chấm-dứt nó). Mời coi lại kinh 12:51; và chú thích số 135 ở đó về cụm chữ này.] (188)

189 [Để coi kỹ hơn điều này, mời coi Đại Kinh Các Nền Tảng Chánh-Niệm

(Đại kinh Niệm Xứ, DN 22).] (189)

190 Ví dụ giống này, chỉ khác chút xíu về câu chữ, cũng có ghi trong kinh MN

105, mục 29; MN 46, mục 19.] (190)

191 [Spk: Ly bằng đồng đựng thức uống được ví như những đối-tượng có tính

chất sướng và đáng thích. Người đang khát ví như người phàm tục đang bị dính trong vòng luân-hồi; người mời anh ta uống ví nhưng người ta mời anh ta thụ hưởng những thứ trong thế gian có tính chất sướng và đáng thích. Người phụ trách và giải thích về thức uống là ví như người giải thích (như vị thầy tâm linh, sự phụ, sư huynh) về những giới-hạnh và những sự nguy-hại của nó, giải thích về sự thỏa-thích và sự nguy-hại trong năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc) … Giống như người trong ví dụ [không biết suy xét, uống thứ nước độc hại và bị chết hay đao khổ như chết], người phàm tục trong thế gian không biết suy xét, ham muốn thụ hưởng dục-lạc, bỏ lơ lời khuyên dạy của những người thầy tâm linh, sau đó phải bỏ tu và hoàn tục … và kiếp sau nếm trả sự khổ đau trong 04 cõi đày đọa.] (191)

192 [Là người biết suy xét, ngược lại với người ở đoạn trên và chú thích trên.]

(192)

193 [Đại Câu-hi-la (Mahākoṭṭhita) là đệ nhất trong những đệ tử giỏi về trí-biết mang tính phân-tích (phân biệt trí; paṭisambhidā). Thầy ấy thường xuất hiện tronng các kinh có đối thoại với thầy Xá-lợi-phất. Theo nhận định của tiến sĩ

Chú Thích • 367

C.Rh.D trong KS 2:79, chú thích 1: vì cả hai đều là A-la-hán cho nên sự đối thoại trong kinh này có lẽ là “những bài học” dành cho những Tỳ kheo học sinh hơn là sự cần hỏi đáp lẫn nhau của hai vị đại đệ tử.] (192)

194 [Những giả định là 04 tư tưởng bất-diệt, đoạn-diệt, bất-diệt một phần, và

sự khởi sinh ngẫu nhiên; coi thêm chú thích số 37 ở kinh 12:17 ở trên.] (194)

195 [Sự là nhân-duyên lẫn nhau của thức và danh-sắc như đã được nói trong

kinh 12:65.] (195)

196 [So sánh với kinh SN 12:16. Spk giải thích: 36 nền tảng là ba 36 lý-do, có

được từ 03 trường-hợp nhân với 12 nhân-duyên. Thứ nhất là phẩm chất để thành một người thuyết giảng Giáo Pháp, thứ hai là sự tu-tập, và thứ ba là kết-quả tu tập. Thứ nhất là phẩm chất mục đích của sự chỉ dạy giáo lý, thứ hai là cảnh giới của bậc học-nhân (sekha), thứ ba là cảnh giới của bậc vô-học nhân (asekha) đã hết phần tu học (đó là A-la-hán).] (196)

197 [Spk không nhận diện các vị trưởng lão này. Ngài Saviṭṭha cũng xuất hiện

trong kinh AN 3:21, và Ngài Nārada trong kinh AN 5:50.] (197)

198 [Đây là 05 cơ-sở để chấp nhận một giả thuyết (hay một điều gì). Chúng

cũng được nói trong kinh SN 35:153, và cũng được xem xét trong kinh MN 101, mục 11; coi thêm kinh MN 102, mục 15, 16. Điều này ngược lại với sự trực-tiếp biết của chính mình (paccattamevanāṇa). Để đọc chi tiết hơn, coi quyển 'Giáo Lý Phật Giáo Tiền Thân về sự Hiểu-Biết' của Jayatilleke, tr. 182–188, 274–276.

- Chấp nhận hay biết một điều gì (i) 'thông qua niềm-tin' (saddhā); (ii) 'thông qua thiên-kiến cá nhân' (ruci); (iii) 'dựa theo truyền thống truyền miệng từ xưa' (anussava), (iv) 'bằng sự suy-xét theo lý' (ākāraparivitakka). [Jayatilleke cũng coi chữ ākāra là 'lý do, lý lẽ' ở tr. 274]; và (v) 'chấp nhận một quan-điểm sau khi suy xét cân nhắc kỹ về nó' (diṭṭhinijjhānakkhanti).] (198)

199 [Bhavanirodho nibbānaṃ (Niết-bàn là sự chấm dứt hiện-hữu). Spk nói đây là đồng nghĩa với sự chấm dứt năm-uẩn.] (199)

200 [Spk: trưởng lão Musīla đã là một A-la-hán, nhưng thầy chỉ im lặng.]

(200)

201 [Spk giải thích như vầy: ... 'Niết-bàn là sự chấm dứt sự hiện-hữu'—điều

này có thể được hiểu bởi những học-nhân. Nhưng thầy Saviṭṭha lại đặt thầy Musīla trên cảnh giới của A-la-hán. Cho nên thầy Musīla sẽ làm cho thầy ấy hiểu sự này một cách chính xác."] (201)

202 [Spk: "Đã nhìn thấy rõ ràng ... bằng trí-tuệ chánh đúng": là đã rõ ràng

nhìn thấy bằng trí-tuệ của thánh đạo cùng với tuệ minh-sát. "Tôi không phải là một A-la-hán": thầy ấy nói vậy vì thầy ấy đang ở chặng thánh đạo Bất-lai. Nhưng sự-biết của thầy ấy "Niết-bàn là sự chấm dứt sự hiện hữu" là một loại trí quán-xét lại (paccavekkhaṇanāṇa), nó khác với 19 loại trí quán-xét [thông thường] khác, [coi Vism 676; Ppn 22:19–21.] (202)

203 [Nguyên văn: Na ca kāyena phusitvā vihareyya, nghĩa chữ là: "nhưng

người đó không an trú tiếp xúc nó bằng thân." Spk giải nghĩa là: "Người đó không thể múc được nước lên."] (203)

204 [Spk: sự nhìn thấy nước trong giếng giống như sự nhìn thấy Niết-bàn bởi

bậc Bất-lai. Người bị cháy khô và kiệt sức bởi trời nóng là bậc Bất-lai; gàu múc nước là (phương tiện) thánh đạo A-la-hán. Giống như người bị ... trời nóng, bậc Bất-lai biết bằng trí-biết do quán xét lại như vầy: "Có một sự đột phá tới thánh đạo A-la-hán" [đọc theo Se là arahattaphalābhisamaya]. Nhưng, giống như người thiếu gàu múc nước nên không thể múc được nước lên và tiếp xúc nó bằng thân, bậc Bất-lai do thiếu thánh đạo A-la-hán, nên không thể ngồi xuống và thấm nhuần trong sự chứng đắc thánh quả

A-la-hán, có Niết-bàn là mục tiêu của nó.] (204)

205 [Trong tất cả 03 phiên bản, câu hỏi đều bắt đầu bằng cụm chữ evaṃvādī tvaṃ và trong câu trả lời bằng chữ evaṃvādāhaṃ. Tuy nhiên, vì chính thầy Nārada là người đã nói, cho nên có lẽ chúng ta nên đọc phần câu hỏi với chữ evaṃvādiṃ tvaṃ và phần trả lời thay chữ evaṃvādāhaṃ thành evaṃvādiṃ ahaṃ. Cả Spk và Spk-pṭ đều không nói gì về chỗ này, nhưng có một ghi chú trong Be đề nghị sửa lại chỗ này cho đúng vậy.] (205)

206 [Kinh này đã được thảo luận cùng với phiên bản Hán tạng của nó bởi học

giả Gombrich trong quyển Cách Phật Giáo Bắt Đầu (How Buddhism Began), trang 123–27.

- Spk: Susīma đã đến gặp thầy Ananda vì nghĩ thầy ấy là bậc đệ nhất đa văn học rộng và là người nghe được nhiều nhất những bài giảng của Phật, do vậy ông ta có thể biết được từ thầy Ananda. Nhưng thầy Ananda đã dẫn ông ta đến gặp Phật. Vì thầy Ananda đã từng biết Susīma cũng là một vị thầy bên giáo phái của họ và cũng sợ sau khi gia nhập ông ta có thể cố phá hoại Tăng đoàn của Phật. Đức Phật thì đã biết động cơ của Susīma gia nhập là để "ăn cắp Giáo Pháp", như vậy sẽ làm ô nhiễm Tăng Đoàn, nhưng Phật đã tiên đoán được rằng Susīma sẽ nhanh chóng thay đổi tâm mình và sẽ chứng thánh quả A-la-hán. Vì vậy Phật đã chỉ thị cho thầy Ananda cho ông ta xuất gia luôn.

- Điều hơi lạ là Phật không nhắc gì đến "thời gian thử thách", hay "sự đặc cách" mà Phật đã luôn nói với các du sĩ ngoài đạo mỗi khi họ xin xuất gia theo Phật. Điều này có lẽ do Phật cũng tiên đoán được nếu làm vậy Susīma sẽ cảm thấy nản chí bởi quy định đó và sẽ không còn xin gia nhập Tăng đoàn, và rốt cuộc sẽ không có cơ hội tu theo Phật để đạt tới sự giác-ngộ và giải- thoát (nên Phật đã từ bi không nhắc tới quy định này).] (206)

207 [Spk giải thích: Những Tỳ kheo này sau khi nhận đề-mục thiền từ Vị

Thầy đã đi an trú trong 03 tháng An Cư mùa Mưa, họ phấn đấu và nỗ lực thiền tập, và họ đã chứng thánh quả A-la-hán. Sau kỳ an cư, họ trở ra và đến gặp Vị Thầy để trình báo về sự chứng ngộ của mình. Susīma đã nghe như vậy nên đã đến gặp các Tỳ kheo để hỏi về "trí-biết cuối cùng" (annā) như một tiêu chuẩn tối cao trong Giáo Pháp này, như kiểu để tìm ra một bí quyết chuyển hóa cá nhân của người thầy (paramappamā ṇaṃ sārabhūtā ācariyamuṭṭhi (nghĩa chữ cuối này là "nắm tay của người thầy").

- Sự mô tả kinh điển về 05 loại năng-lực tâm linh (abhinnā) cũng được luận giảng chi tiết trong Vism, chương 12 và 13.] (207)

208 [Spk-pṭ: tức chỉ những tầng thiền vô-sắc và sự giải-thoát khỏi nhận-thức

(āruppajjhāna-sannāvimokkhā).] (208)

209 [Lời kinh để trong ngoặc [...] trong phiên bản Ee nên được xóa đi và câu

hỏi được ghi trong Be và Se là như vầy: Ettha dāni āyasmanto idan ca veyyākaraṇaṃ imesan ca dhammānaṃ asamāpatti, idaṃ no āvuso kathan ti. Tôi coi từ no đơn giản là một phân từ nghi vấn [= nu]. (209)

210 [Nguyên văn câu này: "Pannāvimuttā kho mayaṃ āvuso Susīma." Spk: Ý

thầy đó nói: "Này đạo hữu, chúng tôi là không có/ không chứng các tầng thiền định sắc-giới (jhāna), chúng tôi là những người thiền minh-sát khô (tức chỉ tu thiền-quán minh-sát thôi, không tu thiền-định), chúng tôi được giải thoát chỉ nhờ trí-tuệ" (āvuso mayaṃ nijjhānakā sukkhavipassakā pannāmatten' eva vimuttā). Spk-pṭ nói rõ thêm: 'Được giải thoát chỉ nhờ trí- tuệ' nghĩa là không phải 'được giải thoát bằng cả hai cách' (na ubhatobhāgavimuttā).

- TKBĐ: Theo lời giải thích của Spk ở trên thì các Tỳ kheo đó 'không tu chứng tầng thiền định sắc-giới (jhāna) nào cả', nhưng thật ra theo lời kinh chúng ta thấy kinh chỉ nói họ (a) thiếu những năng lực tâm linh (abhinnā, thần thông) và (b) thiếu những tầng chứng đắc vô-sắc giới (aruppa), chứ đâu nói gì về việc họ có chứng đắc các tầng thiền định sắc-giới (jhāna) hay không.(*) Đáng lưu ý nữa là những câu hỏi của Susīma cũng không đề cập tới những tầng thiền định sắc-giới (jhāna). Dù gì đi nữa, lời bài kinh không đi xa hơn việc phân biệt những A-la-hán 'được giải thoát nhờ trí-tuệ' (pannāvimutta) so với những A-la-hán chứng được sáu loại thần-thông (abhinnā) và những tầng chứng đắc vô-sắc giới.

- Các luận giảng giải thích bậc A-la-hán 'được giải thoát nhờ trí-tuệ' là thuộc 05 loại sau: 04 loại có chứng đắc (một hay nhiều trong bốn) tầng thiền định sắc-giới (jhāna), và 01 loại người thiền minh-sát khô (sukkhavipassaka) không chứng tầng thiền định sắc-giới thế tục (mundane jhāna) nào, nhưng vẫn chứng đắc tầng thiền định sắc-giới siêu thế (supramundane jhāna) vốn không thể tách rời khỏi thánh-đạo; [mời coi thêm Sv II 512,19–28.].

- Về sự khác biệt giữa 'sự giải thoát nhờ trí-tuệ' và 'sự giải thoát bằng cả hai phương diện', coi thêm kinh MN 70.] (210)

- (*) (Người chưa chứng đắc tầng chứng đắc vô-sắc giới nào thì chưa chắc họ đã không chứng đắc các tầng thiền định sắc-giới; nhưng người đã chứng tầng

chứng đắc vô-sắc giới thì chắc chắn họ đã chứng qua 4 tầng thiền định sắc- giới, vì những tầng thiền định sắc-giới là dưới những tầng chứng đắc vô-sắc giới.)

211 [Spk giải thích: trí-biết minh sát, là sự hiểu-biết về tính chắc-chắn của

Giáo Pháp, có trước. Tới cuối lộ trình minh-sát mới khởi sinh trí-biết của đạo, là sự hiểu-biết về Niết-bàn.] (211)

212 [Spk đã chú giải như vầy: Tại sao Phật nói câu này? Mục đích là để chỉ:

có sự khởi sinh trí-biết như vậy ngay cả khi không có sự định-tâm (samādhi, của thiền định). Câu này có nghĩa như là: "Này Susīma, đạo và quả không phải là 'sản phẩm' của sự định-tâm (samādhinissanda), cũng không phải 'lợi thế' do sự định-tâm mang lại (samādhi-ānisaṃsā), cũng không phải 'kết quả' của sự định-tâm (samādhinipphatti). Chúng là 'sản phẩm' của sự minh-sát (vipassanā, của thiền quán), là 'lợi thế' do sự minh-sát mang lại, là 'kết quả' của sự minh-sát. Bởi vậy, dù người tu có hiểu hay không, thì trước tiên cần có sự trí-biết về tính chắc-chắn của Giáo Pháp (Dhamma), sau đó mới tới trí-biết về Niết-bàn."

- Spk-pṭ nói: 'Ngay cả khi không có sự định-tâm' (vinā pi samādhiṃ): nghĩa là ngay cả khi không được thiết lập trong trạng thái định-tâm có đặc tính vắng-lặng (samathalakkhaṇappattaṃ); ý câu này là chỉ những người tu theo cỗ xe thiền minh-sát (vipassanāyānika, minh-sát thừa). Nếu hiểu đúng nghĩa của thuật ngữ này, thì lời kinh chỉ đúng khi thánh quả A-la-hán có thể được chứng ngộ mà không cần có các năng-lực siêu thường (thần thông) và những tầng chứng-đắc vô sắc giới. Nếu đọc theo cách lý giải của Spk và Spk-pṭ thì có thể xác thực sự tồn-tại của một pháp-môn là "cỗ xe thuần minh-sát" (minh-sát thừa, thiền minh sát 'khô'; 'khô' tức là không dính thiền-định), phương pháp tu đó bắt đầu một cách trực tiếp bằng "sự quán sát có chánh- niệm" về các hiện-tượng của tâm và thân (tâm pháp và thân pháp), không phụ thuộc vào căn bản định-tâm nào qua phương tiện các tầng thiền định (jhana) hay các trạng thái cận-định (upacārasamādhi). (Nên nhớ đây chỉ là sự chú giải của các luận giảng Spk và Spk-pt, không có nghĩa lời của các luận giảng là luôn đúng).

TKBĐ: Mặc dù các kinh Phật chẳng nói gì về một pháp môn hay cỗ xe 'thiền thuần minh-sát', nhưng một số sư thầy đương đại đã coi bài kinh "Các Nền Tảng Chánh-Niệm" (Satipaṭṭhāna Sutta, kinh Niệm Xứ) là sự đề xướng cho một pháp tu như vậy, và họ còn vịn vào lời chú giải trên của Spk và Spk- pṭ để phụ họa thêm cho sự đề xướng đó. (Thực ra, như Phật đã đề cao, người tu chỉ cần tu chứng các tầng thiền định sắc-giới (jhana), và tốt nhất là Tứ thiền, làm cơ sở để thiền-quán (minh sát) dẫn tới sự giác-ngộ).] (212)

213 [Spk: Từ đoạn này, sau khi biết Susīma có khả năng thâm-nhập Giáo

Pháp, Phật bắt đầu ban Susīma một bài dạy Giáo Pháp theo 3-lượt, để Susīma có thể đi tới chứng ngộ A-la-hán.

- Spk-pṭ: "03-lượt" (teparivaṭṭaṃ) là theo cách chuyển đảo 03 đặc-tính liên quan tới năm-uẩn. Công thức vấn đáp về 03 đặc-tính cũng được ghi trong chương Liên-Kết Các Uẩn (Khandha-saṃyutta) của Bộ kinh Liên-Kết (Tương ưng kinh bộ, SN) như trong các kinh 22:49, 59, 79, 80, 82 … (Quyển 3).] (213)

214 [Spk chú giải rằng: Câu hỏi này bắt đầu để chứng mình rõ rừng những Tỳ

kheo A-la-hán đó là những người tu thiền minh-sát khô. Ý của lờ kinh ở đây là: "Không phải chỉ có thầy là người tu thiền minh-sát khô; những Tỳ kheo đó cũng là vậy." (Lưu

ý nữa: đây chỉ là lời luận giảng của Spk, không phải nghĩa chữ của lời kinh.] (214)

215 [Mẫu câu xin thú tội và hối lỗi này cũng có trong kinh SN 16:06.] (215)

216 [Giống như NHÓM 8 kế trên có 12 bài kinh, mỗi bài kinh nói về 1 trong

12 yếu-tố nhân duyên (kinh 71, 72 ... 81); như vậy, mỗi bài kinh sau đây có thể được chia thành 12 bài (ứng với mỗi yếu-tố); (nhưng ở đây đã gộp chúng lại và nói luôn 12 yếu-tố đó một lần).

- Spk nói rằng tất cả những kinh này đều được nói cho những người được chỉ dạy và được khai ngộ dựa theo những căn cơ tính khí khác nhau của họ (sabbe pi tathā tathā bujjhanakānaṃ veneyyapuggalānaṃ ajjhāsayavasena vuttā).] (216)

217 [Spk: Đó là chỉ Phật hay một vị đệ tử, là người đã đạt tới thánh đạo, được

gọi là vị thầy [chữ satthā (vị thầy) là một chữ thường được dành để chỉ Đức Phật.] (217)

218 [Chữ diṭṭhisampanna (người đã thành tựu về cách-nhìn) là chỉ về người

đã nhìn thấy chân-lý (sự thật) của Giáo Pháp, bắt đầu từ bậc Nhập-lưu (sotāpanna). (Trong nhiều kinh thuật ngữ 'đã thành tựu chánh-kiến là chỉ bậc Nhập-lưu)

- Spk giải nghĩa chữ abhisametāvino (đã làm nên sự đột-phá) là mô tả "đối với người an trú sau khi đã làm nên sự đột-phá (chứng ngộ) những diệu-đế bằng phương tiện trí-tuệ" (paññāya ariyasaccāni abhisametvā ṭhitassa) ...]

- (Spk có giải thích hơi khó hiểu, nhưng người dịch Việt giải thích luôn như vầy: Lời kinh là dễ hiểu và đơn giản: Những khổ đau đã bị tiêu diệt là gì? Đó là đống khổ đau đã bị tiêu diệt sau khi người tu đã chứng thánh quả Nhập- lưu, (bao gồm những khổ đau ắt đã có trong kiếp này và ắt sẽ có trong ít nhất 07 kiếp kế tiếp nếu một người không đi tu và không chứng thánh quả Nhập- lưu). Những khổ đau còn lại là gì? Đó đơn giản là những khổ đau còn lại mà bậc thánh đó sẽ tiêu diệt trong những chặng thánh đạo cao hơn trước khi chứng thánh quả A-la-hán.) (218)

219 [Cả 02 cụm chữ dhammābhisamaya và dhammacakkhupaṭilābha đều biểu

thị sự chứng ngộ quả Nhập-lưu. Về ích-lợi của quả Nhập-lưu, mời coi thêm kinh Dhp 178.] (219)

220 [Một do-tuần (yojana) bằng khoảng cách gần 10 km. Chữ kākapeyya: quạ

có thể uống được (từ bờ đưa mỏ xuống mặt nước).] (220)

221 [Theo truyền thuyết về vũ trụ học của Phật giáo, núi Sineru (Tu-di) là núi

nằm ở trung tâm của cõi thế giian của chúng ta; chữ Pāli có chữ tương đồng tiếng Phạn là Meru. Để đọc thêm về bức tranh vũ trụ học theo Phật giáo, mời coi Vism 205–207 (Ppn 7:40–44), và Ppn 7: chú thích 15.] (221)

222 [Để ý, đoạn kết trong kinh cuối này khác với mẫu đoạn kết trong 10 kinh kế trên của Chương này.] (222)

223 [Spk giải thích: sự đa-dạng của những yếu-tố: là bản chất vốn đa dạng của

những hiện-tượng; những hiện-tượng được gọi là "yếu-tố" (giới) theo nghĩa chúng có một bản chất cố hữu bao gồm sự trống-không (tánh không) và sự không có một 'người' nào (nissattaṭṭha-sunnataṭṭhasa okhātena sabhāvaṭṭhena dhātū ti laddhanāmānaṃ dhammānaṃ nānāsabhāvo dhātunānattaṃ). (?)] (223)

224 [Spk: Yếu tố mắt (nhãn giới) là tính cảm nhận của mắt (cakkhupasāda),

yếu tố hình-sắc (sắc giới) là đối-tượng vật chất; yếu tố thức-mắt (nhãn-thức giới) là tâm dựa trên tính cảm nhận của mắt (cakkhupasādavatthukaṃ cittaṃ). Tương tự như vậy, 04 yếu tố giác-quan kia, những đối-tượng của chúng, và những thức của chúng cũng được giải thích tương ứng theo cách như trên.

- Yếu tố tâm (tâm giới; manodhātu) là 03 yếu tố tâm [Spk-pṭ: 2 tiếp nhận (sampaṭicchana) những yếu tố tâm và yếu tố tâm chức năng [= 05 cửa thể hiện tâm (citta)]. Yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm (tâm pháp giới; dhammadhātu) là gồm 03 uẩn—cảm-giác, nhận-thức và những sự tạo-tác cố ý—sắc vi tế, và Niết-bàn. Yếu tố thức-tâm (tâm thức giới) là tất cả thức-tâm [Spk-pṭ: thuộc 76 loại].

- Những định nghĩa chính xác như vậy về những yếu-tố (giới) không được tìm thấy trong các bộ kinh. Có lẽ nguồn xưa nhất của những định nghĩa về 18 yếu-tố là Vibh 87–90. Những thứ này đều chỉ có ghi trong Abhidhamma- bhājaniya, điều đó hàm nghĩa rằng những người kết tập Vibh đã coi 18 yếu- tố là hạng-mục đúng của Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) chứ không phải thuộc về các kinh. Sự thảo luận về những điểm thuộc luận giải cũng có ghi trong Vism 484–90 (Ppn 15:17–43) và Vibh-a 76–82.

- Những "tính cảm-nhận" (pasāda) là những loại hiện-tượng vật chất, nằm trên những bộ phận thô tế, đặc biệt nhạy cảm để tiếp thu những đối-tượng cảm nhận.

- Cả Vibh-a và Vism đều đóng khung những chú-giải của mình về cơ sở lý thuyết theo Vi Diệu Pháp về tiến-trình nhận-biết, chúng mặc dù chỉ nằm trong các luận giảng nhưng dường như đã có sẵn bên dưới sự phân-loại những citta trong Vi Diệu Pháp Tạng. Tuy nhiên, mô hình này rõ ràng có sau

các bộ kinh Nikāya, và sự cố gắng của Spk để dung hòa 02 luận điểm nhiều lúc có vẻ là sự cố ý sắp đặt.

- 05 loại thức giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) là những citta thực hiện chức năng thô sơ của tiến-trình nhận-biết về đối-tượng giác quan. Trong 03 yếu-tố tâm thì "thứ chức năng" (kiriya) là citta đầu tiên của tiến-trình, nó chỉ thể hiện đối với đối-tượng, và do vậy được gọi là thức thể hiện năm cửa (pancadvārāvajjana-citta). Thức này được theo sau bởi một thức giác quan phù hợp (như thức-mắt ...), một citta thuộc nghiệp quả

có thể là thiện quả hay bất thiện quả; như vậy 05 thức giác quan trở thành 10. Tiếp đến là thức tiếp nhận (sampaṭicchana-citta), nó 'nhặt lấy' đối-tượng để soi xét kỹ thêm; đây là một "yếu tố tâm" (tâm giới) và không thuộc quả thiện hay quả bất thiện. Tiếp sau nó là một thức điều-tra (santīraṇa-citta) khởi sinh, đó là một citta thuộc quả thiện hay quả bất thiện (nó) điều tra đối-tượng; rồi tới một thức quyết-định (votthapana-citta), đó là một citta chức năng (nó) định nghĩa đối-tượng; và rồi tới một chuỗi citta được gọi là javana (tốc hành tâm), nó sẽ tạo nên một phản ứng thuộc quả thiện hay quả bất thiện đối với đối-tượng [hoặc trong trường hợp A-la-hán thì nó chỉ là mọt phản ứng thuộc chức năng mà thôi]. Tiếp theo chuỗi này là một thức đăng ký (tadārammaṇa), đó là một citta thuộc quả (nó) lưu ký cái cảm tưởng về đối-tượng trên dòng liên-tục của tâm. Tất cả những citta từ thức điều-tra trở đi đều là yếu tố thức-tâm (tâm thức giới), nó có 76 loại.

- Ở cửa tâm thì tiến-trình có khác: nó bắt đầu bằng thức thể hiện cửa tâm (manodvārāvajjana-citta), lập tức theo sau là một chuỗi javana (tốc hành tâm). Về chi tiết, coi thêm CMA 1:8–10, 4:1–23.

- Yếu tố những hiện-tượng thuộc tâm (pháp giới; dhammadhātu) không nhất thiết là đối-tượng của yếu tố thức-tâm (tâm thức giới), vì một người có thể giả định nó là vậy bằng cách đổ đồng với những giác quan khác. Cùng với đối-tượng của thức-tâm, nó gồm có tất cả cảm-giác, nhận-thức, và những yếu-tố cố-ý (tư) đi kèm theo thức trong tiến-trình nhận-biết. Như vậy nó thuộc về cực chủ-thể của hành vi nhận-biết cũng nhiều như thuộc về cực đối- tượng. Coi riêng chỗ này trong CMA, Bảng 7.4.] (224)

225 [Spk: Tiếp-xúc mắt … vân vân là nối kết với thức-mắt … vân vân. Tiếp -

xúc tâm là nối kết với javana đầu tiên ở cửa tâm; vì vậy khi nói câu "tùy thuộc vào yếu-tố tâm (tâm giới) nên khởi sinh tiếp-xúc tâm (tâm xúc)" thì nó có nghĩa là sự tiếp-xúc của javana đầu tiên khởi sinh tùy thuộc vào yếu tố thức-tâm chức năng, chẳng hạn là thức (citta) thể hiện cửa tâm.

- Về javana, mời coi thêm CMA 3:9, 4:12–16, và về thức (citta) thể hiện cửa tâm, coi CMA 1:10, 3:9.] (225)

226 [Bởi vì, theo mô hình 'những mối liên hệ nhân duyên' trong Vi Diệu

Pháp, thì yếu-tố tâm (tâm giới) và sự tiếp-xúc đồng thời của nó là tùy thuộc lẫn nhau, Spk buộc phải chú giải những thuật ngữ này theo cách để không đặt lời kinh trong sự mâu thuẫn với Vi Diệu Pháp. Do vậy Spk đã nói: "Yếu- tố thức-tâm chức năng với chức năng thể hiện [chẳng hạn là thức (citta) thể hiện cửa tâm] không khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc nối kết với javana đầu tiên trong cửa tâm [xảy ra kế sau nó]."] (226)

227 [Spk: Nhận-thức về hình-sắc (rūpasannā; sắc tưởng): là sự nhận-thức nối

kết với thức-mắt. Ý-định đối với hình-sắc (rūpasaūkappa; sắc tư duy) là ý- định kết nối với 03 thức (citta)—gồm thức tiếp nhận, thức điều-tra, và thức quyết-định. Tham-muốn

đối với hình-sắc (rūpacchanda; sắc dục): là tham muốn theo nghĩa là sự tham-dục đối với hình-sắc. Sự đam-mê đối với hình- sắc (rūpapariḷāha; sắc nhiệt): là sự đam mê [nghĩa chữ "cơn sốt, nhiệt não"] theo nghĩa là một sự đốt-cháy đối với hình-sắc [Spk-pṭ: đam mê đối với lửa tham-dục … vân vân có chức năng của "sự đốt cháy" là chỗ dựa tâng bốc của nó]. Sự tìm-cầu đối với hình-sắc (rūpapariyesanā; sắc tầm-cầu): là sự tìm kiếm để có được hình-sắc … Sự đam-mê và tìm-cầu được tìm thấy trong những tiến-trình javana khác nhau [để cho sự đam-mê có thể trở thành điều- kiện kế trước (tiền cận duyên) cho sự tìm-cầu).] (227)

228 [Phiên bản Ee nên được sửa lại để đọc đúng câu này là: no saṅkappanānattaṃ paṭicca uppajjati sannānānattaṃ; no sannānānattaṃ paṭicca uppajjati dhātunānattaṃ.] (228)

229 [Phần lời trong ngoặc [...] này có ghi trong các phiên bản Ee và Se.] (229)

230 [Chỗ này đang cố kết thành một chuỗi sự không liền lạc bắt đầu chỗ 'tiếp-

xúc' và 'nhận-thức' dẫn tới những mâu thuẫn kỳ lạ, thậm chí nó trở thành quá lạ trong số những sự phủ định của kinh kế tiếp. Ở các kinh khác, sự tiếp- xúc được có là điều-kiện (duyên) để thể hiện các uẩn cảm-giác, nhận-thức, và những sự tạo-tác cố ý (thọ, tưởng, hành) [ví dụ trong kinh 22:82 (Quyển 3), và cũng thấy trong kinh 35:93 (Quyển 4)]; còn ở đây sự tiếp-xúc và cảm-giác được cho là tùy thuộc vào nhận-thức và ý-định. Các luận giảng Spk và Spk- pṭ đều không tỏ dấu hiệu khó chịu về sự sai lệch này, cũng không cố biện minh gì về những sai lệch này.

- Trong kinh MN I 111,35–112,13 (?) một chuỗi những hiện-tượng thuộc tâm được ghi như sau: sự tiếp-xúc > cảm-giác > nhận-thức > ý-nghĩ > sự phóng- tâm theo quan niệm > sự ám-muội bởi những nhận-thức và những ý-niệm khởi sinh từ sự phóng-tâm đó. Lời kinh thường coi ý-nghĩ (tầm, vitakka) là đồng nghĩa với ý-định (saṇkappa); sự phóng-tâm (papanca) có chứa dục- vọng (taṇhā) là đồng nghĩa với tham-muốn (chanda); và sự ám-muội (samudācāra) có thể gồm có những sự đam-mê và tìm-cầu … Điều này đã càng cung cấp cho chúng ta một phiên bản đúng hơn của chuỗi thứ tự này.

- Thật ra Spk có đề cập tới một trưởng lão tên là Uruvelāyavāsī Cūḷatissa Thera, vị đó đã nói: "Mặc dù đức Thế Tôn đã đưa sự tiếp-xúc và cảm-giác vào giữa lời kinh, làm đảo lộn lời kinh (pāḷiṃ pana parivaṭṭetvā), chúng ta vẫn có (thứ tự): nhận-thức, ý-định, tham-muốn, sự đam-mê, sự tầm-cầu, và sự đạt-được đối với đối-tượng đã nói ra [ví dụ như hình-sắc…], 'sự đạt-được hình-sắc' là đối tượng đã đạt được cùng với dục-vọng; vậy thì có sự tiếp-xúc là tiếp-xúc [thuộc tâm] với đối-tượng đã đạt được, và cảm-giác là sự trải- nghiệm đối-tượng đó. Theo cách như vậy cặp đôi này—sự tiếp-xúc với hình- sắc (sắc xúc) và cảm-giác (thọ)—đã được tìm thấy."

- Spk tiếp tục bình luận thêm: "Và ở đây, nhận-thức, ý-định, sự tiếp-xúc, cảm-giác, và tham-muốn đều được thấy có (i) trong cùng tiến trình javana (tốc hành tâm) và (ii) trong cả những tiến trình javana khác; còn sự đam-mê, sự tìm-cầu, và sự đạt-được chỉ

được thấy có trong những tiến trình javana khác nhau mà thôi.] (230)

231 [Spk: Yếu-tố ánh sáng (ābhādhātu) là một tên để gọi tầng thiền định

(jhāna) cùng với đối-tượng của nó, đó là ánh sáng (āloka) và tầng thiền định đã khởi sinh sau khi làm xong việc chuẩn bị (sơ khởi thiền) về kasiṇa-ánh sáng. Yếu-tố vẻ đẹp (subhadhātu) đơn giản là tầng thiền định cùng với đối tượng của nó, được gọi là, tầng thiền định đã khởi sinh trên cơ sở một kasiṇa- ánh sáng. Còn những thuật ngữ kia thì lời kinh đã tự giải thích nghĩa của chúng.] (231)

232 [Spk: Yếu tố ánh-sáng (quang giới) được nhận thấy tùy thuộc vào sự tối:

vì sự tối được phân định [tương phản với] ánh-sáng, và ánh-sáng thì được phân định [tương phản với] sự tối. Tương tự vậy, sự ô-uế (xấu xí, dơ dáy) và sự đẹp là tương phản nhau. Tùy thuộc vào thể sắc: là tùy thuộc vào những một tầng thiền định thuộc cõi sắc-giới. Bởi vì khi người tu có một sự chứng đắc cõi sắc-giới người đó có thể vượt trên sắc-giới hoặc có thể chứng đắc không vô biên xứ. Tùy thuộc vào sự chấm-dứt (nirodhaṃ paṭicca): là tùy thuộc vào sự không-xảy-ra có được nhờ sự quán-chiếu về 04 uẩn (thuộc tâm) (paṭisaṅkhā-appavatti). Vì sự chứng đắc sự chấm-dứt (thọ tưởng diệt) được nhận thấy tùy thuộc vào sự chấm-dứt của năm uẩn (uẩn diệt), chứ không tùy thuộc vào sự xảy ra (sinh) của chúng. Và ở đây đơn giản sự chấm-dứt của 04 uẩn nên được hiểu là "sự chứng đắc sự chấm-dứt" (chứng diệt).] (232)

233 [Spk: Sự chứng đắc với sự tàn dư các hành (saṅkhārā-vasesasamāpatti):

là bởi vì vẫn còn các hành vi tế. Theo Vism 337–38 (Ppn 10:47–54), trong sự chứng đắc này, nhận-thức và những yếu-tố thuộc tâm khác chỉ còn có mặt trong một dạng tàn dư vi tế và do vậy không còn có thể thực hiện những chức năng quyết định của chúng; do vậy nên có sự 'nước-đôi' trong cái tên của nó (tức vừa phi tưởng vừa phi phi tưởng: không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức).] (233)

234 [Spk: Yếu-tố tham-dục (kāmadhātu; tham giới) là ý-nghĩ tham-dục, nói

chung là chỉ tất cả những hiện-tượng của cõi dục-giới, và nói riêng là chỉ mọi thứ bất thiện ngoại trừ yếu tố sự ác-ý (sân giới) và yếu tố gây-hại, cũng được đề cập riêng ở đây. Nhận-thức về tham-dục (tham tưởng) khởi sinh tùy thuộc vào yếu tố tham-dục bằng cách coi nó là một đối-tượng hay bằng cách giao hữu [chẳng hạn, khi nhận-thức tham-dục giao hữu với ý-nghĩ trong cùng một thức] …] (234)

235 [Spk: Yếu tố ác-ý (byāpādadhātu; sân giới) là ý-nghĩ ác-ý hay chính là sự

ác-ý [Spk-pṭ: tức sân (dosa)]. Lưu ý rằng những luận giảng, theo sau cách giải thích theo hệ thống Vi Diệu Pháp về giáo lý của Phật, đã phân biệt sự khác nhau giữa sự ác-ý và ý-nghĩ ác ý. Là hai "thành phần thuộc tâm" (tâm sở) khác nhau (cetasikā dhammā): cái trước là yếu tố tâm bất thiện là sân (dosa), cái sau là ý-nghĩ (vitakka; tầm) kết nối (câu hữu) với yếu tố tâm. Cách giải thích tương tự đối với sự gây-hại (hại giới)…] (235)

236 [Spk: Yếu tố gây-hại (vihiṃsādhātu, hại giới) là ý nghĩ của tính gây-hại

hay chính là sự gây-hại. Vibh 86 có giải thích yếu tố tính gây hại là làm tổn thương chúng sinh theo những cách khác nhau.] (236)

237 [Spk: Yếu-tố từ-bỏ (nekkhammadhātu; xuất ly giới) là ý nghĩ từ-bỏ và tất

cả những trạng thái thiện, ngoại trừ 02 yếu-tố sẽ được giải thích riêng. Nhận- thức về sự từ-bỏ khởi sinh tùy thuộc vào yếu tố từ-bỏ theo cách củ những điều-kiện (duyên) như đạo đức, lương tâm (sahajātapaccaya), vân vân.] (237)

238 [Spk: Yếu tố không ác-ý (abyāpādadhātu; vô sân giới) là ý nghĩ không

ác-ý và chính sự không ác-ý, như tâm từ đối với những chúng sinh.] (238)

239 [Spk: Yếu tố không gây-hại (avihiṃsādhātu, vô hại giới) là ý nghĩ không

gây-hại và sự bi-mẫn.] (239)

240 [Spk nói: từ chỗ này trở đi, chữ "yếu-tố" (giới) đã chuyển sang có nghĩa là

"khuynh-hướng" hay "tính nết" (ajjhāsaya).] (240)

241 [Tên của vị Tỳ kheo này trong Ee. Trong Be và Se chỉ được ghi đơn giản là Kaccāna. Trong kinh SN 44:11 cũng có một Tỳ kheo tên là Sabhiya Kaccāna, cũng ở trong Hội Trường Gạch, và hai người này có thể là một.

- Spk diễn dịch câu hỏi của thầy ấy theo hai nghĩa: (i) "Tại sao sáu vị thầy (giáo phái khác) có cách-nhìn cho rằng 'họ là những bậc giác ngộ'?", (ii) "Tại sao những đệ tử của họ có cách-nhìn cho rằng 'những vị thầy của họ là những bậc giác-ngộ toàn thiện' mà thực ra họ không phải là những bậc giác- ngộ?"

- Nhân tiện, chữ sammāsambuddho ti trong Ee nên được sửa lại thành sammāsambuddhā ti.] (241)

242 [Sự tương phản giữa chữ hīnādhimuttikā và kalyāṇādhimuttikā. Spk giải

nghĩa chữ adhimuttikā = ajjhāsayā (khuynh hướng, tính khí).] (242)

243 [Thầy Xá-lợi-phất là đệ nhất trí-tuệ nên thu hút những Tỳ kheo thiên về

trí-tuệ. Cách tương tự đối với những vị đại đệ tử khác được nói tiếp theo.] (243)

244 [Bài kinh này, gồm cả phần thi kệ, cũng có ở It 70–71. Riêng phần thi kệ,

trừ 2 đoạn (pāda) đầu, cũng có ghi ở Th 147–48.] (244)

- (Nhân tiện, trong đoạn thứ hai của kinh kế tiếp có chữ "sự học-hiểu", được dịch Việt trong ccs kinh có nghĩa là: học, học biết, học-hiểu về những giáo lý, kinh, luật… nhưng không nhất thiết đồng nghĩa với chữ "hiểu được ý-nghĩa" hay các thuật ngữ "hoàn-toàn hiểu" (liễu ngộ), "trực-tiếp biết" (tự trí, thấy biết).)

245 [Nguyên văn: Saṃsaggā vanatho jāto. Về chữ vanatha, coi thêm chú thích

474 chỗ kệ 969, kinh SN 7:17 (Quyển 1). Spk: Từ gặp gỡ (nhìn, nghe)—là từ dục-vọng (ái) và cảm-tình (luyến ái) dựa trên sự gặp gỡ thông qua sự nhìn và nghe—nên rừng được sinh ra, là rừng những ố-nhiễm được sinh ra. Nhờ sự không gặp gỡ nên rừng bị chặt đứt: nó bi chặt bới sự không gặp gỡ, là sự không-nhìn, sự tránh đứng hay ngồi riêng với nhau [với người khác giới]. (245)

246 [Spk: Những người có sự-biết sai lạc (tà trí): là những người có sự quán xét lại sai lạc (micchāpaccavekkhaṇena samannāgatā). Những người có sự giải-thoát sai lạc: là những người an trú trong một sự giải-thoát không mang tính giải thoát mà họ cứ nhận lầm đó là sự giải thoát lành mạnh. Những người có sự-biết đúng đắn (chánh trí) là những người có sự quán xét lại đúng đắn. Những người có sự giải-thoát đúng đắn: là những người có sự giải-thoát mang tính giải thoát của thánh quả.

- Sự-biết đúng đắn và sự giải-thoát đúng đắn là 02 chi phần bổ sung vào Bát Thánh Đạo. 02 chi phần này được gọi là 02 chi của A-la-hán [như được nói

trong kinh MN 117, mục 34, và chú thích 1112 ở đó], nhưng trong kinh SN 55:26 (Quyển 5), 1–12, chúng lại được gán cho gia chủ Cấp Cô Độc, là một bậc Nhập-lưu. Sự giải nghĩa ở trên của Spk [sự-biết đúng đắn là sự quán xét lại đúng đắn] là khó chấp nhận được! Hợp lý hơn là thuật ngữ này chỉ sự-biết đầy đủ viên mãn về Bốn Diệu Đế thông qua đó đạt được thánh quả A-la-hán.] (246)

247 [Spk diễn dịch mỗi yếu-tố theo tính chất vật lý của nó: yếu-tố đất là yếu-

tố nền tảng (patiṭṭhādhātu); yếu-tố nước là yếu-tố lỏng dính (ābandhanadhātu); yếu-tố nhiệt (lửa) là yếu-tố chín muồi (paripācanadhātu); và yếu-tố khí (gió) là yếu-tố khí động (vitthambhanadhātu). Để đọc thêm chi tiết luận giảng, mời coi Vism 364–70 (Ppn 11:85–117).] (247)

248 [Spk: Vì nó hướng đến Niết-bàn (nibbānaṃ āgamma) nên tham-muốn và

nhục-dục phải bị loại bỏ và dẹp bỏ. Người đó là sự thoát-khỏi nó.] (248)

249 [Spk: Trong kinh này mô hình “Bốn Diệu Đế” được dùng. Sự thỏa-thích

(assāda) trong 04 yếu-tố (tứ đại) là sự thật về nguồn gốc; sự nguy-hại trong 04 yếu-tố là sự thật về khổ; sự thoát-khỏi (nissaraṇa) là sự thật vè sự chấm- dứt; và con-đường (nó) hiểu được sự thoát-khỏi là sự thật về đạo.] (249)

250 [Chỗ này Se và Ee đều ghi chữ cetovimutti (sự giải-thoát của tâm), còn

Be chỉ ghi vimutti (sự giải-thoát). Spk giải nghĩa: Sự-biết đã khởi sin như vầy “Sự giải-thoát này của tôi bằng thánh quả A-la-hán là không thể lay chuyển”.] (250)

251 [Vimariyādikatena cetasā: với một cái tâm đã hết những rào-cản. Spk giải

nghĩa: Những rào-cản (mariyādā) có hai phần: (i) rào cản là những ô-nhiễm (như tham, sân, si…) và (ii) rào-cản chính là vòng luân-hồi hiện-hữu (tức những rào cản là do còn bị vướng trong luân-hồi sinh tử). Ở đây, nhờ có sự loại-bỏ cả hai loại rào-cản, nên lời

kinh mới nói là ‘họ sống với một cái tâm không còn những rào-cản’.] (251)

252 [Spk: Nó sướng trong trong cái sự nó là một điều-kiện (duyên) cho cảm-

giác sướng (lạc thọ).] (252)

253 [Nguyên gốc trong câu này hai vế thiếu đối xứng như vậy: tức, vế đầu có

bốn danh từ “sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện” (uppādo ṭhiti abhinibbatti pātubhāvo), nhưng vế sau thì chỉ có ba, chữ “sự sản sinh” (abhinibbatti) bị bỏ đi. Mẫu lời kinh kiểu này cũng có trong các kinh SN 22:30, 35:21, và 35:22.]

254 [“Vòng luân-hồi là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được/khám

phá được” (Anamataggo ’yaṃ bhikkhave saṃsāro). Nghĩa gốc của chữ anamatagga là: không chắc chắn. Spk giải nghĩa chữ anamatagga là anu amatagga, có nghĩa là “có điểm khởi đầu không thể tìm thấy được”, và giải thích rằng: “Cho dù có dùng sự hiểu-biết để truy ngược một trăm hay một ngàn năm thì điểm khởi đầu cũng không thể nghĩ bàn được, điểm khởi đầu là không thể biết được (vassasataṃ vassasahassaṃ nāṇena anugantvā pi amataggo aviditaggo). Không thể nào biết được điểm khởi đầu là từ khi nào, ở đâu; nghĩa là không có một phân định đâu là điểm đầu hay điểm cuối. Vòng luân-hồi là một tiến trình liên tục của năm-uẩn (khandhādinaṃ avicchinnappavattā paṭipāṭi)”. Chữ lai Phạn tương đương của chữ anamatagga là anavarāgra [ví dụ trong Mvu Ī 34,7], có nghĩa là “không có giới hạn bên dưới hay bên trên.” Để coi thêm nhiều cách giải nghĩa từ này, coi thêm CPD s.v. anamat’agga.] (254)

255 [Spk: (có chú giải về bốn biển liên quan Núi Tu-di (Sineru) một cách

không liên quan gì nghĩa lời kinh chỗ này).] (255)

256 [“Đại kiếp” là dịch chữ “kappa”. Rõ ràng ý lời kinh là một đại-kiếp (mahākappa), là chiều dài thời gian cần có để một thế-giới khởi sinh, phát triển, và hoại diệt. Mỗi đại-kiếp gồm có 04 giai đoạn a-tăng-tỳ kiếp (asaṅkheyyakappa) ứng với mỗi giai đoạn mở-rộng, củng-cố, co-lại, và tan- hoại của thế-giới.] (256)

257 [Một dặm Ấn hay do-tuần (yojana) dài bằng khoảng 7 dặm Anh, khoảng

gần 11,3 Km. Miếng vải lụa Kāsi (Kāsikena vatthena). Mặc dù đay đã là lụa nhưng Spk còn giải thích như nó làm từ sợi bông mịn.] (257)

258 [Chỗ này đọc đúng theo Be và Se là ananussaritā va. Ee ghi anussaritā va

là sai, nên được sửa lại.] (258)

259 [Ví dụ này cũng có ở kinh SN 56:33.] (259)

260 [Nội dung kinh này, gồm cả phần thi kệ, cũng có ở kinh Īt 17-18.]

261 [Spk đã chú giải đại ý như vầy: Đây là chưa tính thời gian khi họ là những

sinh vật không xương sống (như giun, trùn, kiến…) còn nhiều hơn thời gian họ là những sinh vật có xương sống, như vậy cộng lại tất cả thì thời gian càng dài thăm thẳm hơn rất rất nhiều nữa …] (261)

262 [Nhóm Tỳ kheo này đến trong dịp lễ dâng y (kaṭhina) cuối kỳ An Cư mùa Mưa (Vassa); coi thêm trong luật tạng Vin Ī 253–54. “Sống tu trong rừng, người ăn thức ăn khất thực, người mặc y-phục làm từ giẻ rách, người chỉ có ba bộ y” là 4 giới tu thuộc 13 giới khổ hạnh hay hạnh đầu-đà (dhutaṅga). Spk: “nhưng tất cả họ đều còn những gông-cùm trói buộc” (sabbe sasaṃyojanā) nghĩa là: một số họ là bậc Nhập-lưu, một số là Nhất-lai, một số là Bất-lai; không có ai còn là người phàm, nhưng cũng chưa ai là A-la-hán.] (262)

263 [Về những thời hạn khác nhau của tuổi thọ con người trong những Phật

kiếp khác nhau, mời coi thêm kinh dài DN 26, trong đó có giải thích cách tuổi thọ của con người sẽ còn giảm theo sự suy đồi về đạo đức cho đến khi chỉ còn 10 năm; rồi sau đó nó sẽ tăng dần trở lại cho đến 80.000 năm vào thời của Phật tương lai là Metteyya (Di-lặc).] (263)

264 [Spk nói rằng lời kinh ở đây không nên được diễn dịch có nghĩa là tuổi

thọ giảm dần từ thời Phật Kakusandha một cách trực tiếp cho tới thời Phật Koṇāgamana. Thay vì vậy, tuổi thọ sau khi Phật Kakusandha bát-niết-bàn sẽ liên tục giảm cho đến tối thiểu 10 năm, rồi nó sẽ tăng dần lại cho tới con số không thể tính được (asaṅkheyya; a-tăng-tỳ), và rồi giảm lại cho đến 30.000 năm, lúc đó Phật Koṇāgamana đã khởi sinh trong thế gian. Khuôn mẫu tăng giảm tương tự cũng áp dụng cho những trường hợp khác, bao gồm cả thời Phật Metteyya [coi chú thích 263 kế trên]. (264)

265 [Coi thêm kinh SN 6:15 (Quyển 1). Coi thêm phần thi kệ số 21 ở cuối

kinh 1:11 và chú thích số 20 ở đó.] (265)

266 [Spk thảo luận về ba loại sự biết hài-lòng (santosa; tri túc): (i) hài lòng

với những gì mình có được (yathālābhasantosa), như hài lòng với những thứ mình cần để duy trì sức khỏe để tu hành; (ii) hài lòng với khả năng của mình (yathābalasantosa), theo nghĩa thô tế hay vi tế; và (iii) hài lòng với sự phù hợp (yathāsāruppasantosa), như cho đi những thứ cao sang xa xỉ, chỉ giữ lại thứ đơn giản thiết yếu mình cần có để sống.

- Coi thêm quyển sách của TKBĐ mang tên bài kinh “Những Kết Quả Của Đời Sống Tu Hành” (Sa-môn quả), trang 134-137, thảo luận chi tiết về đức hạnh “biết hài-lòng” này. Ngược lại với đức hạnh này là những sự tìm-cầu sai lạc (anesanā), được nêu rõ trong Vism 22–30 (Ppn 1:60–84).] (266)

267 [Spk: Nếu người đó không có được y phục, người đó không trở nên bực

tức (na paritassati) … Nhìn thấy sự nguy-hại (ādīnavadassāvī): là sự nguy- hại phạm một tội khi tìm kiếm nó một cách không chân chính và sử dụng nó khi bị trói buộc với

nó. Hiểu được sự thoát-khỏi nó (nissaraṇapanna): là dùng nó biết rõ sự thoát-khỏi nó, bằng cách hiểu rõ mục đích sử dụng như đã được nói trong đoạn kinh công thức: [Người đó sử dụng một y-phục: (i) (cho mục đích) chỉ để che mình khỏi cái lạnh cái nóng, (ii) khỏi ruồi muỗi, (iii) khỏi gió độc, nắng gắt, (iv) khỏi những côn trùng bò sát, và (v) để làm trang phục che đậy những phần thân của mình.] như trong kinh MN 2, mục 13, với phần phân giải chi tiết trong Vism 30–35; Ppn 1:85–97). Đoạn này (và các đoạn song hành nói về 03 thứ thiết yếu (y phục, thức ăn, chỗ ở), trừ thuốc- men, cũng được thấy ghi bằng các đoạn (1), (2), và (3) trong kinh Ariyavaṃsa Sutta (Truyền Thống Thánh Thiện; AN 4:28) mô tả về một Tỳ kheo hạnh đầu-đà lý tưởng.] (267)

268 [Nguyên văn câu cuối: Kassapena vā hi vo bhikkhave ovadissāmi yo vā

pan' assa Kassapasadiso. (Đây là vị trưởng lão Đại ca-diếp (Mahākassapa) được Phật tuyên bố là đệ tử đệ nhất về tu hạnh đầu-đà).] (268)

269 [Nguyên văn câu cuối: Tathattāya paṭipajjitabbaṃ. Spk diễn dịch đại ý

rằng: [Phật nói:] "Trong kinh này sự biết hài-lòng là trách nhiệm (bhāra) của bậc Toàn Giác là giảng giải sự thực hành sự thanh-tẩy (sallekhācāra), trong khi trchs nhiệm của chúng ta là thực hiện sự thực hành đó. Vậy chúng ta hãy nhận lấy trách nhiệm đó …"] (269)

Chú Thích • 385

270 [Spk giải thích "không nhiệt-thành" (anātāpī) là không có nỗ-lực (tinh

tấn) để đốt cháy (ātapati) những ô-nhiễm (lậu hoặc), và "không biết sợ-hãi việc làm sai trái" (anottappī) là không thấy sợ hãi về sự khởi-sinh những ô- nhiễm và về sự không khởi những phẩm-tính thiện lành. Hai chữ này đều bắt nguồn từ một gốc từ là "tap": nghĩa là đốt cháy. Spk giải thích chữ "an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc" (anuttara yogakkhema) là = thánh quả A-la-hán, nó được gọi như vậy vì đó là sự an-toàn thoát khỏi 4 sự trói-buộc (yoga); [coi thêm kinh SN 45:172 (Quyển 5) và chú thích 463 trong SN (Quyển 1). 04 sự trói-buộc là: sự trói-buộc bởi tham-dục, sự trói-buộc bởi sự hiện-hữu, sự trói- buộc bởi những quan-điểm này nọ (tà kiến), sự trói-buộc bởi vô-minh].] (270)

271 [04 phần suy xét (quán chiếu) này là tương ứng với 04 phương diện của sự

nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn); [coi kinh SN 45:08] tương đương với bốn loại nỗ-lực [coi kinh các SN 49:0112] (271)

272 [Spk chú giải chữ apakassa là một tuyệt đối từ, đồng nghĩa với apakassitvā và giải nghĩa là apanetvā (sau khi rút đi). Một Tỳ kheo thu thân khi người đó sống trong cõi rừng núi [thay vì ở chùa trong làng, trong phố] và thu tâm là người đó kiềm chế khỏi những ý nghĩ tham-dục và những trạng thái tâm nguy hại.] (272)

273 [Spk: Đây là cụm chữ duy nhất (asambhinnapada) trong Kinh Phật được

kết tập và bảo tồn trong Tam Tạng Kinh Điển (Tipiṭaka). Spk-pṭ: Bởi vì "Đức Thế Tôn vẫy tay trong không gian" không được thấy có ở đâu (trong Kinh tạng và Luật tạng).]

(273)

274 [Lời kinh đã tự rõ nghĩa: người đó mong muốn người cúng dường có được

phước đức và những Tỳ kheo có được đồ cúng dường. Đó là sự tùy-hỷ (muditā) đối với tha nhân, sự không ghen tỵ hay ích kỷ.] (274)

275 [Câu này: pasannākāraṃ kareyyuṃ. Thành ngữ này cũng có trong kinh

20:9 bên dưới. Một pasannākāraṃ [nghĩ chữ: "một dạng người tự"] là một món quà được cho tặng để thể hiện sự đề cao.] (275)

276 [Nguyên văn câu này: Kārunnaṃ paṭicca anudayaṃ paṭicca anukampaṃ

upādāya. Tôi dịch chung chữ karuṇā [trong đó chữ kārunnaṃ là chữ liên

quan] và chữ anukampā là "sự bi-mẫn". Cách này được dùng thành công vì 02 chữ ít khi nào đi chung nhau; nhưng chỉ có đoạn kinh này là một ngoại lệ hiếm có, do vậy nên chỗ này tôi phải dùng chữ "sự quan-tâm hiền từ/nhẹ nhàng" để chuyển dịch chữ anukampā.] (276)

277 [Kulūpaka. Spk: Người đến những nhà của những gia đình. Như sẽ được

thấy ở kinh 20:09, 20:10, sẽ nguy hiểm cho những Tỳ kheo không đủ mạnh mẽ bên trong để chống lại những sự hấp dẫn khi giao lưu thân mật với những người tại gia.] (277)

278 [Spk: Y-phục của thầy Ca-diếp được nói là đã cũ tàn (nibbasana) bởi vì

đức Thế Tôn đã mặc nó những y phục đó và đã thải bỏ. [Coi thêm kinh SN 16:11 bên dưới]. Đức Phật rõ ràng đang yêu cầu thầy Đại Ca-diếp dẹp bỏ 3 giới tu khổ hạnh (hạnh đầu-đà)—mặc y phục được làm từ giẻ rách, chỉ ăn thức ăn mà mình đã tự đi khất thực được, và sống tu trong rừng. Đức Phật cũng mặc y phục được cúng dường bởi người tại gia, chấp nhận những lời mời tới dùng cơm tại nơi của họ, và sống trong những tịnh xá trong những thành thị; coi thêm kinh MN II 7–8. Theo Spk, thực ra Phật không ý định làm cho thầy Ca-diếp bỏ những giới tu khổ hạnh đó, Phật chỉ nói vậy để thầy Ca-diếp phát biểu suy nghĩ của mình, như cất lên 'tiếng gầm sư tử' của mình.] (278)

279 [Đây là lời tuyên bố [tiếng gầm sư tử] của thầy Đại Ca-diếp; coi thêm kinh

MN 113, mục 9-20. Trong kinh AN 1:191 Đức Phật đã tuyên bố thầy Đại Ca-diếp là đệ nhất tu hạnh đầu-đà, và điều đó cũng được nói rõ trong kinh SN 14:15 ở trên.] (279)

280 [Chỗ này đọc theo cách ghi của Se là: App' eva nāma pacchimā janatā

diṭṭhānugatiṃ āpajjeyya. Be và Ee ghi chữ āpajjeyyuṃ ở dạng số nhiều.] (280)

281 [Spk diễn dịch: "Phật nói điều này để đề cử Ngài Đại Ca-diếp vào vị trí

của Phật. Nhưng lúc đó Ngài Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất đang ở đâu. Họ đang ở đó, những do Phật biết trước thầy Ca-diếp sẽ sống tới 120 tuổi. Vì vậy sau khi Phật

bát-niết-bàn thầy ấy sẽ tổ chức một cuộc đọc tụng lại và kết tập Giáo Pháp và Giới Luật ở vùng Hang Động Sattapaṇṇī, và thầy ấy sẽ giúp cho Giáo Pháp của Phật được bảo tồn được 5.000 năm. Cho nên Phật đã đề

Chú Thích • 387

cử thầy ấy vào vị trí của Phật; và sau đó những Tỳ kheo sẽ chú tâm nghe theo thầy ấy."

- Lưu ý, cho dù luận giảng Spk đa diễn dịch như vậy, nhưng thực tế sau này Phật đã công khai từ chối bổ nhiệm bất cứ ai là một người thay thế Phật; thay vì vậy Phật chỉ thị cho Tăng Đoàn rằng chính "Giáo Pháp và Giới Luật" là người thay thế Phật sau khi Phật qua đời (như được nói trong kinh DN 16).] (281)

282 [Nguyên văn câu này là: dovacassakaraṇehi dhammehi samannāgatā. Về

danh sách của những phẩm-chất như vậy, mời coi thêm kinh MN 15, mục 2.] (282)

283 [Đoạn từ đây cho đến hết ví dụ mặt trăng là hơi mở rộng chút so với ví dụ

này cũng có trong kinh AN 10:68, được cho là của ngài Xá-lợi-phất. Rồi cũng ở đó Phật đã tán thành và lặp lại tòn bộ lời của thầy Xá-lợi-phất.] (283)

284 [Tôi đọc đoạn này theo Ee là: evaṃ hi taṃ Kassapa sammā vadamāno

vadeyyaupaddutā brahmacārī brahmacārūpaddavena abhibhavanā brahmacā rī brahmacārabhibhavanenā ti. Se chỉ khác bằng chữ vadanto thay chữ vadamāno. Tuy nhiên, Be, thì ghi là etarahi taṃ Kassapa sammā vadamāno vadeyya upaddutā brahmacārī brahmacārūpaddavena abhipatthanā brahmacārī brahmacāri-abhipatthanenā ti. Kiểu ghi này, tôi nghi ngờ, nó đã phát sinh từ một câu giải nghĩa của luận giảng về câu kinh gốc. Có lẽ trong Se và Ee nghĩa lời kinh đòi hỏi thay thế chữ abhibhavanā thứ nhất bằng phân từ abhibhūtā (hoặc adhibhūta), mặc dù không có ấn bản này có lời ghi như tôi mới đề nghị. Về sự lợi và danh phá hoại người sống đời sống tâm linh, mời coi thêm kinh MN 29.2.

- Spk (Se) giải nghĩa là: Họ bị phá-hoại bởi sự phá-hoại của những người sống đời sống tâm linh, được gọi là, sự tham-muốn và nhục-dục thái quá đối với 04 thứ thiết yếu. Sự hư-bại hay hư-hỏng là sự tham muốn thái quá (abhibhavanā ti adhimattapatthanā). Bởi sự hư-hỏng của những người sống đời sống tâm linh: bởi trạng thái của 04 thứ thiết yếu có chứa sự tham muốn thái quá của những người đang sống đời sống tâm linh (brahmacārabhibhavanenā ti brahmacārīnaṃ adhimattapatthanā saṅkhātena catupaccayabhāvena).] (284)

388 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

285 [TKBĐ: Trong Bộ Kinh Vừa (Trung Kinh Bộ), tôi dịch chữ cetovimutti

paññāvimutti là "sự giải-thoát của tâm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ" như thể 02 sự giải-thoát đó là viết dính nhau trong chữ ghép. Giờ tôi nghĩ lại sẽ tốt hơn nên bỏ sự kết ghép này, vì nghĩa của hai sự giải-thoát đó là riêng biệt. (Chữ cetovimutti (sự giải-thoát của cái tâm: tức của cái tâm đã không còn ô- nhiễm; tâm sạch nhiễm là nó tự giải thoát

khỏi những ô-nhiễm). Spk giải thích chữ cetovimutti (sự giải-thoát của tâm) là sự định-tâm của thánh quả A- la-hán (arahattaphalasamādhi); còn chữ paññāvimutti (sự giải-thoát nhờ trí- tuệ) là trí-tuệ của thánh quả A-la-hán (arahattaphalapaññā).] (285)

286 [Bài kinh này không đề cập tới Đức Phật: có lẽ nó xảy ra sau khi Phật đã

mất, bởi vậy lúc này thầy Ānanda mới gọi thầy Ca-diếp lớn tuổi hơn là "Ngài" (bhante) thay vì là "đạo hữu", theo lời chỉ thị cuối cùng của Phật; trước khi Phật mất thì các Tỳ kheo vẫn thường gọi nhau bằng "đạo hữu" (āvuso).] (286)

287 [Spk giải thích câu nỳ nghĩa là: Thầy ấy không bận bịu với những công

việc này nọ mà do 04 hội chúng (Tăng, Ni, đệ tử tại gia nam và nữ) kéo đến gặp Trưởng lão Ānanda để khóc than vì Phật mất đi và thầy ấy phải bỏ thời gian an ủi họ [coi thêm kinh 9:05 (Quyển 1) và chú thích ở đó).] (287)

288 [Tên của ni đó có nghĩa là "Tissā Mập". Spk giải thích chữ "bậc trí giả xứ

Videha" hay "bậc mâu-ni xứ Videha" (vedehimuni); chữ vedehimuni có nghĩa như chữ paṇḍitamuni: tu sĩ hiền trí, bậc trí giả, trí sĩ", và giải thích rằng: "Một bậc trí nỗ-lực với sự uyên bác gồm có sự hiểu-biết—đó là, thầy ấy làm tất cả trách phận của mình— do vậy nên được gọi là bậc trí giả xứ Videhan (paṇḍito hi nāṇasaṅkhā-tena vedena īhati … tasmā vedeho ti vuccati). Thầy ấy là người quê Videha và là một bậc trí sĩ, nên được gọi là 'bậc trí giả xứ Videha'." Còn Ap-a 128,12 thì giải thích khác và đơn giản rằng: "Ānanda được gọi là bậc trí giả xứ Videha bởi vì thầy ấy là một tu sĩ và là con của một người mẹ quê ở xứ Vedeha (Vedeharaṭṭhe jātattā Vedehiyā putto).] (288)

289 [Nguyên văn câu này: "Khamatha bhante Kassapa bālo mātugāmo". Tôi

[TKBĐ] đã dịch câu này hoàn toàn trung thực với lời kinh gốc, cũng ý thức rằng một số độc giả sẽ cho cách dịch này mang tính 'khích bác'. Một người tư vấn đã nói với tôi rằng: "(dịch thẳng như vậy là) Thầy vừa đánh mất hết

nửa số người đọc đó", và người đó khuyên tôi nên tránh sự chỉ trích từ phía họ, nên tránh dịch thẳng câu bālo mātugāmo là "ni đó là một phụ nữ ngu xuẩn". Theo ý của tôi, nếu làm vậy là dịch méo mó sai lệch với lời kinh Pāli nguyên thủy chỉ để thuận theo quan điểm của người thời nay về nam nữ bình đẳng. Tôi không biết câu nó nên được dịch theo cách nào khác hơn là cách tôi đã dịch. Tôi để cho những người đọc tự mình quyết định tin rằng thầy Ananda có thực sự đã tự mình nói ra câu đó hay không, hay đó chỉ là câu được chêm vào bởi những người kết tập kinh điển sau đó.] (289)

290 [Spk: câu này có nghĩa là: "Đừng để Tăng Đoàn nghĩ rằng 'Thầy Ānanda

chỉ lo kiềm chế (giáo giới, giới hạnh) những người đồng-sự của Phật (tức những người đã tu chứng giống như Phật) chứ không kiềm chế các Tỳ kheo ni. Liệu có sự thân mật hay tình cảm gì giữa họ hay không?'". Tiếp theo, thầy Đại Ca-diếp tuyên thuyết những đoạn kinh sau [về những sự chứng đắc về thiền định và trí biết của mình] để chứng minh rằng mình là một đồng-sự của Đức Phật.] (290)

291[Spk giải nghĩa chữ sattaratana (bảy cubit) là = sattahatthappamāṇa (bằng bảy bàn tay); một hattha [nghĩa chữ: "bàn tay"] là tính từ cùi chỏ tới đầu ngón tay, cỡ = 61 cm.

- Chỗ này là chỗ hiếm thấy rong Kinh Tạng rằng chữ abhinnā đã được dùng như danh từ chung để chỉ 06 loại trí-biết bậc cao của người tu.] (291)

292 [Ni đó đã bị quả báo. Spk chú giải: Sau khi Tỳ kheo ni này đã phê phán vị

đệ tử là người đồng-sự của Phật (tức thầy Đại Ca-diếp là một người đã tu chứng giống như Phật), và trong khi Ngài Đại Ca-diếp đang cất tiếng gầm sư tử tuyên thuyết về sáu loại trí-biết (abhinnā) của mình, thì cà-sa ni của ni đó trở thành như có gai nhọn đâm chích thân thể của ni. Đến nỗi ni đó buộc phải cởi bỏ y cà-sa của mình và mặc y phục màu trắng của người tại gia bình thường thì mới hết bị đâm chích (tức buộc phải hoàn tục vì không còn xứng với phẩm chất một Tỳ kheo ni).] (292)

293[Một bản kinh song hành của kinh này có ở Mvu III 47–56. Spk: Dakkhiṇāgiri là một nước (xứ) ở vùng phí nam của khu đồi núi bao bọc Rājagaha (Vương Xá). Sau khi Phật bát niết-bàn, thầy Ānanda đến Sāvatthī

(Xá-vệ) để thông báo cho số đông biết; sau đó thầy rời khỏi để đi đến Rājagaha và dọc đường đi là có cuộc bộ hành tới Dakkhiṇāgiri.] (293)

294 [Điều này là đề cập tới điều luật Pācittiya 32. Coi thêm Luật Tạng Vin IV

71–75.] (294)

295 [Giới-luật này đã được đưa ra bởi Đức Phật trong thời gian thầy Devadatta đang tạo phe nhóm và gây chia rẽ trong Tăng đoàn. "Vì lòng bi- mẫn đối với các gia đình" có thể giải thích hợp lý là: "để giảm bớt gánh nặng họ phải lo chuẩn bị và cúng dường thức ăn cùng lúc cho nhiều Tỳ kheo".] (295)

296 [Kumārakavādā na muccāma. Truyền thống các luận giảng cho rằng Ngài

Ānanda đã được sinh ra cùng ngày với Phật [coi Sv II 425, Ap-a 58, 358, Ja Ī 63 [Be, nhưng không có trong những phiên bản đó của Se và Ee]. Tuy nhiên, nếu điều đó là đúng thì trong kinh này thầy ấy đã 80 tuổi, và do vậy đâu thầy ấy cần phải nói "tóc bạc đang mọc trên đầu tôi" để chứng tỏ mình không còn là "trẻ con" nữa.

- Một số dữ liệu khác trong kinh điển cho rằng thầy Ānanda nhỏ tuổi hơn Phật nhiều, có lẽ nhỏ hơn cả 30 năm.

- Về những ý kiến khác về tuổi của thầy ấy được nói bởi những nhánh phái Phật giáo tiền thân, mời coi thêm bài viết về "Ānanda" của học giả C. Witanachchi có ghi trong bộ Bách Khoa Toàn Thư Phật Giáo, tập I, trang 529.

- Còn Spk đã diễn dịch nghĩa ở đây theo cách hiểu truyền thống trước giờ là: "Do thầy ấy đi lại chung với những Tỳ kheo trẻ mới thụ giới, những Tỳ kheo thiếu giới-hạnh, cho nên thầy ấy đáng được gọi là một 'trẻ con'."] (296)

297 [Tên của ni này có nghĩa là “Nandā mập”. Ni cũng hay được đề cập trong

quyển “Bhikkhunī Vibhaṅga” là một người hay gây rối trong Ni Đoàn; chẳng hạn coi thêm Vin ĪV 216, 218, 223–24 … Còn KS 2:148 đã sai khi gọi ni này là “Tissā mập”, họ tưởng ni này là ni đã phán xét thầy Ca-diếp trong kinh 16:10 kế trên.] (297)

298 [Người theo giáo phái khác (annatitthiyapubbo samāno). Spk: Là do trước kia thầy Ca-diếp đã tự mình mặc y cà-sa vàng úa và từ bỏ thế tục khi chưa biết Phật hay bất cứ ai trong Tăng Đoàn của Phật; và ni đó trong lúc phẫn nộ đã gọi thầy ấy là người theo giáo phái khác (người ngoại đạo). Về thầy Ānanda được gọi là “tu sĩ hay sa-môn xứ Videha”, coi chú thích ở kinh SN 16:10 ở trên.] (298)

299 [Chữ này là paṭapilotikānaṃ. Coi lại chú thích số 60 ở kinh 12:22 ở trên.]

(299)

300 [Spk thuật lại ở đây toàn bộ dữ liệu trường tiểu sử của ngài Đại Ca-diếp,

bao gồm cr những kiếp trước, dẫn tới cuối cùng là sự gặp Đức Phật. Mời đọc thêm quyển “Đại Ca-Diếp: Vị Cha Của Tăng Đoàn” của học giả Hecker và quyển “Những Đại Đệ Tử Của Đức Phật” bởi trưởng lão Nyanaponika và Hecker, trang 109–19.] (300)

301 [Spk chú giải dài chỗ này … và xác nhận rằng: cho dù câu này được nói

02 lần, nhưng nên được hiểu là đã được nói 3 lần.”] (301)

302 [Spk chú giải dài chỗ này … và cuối cùng ghi: “Câu này ‘do ta biết ta nói

“Ta biết”…’, do vậy thầy nên tu tập bản thân như vậy.”.] (302)

303 [Ở đây Spk giải thích chữ sabbacetasā một cách khác ở trên, là: “đang

chú-tâm bằng một cái tâm hoàn toàn chú-ý (sabbena samannāhāracittena), không để cho tâm lạc đi chút nào.”] (303)

304 [Nguyên văn câu này: Sātasahagatā ca me kāyagatā sati. Spk giải thích:

đây chính là “sự chánh-niệm về thân” với niềm hoan-hỷ (hỷ) có trong tầng thiền định thứ nhất và có trong ‘sự thiền quán về sự không-sạch’ (của thân), và ‘sự chánh-niệm về hơi-thở’. Bản thân sự khởi xướng 03-điều này chính là sự xuất-gia và sự thụ-giới của thầy Ca-diếp.] (304)

305 [Spk (của phiên bản Se) ghi là: Sāṇo ti sakileso sa-iṇo hutvā. Be (lời kinh

và Spk) ghi chữ saraṇo thay vì chữ sāṇo thì mới đúng.

- Spk giải thích: Có 04 kiểu sử dụng những thứ thiết yếu được cúng dường: (i) bằng cách trộm-cắp (theyyaparibhūga): như những Tỳ kheo suy đồi; (ii)

như một con-nợ (iṇaparibhūga): như những Tỳ kheo có đức-hạnh nhưng thiếu suy-xét; (iii) như người kế (dāyajjaparibhūga): như 07 hạng học-nhân; (iv) như người chủ (sāmiparibhūga): như những A-la-hán. Như vậy chỉ có A- la-hán dùng những thứ vật thực cúng dường như người chủ, không mang nợ ai hết. Ở đây thầy Đại Ca-diếp đang nói về sự nhận những thứ cúng dường như một con-nợ trong thời gian thầy còn là người phàm chưa giác-ngộ. (Nghĩa "con-nợ của xứ sở" cũng được dùng để chỉ chung những người tu mà không lo tu và không chứng ngộ thành tựu tâm linh nào, là mang nợ những thí chủ cúng dường những thứ thiết yếu để giúp cho mình sống an ổn và tu hành!).] (305)

306 [Spk diễn dịch: Đức Phật đã từ đường bước xuống với ý-định làm cho

thày Ca-diếp trở thành một người sống tu trong rừng, người mặc cà-sa làm từ giẻ rách, và người chỉ ăn một bữa mỗi ngày ngay từ lúc thầy ấy mới được thành một Tỳ kheo.] (306)

307 [Spk diễn dịch và chú giải rất dài về chỗ này … Và câu cuối cho rằng:

"Khi lúc sự trao đổi cà-sa này giữa Phật và ngài Ca-diếp, mặt đất đã gầm lên và rung chuyển tới tận những biên giới đại dương".] (307)

308 [Spk chú giải dài về chỗ này … Đại ý cuối là "Ngài Đại Ca-diếp với toàn

bộ quá trình nhiều kiếp trước, và đã xuất gia và đã trực tiếp gặp Phật và đã được Phật trao đổi y cà-sa một cách thiêng liêng như vậy thì đâu thể nào thầy ấy là người từ ngoại đạo. Và do vậy lời nói của Tỳ kheo ni đó thực sự rất xúc phạm vị thánh tăng Đại Ca-diếp.] (308)

309 [Giống chú thích 297 kinh 16:10 ở trên.] (309)

310 Spk đã giải nghĩa chữ Tathāgata (Như Lai) là một chúng sinh (satta), và

dựa theo đó Spk-pṭ luận giải tiếp một cách khó thể được chấp nhận …

- Sự chú giải kiểu đó là không đúng đắn, đặc biệt khi những kinh khác đã định nghĩa rõ về Như Lai và nói rõ về "Như Lai là loại người cao nhất, bậc tối thượng, bậc chứng ngộ sự chứng ngộ tối thượng (tathāgato uttamapuriso paramapuriso paramapattipatto)". Coi thêm định nghĩa này có ghi trong kinh 22:86 (Quyển 3) = kinh 44:02 (Quyển 4).] (310)

Chú Thích • 393

311 [Trong kinh MN 65, mục 29 cũng có cùng câu hỏi này được hỏi bởi Tỳ

kheo Bhaddāli, nhưng câu trả lời thì khác với kinh này. Còn trong kinh này ở đây có thể là sự quan tâm của Ngài Đại Ca-diếp về việc bảo tồn Giáo Pháp đích thực (chân Pháp), về điều đó đã được chứng tỏ trong kinh này, như đã tiên tri về vai trò của thầy là người chủ-trì Hội Đồng Kết Tập Kinh Điển Phật Giáo lần thứ nhất không lâu sau khi Đức Phật đã bát niết-bàn [như được mô tả trong Luật tạng, Vin II 284–85]; trong đó chúng ta thấy, trong phản ứng quyết liệt của vị Tỳ kheo già tên là Subhadda sau khi

nghe tin báo về sự qua đời của Phật, là một sự đánh động đầu tiên về sự nguy-cấp (tức sự xuất-hiện) của Giáo Pháp "giả mạo". Ngài Đại Ca-diếp lúc đó đã lập tức chủ trì Hội Đồng Kết Tập Kinh Phật Lần 1 để bảo đảm Giáo Pháp đích thực và Giới-luật sẽ được bảo lưu và duy trì dài lâu và không bị mai một bởi Giáo Pháp giả mạo được chế bởi những tu sĩ tà đạo thất đức] (311)

312 [Spk chú giải: Có 02 sự giả-mạo Giáo Pháp đích thực (saddhammapaṭirūpaka): (i) sự giả-mạo về chứng-đắc (adhigama), (ii) sự giả-mạo về phần pháp-học (pariyatti). (i) Sự giả-mạo thứ nhất là chỉ 10 sự suy-đồi của trí-biết minh sát [Thanh Tịnh Đạo, Vism 633–38; Ppn 20:105– 28]. (ii) Sự giả-mạo thứ hai là những kinh kệ khác với Lời Phật đích thực (Phật ngôn) đã được thẩm định (bởi hội đồng thánh tăng) trong 03 kỳ kết tập kinh điển Phật giáo; phần ngoại trừ là gồm 05 chủ-đề thảo luận (kathāvatthu): sự thảo luận về những yếu-tố (giới), sự thảo luận về những đối-tượng, sự thảo luận về sự không-sạch (bất tịnh), sự thảo luận về những cơ-sở của trí-biết, và hộp đựng chân-trí. [Những kinh kệ giả mạo bao gồm:] Luật Tạng Bí Truyền (guḷhavinaya), Vessantara Bí Truyền, Mahosadha Bí Truyền, Tạng Vaṇṇa Piṭaka, Tạng Aogulimāla Piṭaka, Raṭṭhapāla-gajjita, Āḷavaka-gajjita, và Tạng Vedalla Piṭaka. Spk-pṭ giải thích: Tạng "Vedalla Piṭaka" chính là = Tạng Vetulla Piṭaka: có những người cho rằng 'nó được cho là được cất giữ và mang ra từ chỗ ẩn trú của những con rồng nāga'; số khác thì nói rằng 'nó gồm chứa những điều đã được nói ra trong các cuộc tranh luận (vādabhāsita)'.

- Chữ "khác với Lời Phật đích thực" (abuddhavacana) nghĩa là nó mâu thuẫn với Lời Dạy của Phật; vì bậc Giác Ngộ thì không nói điều gì không nhất quán với (thực nghĩa) bên trong (pubbāparaviruddha).

- Đã có một sự cố-gắng lớn được thực hiện ở thế kỷ 14 với mục đích nhìn- nhận những phần kinh kệ (giả mạo) mới được chỉ ra bởi Spk ở trên; đó là quyển Nikāyasaograha, quyển này đã được thảo luận bởi học giả Adikaram trong Lịch Sử Tiền Thân của Phật Giáo ở Tích Lan (Early History of Buddhism in Ceylon), trang 99–100. Quyển Nikāyasaograha đã xếp loại mỗi kinh kệ đó vào một trường phái khác với Trưởng Lão Bộ (Theravāda). Sự ra đời trễ của quyển này đã làm cho người ta nghi ngờ về sự đáng-tin của nó, và sự nhìn-nhận xếp loại những kinh kệ đó một cách quá gọn gàng tươm tất nên khó mà thuyết phục được đó là đúng và khách quan.

- Phần luận giải của Spk-pṭ về Tạng Vedalla Piṭaka đã gợi ý nó chính là một sự kết tập của những kinh Đại Thừa (Mahāyāna sūtra). Đại Thừa (Mahāyāna) được đề cập đến trong các biên niên sử Tích Lan chính là nhánh phái Vetullavāda (Phạn: Vaitulyavāda); mời đọc lại quyển Lịch Sử Phật Giáo ở Tích Lan (History of Buddhism in Ceylon) của Ngài W. Rahula, trang 87– 90. Spk-pṭ rõ ràng đang ám chỉ về "cái niềm-tin của những người đó rằng Ngài Nāgārjuna (Long Thọ) đã mang ra những kinh Prajnāpāramitā Sūtra (Bát-nhã Ba-la-mật-đa) từ hang cõi của rồng nāga"; (tức là, theo cách những nhà Đại Thừa đã nói, họ cho rằng Các Kinh Đại Thừa đã được Phật nói ra, và được cất giấu

trong hang ổ của những con rồng nāga ở miền nam Ấn Độ và chỉ sau này có những vị đệ tử siêu trí tuệ lấy ra để giảng giải và truyền dạy!).

- Năm loại "chủ-đề thảo luận" (kathāvatthu; những điểm dị biệt), được chấp nhận bởi những người theo Trưởng Lão Bộ (Theravādin), mặc dù đã không được thẩm định là phần kinh điển chính thức, (đó có thể chỉ được coi) là những chuyên-luận về mặt triết học ghi lại những ý kiến của những vị thầy nổi tiếng về những luận-điểm quan trọng của giáo thuyết.

- Spk đã mô tả rất dài về sự biến-mất của Giáo Đoàn của Phật là sự biến mất 03-phần là phần chứng-đắc, phần tu-tập, và phần pháp-học (adhigama-, paṭipatti-, pariyatti-saddhamma).] (312)

313 [Spk giải nghĩa là: ādikenā ti ādānena gahaṇena; opilavatī ti nimujjati.

Spk-pṭ là: ādānaṃ ādi, ādi eva ādikaṃ.

- Spk đã hiểu chữ ādikena có nghĩa là "nắm lấy, nắm giữ", tôi không chắc về điều này. Ở những kinh khác chữ ādikena có nghĩa là "một cái rụp, tất cả

ngay lập tức, trong một phát", nó phản nghĩa với chữ anupubbena (từ từ, dần dần). Đây rõ ràng là nghĩa của lời kinh ở đây.] (313)

314 [Nguyên văn câu này: Panca ūkkamaniyā dhammā. Spk giải nghĩa là:

ūkkamaniyā ti heṭṭhāgamanīya (dẫn dắt đi xuống). Một đoạn kinh song hành được ghi trong kinh AN 5:201 trong đó lặp lại 04 nguyên nhân đầu nhưng thay nguyên nhân thứ năm bằng (5) "sự thiếu tôn-trọng và sự tôn-kính đối với lẫn nhau".] (314)

315 [Spk: Người sống không có sự kính trọng đối với sự định-tâm (thiền định)

là người không chứng đắc 08 tầng chứng đắc thiền định (aṭṭha samāpattiyo), hay cũng không có sự nỗ-lực để chứng đắc chúng.] (315)

316 ['Lợi, danh, vinh' đã tự rõ nghĩa. Nhưng Spk chú giải như vầy: Lợi (lābha) là lợi lộc của những thứ được cúng dường (y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang); danh (sakkāra) là danh dự hy danh phận có được lợi lộc [là những thứ cúng dường] được người ta làm kỹ, làm tốt, hay làm lớn để dâng cúng; vinh (silūka) là sự tôn vinh, sự được tôn vinh (vaṇṇaghosa).]. (316)

317 [Tiếng Pāli có dùng một cách phân biệt 02 loại kumma (rùa sống dưới

nước) và kacchapa (rùa ăn cỏ sống trên bờ). Ở đây chữ kumma lf chỉ loài rù sống dưới nước, nhưng trong kinh 35:240 (Quyển 4) thì ghi cả hai chữ kumma kacchapa để chỉ loại rùa sống trên bờ, trong khi đó trong kinh 56:47 (Quyển 5) thì dùng chỉ dùng 1 chữ kacchapa để chỉ loại rùa sống dưới nước. Spk đã giải nghĩa chữ mahākummakula là = mahantaṃ aṭṭhikacchapakula, để xác nhận sự có thể dùng thay thế lẫn nhau của 02 chữ này.] (317)

318 [Chữ gốc là papatā.] (218)

319 [Mặc dù tất cả 03 phiên bản đều ghi là giddho papatāya, nhưng có lẽ

chúng ta nên đọc là viddho papatāya, như đã được đề nghị trong một ghi chú trong Be.] (319)

320 [“Trong khi người đó chưa đạt tới lý-tưởng của tâm (appattamā nasa):

nghĩa là chưa đạt tới thánh quả A-la-hán.] (320)

396 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 2

321 [Be và Se ghi câu này là: Kaṃ bhikkhave diddhagatena visallena sallena

vijjhatu? Cách ghi của Ee là không thỏa đáng.] (321)

322 [Bệnh ghẻ lở: ukkaṇṭaka [ghi trong Be và Se; Ee ghi là: ukkaṇṇaka] (322)

323 [Chữ gốc: verambhavātā (cuồng phong).] (323)

324 [[Đoạn thi kệ này và đoạn thi kệ tiếp theo cũng có ở Th 1011–12 và It

74,22–75,3. Ở đây tôi đọc theo Be và Se là appamāṇavihārino, khác với Ee ghi là appamādavihārino. Tuy nhiên, cách ghi của Ee được thấy có ghi trong cả 03 phiên bản của Th 1011d; còn cách ghi trong It 74,25 thì nửa này nửa nọ. Spk ủng hộ chữ đầu chữ appamāṇa- và giải nghĩa là appamāṇena phalasamādhinā viharantassa (khi người đó đang an trú trong sự định-tâm quả vô lượng). Th-a không luận giải gì về đoạn thi kệ này trong Th 1011, và chú giải trong It-a thì đọc là appamāda- trong phiên bản Be và appamāṇa- trong Se.] (324)

325 [Chúng ta nên đọc đoạn thi kệ sau theo Se ghi là sukhumadiṭṭhivipassakaṃ, khác với Be và Ee ghi là sukhumaṃ diṭṭhivipassakaṃ trong Be và Ee. Cách ghi đầu cũng ghi trong Th 1012b và It 75,1. Spk giải thích: Nó là sự-thấy vi tế bởi vì [nó được đạt] thông qua sự- thấy của thánh đạo A-la-hán, và người đó là người minh-sát nhìn-thấy (vipassaka) bởi người đó đã đạt tới đó sau khi đã thiết lập sự minh-sát vì mục đích dẫn tới sự chứng đắc thánh quả. Vui thích sự phá bỏ sự dính-chấp: là vui thích với Niết-bàn, được gọi là sự tiêu diệt sự dính-chấp (diệt thủ).] (325)

326 [Chữ suvaṇṇanikkha và sioginikkha có lẽ là 02 loại tiền vàng khác nhau:

cái sau lớn hơn cái trước hoặc được làm từ loại vàng đặc biệt hơn.] (326)

327 [Chữ gốc: Janapadakalyāṇī (người phụ nữ đẹp nhất xứ). Coi them ccs

kinh 17:22 bên dưới và 47:20 (Quyển 4), và ví dụ nổi tiếng trong kinh MN 79, mục 10.] (327)

328 [Gia chủ Citta là đệ tử tại gia nam đệ nhất về ‘thuyết-pháp’; và gia chủ

Hatthaka của xứ Āḷavaka là đệ tử tại gia nam đệ nhất về ‘có tài vận-dụng bốn phương tiện hấp dẫn và duy trì mối quan hệ với người khác’. Về 02 người này, mời coi lại kinh AN 250 và 251, và các chú thích ở đó.] (328)

329 [Khujjuttarā là nữ đệ tử tại gia đệ nhất ‘đa-văn học rộng’; và Veḷukaṇḍakiyā là nữ đệ tử tại gia đệ nhất về “tu-thiền”. Về 2 người này, mời coi lại kinh AN 1:260 và 262, và các chú thích ở đó.

- Khemā là Tỳ kheo ni đệ nhất về ‘trí-tuệ’; và Uppalavaṇṇā là Tỳ kheo ni đệ nhất về ‘thần-thông’. Tỳ kheo ni Uppalavaṇṇā đã xuất hiện trong kinh SN 5:05, và Khemā đã thuyết pháp trong kinh SN 44:01. Về 2 thánh ni này, mời coi lại kinh AN1: 236 và 237, và các chú thích ở đó] (329)

330 [Coi lại chú thích số 249 ở kinh 12:31 ở trên.] (330)

331 [Họ không hiểu được điều này theo cách của Diệu Đế 2 (nguồn gốc); và sự chấm-dứt và con-đường nên được hiểu theo cách của Diệu Đế 3 (sự chấmdứt), và của Diệu Đế 4 (Đạo).] (331)

332 [Spk: “những trạng thái an trú lạc trú” tức là trạng thái tầng thiền định.

Spk diễn dịch và giải thích: ví dụ như có những bậc A-la-hán nhận đồ cúng dường của thí chủ, phải lo cảm ơn và chỉ dạy Giáo Pháp cho họ, không còn thời gian để an trú lạc trú trong các tầng thiền định.] (332)

333 [03 gốc rễ thiện là vô tham, vô sân, vô si.] (333)

334 [Kinh này và kinh kế tiếp cũng có trong Vin II 187–88 theo thứ tự ngược

lại, không có luận giảng về ‘lợi, vinh, danh’, và có phần thi kệ ở cuối. Kinh này và thi kệ giống hệt kinh AN 4:68.] (334)

335 [Nguyên văn là: Pittaṃ bhindeyyuṃ. Sự dịch của tôi dựa theo chú giải của

Spk là: “Họ ném (pakhippeyyuṃ) mật gấu hay mật cá trên mũi của nó.”] (335)

336 [Spk đã diễn dịch như kiểu mỗi người thân được nói ra đang bị bắt giữ bởi

băng côn đồ và chúng ép người đó phải nói dối thì họ mới thả người thân cuả người đó ra …] (336)

337 [Rāhula là con trai của Phật. Thầy ấy trở thành sa-di (sāmaṇera) năm bảy

tuổi, được thụ giới trong lần đầu tiên Đức Phật về thăm quê và kinh thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) sau khi giác-ngộ. Những kinh khác nói về thầy ấy

là: MN 61, MN 62, và MN 147 [MN 147 tương đương kinh SN 35:121] và Sn II, 11 (trang 58–59).] (337)

338 [Spk giải thích 03 “sự nắm chặt” (gāha) của “cái ‘của-ta’, cái ‘ta’, và ‘bản

ngã của ta’ một cách y hệt như chú thích 155 của kinh 12:61, đoạn (2). Nó coi sự chán-bỏ (virāga) là chỉ 04 thánh đạo, sự giải-thoát (vimutti) là bốn thánh quả 04 thánh quả. Spk không chú giải về chữ nibbindati (nếm trải sự ghê-sợ” nhưng những luận

giảng khăng khăng xác định danh từ nibbidā là sự-biết minh sát [coi chú thích 69 trong kinh 12:23]. (338)

339 [Đối với 04 yếu-tố tứ đại của phần sắc-uẩn (cattāro mahābhūtā) các kinh

có lúc thêm yếu tố không-gian (ākāsadhātu)—[mà theo các luận giảng] nó đại diện cho thể-sắc phái sinh (upādāya rūpa)—và yếu-tố thức (vinñāṇadhātu), nó đại diện cho toàn bộ phần thuộc tâm của sự trải nghiệm. Về chi tiết phân tích về tất cả 06 yếu-tố, mời coi thêm kinh MN 28.] (339)

340 [Spk: (i) Đối với thân có-thức này (imasmiṃ savinnāṇake kāye): thầy ấy

chỉ cái thân có-thức của mình. (ii) Và đối với tất cả dấu-hiệu bên ngoài (bahiddhā ca sabbanimittesu): là cái thân có-thức của những người khác và những đối-tượng vô tri (không hữu tình). Hoặc giải thích theo cách khác: (i) là thầy ấy chỉ cái cơ-chế hữu tình của mình và co-chế hữu tình của những người khác [Se ghi là attano ca parassa ca savinñāṇakam eva); còn (ii) thể- sắc ở bên ngoài không có dính líu với các căn cảm-nhận hay giác-quan (bahiddhā anindriyabaddharūpaṃ). (iii) (cụm chữ kép) ahaṇkāramamaṇkāramā nānusayā được giải quyết như vầy: sự tạo-nên cái 'ta' (ahaṇkāra), sự tạo-nên cái 'của-ta' (mamaṇkāra), và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta (mānānusayā, tùy-miên ngã mạn). [Lời kinh cũng được ghi giống trong Be và Se, nhưng nếu, vì hình như là, sự kết thúc số nhiều xuất phát từ chữ kép asamāhāra, sau khi giải quyết thành phần cuối cùng phải là chữ mānānusayo.) "Sự tạo-nên cái 'ta'" được coi là chức năng của cách-nhìn sai lạc (tà kiến: ngã kiến, quan-điểm có cái 'ta', có 'bản ngã'), "sự tạo-nên cái 'của-ta'" có chức năng của dục-vọng. Còn gốc rễ 'tự-ta' (ngã mạn) là tự đại cái "ta-là" (asmimāna), do vậy sự tự-đại này cũng chịu trách nhiệm cho cái "sự tạo-nên cái 'ta'".] (340)

341 [Cách phân loại này theo 11 tính chất của mỗi uẩn thuộc năm-uẩn cũng

được ghi rõ trong Vibh 1–12.] (341)

342 [Spk: "đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi (vidhā samatikkantaṃ): nghĩa là

tâm đã vượt lên những loại tính tự-ta (ngã mạn) khác nhau; "được bình-an (santaṃ): là nhờ sự lặn mất của những ô-nhiễm; và "được giải-thoát một cách khéo léo" (suvimuttaṃ): là được giải thoát hoàn toàn khỏi mọi ô-nhiễm.] (342)

343 [Loạt những bài kinh trong Chương (liên-kết, tương ưng) này cũng có ghi

trong Luật Tạng Vin III 104–8. Spk: Thầy Lakkhaṇa, là một vị đại đệ tử, đã từng là một trong một ngàn khổ sĩ thờ thần lửa đã thụ nhận đại thọ giới [coi Vin I 32-34]. Thầy đã chứng A-la-hán vào thời lúc cuối Kinh Lửa Phật đx nói cho một ngàn khổ sĩ đó [như kinh 35:28 (Quyển 4). Vì thầy ấy có được một thân thể 'như-trời Brahmā' được phú cho những tướng nét phúc lành (lakkhaṇasampanna), hoàn hảo về mọi mặt, nên thầy ấy được gọi là "Lakkhaṇa".] (343)

344 [Spk diễn dịch như vầy: Lý do thầy Mục-kiền-liên cười sẽ được nói ra

ngay bên dưới, rằng do những chúng sinh đang bị quả báo từ những nghiệp ác họ đã làm trong quá khứ. Nhưng thay vì có lòng bi-mẫn cho họ, tại sao thầy Mục-kiền-liên lại cười? Bởi vì thầy ấy hồi nhớ lại sự thành công của chính mình trong việc đạt được sự giải thoát khỏi những dạng tái-sinh đó và sự thành công của Phật-trí; bởi vì những vị Phật chỉ dạy những điều đó thông qua sự nhận-biết trực tiếp của mình (paccakkhaṃ katvā) và đã thâm nhập thấu suốt yếu-tố những hiện-tượng (pháp xứ) (suppaṭividdhā buddhānaṃ dhammadhātu). (?!)] (344)

345 [Ở đây tôi dịch theo Be ghi là: vitudenti vitacchenti virājenti. Se chỉ ghi

vitudanti, còn Ee ghi là vitacchenti vibhajenti. Spk chỉ bình luận về chữ vitudenti: “Chúng … cắn mổ (bộ xương đó) liên tục liên tục bằng cái mỏ bằng kim loại của chúng sắc bén như lưỡi kiếm.” Theo Spk giải nghĩa: kền kền, quạ, diều hâu ở đây thực ra là ba loại quỷ dạ-xoa (yakkha) [như yakkhagijjhā, yakkhakākā, yakkhakulalā]; bởi vì loại thân sắc này (bộ xương bay) là không thể nào nằm trong tầm nhìn của những con kền kền, quạ, diều hâu bình thường được.] (345)

346 [Nguyên văn cả câu cuối: Evarūpo pi nāma satto bhavissati evarūpo pi

nāma yakkho bhavissati evarūpo pi nāma attabhāvapaṭilābho bhavissati. Spk giải thích: Khi nói ra điều này Ngài Mục-kiền-liên đã cho thấy “cảm- nhận về sự cấp-bách” của thầy ấy trong Giáo Pháp, khởi sinh vì lòng bi-mẫn đối với những chúng sinh như vậy. Cụm chữ attabhāvapaṭilābho, nghĩa theo chữ là “sự thu-nạp bản ngã” (ngã sanh y) được dùng một cách thành ngữ để hàm chỉ một dạng cụ thể của một danh-tính cá thể. Chữ attabhāva nhiều lúc được dùng với nghĩa hạn chế để chỉ riêng về phần thân thể mà thôi, ví dụ trong kinh Ud 54,17–19.] (346)

347 [Spk: Do quả báo của nghiệp (ác) đó vẫn còn sót lại (tass’ eva kammassa

vipākāvasesena): nghĩa là, “nghiệp” đã được nếm trải trong những kiếp sau đó (aparāpariyakamma) vốn đã được tích lũy bởi nhiều sự cố-ý (tư) khác nhau. Vì sự tái-sinh trong địa ngục được tạo ra bởi một sự cố-ý nào đó, và khi quả báo của nó đã hết thì sự tái-sinh sẽ được tạo ra trong cảnh giới ngạ-quỷ, súc-sinh … có đối-tượng của nó là “phần sót lại của nghiệp” đó, hoặc là dấu- hiệu (hình tướng) của nghiệp đó [coi thêm CMA 5:35–38]. Bởi vậy, sự tái- sinh xảy ra thông qua sự ứng báo của nghiệp, hay sự ứng báo của đối-tượng (kammasabhāgatāya ārammaṇasabhāgatāya vā), đó được gọi là “quả báo còn sót lại của cùng nghiệp đó”. Điều này được cho là, vào lúc người đó ‘qua đời’ hay ‘kết kiếp’ ở địa-ngục, một đống những con bò không-thịt trở thành dấu-hiệu [chẳng hạn: đó là đối-tượng của tiến trình thức cuối cùng, rồi nó trở thành đối-tượng của thức tái-sinh]. Như vậy ‘người đó’ trở thành ‘hồn-ma’ (ngạ-quỷ) [trong hình dạng của] một bộ xương, cứ như để thể hiện cái ‘nghiệp ẩn khuất’ đó ra cho bậc trí-ngộ (như Ngài Mục-kiền-liên) nhìn thấy được.] (347)

348 [Spk giải thích: Người này đã từng làm nghề lò-mổ suốt nhiều năm giết

thịt gia súc, là người mổ, cắt, lóc, xẻ thịt, ướp gia vị, phơi khô, và bán thịt khô. Khi người này 'hết kiếp' ở địa-ngục, một miếng thịt trở thành dấu-hiệu và người này trở thành một 'hồn-ma' (trong hình dạng) một miếng thịt.] (348)

349 [Spk: Người này từng là đồ tể đã dùng nhiều nhục hình để tra tấn nhiều

người phạm tội và sau đó dùng cung bắn tử hình họ. Sau khi 'hết kiếp' ở địa- ngục, người đó tiếp tục bi tái sinh theo quả báo còn sót lại của nghiệp cũ và

trạng thái bị bắn bởi mũi tên trở thành dấu-hiệu (hình tướng), và do vậy người này trở thành ngạ-quỷ với thân có lông làm bằng (vô số) mũi tên (như đã dùng để bắn giết người ta trước kia).] (349)

350 [Trong Be và Se, kinh này và kinh kế dưới được đặt tên là kinh Sūciloma

và kinh Dutiya-sūciloma (Sūciloma thứ hai), còn trong Ee thì chúng lần lượt có tên là kinh Sūci-sārathi và kinh Sūcako. Trong Be và Se, 'hồn-ma' (ngạ quỷ) bị đày đọa được nói trong kinh này được cho đã từng là một sūta, mà Spk giải nghĩa là assadamaka (một người huấn luyện ngựa), còn trong Ee thì cho rằng hồn ma đó từng là một sūcaka. Trong cả 03 phiên bản, 'hồn-ma' trong kinh sau được cho là một sūcaka, mà Spk giải nghĩa là pesunnakāraka (người vu khống). Ở đây tôi dịch theo theo Be và Se về cả hai thứ là tên các kinh và 'loại người' trước kia của hai 'hồn-ma' bị đày đọa này.] (350)

351 [Spk: Người này là một người vu khống vu oan người khác, gây chia rẽ

người khác, và nói lời ám chỉ, chỉ chọt, giả như thật... để làm tan vỡ và làm khổ sở người khác. Do vậy, những người bị chia rẽ do những lời ám chỉ đâm chọt của ông ta (tena sūcetvā manussā bhinnā), họ nếm trải sự khổ đau như bị kim đâm (sūcīhi bhedanadukkhaṃ paccanubhotuṃ), người đó nhận lãnh nghiệp đó là dấu-hiệu nên trở thành 'hồn-ma' có lông bằng kim (sūcilomapeta). Chữ Pāli sūci là kim, và động từ sūceti là ám chỉ, chỉ chọt.] (351)

352 [Quan tòa tham nhũng: nguyên văn danh từ chỉ người này là gāmakūṭa,

nghĩa gốc là "kẻ lừa đảo trong làng". Spk giải thích đại ý là: người này nhận tiền hối lộ, làm sai lệch những vụ án và những bản án, xử oan của người này thành của người khác. Ông ta làm ngang nhiên như không che dấu bộ phận nào của thân mình. Do ông ta đã gây ra những gánh nặng không thể gánh nổi cho những người khác bằng cách phán quyết những hình phạt khắc nghiệt, nên quả báo là những bộ phận của thân ông trở thành gánh nặng không thể gánh nổi đối với ông ...] (352)

353 [Spk giải nghĩa dài ... nhưng nghĩa lời kinh đã rõ.] (353)

354 [Tôi đọc chữ đầu của câu này theo cách ghi của Se và SS là ato, khác với

cách ghi của Be và Ee là aho.] (354)

355 [Spk giải nghĩa dài … nhưng nghĩa lời kinh đã rõ.] (355)

356 [Nguyên văn chữ này: maogulitthi. Spk giải nghĩa là: maogulin ti virūpaṃ

duddasikaṃ bībhacchaṃ. Kiếp trước cô ta đã lừa gạt nhiều người, nhận đồ cúng như dầu thơm và bông hoa, nói rằng họ sẽ được giàu có nếu làm theo những lễ nghi này nọ. Cô ta làm cho số đông chấp nhận những cách-nhìn xấu, cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Do vậy bản thân cô ta trở thành người hôi thối đổi lại cho dầu thơm đã lừa nhận, và trở thành xấu xí do khiến họ chấp nhập những cách-nhìn xấu tệ như vậy.] (356)

357 [Spk giải nghĩa dài … nhưng nghĩa lời kinh đã rõ.] (357)

358 [Spk giải thích: trước kia trong khi hưởng dụng bốn thứ cúng dường (y-

phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang) được chu cấp bởi những người tại gia vì niềm-tin (vào Tam Bảo), nhưng người đó không kiềm chế về thân nghiệp và ngữ nghiệp, và sa đọa trong những cách mưu-sinh, chỉ lo lêu lổng sung sướng. Cách giải thích tương tự cho những trường hợp còn lại bên dưới.] (358)

359 [Ví dụ căn nhà mái nhọn (mái chóp) là có khá nhiều trong các bộ kinh

Nikāya, trong bộ kinh SN này cũng được dùng lại trong các kinh 22:102 (Quyển 3), 45:141, 46:7, 48:52 (Quyển 5). Spk giải nghĩa chữ “chuyên-chú” là = thường trực trói kết trong sự chánh-niệm (appamattā ti satiyā avippavāse ṭhitā hutvā).] (359)

360 [Về chủ đề này, mời coi thêm chi tiết ở các kinh SN 56:102131 (Quyển

5). Spk diễn dịch rằng “những thiên-thần” cũng nằm chung với nhóm “loài người” nên lời kinh có thể hiểu là chỉ có số ít được tái sinh trong số loài người và những thiên-thần] (360)

361 [Ví dụ này cũng có ghi trong Luật Tạng Vin II 256,16–18 và AN 5:77

nhưng để dùng cho cách dụng khác. Chữ amanussa nghĩa chữ: loài phi nhân, dùng để chỉ những quỷ dữ hung bạo.] (361)

[Be và Se ghi là: ūkkhāsataṃ; Ee ghi là: ukkhāsataṃ. Spk giải nghĩa là: = 362

mahāmukhaukkhalīnaṃ sataṃ. Spk-pṭ: = mahāmukhānaṃ mahantakūḷumbānaṃ sataṃ. Đây đề cập tới nững nồi lớn dùng để nấu nhiều

cơm. Kinh AN 9:20 cũng đề cao sự tu tập “tâm-từ” nhưng sau mỗi đoạn đó đều nói thêm rằng việc tu tập “sự nhận-thức về sự vô-thường” thậm chí trong một thời gian bằng cái búng ngón tay còn có nhiều phước quả hơn sự tu tập tâm-từ.] (362)

363 [Spk giải thích dài về các động từ này … nhưng lời kinh đã tự rõ nghĩa.]

(365)

364 [Spk giải thích dài về các động từ này … nhưng lời kinh đã tự rõ nghĩa.]

(364)

365 [(Ở đây, Spk đã giải thích những chữ mô tả phẩm chất của 04 cung thủ một cách gần như tương tự như chú giải của luận giảng Mp trong kinh AN 9:36, sẵn trích dẫn luôn như vầy: [Ở đây, Mp nói rằng: "Cung thủ dùng cung cứng chắc (daḷhadhammā dhanuggaho): là một cung thủ cầm một loại cung cứng chắc. Một 'cung cứng chắc' (daḷhadhanu) được gọi là 'sức mạnh của hai-ngàn' (dvisahassathāmaṃ) [Sức mạnh hai-ngàn có nghĩa là một khối lượng kim loại, như đồng hay chì... được dùng làm đầu mũi tên...]. Được thao luyện (sikkhito) nghĩa là: họ đã ở trong họ tộc của vị cung sư 10-12 năm để học kỹ năng bắn. Thiện thạo (katahattho) nghĩa là: người đã được thao luyện, đã học kỹ năng bắn chưa chắc đã thiện thạo; họ thiện thạo là khi họ đã đạt tới sự làm-chủ (nắm vững, điều khiển) nó. Đầy kinh nghiệm (katūpāsano) nghĩa là: họ đã từng biểu diễn thi đấu bắn cung ở nhiều hội thao, trường bắn của vua chúa, triều đình.] (725).).] (365)

366 [Āyusaṅkhāraṃ ossaji: sự tạo-tác sự sống, hành sinh-mạng. Spk nói: Câu

này được cho là nói tới tới căn mạng-sống của thân (rūpajīvitindriya); vì cái này chấm dứt còn nhanh hơn những tốc độ đó; (ý nghĩa giống câu "Mạng người trong một hơi thở". Nhưng không thể nào mô tả sự tan-rã của những hiện-tượng vô-sắc [như: những trạng thái thuộc tâm, bởi vì theo Vi Diệu Pháp thì chúng tan rã nhanh gấp 16 lần so với những hiện-tượng vật chất (sắc giới).] (366)

- (Về sự tạo-tác sự sống (hành sinh-mạng), mời coi thêm những chú thích ở kinh AN 8:70, chú thích 171, số (1790), và chú thích ở kinh SN 51:10 (Quyển 5), chú thích số (254).)

367 [Spk chú giải: Những người Dasāraha ở đây là họ tộc giai cấp chiến sĩ,

họ được gọi tên như vậy vì họ lấy 'phần thứ mười' trong 100 (satato dasabhāgaṃ gaṇhiṃsu—[câu chú giải này không rõ nghĩa]). Người triệu tập (ānaka) là tên cái trống, được làm từ càng của một con cua vĩ đại. Nó phát ra tiếng trống có thể được nghe từ khoảng cách 12 do-tuần, do vậy nó được dùng để triệu tập dân chúng trong những ngày lễ hội.] (367)

368 [Spk: Sâu sắc (gambhīra) theo cách của lời kinh (pāḷivasena), giống như

kinh Salla Sutta (có ghi trong Sn III, 8; phiên bản Se ghi là: Sallekha Sutta = MN 8]; sâu sắc về ý nghĩa (gambhīrattha), giống như trong kinh Mahāvedalla Sutta (MN 43); siêu thế (lūkuttara) tức chỉ cái mục-tiêu xuất thế gian; liên hệ đến hay nói về tánh-không (sunnatā-paṭisaṃyutta) là giảng giải rằng những hiện-tượng là không có sự một chúng-sinh (sattasunnata- dhammamattam eva pakāsakā), [có thể giống như những kinh trong chương (tương ưng, liên-kết) Saṅkhitta-saṃyutta của bộ kinh SN này (?)].

Đoạn này cũng được lặp lại trong kinh 55:53 (Quyển 5), khi luận giải về nó Spk đã nói rằng đoạn kinh mẫu này có lúc được ghi khác nhau do với ở đây. Coi (cuối) chú thích 366 ở Quyển 5.] (368)

369 [Spk đã giải nghĩa câu này là: sāvakabhāsitā as tesaṃ tesaṃ sāvakehi

bhāsitā, chỉ về những người ngoài đạo (bāhiraka). Còn Spk-pṭ thì làm rõ: “Bởi những đệ tử của những số đó là những người được biết không phải là đệ tử của Phật.”] (369)

370 [“Khối gỗ hay gỗ súc” là kaliogara. Spk: Thời đầu Phật còn sống những

Tỳ kheo ngồi-thiền từ lúc sau khi họ ăn trưa xong cho đến hết canh một của đêm. Họ ngủ canh giữa (canh hai), với đầu dối trên miếng gỗ [kaṭṭhakaṇḍa là chữ giải nghĩa = kaliogara]; rồi họ thức dậy và tiếp tục đi-thiền. Tình trạng củ kinh này giống trong những kinh “những sự sợ-hãi về tương lai”, AN III 105–10 (?).] (370)

371 [Ví dụ con voi này cũng có ghi trong Luật Tạng Vin II 120, được dùng khi

đề cập với Đề-bà-đạt-đa.] (371)

Chú Thích • 405

372 [Nguyên văn cụm chữ này: pasannākāraṃ karonti. Spk: tức là họ cúng

dường 04 thứ thiết yếu (y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang). Coi thêm chú thích 275 ở trên.] (372)

373 [Sự nguy-hại chỗ này có thể được giải thích bằng kinh kế tiếp.] (373)

374 [Nguyên văn cụm chữ này: sandhisamalasaṅkaṭīre. Spk giải thích nghĩa

từng chữ … nhưng lời kinh đã tự rõ nghĩa.] (374)

375 [Nguyên văn câu này: Annataraṃ saṅkiliṭṭhaṃ āpattiṃ āpajjati yathārūpāya āpattiyā vuṭṭhānaṃ pannāyati. Một tội được gây ra bởi một ô- nhiễm [trong trường hợp này là nhục-dục] nhưng thuộc loại (tội nặng có thể khôi phục được) có thể được xóa tội sau thời gian chịu hình phạt thích hợp [ngược lại với tội thuộc loại tội pārājikā là không cho phép chịu phạt hay xám hối hay tu chỉnh mà sẽ bị trục xuất vĩnh viễn khỏi Tăng Đoàn (tội nặng nghiêm trọng không thể khôi phục được)]. (375)

376 [Coi thêm kinh SN 17:08. Spk: ‘người nào đó’ ở đây là chỉ Đề-bà-đạt-đa

(Devadatta); ý nói, ‘thầy ấy’ nên chấp nhận làm một đệ tử của Phật hơn là cứ tự tung tự tác (trong Tăng đoàn) như con chó bị mắc bệnh ở trên. ‘Đi theo người con của dân tộc Thích-ca’ (Sakyaputtiya): chính là đi theo Đức Phật; coi thêm kinh SN 55:07. ‘Tu sĩ đi theo người con của dân tộc Thích-ca’: (samaṇa sakyaputtiya); coi thêm kinh SN 28:10, SN 42:10.] (376)

377[Spk: (như kinh trên) ‘người nào đó’ ở đây là chỉ Đề-bà-đạt-đa (Devadatta); (nghĩa là: ngay cả lúc nói mình là đệ tử của Phật mà trong lòng cũng không có chút sự biết ơn nào).] (377)

378 [Kolita tên gọi của Ngài Mục-kiền-liên; Mục-kiền-liên (Moggallāna) là

họ. Bài kinh này gần như giống hệt kinh SN 40:02, chỉ khác ở chỗ kinh này nói về ‘sự im lặng thánh thiện’, kinh sau thay bằng chữ ‘tầng thiền định thứ hai’. Spk: nói rõ rằng

kinh này nói lại tuần lễ thầy Mục-kiền-liên đang nỗ lực tu để chứng thánh quả A-la-hán.] (378)

379 [Spk giải thích tầng thiền định thứ hai được gọi tên là 'sự im lặng thánh thiện' (ariya tuṇhībhāva) bởi vì trong trạng thái đó ý-nghĩ (tầm, vitakka) và sự soi-xét (tứ, vicārā) chấm dứt, và với sự chấm-dứt đó lời-nói không thể xảy

ra. Trong kinh SN 41:06 (Quyển 4) tầm và tứ được gọi là sự tạo-tác lời-nói (vacīsaṇkhāra, khẩu hành, ngữ hành), chúng là những yếu-tố của tâm chịu trách nhiệm phát ra lời-nói. Nhưng, Spk nói thêm, khi Phật nói khi các Tỳ kheo gặp gỡ nhau họ nên "nói về Giáo Pháp hoặc giữ sự im lặng thánh thiện", thì cả sự chú-tâm (tác ý) tới một đối-tượng thiền cũng được coi là "sự im lặng thánh thiện".] (379)

380 [Spk giải thích: Câu này được nói ra vì hoàn cảnh là: qua 07 ngày vị Sư

Thầy (Phật) đã giúp thầy Mục-kiền-liên tu tập sự định-tâm vào những lúc sự định-tâm bị sa sút (hānabhāgiya), sự trợ giúp đó đã dẫn dắt thầy ấy đến "sự lớn lao của trí-biết trực tiếp" (mahābhinnatā), tức dẫn tới 06 loại trí-biết trực tiếp.] (380)

381 [Upatissa là tên gọi của Ngài Xá-lợi-phất; Xá-lợi-phất là họ.] (381)

382 [Chỗ này Ee chỉ ghi āvuso (đạo hữu), còn Be và Se thì ghi đầy đủ āvuso

Sāriputta (đạo hữu Xá-lợi-phất).] (382)

383 [Spk giải thích: Từ lâu (hay đã lâu, trong một thời gian lâu): ý thầy Mục-

kiền-liên nói đã lâu kể từ lúc khi Phật đang dạy cho du sĩ Dīghanakha (cháu cậu của thầy Xá-lợi-phất) bài thuyết giảng về "Sự Nhận Biết Những Cảm- Giác" ở chỗ (được gọi là) Hang Heo Rừng. Vì chính vào ngày đó (sau khi thầy Xá-lợi-phất đứng gần nghe và tự chứng ngộ) những ô-nhiễm cố hữu của vòng luân-hồi (sinh tử) đã được bứng bỏ bên trong thầy Xá-lợi-phất. Quý vị có thể coi lại chú thích ở kinh SN 12:32 ở trên, chú thích số {97}.] (383)

384 [Spk giải thích: Sự an trú được gọi là thô tế là dựa theo đối-tượng của nó.

Vì thầy Mục-kiền-liên đã an trú trong sự thực tập yếu-tố (thần thông) mắt thiên-thánh (thiên nhãn thông) và tai thiên-thánh (thiên nhĩ thông), sự thực tập này có những đối-tượng là thô tế, như là, cơ sở (xứ) âm-thanh và cơ sở hình-sắc.] (384)

385 [Tôi dịch thành ngữ Pāli này một chút thoát hơn để đưa ra ý nghĩa của nó.

Cách dịch cũng dựa theo sự diễn dịch của Spk như vầy: "Vị trưởng lão thắc mắc 'Đức Thế Tôn hiện đang ở đâu?' Sau khi phóng đại ánh sáng, bằng mắt thiên thánh (thiên nhãn thông) thầy ấy nhìn thấy Phật đang ngồi trong Hương Cốc trong Khu Vườn Jeta; rồi thầy ấy nghe giọng nói của Phật bằng yếu tố tai

thiên thánh (thiên nhĩ thông). Vị Thầy cũng làm vậy, và do vậy họ có thể nhìn thấy nhau và nghe giọng nói của nhau.”] (385)

386 [Mẫu lời kinh ‘quyết tâm’ này cũng có trong kinh SN 12:22.] (386)

387 [Spk giải nghĩa chữ kappa ở đây là một kiếp người (āyukappa) đại thọ,

tức 120 năm. Tuy nhiên lời kinh hình như có nghĩa là một kiếp vũ trụ, tức một đại-kiếp, khoảng thời gian dài cho một hệ thế giới tiến hóa và hủy hoại. Mời quý vị coi thêm kinh 51:10 (Quyển 5) và chú thích của nó chi tiết hơn về chữ này, chú thích số {249}.] (387)

388 [Chữ con rồng (nāga) được dùng ở đây với nghĩa là bậc A-la-hán.] (388)

389 [“Đã chinh phục Ma-vương và yên cương của hắn” (Jetvā Māraṃ savāhanaṃ). Spk không bình luận về chữ “yên cương” là gì, nhưng những luận giảng khác giải thích đó là (i) con voi Girimekha [như Pj II 392,3; Sn 442] hay là (ii) đội quân của Ma-vương. Trong chuyện Tiền Thân của Phật, Ja Ī 72, thấy Ma-vương đang cưỡi con voi Girimekha của hắn trước lúc tấn công vị Phật sắp thành dưới Cây Bồ-Đề.] (389)

390 [Tên Lakuṇṭaka Bhaddiya có nghĩa là “Chú lùn Bhaddiya”. Phần lời kinh

chính cũng có ở kinh Ud 76; coi thêm kinh Ud 74,20–75,6. Spk lưu ý có “nhóm sáu Tỳ kheo” (chabbhagiyā bhikkhū, là những người tich nghịch gây rối trong Tăng đoàn thường được nói đến trong Luật Tạng) thường xuyên trêu chọc vị thầy này. Sự hình dạng xấu xí của thầy Bhaddiya, theo Spk, là nghiệp quả của hành-vi trong kiếp trước của mình là một vị vua những luôn quấy rối và làm khó những người già. Mặc dù thân hình xấu xí nhưng thầy có giọng nói rất dễ mến, đó là nghiệp quả từ một kiếp khác trước khi đó là một con chim cuốc đã cúng dường một trái xoài chín ngọt cho Đức Phật Vipassī trong quá khứ. Phật (Thích-Ca) đã tuyên bố thầy ấy là đệ nhất có giọng nói hay ngọt ngào (manjussara), [coi kinh AN 1:194]. Những thi kệ của thầy ấy là Th 466–72, không gồm phần thi kệ trong kinh này.] (390)

391 [Những thi kệ của vị Tỳ kheo này là Th 209–10. Sự mô tả về lời thuyết

giảng của thầy cũng giống như lời mô tả về sự thuyết giảng của thầy Xá-lợi- phất trong kinh SN 8:06 (Quyển 1). Toàn bộ kinh này cũng giống kinh AN 4:48.] (391)

392 [Câu này chúng ta nên đọc theo Be (và Ee trong kinh AN 4:48) là: nābhāsamā naṃ jānanti. Cách ghi no bhāsamānaṃ (của Ee trong kinh này) và na bhāsamānaṃ (của Se) cho ra một nghĩa trái ngược với nghĩa cần có. Bài thi kệ song hành có trong BHS là Uv 29:43–44 thì ủng hộ cách ghi của Be là nābhāsamānā jnāyante.] (392)

393 [Thầy ấy cũng là con tri của vua Tịnh Phạn (Suddhodana) và là con của dì

ruột di mẫu Kiều-đàm-di (Mahāpajāpatī Gotamī) của Đức Phật (tức thầy ấy là em cùng cha khác mẹ với Phật). Lời kinh gọi thầy bằng chữ mātucchāputta (em trai họ phía mẹ, tức con của dì ruột, mặc dù là cùng cha). Câu chuyện về thầy ấy có trong Ud 21–24 và, được lặp lại trong Dhp-a I 115–22; coi thêm BL 1:217–23.

- Spk chú giải … đại ý như là: Đây là sự thể hiện một Tỳ kheo còn đang coi trọng hình thức bề ngoài, còn dính theo dục-lạc, tiện-nghi … trái với sự hướng nội tâm, thành bần, và buông bỏ của một Tỳ kheo chân chính.] (293)

394 [Nguyên văn câu này: Annātunchena yāpentaṃ. Spk giải thích: rác (đồ ăn

thừa, thức ăn bỏ đi) có được bởi một người tìm kiếm thức ăn cao sang mỹ vị ở chỗ những gia đình giàu có quyền lực thì được gọi là đồ ăn thừa từ những người nổi tiếng (nātuncha, nghĩa gốc là: đồ ăn thừa nổi tiếng, rác được biết nhiều). Nhưng thức ăn tạp nhạp có được bằng cách đứng trước cửa nhà người ta để xin ăn thì được gọi là đồ ăn thừa của những người lạ (nghĩa gốc là: đồ ăn thừa không được biết, đồ ăn thừa không nổi tiếng).] (394)

395 [Lời kinh gọi thầy là pitucchāputta (em trai họ phía cha), tức là con trai

của cô ruột Amitā của Phật [coi thêm DPPN, s.v. Tissa Thera (14)]. (395)

396 [Spk giải thích rằng khi còn lf một sa-si, khi thấy những Tỳ kheo trưởng

lão từ nơi xa đến thăm Phật, thầy ấy chỉ ngồi yên chứ không lo kính lễ hay phục vụ (trà nước chỗ ngồi) cho họ. Tất cả là do sự tự-hào về giai cấp quý- tộc (chiến-sĩ, khattiya, sát-đế-lợi) của mình. Cho nên nhiều Tỳ kheo đã bao quanh chỉ trích thầy ấy vì thiếu lễ độ. Một biến tấu khcs về sự việc này cũng có ghi trong Dhp-a I 37–39; coi thêm BL 1:166–67.] (396)

397 [Nguyên câu này: Annataro bhikkhu theranāmako. Spk không chú giải

thêm về tên hay sự nhận diện về Tỳ kheo này.] (397)

398 [Spk giải nghĩa là: Quá khứ nên được dẹp bỏ dẹp bỏ (pahīnaṃ) bằng cách

dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với (thân) năm-uẩn của quá khứ; tương lai được từ bỏ (paṭinissaṭṭhaṃ) bằng cách từ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với năm-uẩn của tương lai.] (398)

399 [Ba câu kệ (pāda) đầu cũng có trong kinh Sn 211, và trong kinh Pháp Cú

Dhp 353 với chút khác nhau. Spk giải thích: Người chinh phục tất cả (sabbābhibhuṃ): là người an trú sau khi đã chinh phục năm-uẩn, những cơ- sở cảm-nhận (sáu xứ), và những yếu-tố (giới), và ba (cõi) loại sự hiện-hữu. Không bị dính nhiễm (anupalittaṃ, hay không bị dính kẹt) giữa những thứ dễ dính như sự dính (lepa, chất dính) của dục-vọng và những tà-kiến. Được giải thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng (taṇhakkhaye vimuttaṃ): là được giải thoát trong Niết-bàn, Niết-bàn được gọi là sự tiêu diệt dục-vọng (ái diệt) theo cách sự giải-thoát lấy Niết-bàn/ sự ái-diệt là đối-tượng của nó.] (399)

400 [Thầy Đại Kappina là đệ nhất về khởi xướng giáo giới cho các Tỳ kheo

[bhikkhu-ovādaka; như đã được Phật tuyên bố trong kinh AN 1:231). Những thi kệ của thầy ấy là Th 547–56, và thầy ấy được Đức Phật khen ngợi trong kinh SN 54:07 (Quyển

5). Spk giải thích: Thầy Kappina trước kia từng là một vị vua cai trị ở kinh thành Kukkuṭavatī. Ngay khi nghe tin từ một nhóm thương buôn nói về "Đức Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn", nhà vua liền rời khỏi kinh thành để đi đến Sāvatthī cùng với 1.000 quan triều, với ý định xuất gia. Hoàng hậu Anojā cũng đi theo ông, đi chung với những bà vợ của những quan triều đó, họ cũng với ý định xuất gia. Đức Phật đã ra gặp cả 02 đoàn. Trước tiên Phật đã ban 'sự thụ giới Tỳ kheo' cho những người trong đoàn nam, và sau đó đã cho trưởng lão ni Uppalavaṇṇā ban 'sự thụ giới Tỳ kheo ni' cho những người trong đoàn nữ.] (400)

401 [Spk nói: Họ đã từng là hai bạn hữu đồng hành trong 500 kiếp trước.]

(401)

(a) Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, sửa lỗi, hiệu đính, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch; email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: 0909503993, hoặc thư viện chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0918735176 (sư cô Quang Kiến); 0908475521 (chú Bính).

(b) Hoặc liên hệ anh Huỳnh Văn Thịnh, email: huynhvanthinh@gmail.com, hoặc điện thoại: 0363316764.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.